

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN CÁT TIÊN

**LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ HUYỆN CÁT TIÊN
(1945 - 2015)**

NĂM 2016

Chỉ đạo biên soạn
BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY CÁT TIÊN

Ban chỉ đạo

Ngô Xuân Hiến	- TUV, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện, Trưởng ban
Nguyễn Khắc Bình	- Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy, Phó ban
Bùi Văn Hùng	- Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện, Phó ban
Nguyễn Thị Hương	- UVBTV, Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy, Phó ban trực
Trần Đình Hạnh	- UVBTV, Trưởng ban Tổ chức Huyện ủy
Phạm Tiến Lực	- UVBTV, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy
Đỗ Văn Huỳnh	- UVBTV, Trưởng ban Dân vận Huyện ủy
Nguyễn Văn Á	- UVBTV, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận TQVN huyện
Trịnh Ngọc Thanh	- UVBTV, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự huyện
Nguyễn Văn Bình	- UVBTV, Trưởng Công an huyện
Nông Văn Thành	- HUV, Phó Chủ tịch HĐND huyện
Dương Hùng Cường	- HUV, Chánh Văn phòng Huyện ủy
Bùi Văn Văn	- HUV, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện
Đinh Xuân Hưng	- Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện
Bùi Mạnh Quân	- Chi Cục trưởng Chi cục Thống kê huyện

Ban biên tập

Nguyễn Khắc Bình
Nguyễn Thị Hương
Võ Thành Bảo
Nông Văn Thành
Đào Duy Mai
Dương Hùng Cường
Nguyễn Hoàng Lịch
Nguyễn Hoàng Phúc
Nguyễn Văn Thanh
Triệu Thị Ánh Minh
Đoàn Khoa Viễn
Trịnh Quang Đạo

LỜI NÓI ĐẦU

Cát Tiên là huyện nằm về phía Tây Nam của tỉnh Lâm Đồng, cách trung tâm thành phố Đà Lạt khoảng 200 km. Có địa giới hành chính giáp với huyện Tân Phú tỉnh Đồng Nai, huyện Bù Đăng tỉnh Bình Phước, huyện Đắk R'Lấp tỉnh Đắk Nông. Sông Đồng Nai là ranh giới tự nhiên giữa huyện Cát Tiên với các tỉnh Đồng Nai, Bình Phước, Đắk Nông.

Huyện Cát Tiên thành lập trên cơ sở được tách ra từ huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng theo Quyết định số 68/HĐBT ngày 06/6/1986 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và tổ chức bộ máy đi vào hoạt động chính thức từ ngày 01/01/1987. Là huyện mới thành lập, nhưng từ những di chỉ khảo cổ được phát hiện và khai quật nhiều nơi trên địa bàn cùng với các hiện vật thu được đã minh chứng một nền văn hoá đã hình thành và phát triển lâu đời trên vùng đất Cát Tiên.

Cát Tiên là vùng đệm chiến Khu Đ anh hùng, hậu cứ của Khu 10, Khu 6, nằm trên hành lang giao liên Đông - Tây và Nam - Bắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Nhân dân các dân tộc trên địa bàn, đặc biệt là đồng bào dân tộc Mạ và Xtiêng đã trực tiếp tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu, góp phần quan trọng vào cuộc kháng chiến, giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước. Sau khi đất nước thống nhất, theo chủ trương của Đảng và Nhà nước, dân cư từ nhiều tỉnh thành trong cả nước như: Bình Định, Quảng Ngãi, Ninh Bình, Nam Định, Vĩnh Phúc, Cao Bằng Bắc Kạn...đến Cát Tiên lập nghiệp, xây dựng kinh tế mới.

Thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 28/8/2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khoá X “về tăng cường và nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam”; Chỉ thị số 27-CT/TU ngày 03/6/2003 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Lâm Đồng “về tăng cường công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng, lịch sử truyền thống cách mạng”; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Cát Tiên lần thứ VII, nhiệm kỳ 2015 - 2020; Ban Thường vụ Huyện uỷ đã chỉ đạo việc bổ sung, biên soạn Lịch sử Đảng bộ huyện Cát Tiên giai đoạn 1945 - 2015.

Cuốn sách Lịch sử Đảng bộ huyện Cát Tiên (1945 - 2015) được nghiên cứu, kế thừa những nội dung của cuốn “Truyền thống đấu tranh cách mạng và xây dựng huyện Cát Tiên (1945 - 2000)” đã xuất bản; tiếp tục bổ sung, biên soạn lịch sử 15 năm (2000 - 2015). Cuốn sách là tài liệu lịch sử có giá trị giáo dục truyền thống cách mạng, giúp cán bộ, đảng viên và nhân dân ôn lại những chặng đường lịch sử vẻ vang mà Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Cát Tiên đã đi qua, từ đó nâng cao niềm tự hào và phát huy truyền thống cách mạng của quê hương, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng; đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phấn đấu vì mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội”.

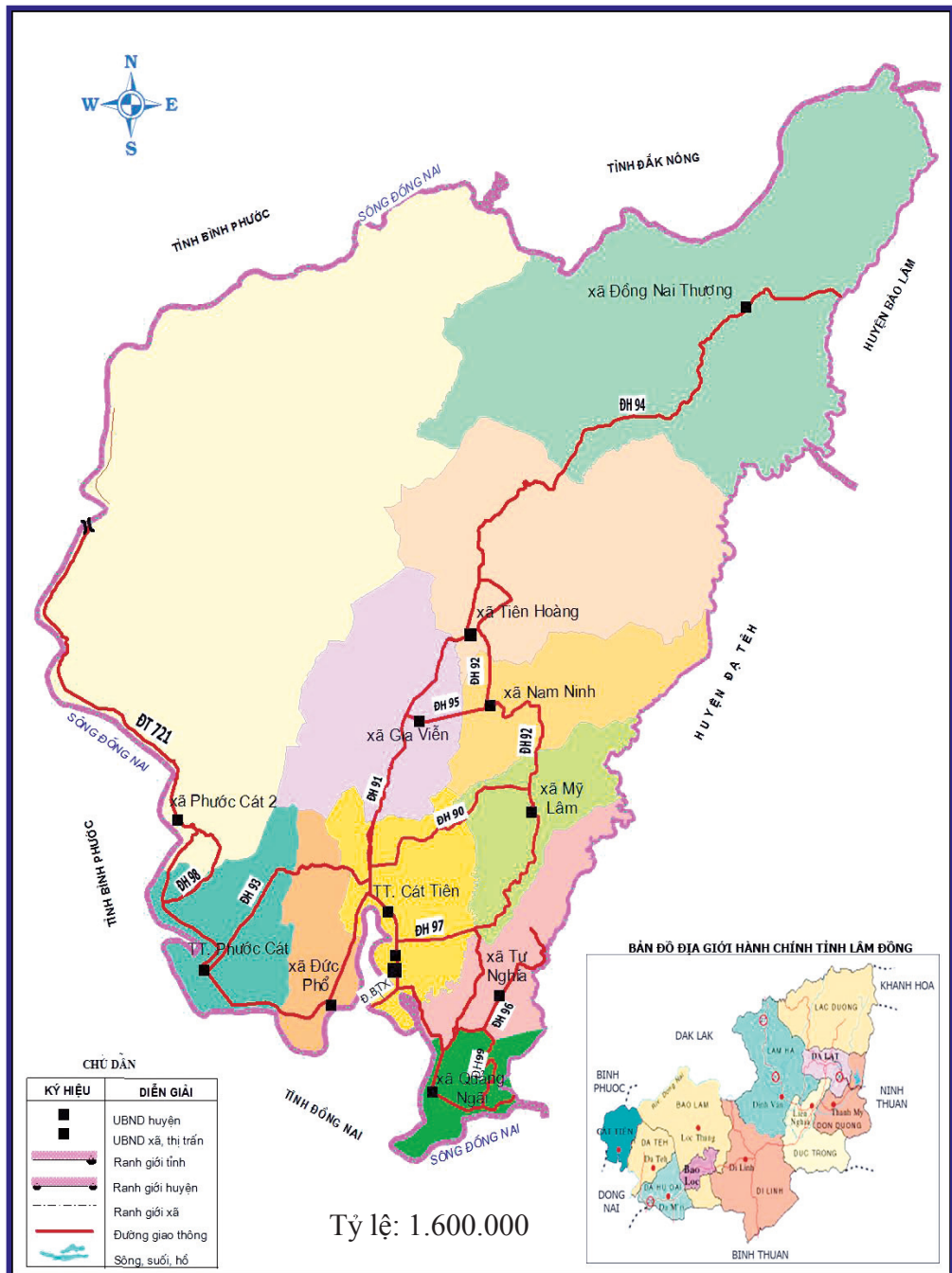
Với thời gian gần một năm để thực hiện các công việc: sưu tầm tài liệu, xây dựng đề cương, viết bản thảo, tổ chức hội thảo,.. Ban Thường vụ Huyện ủy trân trọng cảm ơn những ý kiến đóng góp có giá trị của nhiều đồng chí lãnh đạo chủ chốt của tỉnh, huyện, các nhân chứng lịch sử đã và đang công tác tại huyện Cát Tiên qua các thời kỳ; sự hỗ trợ tận tình, đầy trách nhiệm của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Lâm Đồng, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lâm Đồng, sự cộng tác của các phòng, ban chuyên môn thuộc huyện để hoàn thành cuốn sách; ghi nhận tinh thần trách nhiệm cao của Ban Chỉ đạo, Ban Biên tập và các phòng, ban liên quan, góp phần tích cực vào quá trình nghiên cứu và biên soạn cuốn sách.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong quá trình tổ chức biên soạn, song cuốn sách không thể tránh khỏi những thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của cán bộ, đảng viên và nhân dân cùng bạn đọc.

Nhân dịp kỷ niệm 30 năm ngày thành lập và phát triển (01/01/1987- 01/01/2017), Ban Thường vụ Huyện ủy trân trọng giới thiệu cuốn sách **“Lịch sử Đảng bộ huyện Cát Tiên (1945 - 2015)”** với cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện, cùng bạn đọc.

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH HUYỆN CÁT TIÊN



CHƯƠNG I

KHÁI QUÁT VỀ ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN VÀ CON NGƯỜI

Cát Tiên là huyện kinh tế mới được thành lập cuối năm 1986, nằm ở phía Nam tỉnh Lâm Đồng, có độ cao từ 300 – 400m so với mực nước biển. Phía Đông giáp huyện Đa Tẻ và huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Phía Tây giáp huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Phía Nam giáp huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Phía Bắc giáp huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

Trung tâm huyện lỵ cách thành phố Đà Lạt khoảng 200km và cách thành phố Hồ Chí Minh khoảng 190km, là huyện vùng sâu, vùng xa của Tỉnh nên còn hạn chế trong việc giao lưu kinh tế, văn hóa với nhiều khu vực trong và ngoài tỉnh.

Địa hình huyện Cát Tiên chủ yếu là dạng địa hình đồi núi thấp chuyển tiếp từ vùng cao Nam Tây Nguyên xuống vùng đồng bằng Đông Nam bộ, theo chiều thấp dần từ phía Đông Bắc và Bắc xuống phía Nam và Tây Nam. Do đó, địa hình huyện chia thành 2 vùng rõ rệt: phía Đông, Đông Bắc và Bắc của huyện là đồi núi, xen kẽ là những thung lũng là đồng bằng nhỏ và hẹp. Phía Nam là đồng bằng ô trũng, do phù sa sông Đồng Nai bồi đắp, nhiều nơi có địa hình lòng chảo nên trước đây khu vực này thường xuyên bị ngập úng.

Địa hình đồi núi cũng tạo ra nhiều hồ, đập thủy lợi nên được con người cải tạo, lưu giữ khối lượng nước khá lớn đáp ứng nhu cầu trong đời sống và sản xuất. Đồng thời thiên nhiên, cũng tạo ra một số cảnh quan đẹp như hang động Thoát Y xã Phước Cát 2, Thác Cồng trời xã Đồng Nai Thượng... có giá trị phục vụ du lịch.

Về thổ nhưỡng, Cát Tiên có 3 nhóm đất chính: Đất phù sa, đất đỏ vàng và đất dốc tụ. Đất phù sa trên địa hình bằng thấp ở

phía Nam huyện, hình thành các cánh đồng dọc sông Đồng Nai và ven các dòng suối, phù hợp cho việc trồng lúa nước, phía Bắc huyện địa hình dạng bình nguyên sơn địa phù hợp với việc phát triển các loại cây công nghiệp.

Cát Tiên nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, vùng tiếp giáp giữa nam Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, chịu sự tác động giữa vùng sinh thái của miền Đông Nam Bộ và rừng núi Nam Tây Nguyên. Trong năm, có 2 mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, chiếm 85 - 90% tổng lượng mưa cả năm; mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, lượng mưa chỉ chiếm 10 - 15% tổng lượng mưa cả năm, tháng có lượng mưa ít nhất là tháng 2 và 3. Do đó, sự chênh lệch nhiệt độ trong năm khá cao: lúc cao nhất 32 - 33°C, lúc thấp nhất là 17 - 18°C. Toàn huyện nằm ở sườn đón gió Tây Nam nên có tổng lượng mưa phong phú từ 2.800mm - 3.000mm/năm; có những ngày lượng mưa trên 150mm. Lượng mưa phân bố không đều, chủ yếu tập trung mùa mưa, do đó, thường xuyên bị lũ lụt, lũ quét gây ngập úng trên diện rộng.

Cát Tiên nằm trong vùng có lượng nắng khá dồi dào, tổng số giờ nắng trong năm của huyện từ 2.400 - 2.500 giờ. Trong đó, số giờ nắng bình quân trong ngày từ 6,2 - 6,6 giờ, thời gian nắng nhiều nhất là tháng 1, 2, 3 và tháng 4, thời gian nắng ít nhất là tháng 7, 8 và 9. Nhiệt độ bình quân trong năm cao đều và ổn định khoảng 29°C. Nhìn chung sự thay đổi nhiệt độ qua các tháng không lớn, song chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm thì khá lớn, khoảng 7 đến 10°C nhất là vào các tháng mùa khô. Nhiệt độ cao nhất vào các tháng 3, 4, 5 (từ 37 - 38,2°C) và thấp nhất vào tháng 12 khoảng 19 °C. Lượng bức xạ phong phú, nền nhiệt cao là điều kiện thuận lợi giúp cây trồng phát triển, cây ăn quả và cây lương thực ngắn ngày quay vòng nhanh, góp phần tạo nên tính đa dạng sinh học.

Hệ thống sông suối Cát Tiên khá dày, mật độ dòng chảy 0,9 - 1,2km, tổng chiều dài sông suối trên địa bàn khoảng 300km.

Trong đó, sông Đồng Nai chảy quanh, và bao bọc huyện từ 3 phía - Bắc, Tây và Nam, có chiều dài khoảng 80 km, có lưu vực rộng lớn, lưu lượng dòng chảy cao đều trong cả năm. Các phụ lưu là những suối ngắn, ít được phát huy cho sản xuất nông nghiệp. Vào mùa mưa, nước từ vùng đầu nguồn cùng với việc xả lũ của các hồ thủy điện, làm nước sông Đồng Nai dâng cao, tràn vào các vùng trũng trong huyện, cộng với nước nội đồng bị đường Tỉnh lộ 721 ngăn việc thoát nước từ nội đồng ra, dẫn đến tình trạng úng lũ đột ngột dâng cao trên diện rộng. Đặc biệt là các cơn lũ lịch sử tháng 7/1999, trung tuần tháng 10/2000, tháng 10/2001... đã làm ngập khoảng 80% diện tích đất gieo trồng toàn huyện làm thiệt hại tài sản nhân dân địa phương và Nhà nước khoảng 150 tỷ đồng.

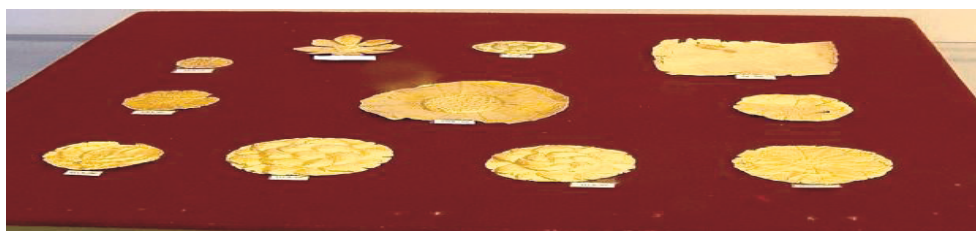
Huyện Cát Tiên có tổng diện tích tự nhiên là 42.693 ha¹, trong đó có: 26.634 ha đất lâm nghiệp, chiếm 62,38% diện tích toàn huyện, nhất là rừng đặc dụng do Vườn Quốc gia quản lý là 21.295 ha. Toàn huyện có khoảng 13.245 ha đất có khả năng sản xuất nông nghiệp, trong đó đất đã sử dụng cho sản xuất đạt gần 9.000 ha. Do vậy, Cát Tiên có nhiều tiềm năng phát triển dịch vụ môi trường rừng và chăm sóc, bảo vệ tài nguyên rừng trên diện tích hiện có kết hợp với phát triển kinh tế vườn đồi đang được đẩy mạnh.

Về hệ sinh thái ở vùng Cát Tiên, qua khảo sát, đánh giá của Tổ chức động vật hoang dã thế giới và Hội sinh vật Việt Nam xác nhận có đến 544 loài thực vật, 44 loài thú, gần 200 loài chim. Đặc biệt trước đây có loài Tê giác 1 sừng quý hiếm thuộc phân hệ Tê giác Đông Dương sinh sống².

¹ Cát Tiên là huyện có diện tích tự nhiên đứng thứ 10 trong 12 huyện, thành phố của tỉnh Lâm Đồng.

² Tuy nhiên, năm 2010 loài Tê giác này không còn nữa; đến năm 2011, Quỹ động vật Hoang dã Thế giới (WWF) chính thức công bố không còn Tê giác ở Vườn Quốc gia Cát Tiên.

Về tên gọi địa danh Cát Tiên, có nhiều ý kiến khác nhau. Có ý kiến cho rằng, tên gọi địa danh Cát Tiên xuất phát từ tên gọi “bãi Cát Tiên” - bãi cát nơi các cô Tiên tắm trong truyền thuyết của người Mạ. Có ý kiến lại cho rằng, tên gọi Cát Tiên xuất hiện trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ do các đơn vị bộ đội đặt và trở thành tên gọi của huyện sau này. Cho đến nay, tên gọi và địa danh Cát Tiên đã đi sâu vào tiềm thức về tình cảm của các thế hệ đã và đang sinh sống trên quê hương đầy thân thương này.



Những bông hoa sen được đúc bằng chất liệu vàng
được phát hiện tại khu khảo cổ Cát Tiên

Với những kết quả nghiên cứu của Khảo cổ học đã chứng minh: ngay từ rất sớm Cát Tiên đã là nơi từng chứng kiến những dấu tích của quá trình sinh sống của con người trên khu vực Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, là vùng đất có bề dày Lịch sử và văn hóa lâu đời. Những hiện vật khảo cổ học như đồ đá cũ, đồ đá mới, đồ gốm, đồ kim khí... được phát hiện, khai quật và nghiên cứu ở Di chỉ Phù Mỹ³ đã cho thấy bề dày lịch sử và văn hóa lâu đời của vùng đất này. Đặc biệt, năm 1985, di tích Cát Tiên được phát hiện, đây là quần thể di tích rộng lớn được phân bố trải dài khoảng 15 km từ xã Quảng Ngãi đến các xã khác ở Cát Tiên. Ngày 22/12/1994, Bộ Văn hóa - Thông tin chính thức ký quyết định cho phép khai quật⁴. Đến năm 2000, qua 8 lần khai quật, đã

³ Qua 3 lần khai quật tại Di chỉ khảo cổ học Phù Mỹ (nay là thị trấn Cát Tiên), đã phát hiện: 26 khuôn đúc, 35 bản mài, 8 rìu bôn, 3 chày nghiền bằng đá và nhiều hiện vật khác.

⁴ Nay là Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch.

có 1.140 hiện vật các loại được phát hiện với nhiều chất liệu khác nhau như kim loại vàng, bạc, thiếc, đồng, sắt, đá, đá quý, gốm nung, những đèn tháp, mộ tháp uy nghiêm... càng làm cho vùng đất Cát Tiên trở nên huyền thoại và cổ tích. Các hình tượng, tượng đá, các đường nét kiến trúc, các họa tiết, hoa văn ở di tích Cát Tiên là nguồn tư liệu quan trọng để nghiên cứu về sự hình thành nhà nước Cổ đại ở phía Nam Việt Nam và nhà nước Cổ Đại ở Đông Nam Á. Chúng là nguồn tư liệu để có thể khôi phục lại giai đoạn Lịch sử không thành văn mà Cát Tiên là trung tâm chính trị, tôn giáo của một quốc gia đã từng tồn tại trong Lịch sử. Ngoài 113 mảnh lá vàng mỏng, trên đó điêu khắc những hình tượng liên quan đến Bà la môn giáo, còn tìm thấy nhiều hoa văn và chữ viết trên các miếng vàng vô cùng thú vị và hấp dẫn, nhất là bộ Linga - Yoni lớn nhất Đông Nam Á. Tuy nhiên, việc trùng tu, tôn tạo phục chế khu di tích Cát Tiên như thế nào còn tùy thuộc vào kết luận xác đáng hơn của các nhà khoa học và khả năng của ngành chức năng để khẳng định chủ nhân của vùng này là ai? có từ thế kỷ nào? thuộc dòng văn hóa nào?... vấn đề này cần được các ngành chức năng tiếp tục nghiên cứu sâu hơn.



Bộ Linga - Yoni được xác định là lớn nhất Đông Nam Á
được phát hiện tại khu khảo cổ Cát Tiên

Ngày 29/9/1997, Bộ Văn hóa - Thông tin có quyết định công nhận và xếp hạng cấp quốc gia cho Di tích khảo cổ Cát

Tiên. Ngày 31/12/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 2408/QĐ-TTg công nhận xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt đối với Di tích Cát Tiên.



Trên cơ sở những kết luận bước đầu của các nhà khoa học, chính quyền cùng nhân dân địa phương đã bảo vệ, tôn tạo khu vực có di tích ở Cát Tiên thành một khu di tích tương xứng với quy mô của nó để phục vụ nhu cầu tham quan du lịch, văn hóa - nghệ thuật, lịch sử và tâm linh.

Trải qua những biến thiên của lịch sử tự nhiên, đến những năm đầu thế kỷ XX, Cát Tiên vẫn là vùng đất hoang vu, rừng rậm, sinh lầy. Theo bản đồ không ảnh của Pháp lập năm 1936, cho thấy vùng Cát Tiên ngày nay là vùng đất “đầm lầy á nhiệt đới, chưa biết đến”, hầu hết là rừng nguyên sinh trên nền đất thấp.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, địa bàn huyện Cát Tiên trải qua một số lần sáp nhập và chia tách, có

thời điểm là khu vực thuộc tỉnh Phước Long⁵; có thời kỳ thuộc tỉnh Đồng Nai Thượng⁶ quản lý. Là vùng căn cứ của Khu ủy Khu 6, Khu 10, Tỉnh ủy Lâm Đồng, là địa bàn có đường hành lang nối tiếp đường mòn Hồ Chí Minh từ Đắc Lắc qua Cát Tiên, Phước Long để về Trung ương cục Miền Nam.



Khu di tích kháng chiến Khu ủy Khu 6

Ngày 06/6/1986, theo Quyết định số 68/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) huyện Cát Tiên được thành lập trên cơ sở chia tách huyện Đạ Huoai cũ thành 3 huyện: Đạ Huoai, Đạ Tẻh và Cát Tiên. Ngày 01/01/1987 huyện Cát Tiên chính thức đi vào hoạt động; có 10 xã và 1 thị trấn⁷.

⁵ Ngày nay là địa bàn thuộc thị xã Bình Long, huyện Bù Gia Mập, Bù Đăng và Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

⁶ Nay là một phần của tỉnh Lâm Đồng

⁷ Thị trấn Đồng Nai, xã Phước Cát 1, Phước Cát 2, Quảng Ngãi, Tư Nghĩa, Phù Mỹ, Mỹ Lâm, Nam Ninh, Gia Viễn, Tiên Hoàng, Đức Phổ.

Ngày 31 tháng 12 năm 2002, xã Đồng Nai Thượng được thành lập trên cơ sở tách một phần diện tích và dân số của xã Tiên Hoàng.

Ngày 29 tháng 12 năm 2013, sáp nhập xã Phù Mỹ vào thị trấn Đồng Nai và đổi tên thị trấn Đồng Nai thành thị trấn Cát Tiên. Sau khi điều chỉnh, huyện Cát Tiên có 1 thị trấn và 10 xã, gồm: thị trấn Cát Tiên và 10 xã: Gia Viễn, Quảng Ngãi, Đức Phổ, Nam Ninh, Mỹ Lâm, Tư Nghĩa, Phước Cát 1, Phước Cát 2, Tiên Hoàng, Đồng Nai Thượng.

Trên địa bàn huyện có Tỉnh lộ 721 chạy qua, nối từ Quốc lộ 20 thuộc huyện Đa Huoai, qua huyện Đa Tề đi qua 5 xã và thị trấn Cát Tiên. Ngày 04/8/2006, cây cầu treo bắc qua sông Đồng Nai nối liền xã Phước Cát 1 của huyện Cát Tiên với xã Đăng Hà đến Quốc lộ 14 thuộc huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, đã khánh thành và bước đầu phá vỡ thế ngõ cụt của huyện. Đây là tuyến giao thông quan trọng giữa Cát Tiên và các địa phương khác trong và ngoài tỉnh.

Về kinh tế, sau 30 năm hình thành và phát triển, đến nay cơ cấu kinh tế của huyện là nông lâm – tiểu thủ công nghiệp – dịch vụ, trong đó chủ yếu là nông nghiệp. Do đó, nhiều công trình thủy lợi được tập trung đầu tư xây dựng góp phần phát triển kinh tế nông nghiệp. Những năm gần đây, sản xuất lúa của huyện đang chuyển mạnh sang sản xuất hàng hóa; những giống lúa đặc sản, lúa chất lượng cao đem lại hiệu quả kinh tế cao, dễ tiêu thụ trên thị trường được đưa vào sản xuất đại trà, bước đầu hình thành các vùng chuyên canh lúa theo hướng sản xuất hàng hoá. Năm 2011, Bộ Khoa học - Công nghệ đã công nhận nhãn hiệu tập thể “Lúa - gạo Cát Tiên” và sau đó đã công nhận nhãn hiệu chứng nhận “Diệp hạ châu Cát Tiên”. Về cây công nghiệp phần lớn là cây Điều, trồng trên vùng đồi và cây Dâu trồng ở vùng ven sông. Cơ cấu cây trồng, vật nuôi từng bước được xác định, nhưng qua thực tiễn còn phải tiếp

tục được nghiên cứu, điều chỉnh cho phù hợp, cùng với việc ứng dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất để phát triển.

Về dân số và thành phần dân tộc, suốt một thời gian dài trong lịch sử, Cát Tiên là địa bàn sinh sống lâu đời của đồng bào dân tộc Mạ và Xtiêng. Sau khi đất nước thống nhất, cùng với quá trình di dân vào Cát Tiên xây dựng kinh tế mới đã được hình thành vùng kinh tế mới của Tỉnh vào năm 1982 và sau ngày thành lập huyện, nhân dân từ nhiều địa phương, đi theo kế hoạch di dân của Nhà nước và một bộ phận dân di kinh tế mới tự do, nhưng hầu hết đều là dân nghèo của trên 30 tỉnh thành trong cả nước. Hiện Cát Tiên có 18 dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam đã về đây quần cư, khai hoang phục hóa, sinh cơ lập nghiệp. Đến cuối năm 2015, dân số toàn huyện có 42.269 người⁸, với 9.815 hộ trong đó có 17 dân tộc thiểu số⁹ với hơn 8.820 người, trong đó dân tộc Kinh chiếm 80% dân số của huyện, các dân tộc khác chủ yếu di cư từ nơi khác đến và hầu hết là các dân tộc từ các tỉnh Miền núi phía Bắc như: Tày, Nùng, Mông, Dao, Mường... di cư vào. Hiện nay, khoảng 90% dân số toàn huyện hoạt động sản xuất nông nghiệp, mật độ dân số toàn huyện là 99,09 người/km².

Về đời sống văn hóa, phong tục tập quán, tín ngưỡng và tôn giáo: Do đặc điểm hình thành nguồn gốc dân cư như trên nên Cát Tiên đang có 1 nền văn hóa khá đa dạng, mang tính đan xen của nhiều vùng miền. Ở các buôn, làng người Mạ, Xtiêng có nhiều nét văn hóa đặc sắc cần bảo tồn lưu giữ. Ngày nay lễ hội

⁸ Cát Tiên là huyện có dân số đứng thứ 9 trong 12 huyện, thành phố của tỉnh Lâm Đồng, hơn huyện Lạc Dương, Đa Hoai và Đam Rông

⁹ Theo số liệu thống kê năm 2015: Dân tộc Mạ 2.076 người/487 hộ; dân tộc K'Ho 4 người/1 hộ; dân tộc Tày 3.083 người/663 hộ; dân tộc Nùng 2.508 người/528 hộ; dân tộc Mường 151 người/33 hộ; dân tộc Hoa 16 người/2 hộ; dân tộc H'Mông 177 người/36 hộ; dân tộc Dao 310 người/64 hộ; dân tộc Khơ mer 28 người/5 hộ; dân tộc Xtiêng 373 người/78 hộ; dân tộc Thổ 2 người; dân tộc BRâu 4 người/1 hộ; dân tộc Sán Diu 80 người/19 hộ; dân tộc Chăm 5 người/1 hộ; dân tộc Sán Chỉ 2 người; dân tộc Ê Đê 1 người.

văn hóa các dân tộc hàng năm được phục dựng tổ chức như lễ hội mừng lúa mới của đồng bào dân tộc Mạ diễn ra vào tháng 2 âm lịch hàng năm và lễ hội “Lồng Tồng” của đồng bào dân tộc Tày diễn ra từ ngày mừng 7 đến 10 tháng giêng.

Một bộ phận dân cư trong huyện theo 4 tôn giáo chính: Phật giáo, Công giáo, Tin lành và Cao Đài. Trong đó, tín đồ theo Phật giáo có 2844 phật tử, theo Công giáo có 3533 giáo dân, theo Tin lành có 324 tín đồ và theo Đạo Cao đài có 134 tín hữu. Hiện tại trên địa bàn huyện có 8 cơ sở sinh hoạt tôn giáo, gồm 4 ngôi chùa Phật giáo¹⁰, 2 nhà thờ Công giáo¹¹, 1 cơ sở đạo Cao Đài¹², 1 Chi hội Pi sar và một điểm nhóm đạo Tin Lành¹³.

Người Cát Tiên có ý thức lao động cần cù, tính chịu thương chịu khó, luôn đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, hiếu học, sáng tạo và bước đầu đã hình thành truyền thống hiếu học của nhân dân trong huyện.



Quang cảnh Quảng trường Phạm Văn Đồng huyện Cát Tiên

¹⁰ Tại thị trấn Cát Tiên, xã Phước Cát 1, Gia Viễn, Quảng Ngãi.

¹¹ Tại thị trấn Cát Tiên và thôn Bù Gia Rá, xã Đồng Nai Thượng

¹² Tại thôn Cát Lương 1, xã Phước Cát 1

¹³ Tại thôn Bù Sa, xã Đồng Nai Thượng.

CHƯƠNG II

VÙNG ĐẤT CÁT TIỀN TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945 - 1954)

I. Tình hình và bối cảnh vùng Cát Tiên trước năm 1945

Hiệp ước Pa-tơ-nôt năm 1884 được ký giữa triều đình nhà Nguyễn với thực dân Pháp đã xác lập sự thống trị của Pháp ở Việt Nam, Pháp tiếp tục mở rộng sự kiểm soát ra vùng núi và vùng dân tộc thiểu số. Ở Đông Nam Bộ và Tây Nguyên chúng tiến hành các cuộc thám sát rất sớm, vào năm 1881 thống đốc Nam Kỳ là Mi-rơ-đơ-vi-lơ (Myre De Vi Le res) ra lệnh cho trung úy A- mê-đê-gô-chi-ê (Amédéc Gautier) mở cuộc thám sát và chuẩn bị đánh chiếm vùng Đông Bắc Sài Gòn đến vùng các dân tộc thiểu số ở Nam Tây Nguyên.

Thực hiện mệnh lệnh đó, đoàn tùy tùng của chúng đã tiến ngược Sông Bé và sông Đồng Nai khảo sát kỹ lưỡng nơi cư trú của người Châu Ro, Xtiêng, M'Nông, Mạ... Tháng 01/1904, được lệnh của Chính phủ Pháp, Đại úy Pat -tê (Pat té) tiếp tục thám sát vùng núi phía Bắc tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một nơi có đồng bào thiểu số sinh sống ở dọc Sông Bé và sông Đồng Nai. Trong chuyến thám sát này Pat -tê (Pat té) đã nghiên cứu kỹ đặc điểm, lối sống và phong tục tập quán của các dân tộc thiểu số sinh sống ở đây. Đến năm 1906, Pháp đặt một đại lý hành chính và một số đồn binh ở hữu ngạn sông Đồng Nai mở đầu cho quá trình thống trị ở vùng dân tộc thiểu số.

Ở Đồng Nai Thượng, năm 1899 theo chương trình thiết lập hành chính của Pháp ở Lâm Viên (Đà Lạt), một phái đoàn người Pháp do En-tau-trây (Ernes Tow Trey) chỉ huy mở cuộc tìm

kiểm và chinh phục vùng Đồng Nai Thượng. Ngày 01/01/1899 lập Sở tham biện Đồng Nai Thượng.

Năm 1901, Pháp nhập Sở tham biện Đồng Nai Thượng vào tỉnh Bình Thuận và tiếp tục khảo sát phía Tây Nam (Đồng Nai Thượng). Năm 1904 tái lập Sở tham biện Đồng Nai Thượng. Từ năm 1906 bắt đầu đặt bộ máy cai trị từ tỉnh xuống cơ sở.

Năm 1920, tái lập tỉnh Đồng Nai Thượng bộ máy cai trị đã hoàn thành ở những nơi chúng kiểm soát được cho đến trước cách mạng tháng 8/1945, thực dân Pháp đã thiết lập bộ máy cai trị ở dọc Quốc lộ 20 đến phía Đông của huyện Đa Tễh theo đường 721 ngày nay. Ở phía Đông Bắc chúng cũng chưa tiến vào địa phận huyện Đa Tễh, do địa hình hiểm trở, đường sá đi lại không thuận tiện kết hợp với ý thức độc lập tự chủ của các dân tộc thiểu số nên suốt thời Pháp thuộc mặc dù chúng có nhiều cố gắng và nhiều lần chúng tiến hành càn quét nhưng cả vùng Cát Tiên ngày nay vẫn là vùng địch không thể kiểm soát được và ta cũng chưa xây dựng được cơ sở tại đây.

Đặc điểm chung của các dân tộc thiểu số ở Nam Tây Nguyên là yêu cuộc sống độc lập tự chủ không cam chịu cuộc sống lệ thuộc. Từ khi thực dân Pháp mở rộng và thiết lập bộ máy cai trị vào vùng dân tộc từ đầu thế kỷ XX. Chúng đã sớm tính toán việc mở mang giao thông để khai thác tài nguyên, thiết lập đồn điền ở vùng Nam Tây Nguyên, Đông Nam Bộ. Các tuyến quốc lộ 13, 14 và 20 được mở và xây dựng, ở đó chúng tập trung việc ép buộc bà con lao động địa phương đi lính, đi phu phục vụ cho quá trình thống trị và khai thác. Song thực dân Pháp đã gặp phải sự phản kháng và đấu tranh mạnh mẽ chống lại việc bắt đi phu để làm các tuyến đường và xây dựng các đồn điền, sự phản kháng và đấu tranh đó bằng các hình thức như: không hợp tác, không liên kết, không phục vụ và không đi phu cho chúng.

Ở hướng đường 14, thông qua các chức danh tổng, xã do Pháp lập nên là những tên tay sai đắc lực của chúng thiết lập bộ máy thống trị để bắt phu, bắt lính, đóng thuế thân. Chúng thực hiện chính sách bóc lột hà khắc, phu làm việc cực nhọc, tất cả các công việc đều làm bằng tay, mỗi người phải đi phu 15 ngày trong năm, đi làm nhiều đợt và phải tự túc lương thực.

Ở hướng đường 20, trong những năm 1926, 1927, mỗi ngày Pháp bắt hàng trăm người cả kinh và thượng làm phu cho tuyến đường này. Từ năm 1903 đến 1929 tên La Phon (Lafol) Khâm sứ Trung kỳ ra sắc lệnh thi hành một số thuế: thuế thân quy định từ 18 đến 60 tuổi mỗi suất 1đ 50/năm, mỗi tháng phải đi sưu công ích 5 ngày và 5 ngày đi sưu tư ích. Để thi hành sắc lệnh trên, bọn thực dân ở Đồng Nai Thượng ra sức vơ vét bóc lột, bắt phu phục dịch cho chúng.

Từ khi Pháp chiếm Đồng Nai Thượng, tuy Pháp chưa xác lập quyền thống trị ở vùng Cát Tiên nhưng thông qua một số tên tay sai và bằng biện pháp dụ dỗ lừa gạt, lợi dụng sự nhận thức hạn chế và đời sống của đồng bào dân tộc khó khăn thiếu thốn, một bộ phận lao động trẻ khỏe của các buôn Bù Gor, Bù Run và Bù Sa Lu Xiên thuộc vùng Cát Tiên phải đi phu cho Pháp trong quá trình khai thông đường 14 và đường 20. Mỗi năm phải đi phu từ 1-2 lần, mỗi lần 25 ngày đến 1 tháng. Các đợt đi phu phải tự túc lương thực và được trả tiền công rẻ mạt.

Song phần lớn bà con đồng bào các dân tộc Mạ, Xtiêng cư trú ở các buôn làng vùng Cát Tiên ngày nay đồng lòng đoàn kết đánh Pháp theo lời kêu gọi của Ama Trang Long, tất cả nam nữ thanh niên đều trang bị dao, mã tấu, tên nỏ tẩm thuốc độc để đánh giặc, khi Pháp đến làng thì đồng bào tìm mọi cách đánh trả, sau đó đốt làng bỏ đi nơi khác tìm đất mới để sinh sống, quyết không để Pháp bắt trả thù...

Tuy là vùng địch không kiểm soát được nhưng vì tập quán canh tác du canh, du cư thường phải di chuyển tìm đất mới tốt hơn để trồng trọt nên có điều kiện tiếp xúc giao lưu với các nơi khác. Khi buôn làng, nương rẫy và cuộc sống của mình bị quân xâm lược đe dọa và tàn phá thì họ đã đứng lên đấu tranh chống lại. Với tinh thần vốn có ấy, cùng với tác động nhất định của các cuộc khởi nghĩa của Ama Trang Long ở Đắk Nông (Đắk Lắk), R’Đinh ở Thống Nhất (Bình Phước), phong trào Mộ Cộ ở Đồng Đò Djiring (Di Linh) đã ảnh hưởng mạnh mẽ nung nấu lòng căm thù ngoại xâm, nhất là chống lại âm mưu chia rẽ giữa các dân tộc để cai trị của bọn thực dân Pháp.

Các phong trào đấu tranh chống Pháp ở Nam Tây Nguyên chứng tỏ từ những ngày chưa có Đảng Cộng sản lãnh đạo, đồng bào các dân tộc thiểu số ở vùng Cát Tiên đã có sẵn tinh thần chống giặc ngoại xâm, nêu cao tinh thần đoàn kết dân tộc, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau giữa những người bị áp bức. Họ ý thức được nỗi nhục mất nước, mất tự do, bị khinh miệt và quyết tâm chống Pháp để bảo vệ cuộc sống yên lành mà thiên nhiên đã ban tặng.

Tuy nhiên trước quyết tâm và âm mưu ra sức khai thác thuộc địa để dồn sức phục vụ cho nhu cầu của cuộc chiến tranh thế giới lần thứ II (1939 -1945) ở chính quốc. Bên cạnh đó về lực lượng cách mạng trong vùng đồng bào dân tộc Nam Tây Nguyên chưa được xây dựng và phát triển, phương tiện vũ khí lại thô sơ. Do đó thực dân Pháp ngày càng mở rộng được vùng kiểm soát và khai thác.

Vùng phía Tây của Đồng Nai Thượng địch đã kiểm soát hầu hết cả đến những buôn làng sâu xa. Lúc này chúng đã dùng chiêu bài chia để trị, chúng ra sức tuyên truyền: “Người thượng

du giữ đất người thượng du, người kinh đến chiếm đất người thượng du, người Pháp giúp người thượng du giữ đất”¹⁴ và thực hiện bằng thủ đoạn: Xúi giục dân giữa các làng căm ghét nhau rồi lãnh súng của Pháp chống lại nhau¹⁵.

Ở Cát Tiên, kể cả từ hướng Phước Long vượt sông Đồng Nai lên và từ Đồng Nai Thượng vượt sông Đa Đồn sang, địch đã tiến hành nhiều lần xâm nhập và bằng nhiều biện pháp như mua chuộc các già làng, o ép lôi kéo, cho muối, cho vải hoặc nham hiểm hơn chia rẽ gây hiềm khích giữa các buôn, làng với nhau nhưng địch cũng chưa kiểm soát vùng này.

Tuy là vùng địch không kiểm soát và thống trị được trong suốt thời kỳ Pháp xâm lược cho đến năm 1945 nhân dân các dân tộc vùng Cát Tiên luôn nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, kiên quyết bảo vệ cuộc sống tự do của mình góp phần cùng với nhân dân các dân tộc làm thất bại âm mưu chia rẽ và thống trị của thực dân Pháp trên đất nước ta.

II. Tình hình đấu tranh và các phong trào xây dựng cơ sở cách mạng ở vùng Cát Tiên (1945 – 1954)

Cách mạng tháng 8/1945 thành công, mở ra kỷ nguyên mới. Ngày 2/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản tuyên ngôn độc lập khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Ngày 28/8/1945, chính quyền tỉnh Đồng Nai Thượng về tay nhân dân, chính quyền cách mạng lâm thời được thành lập. Ngày 18/10/1945, Bộ chỉ huy Mặt trận Nam Trung Bộ tăng cường cho tỉnh Đồng Nai Thượng một trung đội từ Nam Bộ ra chốt chặn tại đèo B’Lao. Nhưng với dã tâm xâm lược không

¹⁴ Âm mưu phát triển Gum của địch và hoạt động chống phá Gum của ta.

¹⁵ Tư liệu lưu giữ tại Phòng lý luận chính trị và lịch sử Đảng – Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Lâm Đồng.

thay đổi, ngày 9 và ngày 10/11/1945 quân Nhật theo đường 20 tiến lên đèo B'Lao để chiếm lại tỉnh Đồng Nai Thượng và Lâm Viên, lực lượng ta đã đánh trả buộc quân Nhật phải rút lui.

Ngày 11 và 12 tháng 11 năm 1945, quân Nhật tiếp tục hành quân lên đèo B'Lao, ta chặn đánh, do cuộc chiến đấu không cân sức, bên ta có 20 đồng chí bị hy sinh nên ta vừa chống trả vừa rút lui. Ngày 16/11/1945 sau khi được tăng viện quân, Nhật đã chiếm hầu hết các vị trí quan trọng các công sở của ta tại B'Lao, bắt giam đồng chí Nguyễn Đại Hòa¹⁶ Chủ tịch huyện B'Lao và 180 cán bộ, đồng bào ta. Cuối năm 1945, được sự giúp đỡ của quân Anh, thực dân Pháp đã chiếm Đồng Nai Thượng từ tay Nhật, nhân dân Đồng Nai Thượng cùng cả nước bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược nước ta.

Trong giai đoạn từ năm 1945 cho đến năm 1949, cuộc kháng chiến của ta tiếp tục và diễn ra ở các chiến trường chính buộc thực dân Pháp phải chuyển sang thể đối phó bị động hơn. Vùng Cát Tiên tuy địch không thể kiểm soát được những cơ sở cách mạng và đường lối kháng chiến chống Pháp của ta trong vùng đồng bào còn nhiều khó khăn, hạn chế.

Ngày 25/4/1949, Ban cán sự Đảng tỉnh Đồng Nai Thượng được thành lập do đồng chí Thu Lâm (Trần Ngọc Trác) làm Bí thư, đây là mốc Lịch sử quan trọng, từ đây phong trào cách mạng ở Đồng Nai Thượng có Đảng lãnh đạo. Vùng Cát Tiên lúc này thuộc sự lãnh đạo của ban cán sự Đảng tỉnh Đồng Nai Thượng.

Ngày 28/9/1949, hội nghị quân sự Nam Bộ đã đề ra 3 nhiệm vụ cho Khu 7 là:

¹⁶ Đồng chí Nguyễn Đại Hòa – Chủ tịch tỉnh, tháng 10/1945 được điều xuống làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến huyện B'Lao.

- Phá các đường giao thông quan trọng và các vùng kinh tế cao su.

- Xây dựng chiến Khu Đ.

- Đẩy mạnh công tác - tuyên truyền vào vùng dân tộc thiểu số.

Thực hiện nhiệm vụ trên, năm 1949, Khu 7 đã thành lập “Khoa quốc dân thiểu số” để nghiên cứu về tập quán và phương pháp vận động tuyên truyền đồng bào các dân tộc thiểu số. Các tỉnh thuộc khu thành lập “Phòng quốc dân thiểu số”, mục tiêu là phát triển xây dựng cơ sở cách mạng ở vùng dân tộc theo 3 hướng: Cực Nam Trung Bộ, Nam Tây Nguyên và vùng 3 biên giới. Đầu năm 1950 “Phòng quốc dân thiểu số” tỉnh Biên Hòa sáp nhập với Ủy ban Hành chính kháng chiến huyện Sông Bé và phát triển mạnh việc xây dựng cơ sở cách mạng vùng dân tộc ở dọc 2 bờ sông Đồng Nai của 2 tỉnh (Thủ Biên và Đồng Nai Thượng).

Năm 1950, phòng “Quốc dân thiểu số” tỉnh Thủ Biên giao nhiệm vụ cho đội công tác do đồng chí Nguyễn Văn Phú (Ba Phú) phụ trách kết hợp với đội công tác của huyện Sông Bé vượt sông Đồng Nai đến các buôn thuộc vùng Cát Tiên như: Bù Gor, Bù Run, Bù Đát, Bù Khiêu. Khi được tổ công tác tuyên truyền giáo dục, đồng bào từng bước giác ngộ cách mạng và tỏ thái độ căm thù giặc Pháp, quyết tâm ủng hộ cách mạng. Đội công tác của đồng chí Ba Phú vừa làm công tác vận động, tuyên truyền nhân dân, vừa xây dựng cơ sở cách mạng tại các buôn làng. Các cơ sở mà đội đã xây dựng được tại các buôn như: Ông Điều K’Trợ, Ông Điều K’Khâm (Bù Gor), Ông K’Tranh (Bù Run), Ông Điều Xa (Bù Đát), Ông Điều Kép (Bù Khiêu), đồng bào đều tích cực ủng hộ và bảo vệ các đội công tác.

Hội nghị Đảng bộ tỉnh Đồng Nai Thượng họp từ ngày 1 đến ngày 4/2/1950, đã đề ra công tác trọng tâm trước mắt: “Phát triển củng cố tổ chức Đảng trong quần chúng, chú trọng người

thiếu số. Cũng cố và gây cơ sở chính quyền rộng rãi, tích vận động thành lập các đoàn thể cứu quốc... Phát triển phong trào dân quân du kích..."¹⁷



Đồng chí Nguyễn Tấn Phước
nguyên Đội trưởng Đội vũ
trang tuyên truyền
tỉnh Đồng Nai Thượng

Thực hiện nhiệm vụ trên, tháng 3/1950 Ban cán sự Đảng tỉnh Đồng Nai Thượng thành lập đội vũ trang tuyên truyền gồm 13 đồng chí do đồng chí Nguyễn Tấn Phước phụ trách. Giữa tháng 4/1950, đội công tác này bắt đầu hành quân, thời gian làm nhiệm vụ được giao trong 3 tháng. Nhiệm vụ của đội là tuyên truyền vận động nhân dân xây dựng cơ sở cách mạng ở vùng đồng bào Mạ và Xtiêng ở phía Nam tỉnh, trải dài từ Bắc đường 20 đến giáp địa bàn Sông Bé - tỉnh Thủ Biên. Đội hành quân theo hướng Dạ Tẻh - Bù Gor - Bù Khiêu và vượt sông Đồng Nai. Vượt qua bao khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ như đối phó với thú dữ, sốt rét, lương thực thiếu thốn, có lúc bị địch phục kích nhưng đội của đồng chí Nguyễn Tấn Phước vừa hành quân vừa làm công tác tuyên truyền tổ chức xây dựng nhiều cơ sở cách mạng ở các buôn làng. Đến giữa tháng 6/1950, đội đã liên lạc được với Khoa Quốc dân thiếu số tại Đồng Xoài (Thủ Biên). Hơn 2 tháng hành quân vừa tuyên truyền vận động vừa xây dựng cơ sở cách mạng, đoàn đã cảm hóa và hướng dẫn đồng bào Mạ, Xtiêng giác ngộ và ủng hộ cách mạng. Đầu tháng 7/1950, khi hoàn thành nhiệm vụ trên đường về, đến khu vực Dạ Huoai thì bị địch phục kích, đồng chí Nguyễn Văn Quý và một số đồng chí khác trong

¹⁷ Lịch sử Đảng bộ Bảo Lộc đã dẫn trang 130.

đội bị hy sinh. Đồng chí Nguyễn Tấn Phước bị địch bắt đưa về giam ở nhà lao Đà Lạt. Sáng ngày 27/12/1950 do địch lơi lỏng trong quá trình dẫn giải, đồng chí Nguyễn Tấn Phước đã trốn được và trở về tham gia chiến đấu tại mặt trận Đà Lạt.

Về phía địch, để đối phó với tình hình và phong trào xây dựng phát triển cơ sở cách mạng trong vùng đồng bào dân tộc; thực dân Pháp cũng thực hiện chủ trương xây dựng cài cắm lực lượng của chúng trong vùng đồng bào dân tộc. Chủ trương này do tên Đi-Đê-Lốt đại diện của Bảo Đại ở Tây Nguyên đề xuất từ tháng 9-1950. Đến năm cuối năm 1951 ở Tây Nguyên nói chung, vùng Đồng Nai Thượng nói riêng chúng cũng đã xây dựng được lực lượng Gum¹⁸. Nhờ lực lượng này chúng đã kiểm soát được vùng 3 biên giới, dọc sông Đồng Nai đến tận vùng Đa Huoai, Đa Têh ngày nay.

Để thực hiện nhiệm vụ: Vận động quần chúng, xây dựng cơ sở ở những địa bàn còn lại, sau đó phát triển lên hướng Đồng Nai Thượng và Lâm Viên. Ngày 19/8/1945, đội thứ 2 của Khoa Quốc dân thiểu số gồm 23 người do đồng chí Nguyễn Văn Ý làm đội trưởng, đồng chí Nguyễn Văn Phú (Ba Phú) và đồng chí Can làm đội phó từ Buôn Băng (Bù Đăng Sơ Rây – Biên Hòa) vượt sông Đồng Nai, ngày 25/8/1951 qua các Buôn Bù Khiêu, Bù Gor, Bù Run (Đồng Nai Thượng).

Cuối năm 1951, Khoa Quốc dân thiểu số giải thể, Ủy ban hành chính kháng chiến huyện Sông Bé (Thủ Biên) sáp nhập với lực lượng vũ trang Khoa quốc dân thiểu số thành Đoàn vũ trang tuyên truyền Sông Bé.

Như vậy, trong những năm 1950 -1951, qua hoạt động tuyên truyền vũ trang của Khoa Quốc dân thiểu số (Khu 7) và

¹⁸ “Gum” là lực lượng do thực dân Pháp xây dựng để chống phá lực lượng cách mạng của ta.

đội vũ trang tuyên truyền của tỉnh Đồng Nai Thượng, một số cơ sở cách mạng đã được xây dựng tại các buôn làng thuộc vùng Cát Tiên.

Sau khi phát hiện được hướng đi của đội vũ trang tuyên truyền, địch phục kích bắt được một số chiến sỹ và tài liệu của các đồng chí đã hy sinh thuộc đội vũ trang tuyên truyền. Đồng thời phát hiện các cơ sở cách mạng mà các đội đã xây dựng, địch ra sức khủng bố các cơ sở cách mạng của ta. Từ năm 1951 – 1954 đoàn vũ trang tuyên truyền Sông Bé (Thủ Biên), tiếp tục hoạt động ở vùng chiến Khu Đ đến giáp sông Đồng Nai. Đầu năm 1954, đoàn vũ trang tuyên truyền Sông Bé (Thủ Biên) lại tổ chức một đợt vượt sông Đồng Nai sang vùng Cát Tiên. Do cơ sở ta mới được xây dựng còn mỏng. Đặc biệt là trận lụt tháng 10/1952 tàn phá nặng nề ở thượng nguồn sông Đồng Nai làm cho đời sống của người dân các buôn làng vô cùng khó khăn, ảnh hưởng đến công tác vận động quần chúng và xây dựng cơ sở cách mạng. Do đó vùng Cát Tiên lại trở thành vùng trắng cơ sở cách mạng cho đến ngày Hiệp định Giơ - ne -vơ được ký ngày 20/7/1954.

Như vậy, giai đoạn lịch sử từ sau 1945 đến năm 1954, trong cuộc trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, vùng đất Cát Tiên lúc bấy giờ chưa phải là mặt trận chính. Cả ta và địch chưa đủ điều kiện xây dựng thực lực hoặc thiết lập sự kiểm soát chặt chẽ vùng này. Song tại đây cũng đã diễn ra quá trình đấu tranh xây dựng cơ sở cách mạng của ta và địch. Sự chuyển biến trong nhận thức, ý thức giác ngộ cách mạng bước đầu trong vùng đồng bào các dân tộc thiểu số ở Cát Tiên lúc bấy giờ đã góp phần quan trọng để cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi hoàn toàn và sau này trở thành căn cứ địa vững chắc cho cách mạng trong thời kỳ chống Mỹ.

CHƯƠNG III

QUÂN VÀ DÂN CÁT TIÊN TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954 - 1975)

I. Xây dựng căn cứ địa cách mạng và khai thông hành lang Bắc – Nam (1954 - 1960)

1. Tình hình vùng Cát Tiên từ sau Hiệp định Giơ-ne-vơ (1954-1959)

Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký vào ngày 20/7/1954 về hòa bình ở Đông Dương. Nhân dân Việt Nam nói chung và nhân dân Đồng Nai Thượng vui mừng, hân hoan chờ đón ngày tổng tuyển cử thống nhất đất nước vào ngày 20/7/1956.

Ngay sau khi ký Hiệp định Giơ-ne-vơ, chính quyền Ngô Đình Diệm đã vi phạm Hiệp định, trắng trợn chối bỏ việc tiến hành hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà. Trên toàn Miền Nam nói chung, các tỉnh Đồng Nai Thượng và Phước Long nói riêng, tình hình diễn biến khá phức tạp.

Để thực hiện mưu đồ thống trị, chúng tiến hành các hoạt động nhằm đàn áp phong trào cách mạng, phát động chiến dịch “Tổ cộng, diệt cộng”, lập các khu dân sinh, khu trù mật, thực hiện “Trung cầu dân ý” giả tạo, càn quét vào các vùng kháng chiến cũ, hòng tạo ra một bộ mặt hoàn toàn mới ở miền Nam, hắt chân cách mạng, chia cắt lâu dài đất nước.

Ở Cát Tiên và các vùng lân cận như Đạ Tẻh, Lộc Bắc đến trước năm 1959 vẫn là khu tự do của các dân tộc Mạ, Xtiêng. Ta chưa kịp củng cố và xây dựng các cơ sở cách mạng. Về phía địch, tuy chính quyền Ngô Đình Diệm đã cố gắng xây dựng bộ máy cai trị bằng nhiều âm mưu, thủ đoạn, nhưng chúng cũng không thiết lập được sự kiểm soát ở vùng này. Địch đã thiết lập

sự kiểm soát dọc Quốc lộ 20 từ Ma Đa Guôi đến đèo Bảo Lộc, chúng đã lập các ấp chiến lược gom dân tại Ma Đa Guôi, Kim Hùng, Đa M'ri,... cuộc sống của người dân trong vùng ấp chiến lược rất cơ cực trong cảnh “Cá chậu, chim lồng”.

Ở hướng Bù Đăng tỉnh Phước Long, địch ra sức dồn dân để kiểm soát nhằm tách nhân dân khỏi cách mạng. Đến năm 1959, địch đã xây dựng được 25 ấp chiến lược dọc Quốc lộ 14 từ km 22 đến km 94, có 19 buôn làng của người dân tộc thiểu số ở vùng sâu nhất cũng bị dồn dân vào ấp chiến lược. Dân từ các nơi khác được chính quyền Diệm đưa tới, định cư, lập ấp tạo ra cuộc sống sung túc giả tạo xung quanh các vị trí trọng yếu của địch.

Các nơi địch chưa kiểm soát được, chúng ra sức càn quét bắn phá kết hợp với các thủ đoạn chia rẽ, lôi kéo, mua chuộc nhằm gây thù hằn hiềm khích giữa các buôn làng, các dân tộc với nhau, đồng thời cường bức đồng bào về các khu tập trung do địch kiểm soát.

Để thực hiện âm mưu xâm lược miền Nam, Mỹ - Diệm đã tiến hành chia tách các tỉnh. Theo sắc lệnh 143/VN ngày 20/10/1956 của chính quyền Ngô Đình Diệm về việc tách và thành lập tỉnh Bình Long và Phước Long, vùng Cát Tiên thuộc tỉnh Phước Long. Như vậy địa bàn Cát Tiên trở thành vị trí khá quan trọng. Từ chiến khu Đ phát triển lên phía Bắc khoảng 30 km vượt sông Đồng Nai là tới Cát Tiên. Từ đây có thể vượt qua tỉnh Phước Long đến căn cứ của Trung ương Cục miền Nam (tại huyện Tân Biên, Tây Ninh). Vì vậy, địch ra sức đánh phá để kiểm soát và khống chế, nhưng đến năm 1960 vùng này chúng chưa kiểm soát được.

Âm mưu thâm độc của kẻ thù đã không được đồng bào tại chỗ chấp nhận vì trái với phong tục tập quán lâu đời, hơn nữa

âm mưu và bản chất của đế quốc tay sai của Mỹ - Ngụy đã không lừa bịp được đồng bào, phần đông bà con tìm cách phá ấp chiến lược, trở về với buôn làng, về với cách mạng.

Về phía cách mạng, sau khi ký Hiệp định Giơ-ne-vơ, một mặt ta chủ trương đấu tranh đòi kẻ thù nghiêm chỉnh thực hiện hiệp định, mặt khác ta đã chủ trương giữ gìn lực lượng cách mạng lâu dài. Ngoài việc thực hiện chuyển lực lượng cách mạng tập kết ra miền Bắc, một mặt ta chủ động cài cắm và gây dựng lực lượng cho miền Nam, đồng thời triển khai lực lượng về các vùng căn cứ đã xây dựng thời chống Pháp. Cát Tiên nằm trong vùng được xác định để khai thông hành lang Bắc – Nam cho cách mạng phát triển.

2. Quân và dân Cát Tiên thực hiện nhiệm vụ khai thông hành lang chiến lược Bắc – Nam (1959 – 1960)

Thực hiện Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa II), Bộ Chính trị chủ trương xây dựng Tây Nguyên thành căn cứ vững chắc của cách mạng miền Nam. Tháng 3/1959, Bộ Chính trị ra chỉ thị về nhiệm vụ trước mắt của Tây Nguyên đã nhấn mạnh: “Nhìn chung thì cả Tây Nguyên là căn cứ chính của miền Nam, trong đó vùng Nam Tây Nguyên có vị trí quan trọng nhất đối với địch cũng là nơi giữ vị trí cơ động của ta giữa Trung và Nam Bộ, giữa Tây Nguyên và Sài Gòn – Chợ Lớn. Vì vậy hướng chính là phải nỗ lực xây dựng phía Nam Tây Nguyên¹⁹.”

Đầu tháng 11/1959, Xứ ủy Nam Bộ triệu tập hội nghị gồm các đồng chí Bí thư Tỉnh ủy các tỉnh của Nam Bộ tại Trảng Chiên (Tây Ninh) để quán triệt Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa II), Nghị quyết nêu rõ “Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa

¹⁹ Một số văn kiện Đảng về chống Mỹ cứu nước tập I, NXB Sự Thật 1985-Tr 117

giành chính quyền về tay nhân dân... lấy sức mạnh của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ chính quyền thống trị đế quốc và phong kiến, dựng nên chính quyền cách mạng nhân dân”²⁰...

Để thực hiện được nhiệm vụ trên, ngày 25/5/1959 Ban Tổ chức Chính phủ và Bộ Quốc phòng thành lập Đoàn B90 bao gồm các cán bộ chiến sĩ của các đơn vị miền Nam tập kết để trở về miền Nam. Đoàn gồm 27 người do đồng chí Trần Quang Sang và Phùng Đình Ấm phụ trách, bắt đầu hành quân từ ngày 20/6/1959 đến ngày 30/9/1959 tới buôn Xa Nan (tỉnh Quảng Đức). Từ đây Đoàn B90 chia thành 3 đội, trong đó một đội gồm 4 đồng chí: Phạm Văn Nhường (tức Năm Nhường), Phan Văn Lạc (Tur Lạc), Hoàng Minh Đỏ (Ba Đen) và đồng chí Trần Văn Thời là y sĩ về vùng Bắc B’Lao – Cát Tiên ngày nay. Theo lệnh của Trung ương trong quý I/1961 phải nổi thông đường Bắc – Nam.

Sau khi nhận được điện của Trung ương, tháng 9/1959 Khu ủy miền Đông Nam Bộ đã cử 1 đội chia thành 2 tổ. Trong đó một tổ do đồng chí Phạm Hồng Sơn (Hai Hồng Sơn) phụ trách tiến theo hướng Đông Bắc vượt sông Đồng Nai sang vùng Cát Tiên vừa xoi đường đón bộ phận của B90 vừa tìm địa bàn xây dựng cơ sở cách mạng.

Ngày 6/6/1960, từ chiến Khu Đ Ban chỉ huy C200 đã cử một đội gồm 18 đồng chí²¹ có điện đài để liên lạc do đồng chí Phạm Hồng Sơn và Nguyễn Trọng Tâm phụ trách. Đội này trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, đã tận tình chữa bệnh cho ông già K’Tranh – một già làng thuộc buôn Bù Run

²⁰ Một số văn kiện của Đảng về chống Mỹ cứu nước tập I. NXB Sự Thật 1985 – Tr 117.

²¹ Trong đó có đồng chí B’Ren người dân tộc thiểu số tại chỗ dẫn đường.

(nay thuộc xã Gia Viễn). Việc làm này đã từng bước cảm hóa và giác ngộ cách mạng cho ông, sau đó chính K'Thanh đã làm nhiệm vụ dẫn đường để đội xoi đường theo hướng Bắc đón đoàn B90.



Đồng chí Hoàng Minh Đồ
(Ba Đen) – nguyên Cán bộ
đoàn B90 trong kháng chiến
chống Mỹ

Đầu tháng 8/1960, đội 2 Đoàn B90 gồm 4 đồng chí từ Quảng Đức tiến xuống phía Bắc B'Lo, giữa tháng 8 vượt suối Đạ R'tý (nhánh suối chảy ra sông Đồng Nai), vì nước lớn không qua được, đồng chí Trần Văn Thời là y sĩ đã hy sinh trong khi vượt suối. Đầu tháng 10/1960 nước sông Đồng Nai rút, B90 đã tổ chức cho 4 đồng chí: Phan Văn Lạc (Tư Lạc), Hoàng Minh Đồ (Ba Đen), Phạm Văn Nhường (Năm Nhường) và Tư Định trở lại vàm Đạ R'tý để bắt liên lạc với C200 ở phía Nam lên.

Đến 16 giờ ngày 30/10/1960, hai đội có nhiệm vụ khai thông hành lang chiến lược: một của đoàn B90, một của C200 đã gặp nhau tại vàm Đạ R'tý. Kết quả này đã thể hiện sự đúng đắn quyết tâm chiến lược của trên, đồng thời là sự nỗ lực vượt qua gian khổ của cán bộ chiến sỹ hai đội, cũng như sự tham gia giúp đỡ của đồng bào. Chính việc khai thông được hành lang này đã góp phần phá thế chia cắt và cô lập lực lượng vũ trang cách mạng, giúp cách mạng khai thông, tăng cường lực lượng cũng như chuẩn bị cho việc thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, cuộc hội ngộ lịch sử này đánh dấu sự kiện quan trọng của cách mạng miền Nam trong cuộc kháng

chiến chống Mỹ cứu nước, mở đầu cho sự chi viện cả sức người, sức của từ miền Bắc vào miền Nam. Đặc biệt vùng Cát Tiên nằm ở Nam Tây Nguyên được coi là một địa bàn trọng yếu được Đảng quan tâm xây dựng về mọi mặt và trở thành căn cứ của Khu ủy Khu 6, Khu 10, tỉnh Lâm Đồng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ (1960-1975).

II. Tăng cường xây dựng vùng căn cứ cách mạng, góp phần cùng cả nước tiến hành thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ (1960 - 1975)

Ở miền Nam, địch tăng cường xây dựng bộ máy chính quyền tay sai, Mỹ can thiệp trực tiếp vào miền Nam Việt Nam để xây dựng lực lượng nguy quân nguy quyền làm công cụ đàn áp cách mạng. Mỹ - Diệm lê máy chém đi khắp miền Nam, phát động nhiều cuộc tố cộng, diệt cộng, tìm mọi cách tách lực lượng cách mạng ra khỏi nhân dân với phương châm “Tát nước bắt cá”, chúng đã gây cho cách mạng nhiều khó khăn nhất là việc xây dựng lực lượng ở cơ sở.

Trước những chính sách tàn bạo của kẻ thù, phong trào Đồng Khởi đã nổ ra, lan rộng, đã ảnh hưởng đến phong trào cách mạng của cả nước, thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang. Ngày 20/12/1960 Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời, đánh dấu thời kỳ tập hợp, phát triển của lực lượng cách mạng miền Nam. Ta chuẩn bị mọi mặt cho cuộc đấu tranh mới với Mỹ - Ngụy, trong đó triển khai rộng rãi các vùng căn cứ địa cách mạng, sẵn sàng đánh Mỹ - Ngụy lâu dài.

1. Vùng Cát Tiên với nhiệm vụ xây dựng hậu cứ khu 6, khu 10 và địa bàn đứng chân của Tỉnh ủy Lâm Đồng (1960 – 1962)

Với chỉ thị của Bộ Chính trị ngày 31/01/1961 về: “Phương hướng và nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam”. Đồng

chí Nguyễn Văn Linh (Mười Cúc) đã quán triệt cho các đơn vị ở hậu cứ: “Ta đã có vùng đất sản xuất và hành lang như vậy nhưng chưa đủ, phải mở rộng thêm phần đất sản xuất để đón anh em ở ngoài Bắc vào có lương ăn. Phải mở rộng ra đến Kiến Đức, Bù Đăng... đồng thời xây dựng cơ sở tiếp tế từ ngoài Bắc vào và cả Sài Gòn lên”...

Do đó sau khi hoàn thành nhiệm vụ đón Đoàn B90 khai thông hành lang Bắc – Nam, C200 tiếp tục thực hiện nhiệm vụ mới là xây dựng vùng Cát Tiên về mọi mặt để trở thành hậu cứ cách mạng. Tháng 3/1961, đồng chí Tư Nguyễn (Đỗ Văn Nuông) làm chính trị viên C200, ban đầu với 17 cán bộ, chiến sĩ đến cuối năm 1961 lực lượng đã được bổ sung thành một đại đội có 16 trung đội (b) vừa sản xuất vừa làm nhiệm vụ của các trạm trong hành lang chiến lược. Mỗi b có từ 25-40 chiến sĩ, phần lớn là thanh niên của các tỉnh đồng bằng: Long An, Tây Ninh, Sài Gòn – Chợ Lớn, Bình Dương lên. Có 3 máy vô tuyến để liên lạc, sau này khi Tỉnh ủy Lâm Đồng thành lập các phương tiện này được chuyển cho Tỉnh ủy Lâm Đồng để làm nhiệm vụ thông tin liên lạc. Với trách nhiệm xây dựng hậu cứ cách mạng tại vùng Cát Tiên, nhiệm vụ C200 lúc này khá đa dạng: Trong 16b thì có 8b làm nhiệm vụ sản xuất để đáp ứng nhu cầu lương thực, thực phẩm cho Trung ương Cục. Đơn vị b10, b12, b20, do các đồng chí Chắt, Thiên, Xuân làm b trưởng sản xuất lúa ở Bù Gor. b18, đồng chí Tám Nghiệp làm b trưởng có bộ phận sản xuất giấy ở Bù Run. Đặc biệt là b13 do đồng chí Nguyễn Ái Cựơc (Bảy Cựơc) phụ trách chuyên đóng thuyền khai thác cá sản xuất thực phẩm khô và nước nắm ở dốc Đá



Đồng chí Đỗ Giáp Xuân
nguyên b trưởng
trạm hành lang C200

Mài, thường xuyên có đến hàng trăm thùng, bọng, chum chốe²²,... muối đầy cá và đầy nước mắm. Điều đáng ghi nhận là quá trình xây dựng hậu cứ cách mạng, C200 đã vận động khá tốt đồng bào Châu Mạ, Xiêng ở các buôn làng cùng tham gia đóng góp, phục vụ cách mạng, cụ thể gia đình cụ K'Tranh đã giúp cho cách mạng 3 con trâu, hơn sáu chục tổ, sa lung²³ để đơn vị C200 dùng để muối, mắm. Sự đóng góp của gia đình dân tộc Mạ này đối với cách mạng vô cùng to lớn cả về vật chất lẫn tinh thần, bằng uy tín của chính mình ông đã vận động bà con buôn làng tham gia đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến. Nhìn vào tấm gương cụ K'Tranh, đông đảo bà con đã góp công, góp sức cho cách mạng hết sức tự giác.

Các đơn vị làm nhiệm vụ ở các trạm giữ vững hành lang chiến lược đã được khai thông và tiếp tục mở rộng hành lang Đông – Tây từ Trung ương Cục ngang qua tỉnh Phước Long, Lâm Đồng về cực Nam Trung Bộ như Ninh Thuận, Bình Thuận, trong đó vùng Cát Tiên nằm trên hành lang Bắc - Nam và Đông – Tây.



Đồng chí Trần Tấn Công
nguyên Trung đội trưởng
bảo vệ hành lang C200

Nhờ có sự chỉ đạo đúng đắn và nỗ lực của C200 kết hợp với sự giúp đỡ bảo vệ của đồng bào các dân tộc, từ cuối năm 1961 hành lang Bắc – Nam luôn được giữ vững, hành lang Đông – Tây được mở rộng tạo sự phối hợp phong trào cách mạng giữa các chiến trường. Đặc biệt là dựa vào sự giúp đỡ và bảo vệ của nhân dân, bộ phận bảo vệ hành lang do đồng chí Trần Tấn Công phụ trách đã đưa đón nhiều

^{22, 23} Các vật dụng của đồng bào dân tộc.

đoàn cán bộ cao cấp và quân đội qua lại vùng Cát Tiên theo hành lang chiến lược, trong đó có luật sư Nguyễn Hữu Thọ, Trần Nam Trung, Võ Chí Công và nhiều đồng chí lãnh đạo cao cấp về Trung ương Cục miền Nam. Với 9 trạm của hành lang như trạm đồng chí Chuối, trạm đồng chí Bình, trạm Bù Khiêu (đồng chí Hoàng), Trạm Bù Sa Lu Xiên (đồng chí Thanh), đến trạm Tư Anh... đã nối liền từ chiến Khu Đ đến Nam Đắc Lắc, từ Trung ương Cục về cực Nam Trung Bộ cắt ngang qua Quốc lộ 14 và 20 tạo những điều kiện thuận lợi cho cách mạng miền Nam.

Sau khi mở rộng hành lang và thông qua một số quần chúng có cảm tình với cách mạng như chị Tám Thanh ở hướng đường 14 và chị Phụng, chị Sáu Hương ở đường 20, một số lượng lớn gạo và các nhu yếu phẩm cần thiết như muối, vải, thuốc men được vận chuyển vào hậu cứ thông qua hành lang Đông – Tây, trong suốt thời gian từ đầu năm 1961 đến khi đất nước thống nhất, hàng nghìn tấn gạo sản xuất tại chỗ được chuyển đi phục vụ các chiến trường ở Khu 6 và Khu 10.

Do đẩy mạnh tăng gia sản xuất và đất đai màu mỡ nên lượng lương thực, thực phẩm không những đáp ứng được cho quân số 400 người của đơn vị mà còn cung cấp cho các nơi khác và cán bộ công tác qua lại vùng này. Ngoài sản xuất và nối thông hành lang chiến lược, C200 còn thực hiện một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng đó là tuyên truyền vận động đồng bào dân tộc, thực hiện chủ trương 3 cùng: “Cùng ăn, cùng ở, cùng làm”, hướng dẫn, tổ chức cuộc sống, tuyên truyền vận động nhân dân. Đồng bào thiểu số ở các buôn làng được giác ngộ và một lòng, một dạ tin tưởng tuyệt đối cách mạng, cống hiến cho cách mạng.

Ngày 31/8/1961, tại đầu nguồn sông La Ngà thuộc xã Lộc Lâm (Bảo Lâm) Ban cán sự Đảng tỉnh Lâm Đồng được thành lập lấy phiên hiệu B7 trên cơ sở hợp nhất 2 bộ phận Bắc và Nam đường 20. Ban cán sự gồm 3 đồng chí: Trần Quang Sang (Ba Thọ) làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Xuân Du (Tám Cảnh) và

đồng chí Lê Đạo là Ủy viên. Sau khi thành lập, Ban cán sự Đảng đã đề ra nhiệm vụ lãnh đạo việc mở rộng phong trào ở 2 phía Bắc và Nam đường 20 để xây dựng và củng cố hành lang chiến lược trên đất Lâm Đồng, thống nhất các đội công tác trên địa bàn Lâm Đồng, hình thành bộ máy để lãnh đạo phong trào đấu tranh chống Mỹ - Diệm. Đồng thời cũng trong hội nghị thành lập ban cán sự Đảng đã bàn bạc và chuẩn bị một số nội dung để thành lập Tỉnh ủy Lâm Đồng.

Sau một thời gian làm nhiệm vụ vận động tuyên truyền, xây dựng cơ sở cách mạng trong đồng bào dân tộc, vùng Cát Tiên thật sự trở thành hậu cứ cung cấp, tiếp nhận và chuyển tải lương thực, hậu cần cho địa bàn cách mạng khá rộng lớn. Cuối năm 1961, C200 chuyển sang làm nhiệm vụ chiến đấu trực tiếp.

Cuối tháng 12/1961, sau khi được Trung ương Cục bổ sung một số cán bộ cho tỉnh Lâm Đồng và dựa vào lực lượng cán bộ của B7 và C200, tại Bù Run (Gia Viễn) Tỉnh ủy Lâm Đồng được thành lập. Tỉnh ủy lúc này trực thuộc Trung ương Cục miền Nam gồm 9 đồng chí: đồng chí Phạm Thuần làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Xuân Du, Võ Dũng (Năm Nam), Đỗ Văn Nuông (Tư Nguyên) được bầu vào Ban Thường vụ.

Đầu tháng 2-1962, Tỉnh ủy Lâm Đồng họp tại Bù Run đề ra nhiệm vụ: Thành lập các tổ chức Đảng để trực tiếp chỉ đạo từng địa bàn trong tỉnh, xây dựng cơ sở cách mạng ở vùng III, mở rộng phong trào ở Bù Sa Lu Xiên (thôn 5) đến Bù Run, Bù Gor, Bù Khiêu,...

Thực hiện nhiệm vụ của Tỉnh ủy Lâm Đồng, phạm vi địa bàn hoạt động của C200 trước đây và một số vùng lân cận được nhanh chóng xây dựng về mọi mặt, bảo vệ vững chắc hành lang chiến lược và mở rộng hậu cứ ra các vùng xung quanh. Sau khi hành lang chiến lược Bắc Nam được khai thông, trước yêu cầu xây dựng cơ sở cách mạng và khi Tỉnh ủy Lâm Đồng chuyển xuống Đạ Mí (địa bàn Đạ Tẻh) thì cử một tổ ở lại để bám nắm

địa bàn, xây dựng cơ sở và phong trào cách mạng ở vùng III, K1, K4,..., đồng chí Ba Đen (Hoàng Minh Đồ) đã được tổ chức phân công cùng với một số đồng chí khác là Ba Tỏi (dân tộc Châu Ro), Trương Công Minh, Sáu Xoa (nữ) ở lại xây dựng cơ sở cách mạng, bước đầu chuẩn bị các điều kiện xây dựng bộ máy chính quyền và các đoàn thể ở các xã.



Đồng chí Phạm Thuận – nguyên UVBT Tỉnh ủy - nguyên Chỉ huy trưởng bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lâm Đồng tại Hội thảo



Đồng chí Phạm Văn Nhường,
Tỉnh ủy viên, Bí thư K ủy
K50, K59 (1962-1966)

Ngày 15/2/1961, Trung ương Cục triệu tập hội nghị tại chiến Khu Đ để thống nhất các lực lượng vũ trang miền Nam thành quân đội giải phóng miền Nam. Tháng 2/1961, do yêu cầu của tình hình mới và để thuận lợi cho việc chỉ đạo các chiến trường, Trung ương Cục thành lập Khu 10 gồm 3 tỉnh: Lâm Đồng, Quảng Đức và Phước Long. Trong năm 1962, Khu 10 sát nhập vùng K5 thuộc Lâm Đồng và một phần K9 (Quảng Đức) thành K59

dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy Lâm Đồng, toàn bộ vùng Cát Tiên thuộc K59 và phong trào cách mạng thuộc sự lãnh đạo trực tiếp của K59 (sau này còn một số lần điều chỉnh địa bàn thuộc Khu 10 và Khu 6 nữa).

2. Tăng cường xây dựng lực lượng tại chỗ, hình thành các đơn vị hành chính, đánh bại các trận càn của địch để bảo vệ vững chắc hậu cứ cách mạng ở địa bàn Cát Tiên (1963 – 1970)

Để đáp ứng yêu cầu của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới và chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, tình hình và thực lực chính trị cách mạng trong vùng đồng bào dân tộc có bước phát triển mới. Ta chủ trương thành lập các đơn vị hành chính, xây dựng đoàn thể cách mạng để đáp ứng yêu cầu cách mạng đang đặt ra.

Đầu năm 1963, K59 tăng cường cán bộ xuống các địa bàn để xây dựng phong trào và chuẩn bị thành lập các xã. Công tác phát triển Đảng ở vùng dân tộc tại chỗ được chú trọng. Từ năm 1963 đến 1966 các xã 2, 3, 4, 5, 6 trực thuộc K59 (thuộc huyện Cát Tiên ngày nay) lần lượt ra đời.

+ Xã 2: gồm 5 buôn: Ranh Đon, Ranh Nhung, Bù Khiêu, Bù Đạt, Ranh Dết, thành lập ban chỉ huy xã đội với 25 du kích và 35 dân quân. Cán bộ tăng cường của K59 là đồng chí Huỳnh. Đến năm 1968 sau khi kết nạp được 4 đảng viên, đã thành lập Chi bộ Đảng xã 2 do đồng chí Điều Đon làm Bí thư, năm 1974 số đảng viên của chi bộ này là 12 đồng chí. Sau khi thành lập, ban lãnh đạo xã đã chú trọng công tác bố phòng xây dựng buôn, xã chiến đấu, đào hầm, vót chông, cài bẫy để bảo vệ căn cứ cách mạng.

+ Xã 3: Cán bộ tăng cường là đồng chí Châu, gồm 5 buôn: Ranh Trót, Ranh Xon, Bù Run Đông, Ranh Lá, Ranh Đài. Ban chỉ huy xã đội gồm 3 đồng chí, du kích xã 20 người. Chi đoàn xã 3 có 5 đoàn viên (1 nữ). Năm 1966 thành lập Chi bộ với 4 Đảng viên do đồng chí Điều Mo làm Bí thư, đến năm 1972 số

đảng viên của xã 3 là 8 đồng chí, nhiều năm liền Chi bộ 3 được K ủy K59 công nhận là Chi bộ 4 tốt.

+ Xã 4: Cán bộ tăng cường là đồng chí Mười Hà, gồm 5 buôn: Ranh Đa, Dinh Lúy, Con Ó, Dinh Tân, Rum Lây, Du kích xã gồm 30 người. Một chi đoàn thanh niên có 9 đoàn viên (4 nữ). Năm 1966, thành lập Chi bộ với 4 đảng viên do đồng chí Điều Khăng làm Bí thư. Năm 1971, số đảng viên của Chi bộ là 18 đồng chí.

+ Xã 5: Cán bộ tăng cường là đồng chí Út Minh và đồng chí Hai Lập, gồm các buôn: Pi Nao, Bù Trọ, Bù Gia Rá, Bù Gia Rá Đa, Mạ, Bù Sa Lu Xiên. Du kích có 42 người dân quân có 65 người, Chi đoàn thanh niên có 13 đoàn viên (3 nữ). Năm 1966 thành lập Chi bộ với 5 đảng viên do Điều Đoi làm Bí thư. Đến năm 1974 số đảng viên của Chi bộ là 24 đồng chí.

+ Xã 6: Cán bộ tăng cường là đồng chí Ba Vinh (Nguyễn Đức Tùng) và đồng chí K'Bá, gồm các buôn: Đa Xi, Bù Run, Mạ, Buôn Go 1, Buôn Go 2, Buôn Băng²⁴, du kích xã có 28 người, chi đoàn có 8 đoàn viên (2 nữ). Năm 1966 thành lập Chi bộ với 7 đảng viên do K'Bá làm Bí thư. Năm 1972 số đảng viên của Chi bộ là 15. Vũ khí đủ trang bị cho 2/3 số du kích của các xã.

Như vậy, từ năm 1963 đến 1966 các xã và chi bộ Đảng ở vùng căn cứ lần lượt được thành lập, mỗi xã đều có Ủy ban xã, ban thôn có lực lượng du kích, dân quân và các đoàn thể quần chúng. Đặc biệt là phụ nữ hoạt động tốt và thường xuyên. Phụ nữ xã 5 do chị K'Thị Huệ phụ trách hoạt động khá mạnh, mở nhiều lớp tập huấn thu hút được 40 chị tham gia, thường xuyên vận động chị em đào hầm, vót chông cảnh giác đề phòng khi địch tập kích hoặc đánh phá. Sau khi thành lập, Chi bộ các xã và

²⁴ Một số Buôn của xã trên ngày nay thuộc huyện Bù Đăng – Bình Phước, một số buôn không còn dân cư sinh sống.

cán bộ chính quyền từ xã đến thôn tổ chức hướng dẫn các buôn bố phòng xây dựng buôn làng chiến đấu, đào hầm vót chông bảo vệ buôn làng, nung rẫy, gần 1000 dân của các xã đều tin tưởng và ủng hộ cách mạng.

Đối với các buôn làng và các xã thuộc vùng Cát Tiên, trong kháng chiến chống Pháp rồi chống Mỹ đây là mốc quan trọng là đã xây dựng được đơn vị hành chính đến cơ sở mà trong một thời gian dài trước đó chưa làm được.

Việc xây dựng được các đơn vị hành chính là kết quả của sự chỉ đạo sáng suốt của Tỉnh ủy Lâm Đồng, K59 và từ cơ sở cách mạng của C200 có ý nghĩa rất lớn trong việc động viên sức người, sức của tại chỗ cho cách mạng, cùng với các đơn vị vũ trang đã bảo vệ vững chắc hậu cứ của Khu 6, Khu 10, Tỉnh ủy Lâm Đồng và K59.

Sự lớn mạnh của phong trào cách mạng Miền Nam làm cho vùng địch kiểm soát ở địa bàn nam Tây Nguyên và Đông Nam Bộ ngày càng bị thu hẹp. Thế ba vùng chiến lược của ta ngày càng phát huy tác dụng buộc địch càng bị động đối phó. Ngày 28/3/1961 hưởng ứng phong trào Tây Nguyên tự trị, Đảng tổ chức hội nghị đại biểu các dân tộc phía Bắc đường 20 tại buôn Bờ Đẳng (Lộc Bắc). Đại hội đã tán thành chương trình 10 điểm của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, bầu ra Ban lãnh đạo của 48 buôn với 23 đại biểu, 2 đại biểu của Bù Sa Lu Xiên tham gia.

Sau đó vào tháng 8/1962, Mặt trận dân tộc giải phóng tỉnh tổ chức Đại hội tại Pi Cút Đạ (Đạ Tẻh) bầu ra ban lãnh đạo gồm 33 vị thay mặt cho hơn 7.000 đồng bào. Ông Ma Hương được bầu làm Chủ tịch. Hội nghị đã bàn bạc các vấn đề như đại đoàn kết dân tộc giữa các buôn, xây dựng căn cứ cách mạng, phát triển lực lượng du kích, cải tạo đất đai, phát triển sản xuất...

Sau Đại hội Mặt trận Dân tộc giải phóng tỉnh Lâm Đồng tỉnh thần đoàn kết giữa các dân tộc, các buôn làng và sự phối hợp phong trào cách mạng giữa các vùng càng được tăng cường.

Về phía địch, chúng nhận thấy sự lớn mạnh của các phong trào cách mạng, đánh hơi thấy nhiều cơ sở địa bàn tổ chức cách mạng đã và đang hình thành, vùng địa bàn rừng núi hiểm trở đã bất lợi cho chúng. Mỹ - ngụy ra sức tung lực lượng đánh phá cách mạng vào các khu hậu cứ của ta.

Cuối tháng 9/1961, Mỹ - Ngụy mở cuộc càn lớn đầu tiên vào Cát Tiên nhằm thực hiện: Đánh phá hành lang chiến lược, đánh phá hậu cứ của ta và dồn dân vào ấp chiến lược.

Địch tiến theo hai cánh: cánh thứ nhất từ Tân Rai, Hăng Ca xuống Bù Sa Lu Xiên (phía Bắc Cát Tiên), khi hành quân đến suối Đa Ria thì bị ta phục kích. Tổ phục kích của ta gồm một số đồng chí của B2, C200 gài 1 quả mìn Ba Rô (định hướng), làm chết tại chỗ vài tên và một số bị thương. Bị phục kích bất ngờ và bị thương vong một số, địch ra sức càn quét, đốt phá, cướp đi một số lương thực, thực phẩm của đồng bào tại buôn Bù Sa Lu Xiên rồi cướp bè của dân vượt sông Đồng Nai rút về Phước Long. Trận càn của địch lần thứ nhất vào vùng Cát Tiên bị thất bại. Cánh thứ 2 từ Tà Lài, Ma Đa Guôi tiến vào. Bộ binh đi tới đâu được máy bay và pháo bắn phá dọn đường, dùng loa kêu gọi cán bộ chiêu hồi và dồn dân vào ấp chiến lược. Cánh từ Ma Đa Guôi tiến vào vùng đồng trũng, ngập nước không có đường giao thông nên chỉ một số ít tiến đến được Bù Gor, bị lực lượng của C200 chặn đánh nên vượt sông Đồng Nai về Phước Long.

Cuối tháng 12/1962 Mỹ - Ngụy lại cho máy bay đổ 1 tiểu đoàn xuống khu vực Bù Run và đồi Độc Lập (Bù Gor). Mục tiêu lần này là đánh vào cơ quan Tỉnh ủy Lâm Đồng và đánh

phá kho tàng của ta. Khi địch nhảy dù bị ta đánh trả, một bộ phận lọt vào trận địa của đại đội 1 và b trinh sát của tỉnh Lâm Đồng, địch chết một số tên. Một số dù rơi vướng mắc vào cây cao, rừng mun dày đặc, chị Sương là chiến sĩ C1 của Lâm Đồng tay không bắt sống lính dù địch khi tên này mắc vào lùm cây chưa hoàn hồn, đồng chí Hai Thanh và Tư Đen cũng đánh địch và diệt được một số tên. Ta thu nhiều chiến lợi phẩm gồm: hàng trăm dù và một số vũ khí, cuộc đổ bộ càn quét bằng đường không của địch tiếp tục bị thất bại.

Sau hai trận chống càn thắng lợi, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy Lâm Đồng, chính quyền các xã và các buôn ngày càng trưởng thành, nhân dân các buôn làng càng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào cách mạng.

Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời là nhân tố quan trọng để tổ chức, tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân vào cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

Từ năm 1963 trở đi, địch tăng cường đánh phá hậu cứ của ta bằng máy bay, phi pháo, tung thám báo, biệt kích đặc biệt là rải chất độc hóa học và ném bom Na Pan với mật độ và quy mô đánh phá ngày càng lớn và ác liệt. Liên tục trong những năm 1964-1968, cả vành đai xung quanh trạm giao liên H50 (thuộc Phước Cát 2) từ xã 5 – Bù Run – Bù Gor đến giáp sông Đồng Nai địch ném bom Na Pan hủy diệt những cánh rừng già. Những cây Sao, Bằng Lăng đường kính thân cây rất lớn bị cháy khô còn vết tích cho đến ngày nay đã minh chứng cho cuộc chiến tranh hủy diệt của Mỹ ở Việt Nam.

Trong vòng 10 năm (1963-1973) đế quốc Mỹ đã sử dụng một lượng rất lớn (72.317.000 lít) chất độc hóa học, trên toàn miền Nam Việt Nam chúng tập trung rải 5 điểm trọng yếu: Bạch Mã - A Lưới (Thừa Thiên), Sa Thầy (Kon Tum), Cần Giờ

(Thành phố Hồ Chí Minh), Năm Căn (Cà Mau) và chiến Khu Đ - nam Đắc Lắc²⁵. Trong đó, toàn bộ diện tích huyện Cát Tiên ngày nay nằm lọt trong trọng điểm thứ 5 này.

Năm 1962, gần 40% diện tích toàn huyện ngày nay bị rải chất độc hóa học, cả các vùng phụ cận bao quanh huyện như vành đai Đắc Lua (Đồng Nai) – Bù Đăng (Bình Phước), Lộc Bắc - Lộc Bảo (huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng) cũng bị rải rất dày. Chúng đã sử dụng từ 14.724 lít đến 25.441 lít để hủy diệt sự sống ở vùng căn cứ, trong đó 392 ha của huyện Cát Tiên rải đi rải lại nhiều lần, có nơi rải đến 4 lần²⁶. Có thời kỳ cây mì đến độ thu hoạch sau 30 phút bị rải chất độc hóa học khi nhổ lên củ biến thành màu xanh, mãi về sau ta mới có kinh nghiệm khi đến thời điểm thu hoạch là chặt sát gốc để không hư củ mì khi bị địch rải thuốc.

Cuộc sống gần 1000 dân và các đơn vị vũ trang cách mạng trong vùng Cát Tiên lúc bấy giờ rất khổ cực, đất đai, nước bị nhiễm độc không sản xuất được, nếu có canh tác lúa cũng không được thu hoạch do ảnh hưởng của chất độc hóa học và địch đánh phá.

Phần lớn lao động chính ở các buôn làng đã đi tảo thương, tải đạn phục vụ các chiến dịch ở vùng lân cận Cát Tiên như: Đồng Xoài, Phước Long,... Một số đồng bào dân tộc các buôn phiêu bạt di cư đi nơi khác làm ăn sinh sống vì vậy ngày nay các buôn này chỉ còn lại tên mà không còn dân ở, đây chính là thời kỳ khó khăn nhất của các đơn vị vũ trang và dân cư ở vùng hậu cứ. Do địch đánh phá ác liệt như vậy, ngoài lương thực có thể tự túc tại chỗ được nhưng việc vận chuyển thuốc men và các nhu yếu phẩm khác từ miền Bắc vào và từ đồng bằng lên rất khó khăn. Trong khi đó cường độ đánh phá của địch ngày càng ác

^{25, 26} Tư liệu tại bảo tàng chiến tích chiến tranh – TP Hồ Chí Minh, Bản đồ chiến tranh Đông Dương : rải chất độc hóa học cụ thể: Rải lần 1 từ 1 – 28 lít/ha, lần 2,3 từ 28 – 84 lít/ha và lần 4 từ 85 lít/ha

liệt. Đặc biệt chúng đã sử dụng cả máy bay B52 ném bom vào đại đội thông tin Khu 6 ở Bù Run và các nơi đóng quân của Khu 6 ở xã 2 (nay là xã Phước Cát 2), phía ta có một số đồng chí hy sinh, trong đó có chị Nguyệt (chị nuôi của đại đội thông tin), anh Cường ở Tuyên huấn Khu ủy.

Vượt lên mọi khó khăn, cán bộ, chiến sĩ và đồng bào dân tộc các xã 2, 3, 4, 5 và 6 thuộc K59 hậu cứ Khu 6 lúc bấy giờ đã tổ chức cho nhân dân tiếp tục đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống và phục vụ nhu cầu cho một số Mặt trận.

Cuối tháng 11 năm 1963, sau khi được điều chỉnh lại, địa bàn Khu 6 gồm các tỉnh: Ninh Thuận, Bình Thuận, Tuyên Đức, Lâm Đồng, Quảng Đức, Phước Long. Cơ quan khu ủy và Quân khu đứng chân ở phía nam huyện Lắc (Đắk Lắk) và phía Bắc Đầm Ròn (Tuyên Đức) chuyển về đứng chân ở Bù Sa Lu Xiên thuộc địa bàn Cát Tiên. Chuẩn bị cho quá trình di chuyển, Khu ủy và Quân khu 6 chia thành hai bộ phận và hành quân theo hai hướng.

Bộ phận thứ nhất hành quân theo hướng Tây – Nam: gồm các đồng chí Trần Lê (Năm Hòa) Bí thư Khu ủy, Quân khu, tham mưu, chính trị của Quân khu do đồng chí Phạm Văn Kha chỉ huy hành quân theo đường buôn Sa Nan, Hăng No, Bê Tong (Khiêm Đức, Quảng Đức) qua buôn Đình Xiếc trạm giao liên Tư Anh về Bù Sa Lu Xiên điểm dừng chân cuối cùng là buôn Bù Run.

Bộ phận thứ hai hành quân theo hướng Đông – Nam: gồm đồng chí Vũ Anh Ba, Thường vụ Khu ủy phụ trách kinh tài cùng với một số đồng chí còn lại của Khu ủy và phòng Hậu cần Quân khu tiến xuống miền Tây Khánh Hòa, qua phía Bắc của các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận để về Lâm Đồng, điểm dừng chân cuối cùng là Tả ngạn sông Đồng Nai cách làng đồng bào Quảng Nam 1 km (thuộc xã Phước Cát 2 ngày nay). Đồng bào Quảng Nam

do Mỹ - Diệm đưa vào định cư xung quanh khu dinh điền Vĩnh Thiện thuộc Quận Bù Đăng. Từ năm 1961, ta hoạt động tuyên truyền mạnh ở khu dinh điền Vĩnh Thiện – Bù Đăng nên có 20 gia đình theo ta ra vùng căn cứ ở xã 2 gọi là làng Quảng Nam (Phước Cát 2 ngày nay) sinh sống. Cuối năm 1968, Mỹ - Ngụy tập kích vào xóm này, bắn giết một số người. Mặc dù địch đánh phá ác liệt và đời sống vô cùng khó khăn nhưng đồng bào không ai vào vùng địch sinh sống. Sau giải phóng dân cư xóm này chuyển sang Bù Đăng (Sông Bé) sinh sống, làm ăn.

Việc Khu ủy và Quân Khu 6 chuyển nơi đóng quân về địa bàn mới thuộc huyện Cát Tiên (ngày nay) nhằm thuận lợi cho việc chỉ đạo phong trào cách mạng và mở rộng vùng giải phóng liên hoàn từ chiến Khu Đ – Đông Nam Bộ lên đến Tây Nguyên, góp phần phát triển văn hóa – xã hội ở hậu cứ. Bệnh xá Quân khu do bác sĩ Bình phụ trách đóng ở suối Đa Cọ - xã 5 ngoài chữa bệnh cho bộ đội, cán bộ, nhân dân và mở một số lớp y tá cho thanh niên để phục vụ ở các xã.

Từ cơ quan Khu ủy đến Quân khu tuy chỉ cách nhau gần 20 km, nhưng đường đi còn khó khăn, một số vùng ngập nước đi lại mất hơn nửa ngày đường. Các đoàn công tác qua lại giữa Khu ủy và Quân khu hoặc các tuyến đường khác đều phải vượt qua cánh đồng rộng mênh mông đầy lau lách và cỏ tranh, mùa mưa thì ngập nước.

Sau khi phát hiện được Khu ủy và Quân khu 6 chuyển nơi đóng quân từ Nam Đắc Lắc về nam Lâm Đồng, tháng 5/1964 Mỹ -Ngụy mở cuộc càn quét lên xã 5 (xã Đồng Nai Thượng ngày nay). Lần này địch cho máy bay đổ quân xuống đồi Độc Lập, Bù Run, đồi Quýt (xã 5) rồi hành quân lên hướng Bù Sa Lu Xiên, đồng thời một cánh quân khác từ hướng Lộc Bắc khoảng 200 tên kéo sang hợp với cánh Bù Run lên. Hai cánh quân của địch gặp nhau ở đồi Mây – xã 5, chúng lúng lúng, càn quét khu

vực này. Ngày thứ 2 địch tiếp tục càn quét thì bị một tổ của trạm H50 do đồng chí Năm Đồng chỉ huy phối hợp với du kích Bù Sa chặn đánh ở đồi Quýt (Bù Sa), địch đã đốt tất cả chòi lúa của dân rồi vượt sông Đồng Nai rút sang Phước Long. Phía ta hy sinh 2 chiến sĩ. Mục tiêu càn quét của địch là nhằm vào việc tiêu diệt lực lượng của Khu ủy và Quân khu 6 đang trên đường hành quân di chuyển địa bàn. Ta đã đánh chặn nhưng không để lộ lực lượng, do đó cuộc di chuyển của ta đảm bảo an toàn.

Mùa khô 1966 – 1967, là giai đoạn quân viễn chinh Mỹ và chư hầu được tăng cường với quân số gần nửa triệu tên. Trên toàn Miền Nam, Mỹ đẩy mạnh các cuộc càn quét “Tìm diệt và bình định”.

Thời gian này, lực lượng địch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, ngoài 10 đại đội Bảo an, còn 25 trung đội dân vệ cùng lực lượng thanh niên chiến đấu trong ấp chiến lược Quân Mỹ tăng cường Lữ đoàn 173 từ miền Đông Nam Bộ lên. Lực lượng quân Ngụy được tăng cường tiểu đoàn 23 biệt động, 1 Tiểu đoàn Cộng hòa, 2 chi đội xe bọc thép, 20 đoàn Bình định nông thôn, mục tiêu mùa khô năm 1966, 1967 đánh vào căn cứ bắc Lâm Đồng nhằm “Bình định và tìm diệt”. Hướng Phước Long, địch cũng tăng cường lực lượng để đẩy mạnh đánh phá hậu cứ của Khu 6 từ phía Tây Nam.

Về phía cách mạng, để chuẩn bị cho cuộc phản công chiến lược mùa khô 1966 – 1967 và phù hợp với tình hình chiến trường, Khu 6 và Khu 10 đã được điều chỉnh lại địa bàn. Cuối năm 1966, Trung ương Cục tách tỉnh Phước Long khỏi Khu 6 cùng với tỉnh Bình Long và Quảng Đức thành lập Khu 10 lần 2, địa bàn K59 (toàn bộ vùng Cát Tiên) thuộc Phước Long và Khu 10.

Vào lúc 8 giờ sáng, ngày 17 tháng 01 năm 1967 địch mở một trận càn lớn vào vùng III (Đạ Tẻh) tiếp giáp vùng Cát Tiên

về hướng Đông – Bắc. Với chủ trương “Chia lửa” giữa các chiến trường, K ủy K 59 chỉ đạo các xã vùng Cát Tiên sẵn sàng đánh trả khi địch mở rộng phạm vi càn quét, đồng thời tổ chức nhân dân sơ tán và cất dấu lương thực. Hai ngày sau khi địch mở cuộc càn quét, một tổ du kích Bù Gor 2 (xã 6) gồm 4 đồng chí K’Víp, K’Hinh, K’Cúc, K’Dinh đi canh giới tuần tra để bảo vệ cho dân sơ tán đã gặp địch ở khu vực Đạ Lây. Do bị động và bị tấn công bất ngờ, đồng chí K’Víp đã hy sinh, 3 đồng chí còn lại kịp thời báo cáo cho dân Bù Gor 2 (xã 6) sơ tán về nơi an toàn.

Từ năm 1966- 1968, phong trào sản xuất cải thiện đời sống lại được đẩy mạnh, Khu 6 đã cử một số đơn vị được phân nhỏ ra cùng với dân, bám dân và hướng dẫn sản xuất. Một buổi chiều cuối tháng 5 – 1968, cán bộ, chiến sĩ và nhân dân Bù Sa Lu Xiên (xã 5) tia lúa thì máy bay địch đến bắn đại liên, anh Tân và anh Hoa cán bộ Đại đội C15 – T6 (đơn vị bảo vệ cơ quan Khu ủy 6 đã được phong tặng Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân 1977) trúng đạn và hy sinh. Trước khi hy sinh anh Tân còn nói với đồng bào “Bà con đừng lo, cứ tin tưởng vào cuộc kháng chiến của ta, Mỹ nhất định sẽ thua, nhân dân ta nhất định thắng!” từ người già đến trẻ nhỏ đều đau xót và vô cùng thương tiếc mà họ coi như những người con của buôn làng.

Về giao liên và vận tải, từ sau chiến dịch Mậu Thân năm 1968, ta sử dụng thuyền, bè chèo tay để vận chuyển người, vũ khí và hàng hóa trên sông Đồng Nai, từ Bến Cầu (xã 2) đến Đạ Huoai (Lâm Đồng) từ đó vượt đường 20 về Bình Thuận. Tháng 1/1968, hai đại đội biệt kích của địch ở Biên Hòa lùng sục vào hành lang ta dọc sông Đồng Nai đến xã 3, trạm giao liên đồng chí Chuôi. Địch càn quét mấy ngày rồi rút, trong trận càn này, phía ta có đồng chí Tây hy sinh, 2 bị thương là đồng chí Trung và đồng chí Là. Từ năm 1968 trở đi, ngoài

đánh phá hậu cứ ta bằng bom, pháo, chất độc hóa học, địch thường xuyên tung biệt kích từng tốp từ 3 – 5 tên vào sâu trong hậu cứ của ta để quấy phá.

Tháng 10/1970, Mỹ - Ngụy mở cuộc càn quét lớn và đóng quân dài ngày ở xã 3, 5, 6 địch cho một tiểu đoàn nhảy dù xuống xã 5 và xây dựng sân bay dã chiến tại Lạch Tân Tẹ (Bù Sa – xã 5), có pháo lớn, máy ủi tăng cường xây dựng công sự kiên cố và hoàn chỉnh, ở xã 6 địch cũng có trận địa pháo 105. Địch thường xuyên tiếp tế bằng đường không và mở các cuộc càn quét các khu vực xung quanh. Hàng ngày, đến xế chiều địch lại nã pháo lớn vào những nơi mà chúng nghi là có bộ đội và du kích của ta nhằm uy hiếp dân và khống chế toàn bộ vùng hậu cứ ở Bù Gor, Bù Run, Lộc Bắc, vùng III,...

Đơn vị C15 –T6 (Khu 6) được sự chỉ đạo của Bộ Tư lệnh Quân khu 6 chủ trương không tác chiến mà giữ kín lực lượng, tổ chức cho 200 dân các buôn Bù Sa, Bì Nao lánh vào rừng. Phát huy tinh thần anh dũng, du kích xã 5 tích cực bám dân đánh địch. Đầu tháng 11/1970 địch tổ chức càn quét ra buôn Bù Gia Rá, du kích đã anh dũng đánh trả, chống càn buộc địch phải rút vào khu hậu cứ của chúng ở Lạch Tân Tẹ, phía ta 1 chiến sĩ C15 tên là Hắc và 2 du kích (ở xã 5) là Điều K'Tắc, Điều K'Du hy sinh, một cán bộ cơ sở tên là Lộc²⁷ (người dân tộc) bị địch bắt. Trong suốt 6 tháng Mỹ - Ngụy đổ quân và xây dựng sân bay ở xã 5, du kích xã do anh Tư Lôi làm xã đội trưởng và một số anh chị em khác như chị Năm Lôi, Năm Loi (em ruột Tư Lôi), K'Khung (em rể Tư Lôi), K'Bôi, K'Lâng (xã đội phó), Điều K'Tốt, Điều K'Xiêng,... đã 3 lần tổ chức bắn vào sân bay dã chiến Lạch Tân Tẹ.

²⁷ Về sau được trao trả ở Lộc Ninh 1973, tiếp tục công tác và đã nghỉ hưu ở xã Đồng Nai – huyện Bù Đăng tỉnh Bình Phước.

Lần 1: Sau khi địch đổ quân được 2 ngày, do chưa xây xong công sự và lơ là trong cảnh giác, lợi dụng tình hình trên du kích đã tập kích vào bọn lính gác bên ngoài sân bay diệt được 5 tên.

Lần 2: Bắn đạn AT vào sân bay, một máy bay chuẩn bị cất cánh thì bị trúng đạn nhưng vẫn bay về hướng Bù Gor. Anh du kích K' Lớ (xã 6) bắn bồi thêm bằng súng trường và rơi tại Bù Gor.

Lần 3: Vào đầu tháng 1 năm 1971 du kích xã 5 lại bắn AT vào sân bay, một chiếc máy bay trúng đạn bị hỏng nặng. Sau 6 tháng đóng quân càn quét ở xã 5 không đạt được mục tiêu, lại thường xuyên bị du kích xã 5 và bộ đội ta tập kích, đầu tháng 3/1971, Mỹ - ngụy đã dùng máy ủi, ủi lấp toàn bộ khí tài mà chúng không thể mang đi được rồi rút khỏi xã 5 bằng đường không. Đây cũng chính là trận càn cuối cùng của địch trên địa bàn vùng Cát Tiên.

Thời gian địch đóng quân càn quét ở xã 5, K59 đã điều C290 phân thành các tổ về các xã để phối hợp với du kích tiêu hao sinh lực địch. Đầu tháng 11-1970, địch từ căn cứ Lạch Tân Tẹ càn ra Đăng Prông (Bù Gia Rá), một tổ gồm Điều K'Phá, Điều K'Đun, Điều K'Tút (bộ đội C290) cùng Điều K'Beo, Điều K'Bôn (du kích xã 5) phục kích đánh địch từ 2 giờ đến 4 giờ chiều, bắt chết và bị thương một số lính Mỹ, phía ta đồng chí Điều K'Phá, Điều K'Đun bị thương. Sau khi tổ chức chiến đấu của ta rút, địch cho 2 máy bay lên thẳng xuống bốc xác chết và lính bị thương.

Cùng thời gian này, Mỹ - ngụy đổ quân xuống đóng chốt ở các điểm dọc sông Đồng Nai như xã 4, suối Đinh Bú (xã 3), Bù Khiêu, Bù Gor để khống chế và chia cắt hành lang của ta từ Trung ương Cục miền Nam sang căn cứ Khu ủy Khu 6. Đầu



Đồng chí Điều Thị Hơ
nguyên Bí thư Chi bộ xã 3

tháng 12-1970, địch cho quân nhảy dù xuống khu vực Đạ Đình Bú (xã 3), xây dựng công sự và tiến hành càn quét các buôn làng.

Đầu tháng 12/1970, đội du kích xã 3 gồm 8 người do đồng chí Điều Đài xã đội trưởng chỉ huy tập kích vào đồn giặc ở đồi Đạ Đình Bú, nhưng trên đường hành quân lại gặp địch càn, du kích ta đã chiến đấu anh dũng đánh trả từ 8 giờ 30 phút đến 12 giờ trưa, đặc biệt là khi địch có máy bay đến hỗ trợ, du kích ta bắn rơi 1 máy bay HU 1A ở suối Đắc Toi gần Bù Dinh (xã 4). Cuộc chiến đấu không cân sức, phía ta có 2 đồng chí bị hy sinh là: đồng chí Điều Dỗ (Bí thư xã 3), Điều Đài xã đội trưởng xã 3 (chồng Điều Thị Hơ), đồng chí Điều Thị Hơ là đảng viên thay chồng tiếp tục chỉ huy chiến đấu, 6 đồng chí còn lại bị thương, cuối cùng phải rút vào rừng.

Hai ngày sau địch cho máy bay đến bắn phá các buôn, làng, đồng chí Điều Mo (Bí thư chi bộ xã 3) bị trúng đạn máy bay địch, hy sinh, Điều Bá là anh ruột Điều Mo (bộ đội K59 lúc đó đang nghỉ phép) đã dùng súng AK bắn rơi chiếc máy bay cán gáo gần suối Đạ Sa (xã 3).

Sau khi rút khỏi xã 5, thì tất cả các cụm, chốt đóng dọc sông Đồng Nai như xã 3, xã 4, Bù Khiêu, Bù Gor địch cũng rút hết.

Như vậy, sau khi khai thông hành lang Bắc - Nam từ năm 1960 đến 1971, trong suốt 11 năm nhân dân các dân tộc vùng Cát Tiên đã tin tưởng, một lòng một dạ theo Đảng, theo cách mạng. Trong những năm ác liệt nhất của cuộc kháng chiến

chống Mỹ, dân quân du kích vùng Cát Tiên đã đánh trả hàng trăm trận càn lớn nhỏ của địch để bảo vệ an toàn hậu cứ Khu 6, Khu 10, Tỉnh ủy Lâm Đồng.

Mặc dù phải chiến đấu và sản xuất trên một vùng là trọng điểm của nhiều đợt rải chất độc hóa học, đời sống nhân dân vô cùng cực. Tuy nhiên với lòng dũng cảm, tinh thần yêu nước và ý chí căm thù, mặc dù có một số đồng bào dân tộc và chiến sĩ ta đã hy sinh. Song sau những trận chiến đấu, ta đã tiếp tục củng cố lực lượng giữ vững địa bàn để tiếp tục cho những trận chà sát tiếp theo của địch. Hầu hết các buôn, làng, đoàn thể ở các xã đều có phong trào ủng hộ cách mạng, người người ủng hộ với khả năng của mình. Hầu hết các gia đình của các xã 3, 5, 6 đều tham gia giã gạo nuôi quân, tải thương, tải đạn phục vụ chiến trường. Phong trào thi đua yêu nước được phát động ở xã 5: mỗi gia đình ủng hộ cách mạng 5 thùng gạo, mỗi gia đình 1 người đi phục vụ các chiến trường 1 tháng, thanh niên nam nữ các xã tình nguyện tham gia bộ đội. Thành tích và sự đóng góp của đồng bào các xã 2, 3, 4, 5, 6 cho cách mạng rất lớn. Riêng trên mặt trận chiến đấu trực tiếp, tính đến cuối năm 1970, bộ đội và du kích xã 2 đánh 8 trận tiêu diệt và làm bị thương 70 tên. Xã 3 đánh 6 trận, diệt và làm bị thương 20 tên. Xã 4 đánh 4 trận tiêu diệt và làm bị thương 10 tên. Xã 5 đánh địch 15 trận diệt và làm bị thương 184 tên. Xã 6 đánh 15 trận diệt và làm bị thương 124 tên.

Đặc biệt là công tác an ninh được giữ vững, trong giai đoạn này ta phát hiện một số phần tử là người tại chỗ làm nội phản ở xã 2 do bọn địch ở Bù Đăng tổ chức và chỉ đạo, ta bắt 27 tên, tên Hing cầm đầu bị trừng trị, 6 tên giao cho chính quyền cách mạng giam giữ, 20 tên còn lại giao cho gia đình, đoàn thể và chính quyền quản lý giáo dục, từ đó về sau an ninh trật tự ở các xã trong vùng hậu cứ luôn luôn được giữ vững góp phần vào công tác bảo vệ.

Đến cuối năm 1970, số đảng viên lên đến 70 đồng chí, sinh hoạt ở 5 chi bộ của 5 xã (xã 2, 3, 4, 5 và xã 6) các chi bộ Đảng của các xã vùng Cát Tiên thuộc K ủy K59 (tỉnh Phước Long), Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Bù Đăng lần thứ 4 (tháng 10/1969), Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phước Long lần 1 (tháng 11/1969) được tổ chức ở xã 4. Lực lượng an ninh và các đoàn thể ở xã 4 đã bảo vệ và phục vụ tốt cho Đại hội.

3. Tiếp tục mở rộng và xây dựng căn cứ về mọi mặt cùng với nhân dân cả nước giải phóng miền Nam thống nhất nước nhà (giai đoạn 1971 – 1975)

Sau mùa Xuân Mậu Thân bị một đòn tổng tiến công chiến lược toàn diện của ta, địch choáng váng và tiếp tục phá sản chiến lược “Chiến tranh cục bộ”. Sau mùa hè 1972, Mỹ - Ngụy tiếp tục bị động, buộc đế quốc Mỹ phải chấp nhận thất bại, từng bước rút quân viễn chinh về nước và chuyển chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Ngụy quyền Sài Gòn được Mỹ tiếp tục sử dụng làm công cụ biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới. Ngay sau khi hiệp định Paris được ký, Mỹ đã ra sức củng cố quân đội Ngụy về mọi mặt, tiến hành bình định chiếm đất giành dân, đặc biệt là những vùng tranh chấp và vùng giải phóng của ta.

Tại Lâm Đồng, địch tập trung củng cố bộ máy Ngụy quyền, khống chế nhân dân, đồn quân bắt lính. Từ tháng 2/1973 đến tháng 6/1973 địch đã vi phạm hiệp định trên 5000 vụ, chủ yếu là những cuộc hành quân, càn quét, lấn chiếm. Ở những vùng giải phóng của ta, địch dùng máy bay và pháo tầm xa bắn phá.

Cuối tháng 2/1973, địch đã 2 lần dội bom và nã pháo vào khu vực tiếp giáp Cát Tiên ở vùng III từ dốc Đá Mài đến dốc Mạ Oi. Ở các xã 3, 5, 6 trong năm 1972 và đầu 1973 địch đã nhiều lần cho máy bay bắn phá. Trong vùng hậu cứ của ta, tuy

địch không tiếp tục càn quét nhưng trước tình hình địch phá hoại hiệp định Paris với những diễn biến ngày càng phức tạp, cần có sự chỉ đạo kịp thời của cấp trên.

Về phía ta, để đáp ứng tình hình mới, Nghị quyết của Trung ương Cục (tháng 7/1971) chủ trương giải thể Khu 10, hai tỉnh Bình Long và Phước Long thành lập phân khu Bình Phước trực thuộc Trung ương Cục. Đầu năm 1972, thành lập Tỉnh ủy Bình Phước. Năm 1973, K59 được sắp xếp lại thành huyện Bù Đăng, từ đây toàn bộ vùng Cát Tiên thuộc phân khu Bình Phước cho đến khi đất nước được thống nhất. Hiệp định Paris về Việt Nam đã được ký kết, đây là thắng lợi hết sức to lớn của cách mạng miền Nam cả về quân sự, chính trị và ngoại giao. Song trước tình hình địch trắng trợn phá hoại Hiệp định, đẩy mạnh đôn quân bắt lính tiến hành càn quét lấn đất giành dân, từ ngày 2 đến ngày 8/4/1973, hội nghị mở rộng Tỉnh ủy Bình Phước đã đề ra nhiệm vụ trước mắt: “Khẩn trương xây dựng vùng căn cứ giải phóng về mọi mặt, chính trị, kinh tế, quốc phòng và văn hóa xã hội. Khẩn trương xây dựng, phát triển thực lực tại chỗ làm thay đổi tương quan lực lượng có lợi cho ta từng bước đánh bại âm mưu phá hoại Hiệp định, giữ vững hòa bình, sẵn sàng đánh bại địch nếu chúng liều lĩnh ngoan cố gây chiến trở lại”.

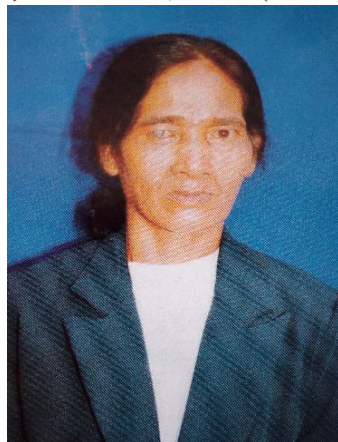


Đồng chí Điều Tư Lôi
nguyên Bí thư Chi bộ xã 5

Với tinh thần đó, Tỉnh ủy Bình Phước đã sắp xếp và tăng cường các đội công tác về các xã nhất là các xã mới giải phóng và vùng hậu cứ. Đẩy mạnh các hoạt động, kiên quyết đập tan những luận điệu chiến tranh tâm lý của địch. Lực lượng vũ trang kịp thời chặn đánh các cuộc hành quân lấn đất

giành dân của địch. Sau 2 tháng kể từ ngày ký Hiệp định Paris, ta đã đánh chiếm toàn bộ vùng giải phóng trên địa bàn tỉnh bị địch lấn chiếm trước đó. Các xã trong vùng hậu cứ thuộc vùng Cát Tiên được ổn định và nối liền với các vùng giải phóng của tỉnh Bình Phước. Với những thành tích trong chiến đấu chống càn, xây dựng lực lượng và bảo vệ căn cứ cách mạng của đồng bào Mạ, Xtiêng trên địa bàn, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã tặng Huân chương chiến công hạng 2 cho xã 5 và xã 2, Huân chương Chiến công hạng 3 cho xã 3. Đồng chí Điều Tư Lôi, Điều K' Lút (xã 5) được tặng danh hiệu Chiến sĩ cấp ưu tú, Điều Loi, Điều Thị Lôi (xã 5), Điều K'Xung (xã 6) được tặng danh hiệu Dũng sĩ cấp 3, nhiều đồng chí khác được tặng Huân chương, Huy chương các loại.

Hội nghị quán triệt Nghị quyết của Trung ương Cục (từ ngày 3 đến ngày 7/3/1973) Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Phước xác định: “Bình Phước có đủ lợi thế để xây dựng thành căn cứ vững chắc phục vụ nhiệm vụ chính trị địa phương đồng thời phục vụ chung toàn miền trong giai đoạn cách mạng sắp tới”... Thực hiện chủ trương trên vùng mới giải phóng và vùng căn cứ được Tỉnh ủy Bình Phước và huyện Bù Đăng quan tâm xây dựng về mọi mặt. Nhiệm vụ trọng yếu của Đảng bộ và nhân dân Bình Phước xây dựng vùng căn cứ giải phóng đáp ứng yêu cầu cấp bách đã được trên giao phó.



Đồng chí Điều Thị Lôi
Dũng sĩ cấp II trong
kháng chiến chống Mỹ

Vùng căn cứ Cát Tiên được mở rộng và nối liền từ chiến Khu Đ – căn cứ nam Lâm Đồng – nam Đắk Lắk, trở thành hậu

cứ vững chắc cho Khu 6, Khu 10 và B5 trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Sau khi Hiệp định Paris được ký kết, cách mạng miền Nam bước vào giai đoạn chuẩn bị để thống nhất nước nhà. Vùng giải phóng, là nơi cung cấp sức người, sức của cho tiền tuyến còn là nơi xây dựng một số tiền đề về kinh tế - xã hội, chuẩn bị cho việc xây dựng sau khi nước nhà thống nhất.

Ở Cát Tiên, từ năm 1973 trở đi cường độ đánh phá của địch vào hậu cứ của ta giảm, vùng giải phóng được mở rộng, vì vậy ta có điều kiện để phát triển sản xuất. Nhờ ảnh hưởng lối canh tác tiến bộ của Công doanh 19/8, sau này là nông trường Hà Giang của tỉnh Lâm Đồng xây dựng ở địa bàn vùng III (Đạ Tẻh ngày nay), đồng bào các dân tộc và các đơn vị bộ đội ở Cát Tiên tiến hành cải tạo đất đai, thay đổi tập quán sản xuất, mở rộng diện tích canh tác lúa nước, phát triển các loại cây màu kết hợp với chăn nuôi. Đặc biệt là ta đã rút được kinh nghiệm cải tạo đất đai ở vùng bị nhiễm chất độc hóa học. Do đó việc sản xuất ngày càng thuận tiện.

Trong 2 năm 1972, 1973 mưa thuận gió hòa, nhân dân các xã được mùa lớn. Năm 1973 lương thực đạt 312 kg/người, trong đó gạo là 140 kg/người.

Nhờ đời sống được cải thiện nên nhân dân không những đủ khả năng đóng góp phục vụ tiền tuyến và xây dựng hậu cứ buôn làng mà còn chia sẻ, cứu mang số bà con do địch càn quét ở Vĩnh Thiện (Phước Long) và Quảng Đức chạy sang khoảng 50 người, gồm người già và trẻ em lánh sang vùng căn cứ ở xã 5. Trong đó gia đình chị Năm Lôi nuôi 6 người, già Điều K' Lút nuôi 5 người, già Điều Đoai nuôi 4 người, Điều Tư Lôi nuôi 3 người, K'Ly nuôi 6 người... Sau 1973 số người này mới trở về quê cũ sinh sống. Lúc này vùng giải phóng được mở rộng, các

loại hàng hóa và nhu yếu phẩm như muối, vải, thuốc men, sách vở,... được lưu thông và đưa vào các xã thuộc vùng Cát Tiên ngày một thuận tiện và nhiều hơn. Đời sống của gần 1000 dân được cải thiện đáng kể, tình trạng thiếu đói trong cán bộ, bộ đội và nhân dân trước đây cơ bản được khắc phục.

Văn hóa xã hội cũng được quan tâm phát triển. Trung ương Cục và tỉnh chủ trương, tổ chức các đoàn công tác đến các xã giúp đỡ xây dựng kế hoạch, động viên, khích lệ mọi người ra sức xây dựng cuộc sống mới, góp sức chăm lo cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Y tế đã được tăng cường thêm cán bộ cho các xã do bệnh xá Quân khu 6²⁸ đào tạo, mỗi xã 1 người, riêng xã 5 có 2 người được đào tạo kết hợp với cán bộ y tế được tỉnh tăng cường thêm để thăm khám, chữa bệnh cho nhân dân. Từ đây, mỗi xã đều có Ban y tế từ 2-3 người thường xuyên làm tốt công tác phòng ngừa dịch bệnh. Giáo dục được đặc biệt quan tâm phát triển, ở tất cả các xã đều có phong trào dạy chữ cho nhau, người biết nhiều dạy người biết ít, người biết dạy người chưa biết. Ở các xã đều tổ chức được các lớp học, nhờ thế đa số người lớn đã biết chữ.

Công tác tuyên truyền ở các xã vùng căn cứ và vùng mới giải phóng của K59, huyện Bù Đăng trong những năm 1972-1974 được đẩy mạnh nhằm nâng cao ý thức cách mạng, đoàn kết thương yêu gắn bó lẫn nhau, cùng nhau xây dựng cuộc sống mới. Xóa bỏ những mâu thuẫn nghi kỵ, một số tập tục lạc hậu trong đồng bào dân tộc từng bước được loại bỏ.

An ninh được tăng cường và giữ vững. Ban chỉ huy xã đội các xã thường xuyên chỉ đạo, xây dựng làng xã chiến đấu, sẵn

²⁸ Bệnh xá Quân khu 6 đóng ở suối Đa Cọ - xã 5 từ cuối năm 1963 đến đầu năm 1966.

sàng đánh trả khi địch càn quét trở lại. Trong 5 xã của địa bàn Cát Tiên thường xuyên duy trì được lực lượng du kích chiến đấu là 145 người, đã được trang bị vũ khí và phương tiện chiến đấu cho 2/3 quân số. Dân quân tại chỗ 233 người, súng đủ trang bị 1/3 với lực lượng đó, Ban chỉ huy xã đội các xã duy trì tốt chế độ sẵn sàng chiến đấu tuần tra canh gác. Nhân dân đã góp hàng triệu cây chông, kết hợp tốt với công tác phòng gian bảo mật, bảo vệ an toàn các cơ quan của khu, tỉnh, kho tàng và hành lang trên địa bàn. Đã có 28 thanh niên nam nữ trong đồng bào dân tộc thoát ly, tham gia bộ đội chủ lực.

Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể không ngừng được củng cố và tăng cường. Đến năm 1974, số lượng đảng viên của 5 xã là 75 đồng chí, tất cả các xã đều đã thành lập Chi bộ Đảng (chưa tính số đã thoát ly và chuyển đi nơi khác sinh sống), 5 xã có 5 chi đoàn thanh niên gồm 42 đoàn viên (14 nữ) là lực lượng quan trọng trong các phong trào xây dựng và bảo vệ vùng căn cứ. Nhiều cán bộ, đảng viên, đoàn viên của các dân tộc thiểu số đã công tác và trưởng thành như: đồng chí Điều K'Khung (xã 5), Điều K'Giang (xã 4), Điều K'Bá (xã 6) là Huyện ủy viên của K59, huyện Bù Đăng, đồng chí Điều K'Khi (xã 5) là Huyện đội trưởng huyện Đồng Xoài tỉnh Sông Bé, chị Điều Thị Lôi sau này là Đại biểu Quốc hội hóa VI.

Như vậy, từ khi khai thông được hành lang Bắc – Nam ở vùng Cát Tiên đã tạo nên bước phát triển quan trọng, làm cho thể liên hoàn giữa chiến trường Nam Tây Nguyên với Đông Nam Bộ ngày càng vững chắc, góp phần quan trọng cho sự phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Đặc biệt, được sự chỉ đạo kịp thời của Tỉnh ủy Lâm Đồng, Tỉnh ủy Phước Long, K59, Chi bộ Đảng chính quyền, các

đoàn thể đã có nhiều cố gắng cùng với các đơn vị vũ trang xây dựng và bảo vệ vững chắc vùng căn cứ cách mạng. Trong thắng lợi đó có sự đóng góp sức người, sức của vô cùng to lớn của đồng bào các dân tộc Mạ, Xtiêng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thống nhất nước nhà.



CHƯƠNG IV

CÁT TIÊN TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975 - 2015)

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, đã đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đến toàn thắng. Miền Nam hoàn toàn giải phóng, nước nhà được thống nhất, cả nước đi vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội. Nhân dân các dân tộc vùng Cát Tiên cùng với cả nước tiếp tục phát huy truyền thống anh hùng trong kháng chiến, cần cù lao động sáng tạo để xây dựng cuộc sống mới.

I. Quá trình khôi phục và mở rộng sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, tiếp nhận dân cư hình thành vùng kinh tế mới (1975 – 1986)

1. Củng cố xây dựng chính quyền, đoàn thể, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, từng bước ổn định đời sống nhân dân (1975-1982)

Cuối năm 1974, đồng thời với hoạt động sản xuất của nông trường Hà Giang ở vùng III, thì Trung đoàn 3, Sư đoàn 600, Quân khu 7 (thường gọi là đoàn 600) đến đóng quân vừa làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu vừa sản xuất lương thực ở dọc hai bên bờ sông Đồng Nai. Các đơn vị của Trung đoàn 3 như C2, C6 và C7 đóng quân và sản xuất ở phía dốc Đá Mài (thuộc các xã Quảng Ngãi và Tư Nghĩa ngày nay). C3, C4, C5, C15 và C16 ở phía Tây dốc Đá Mài (thuộc xã Phù Mỹ, Đồng Nai, Đức Phổ và Phước Cát 1 hiện nay). Ban chỉ huy của Trung đoàn 3 đóng tại khu vực đặt trạm khí tượng thủy văn huyện hiện nay.

Đoàn 600 đã khai phá và trồng trọt trên toàn bộ diện tích từ Quảng Ngãi đến Phước Cát 1 hơn 1000ha vừa để giải quyết vấn đề lương thực cho đơn vị, vừa hướng dẫn cho đồng bào dân tộc làm quen với phương thức canh tác cây lúa nước để tăng năng suất cải thiện đời sống.

Cuối năm 1975, các đơn vị bộ đội thuộc Sư đoàn 600 chuyển sang nhiệm vụ xây dựng kinh tế, từ đầu năm 1976 một số cán bộ chiến sỹ đã đưa người thân (phần lớn ở miền Bắc) vào sinh sống lập nghiệp. Một số chiến sỹ sau khi hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu đã tình nguyện ở lại xây dựng quê hương mới. Vì vậy đến những năm 1978, 1979 ngoài các đơn vị bộ đội của Đoàn 600, vùng đất Cát Tiên đã tiếp nhận thêm nhiều hộ gia đình của cán bộ chiến sỹ tiếp tục khai hoang, phát triển sản xuất. Đoàn 600 đóng quân và sản xuất đã tiến hành việc khai phá diện tích khá lớn để đưa vào sản xuất, đã tạo ra nguồn sản phẩm lớn để giao lưu trao đổi hàng hóa. Về mặt xã hội, đã tận dụng các cơ sở trước đó của bộ đội góp phần phục vụ và phát triển giáo dục, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân ở các xã. Đồng thời là lực lượng có nhiệm vụ giữ gìn trật tự trị an trong những năm từ 1976 đến 1982²⁹ từng bước xây dựng mối quan hệ giữa đồng bào người kinh và đồng bào người dân tộc tại chỗ trong sản xuất, làm ăn sau này.

Về hệ thống hành chính và quản lý, các xã 2, 3, 4, 5, 6 đã hình thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, chi bộ, chính quyền và các đoàn thể tiếp tục lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh sản xuất, nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định đời sống về mọi mặt. Vận động nhân dân định cư để ổn định sản

²⁹ Lực lượng FulRo ở K1 (ĐạHuoi, Đạ Têh, Cát Tiên, Lộc Bắc, Lộc Lâm) có 11 tên do Đại úy Quận trưởng K'Long Nhảo chỉ huy, chia thành 2 PC, 1PC hoạt động ở Đạ Rờ Ràng, Đạ Xi và đã phát hiện ở xã 5 (1982), khi bị phát hiện đã bỏ chạy ta thu 1 súng. Tư liệu “ Báo cáo chính trị của Đảng bộ Đạ Huoi” lưu giữ tại Văn phòng Huyện ủy Đạ Têh – Lâm Đồng.

xuất, khôi phục, xây dựng kinh tế sau chiến tranh. Giai đoạn này một số chiến sỹ là người dân tộc đã hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu trở về với buôn làng tham gia sản xuất.

Sau Đại hội lần thứ IV của Đảng (tháng 12/1976), với chủ trương đẩy mạnh việc điều chỉnh về địa bàn, dân cư và bố trí lao động trong phạm vi cả nước, ở các địa phương đã có sự sắp xếp lại các đơn vị hành chính từ tỉnh đến xã. Tháng 11/1976, 5 xã trên được sáp nhập lại thành xã Đồng Nai Thượng thuộc huyện Phước Long – tỉnh Sông Bé trụ sở xã đặt ở buôn Ranh Đa, các đồng chí: Điều K' Bá làm Bí thư, đồng chí Điều Lôn làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân, đồng chí Điều K' Mên làm Phó Chủ tịch, đồng chí Điều Liêng xã Đội trưởng, đồng chí Điều K' Gay – Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc.

Ghi nhận những đóng góp to lớn về sức người, sức của trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ngày 06/11/1978 xã Đồng Nai Thượng đã được Hội đồng Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang, đây là phần thưởng cao quý nhất của Đảng và Nhà nước ta trao tặng cho đồng bào các dân tộc vùng Cát Tiên.

Tuy Đảng và Nhà nước đã tập trung giải quyết nhiều công việc bề bộn sau chiến tranh, song cũng chưa có điều kiện quan tâm chu đáo đến các vùng sâu, vùng căn cứ kháng chiến trong đó có vùng đồng bào dân tộc Mạ, Xtiêng ở Cát Tiên. Từ thực tế này một số nhiệm vụ bức xúc đặt ra như: khắc phục hậu quả chiến tranh, giải quyết chính sách cho người có công với cách mạng, đời sống và sản xuất của đồng bào, chăm lo giải quyết việc học hành, chữa bệnh, đi lại,... chưa thể làm được nhiều. Hơn nữa những năm đầu sau giải phóng việc tăng cường cán bộ của tỉnh, huyện xuống các xã vùng sâu, vùng dân tộc chưa được duy trì thường xuyên, mặt khác các xã vùng hậu cứ Cát Tiên trong kháng chiến chống Mỹ lại quá xa trung tâm, địa bàn rất rộng, trình độ dân trí thấp, sản xuất phân tán với phương thức đốt rừng làm rẫy là chủ yếu. Khả năng

giúp đỡ và tác động vào quá trình ổn định và phát triển sản xuất ở các vùng đồng bào dân tộc Mạ, Xtiêng của các đơn vị bộ đội làm kinh tế cũng có hạn, do đó đời sống đồng bào dân tộc tuy đã được cải thiện so với những năm trước nhưng còn rất nhiều khó khăn bất cập. Do đó các mặt như phát triển sản xuất, ổn định cuộc sống, chăm lo về văn hóa xã hội, cũng như củng cố an ninh trật tự hầu như còn bỏ trống. Một mặt, sự vận động trong vùng đồng bào chưa kịp thời của cấp trên, đồng thời đây là giai đoạn khó khăn chung của cả nước sau chiến tranh, chính vì vậy suốt một thời gian dài các buôn làng của vùng Cát Tiên chưa được chăm lo về giáo dục và y tế.

Đầu năm 1982, Đoàn 600 giải thể và thành lập Liên hiệp xí nghiệp 600 thì toàn bộ diện tích đất đai phía bắc sông Đồng Nai đã khai phá và 51 hộ gia đình chiến sĩ giao cho Lâm Đồng quản lý.

Tiếp tục thực hiện các bước điều chỉnh về địa bàn hành chính để phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và an ninh quốc phòng theo quy hoạch mới, ngày 18/1/1982 Hội đồng Bộ trưởng nay là Chính phủ đã có quyết định giao 52.000 ha đất và dân cư thuộc các xã 2, 3, 4, 5, 6 cũ thuộc xã Đồng Nai Thượng của tỉnh Phước Long cho tỉnh Lâm Đồng. Số dân được giao cho tỉnh Lâm Đồng gồm 241 hộ với 1384 khẩu người dân tộc tại chỗ, 200 hộ với 401 khẩu người kinh bao gồm những cán bộ, chiến sĩ đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự và một số gia đình quân nhân đến sinh sống làm ăn tại đây.

Sau khi tiếp nhận phần đất và dân cư được giao, đơn vị hành chính xã Đồng Nai được thành lập trên cơ sở nhập các xã được chuyển từ Phước Long sang và thành lập xã Đồng Nai thuộc huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng. Xã Đồng Nai gồm 3 thôn: Thôn 5, Thôn 1 và Buôn Go³⁰, trung tâm đã được chuyển

³⁰ Trước 1975 tên gọi là Bù Gor

về Buôn Go. Đảng bộ xã có 21 đảng viên, sinh hoạt ở 3 Chi bộ (ở 3 thôn trên). Từ đây xã Đồng Nai là đơn vị hành chính của huyện Đạ Huoai.

Đến tháng 9/1982, tổ chức bộ máy của xã được tiếp tục củng cố để đáp ứng tình hình mới: Đồng chí Điều K'Bá làm Bí thư; Điều K'Gay làm Chủ tịch; đồng chí Điều K'Khương - Phó Chủ tịch, trưởng Công an; đồng chí Điều Thuận - Chủ tịch Mặt trận xã, các ban ngành, đoàn thể của xã cũng được củng cố.

Trong quá trình thực hiện việc chuyển giao đất đai và dân cư ở phía Bắc sông Đồng Nai từ Sông Bé về Lâm Đồng có những hạn chế đáng kể như: Việc bàn giao giữa lãnh đạo 2 tỉnh được tiến hành, nhưng quá trình chuẩn bị và sau khi giao nhận giữa hai tỉnh chưa làm tốt, công tác tuyên truyền và vận động trong nhân dân thiếu kịp thời. Việc chuyển giao đất đai và nhân hộ khẩu, cũng như các thủ tục hành chính, thủ tục chuyển Đảng, hồ sơ giải quyết chế độ chính sách sau chiến tranh không cụ thể. Vì vậy sau khi bàn giao cho Lâm Đồng đã xảy ra tình trạng một bộ phận bà con dân tộc trong đó có một số đảng viên đã rời bỏ buôn làng cũ của mình quay về định cư ở phần đất thuộc tỉnh Sông Bé.

Số đảng viên ở 5 xã thuộc vùng Cát Tiên trước năm 1975 là 75 đồng chí, khi chuyển sang Lâm Đồng chỉ còn 21 đồng chí. Việc tiếp tục thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với vùng đồng bào, vùng căn cứ kháng chiến lúc này chưa làm được gì nhiều, hơn nữa trách nhiệm của các cấp thuộc tỉnh Sông Bé sau khi bàn giao cho tỉnh Lâm Đồng chưa kịp thời giải quyết những vấn đề còn lại cũng như mới nảy sinh; khả năng và sự chăm lo của các ngành các cấp thuộc Lâm Đồng sau khi tiếp nhận cũng còn nhiều hạn chế, phần lớn bà con người dân tộc tiếp tục tự lo liệu lấy cuộc sống về mặt kinh tế. Về mặt văn hóa xã hội chưa được chú trọng, không được quan

tâm đúng mức. Tình trạng này còn kéo dài trong nhiều năm về sau, đã để lại nhiều khó khăn chồng chất cho việc giải quyết chính sách vùng dân tộc.

2. Chủ trương tiếp nhận dân đến sinh sống và xây dựng quê hương mới, chuẩn bị các điều kiện để thành lập huyện (1982-1986)

Khi đã ổn định một bước về đơn vị hành chính cấp cơ sở trên địa bàn vùng Cát Tiên. Đầu năm 1982, huyện Đạ Huoai lúc bấy giờ đã đưa dân vào định cư và khai phá sản xuất đến Bắc dốc Đá Mài. Từ khi tiếp nhận chủ trương của 2 tỉnh: Nghĩa Bình và Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng cùng huyện Đạ Huoai tiếp tục quy hoạch, đón nhận bà con từ Nghĩa Bình vào. Tháng 3/1982, Ban tiền phương của tỉnh và nhân dân các huyện thuộc Nghĩa Bình vào đợt đầu. Về phía Ban tiền phương của tỉnh Nghĩa Bình ban đầu do đồng chí Nguyễn Đăng Duy làm Trưởng ban. Tháng 10/1982 đồng chí Thạch Cảnh Mậu được tăng cường về làm Trưởng ban, đồng chí Võ Bình Nguyên làm Phó ban.

Ngoài Ban tiền phương của tỉnh, mỗi huyện có dân đi kinh tế mới thành lập một Ban tiền phương như: thị xã Quảng Ngãi, Tuy Phước, Phù Cát, Phù Mỹ, Đức Phổ; mỗi Ban tiền phương làm nhiệm vụ như một đơn vị hành chính cấp cơ sở vừa lo công tác nhân sự, ổn định đời sống, sản xuất, văn hóa, xã hội, vừa có nhiệm vụ cùng với Đảng và chính quyền nơi đến quy hoạch, bố trí điều chỉnh dân cư để khai thác tiềm năng đất đai, phát triển sản xuất, ổn định đời sống nhân dân mới đến. Ban tiền phương và số dân đưa đến đợt đầu, cụ thể là:

Thị xã Quảng Ngãi: Ban tiền phương gồm có: Đỗ Thanh Lúc, Huỳnh Tấn Đối, Bùi Tá Tùng đưa 168 hộ đến.

Huyện Tư Nghĩa: Ban tiền phương gồm có: Nguyễn Tiến Lãng - Trưởng ban, Nguyễn Thu - Phó ban và các đồng

chí khác như Lê Văn Hồ, Dương Hoàng, Nguyễn Vương Hộ đưa 68 hộ đến.

Huyện Phù Mỹ: Ban tiền phương có Nguyễn Văn Chúc - Trưởng ban, Nguyễn Cẩn - Phó ban, Nguyễn Văn Quy, Nguyễn Ngọc Anh, Phan Thanh Trân đưa 35 hộ đến.

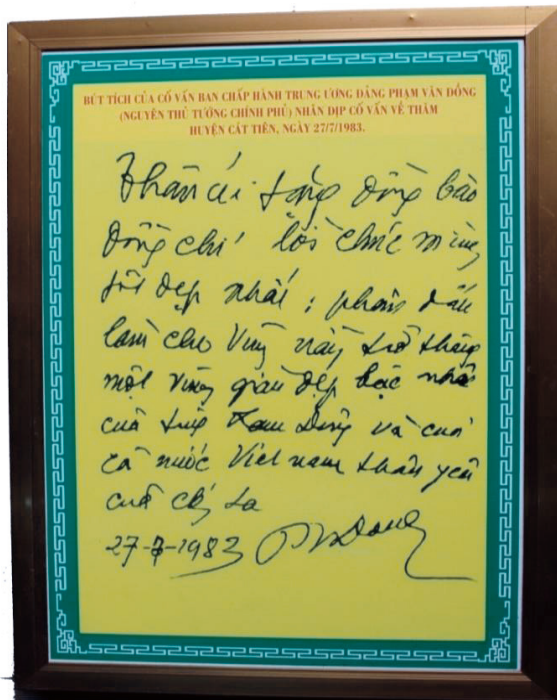
Huyện Đức Phổ: Đồng chí Huỳnh Minh Lý (Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện vào trực tiếp chỉ đạo trong 8 tháng đầu). Ban tiền phương có Lê Văn Chơn, Tô Văn Quang, Nguyễn Văn Ba, đợt đầu đưa đến 42 hộ, sau đưa tiếp một số đợt nữa với tổng số là 274 hộ. Bộ phận dân cư của huyện Đức Phổ đưa đến tạm thời nhập chung về xã Đồng Nai, vì vậy Đảng ủy xã Đồng Nai được bổ sung thêm đồng chí Lê Văn Chơn - Phó Bí thư, chính quyền được bổ sung thêm đồng chí Trần Văn Còn làm Phó Chủ tịch, đồng chí Ngô Mậu Ninh làm Chủ tịch Mặt trận, đồng chí Phùng Thị Thu làm Hội trưởng Hội Phụ nữ xã.

Huyện Tuy Phước: Ban tiền phương ngoài 2 đồng chí Nguyễn Tiến Dũng Trưởng ban, đồng chí Huỳnh Nam làm Phó ban, còn một số đồng chí khác.

Huyện Phù Cát: Ban tiền phương gồm các đồng chí: Phạm Văn Bút - Thường vụ Huyện ủy, Phó Chủ tịch làm Trưởng ban, đồng chí Sinh - Phó ban phụ trách sản xuất, Nguyễn Cặp - Phó ban Tài chính, Võ Văn Mùi - Y sĩ Trưởng trạm Y tế. Đến tháng 8/1982, đồng chí Trần Đình Nhung làm Trưởng ban, Lương Văn Hồ - Phó ban. Vì số dân của hai huyện Phù Cát và Tuy Phước đi mỗi đợt không nhiều, do đó ngay từ đầu không bố trí địa bàn độc lập nhau như các địa phương khác. Đến năm 1983, Ban tiền phương của hai huyện Tuy Phước và Phù Cát nhập lại. Về sau số dân hai huyện Phù Cát, Tuy Phước lên đến 270 hộ dân.

Chủ trương lúc bấy giờ của tỉnh Nghĩa Bình và được tỉnh Lâm Đồng thống nhất là xây dựng vùng Cát Tiên thành vùng kinh tế của tỉnh Nghĩa Bình tại Lâm Đồng (hiều theo nghĩa là cơ

sở 2). Do đó mọi hoạt động của các Ban tiền phương do tỉnh Nghĩa Bình chỉ đạo, phân trợ cấp, hỗ trợ lương thực, thực phẩm cho toàn dân kinh tế mới cũng do Nghĩa Bình đảm nhận. Ngoài lực lượng là dân nghèo ở Nghĩa Bình đi kinh tế mới, bên cạnh các Ban tiền phương có một số lực lượng thanh niên nghĩa vụ có



Bút tích cổ Thủ tướng Phạm Văn Đồng

bất cập. Đến cuối năm 1982, hai tỉnh đã thống nhất lại quan điểm là bộ phận dân cư đưa vào Cát Tiên do tỉnh Lâm Đồng quản lý và chuẩn bị mọi mặt để thành lập một huyện kinh tế mới. Sự thay đổi chủ trương đó cũng làm cho một bộ phận cán bộ trong các Ban tiền phương và một số hộ dân không ở lại xây dựng vùng kinh tế mới mà đã quay về quê cũ.

Thể hiện quyết tâm chiến lược của Trung ương Đảng và Chính phủ về việc đẩy mạnh điều chỉnh dân cư giữa các vùng,

nhiệm vụ đến trước lo việc che trại, khai thác đất đai, điều kiện sản xuất ban đầu khi dân đến, một số trong số này giao lại về địa phương, số còn lại có gia đình đến ở lại lâu dài. Ngoài ra, Nghĩa Bình còn cung cấp sức kéo, cây con giống cho dân. Trên thực tế chủ trương đó không phù hợp và làm cho tình hình giải quyết nhiệm vụ của hai địa phương nơi có dân đi và dân đến gặp không ít khó khăn. Hơn nữa khâu bố trí và quản lý cán bộ cũng có những

các tỉnh. Để động viên kịp thời nhân dân vùng kinh tế mới còn nhiều khó khăn. Ngày 27/7/1983, đồng chí Phạm Văn Đồng - Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã về thăm đồng bào các dân tộc vùng đất Cát Tiên. Một căn cứ địa cách mạng trong kháng chiến trước đây và ngày nay đang triển khai công cuộc lao động hòa bình, xây dựng kinh tế. Cùng đi với đồng chí, lãnh đạo tỉnh Lâm Đồng có đồng chí Nguyễn Trung Tín – Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Xuân Du – Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh. Địa điểm đoàn về thăm tại địa bàn tổ Dân phố 14 Thị trấn Cát Tiên hiện nay. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã thăm hỏi ân cần, động viên cán bộ và nhân dân vượt mọi khó khăn xây dựng quê hương mới. Sự kiện này đã góp phần động viên bà con các dân tộc khắc phục khó khăn ra sức thi đua xây dựng quê hương Cát Tiên ngày càng phát triển. Tháng 9/1983 chính thức bàn giao toàn bộ số dân đi kinh tế mới từ Nghĩa Bình cho Lâm Đồng quản lý.

Sau chuyến thăm của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, năm 1984 có đoàn cán bộ khoảng 30 đồng chí của Bộ Thủy lợi về khảo sát, quy hoạch các công trình thủy lợi thời gian gần 3 tháng. Đây là tiền đề cho việc tiếp tục nghiên cứu, đầu tư các công trình thủy lợi sau này.

Nghị quyết lần 9 khóa II của Huyện ủy Đa Huoai tháng 1/1984 chủ trương: Chuẩn bị mọi mặt để đón thêm 6000 dân của tỉnh Nghĩa Bình, đảm bảo khi dân vào nhanh chóng ổn định nơi ăn chốn ở và sản xuất được ngay. Đồng thời chủ trương sáp nhập các Ban tiền phương về Ban kinh tế mới định canh định cư của huyện Đa Huoai để tiện việc lãnh chỉ đạo. Cuối năm 1984, Ban tiền phương tỉnh Nghĩa Bình giải thể, khi bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp, một số đồng chí trong Ban tiền phương đã chuyển sang nhận nhiệm vụ mới như: đồng chí Thạch Cảnh Mậu là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đa Huoai, đồng chí Võ Bình Nguyên là Phó Giám đốc Công ty Thương nghiệp huyện.

Sau gần 3 năm công việc tiếp nhận và bố trí dân kinh tế mới của tỉnh Nghĩa Bình đã ổn định. Việc bàn giao và tiếp nhận giữa Nghĩa Bình và Lâm Đồng, song căn bản tỉnh Lâm Đồng và huyện Đa Huoai đã từng bước tập trung và đầu tư các công trình thiết yếu. Nhờ bản chất cần cù lao động của bà con quê hương Miền Trung, kết hợp với một số chủ trương chính sách hỗ trợ ban đầu của Đảng và Nhà nước lúc bấy giờ, cuộc sống của nhân dân nhanh chóng được ổn định. Tuy còn khá vất vả về nhiều mặt, nhất là lĩnh vực văn hóa xã hội, học hành, chữa bệnh. Riêng lĩnh vực an ninh, quản lý trật tự an toàn, tháng 6/1982 ngành Công an huyện Đa Huoai đã cử một đội công tác gồm 7 đồng chí vào phụ trách địa bàn từ Dốc Khỉ trở vào Phước Cát do đồng chí Nguyễn Bá Ngọc phụ trách. Ngoài nhiệm vụ quản lý trật tự trị an, đội công tác này đã cùng các Ban tiền phương giữ gìn an ninh địa bàn khá tốt, đồng thời từng bước xây dựng lực lượng an ninh cơ sở lúc bấy giờ. Nhờ vậy, phần đông bà con đã yên tâm xây dựng vùng kinh tế mới. Qua 3 năm, một phần diện tích dọc sông Đồng Nai đã được khai phá nhưng còn một vùng rộng lớn diện tích khá bằng phẳng theo hướng Đông Bắc chưa được khai thác. Chính vì thế, khi thực hiện chủ trương chung của Chính phủ tìm địa bàn để dẫn dân các vùng đồng bằng đất chật người đông, tỉnh Hà Nam Ninh lúc bấy giờ đã trao đổi và thống nhất với tỉnh Lâm Đồng chủ trương đưa một bộ phận dân cư đến Cát Tiên.

Ngày 22/2/1985, huyện Gia Viễn (Hà Nam Ninh) thành lập Ban tiền phương, gồm Nguyễn Công Phụng - Trưởng ban, Vũ Sang làm Phó ban và các ông Nguyễn Huỳnh Điều, Tạ Xuân Chiều, Phạm Quang Tiến và ông Trần Văn Phú làm Kế toán đưa 466 hộ với 2384 khẩu đến khu vực Bù Run và chuẩn bị các điều kiện để hình thành đơn vị hành chính cơ sở mới. Đảng bộ Gia Viễn có 65 đảng viên, Đảng ủy có 11 đồng chí, đồng chí Nguyễn Huỳnh Điều làm Bí thư.

Trong thời gian này, huyện Nam Ninh (Hà Nam Ninh) cũng đưa vào 47 hộ với 235 khẩu, Chi bộ Nam Ninh có 4 đảng viên do đồng chí Nguyễn Văn Tiến làm Bí thư Chi bộ; đồng chí Lưu Quang Mãi làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân lâm thời của xã.

Cuối năm 1985, huyện Đa Huoai tiếp tục quy hoạch lại các cụm dân cư và chuẩn bị các điều kiện cần thiết về đường sá, đất đai, lương thực thực phẩm để tiếp tục đón dân của tỉnh Hà Nam Ninh (nay là các tỉnh Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình) đến xây dựng kinh tế mới. Số dân cư này đã được tiếp nhận và bố trí ở khu vực Bù Run.

Về xây dựng quan hệ sản xuất, sau khi hình thành các cụm dân cư đã nhanh chóng xây dựng các hợp tác xã mua bán, cửa hàng vật tư, trạm lương thực, trạm cơ giới nông nghiệp đã góp phần đáp ứng một phần nhu cầu sản xuất, mua bán và tiêu thụ nông sản của nông dân lúc bấy giờ. Chợ, trường học, trạm xá từng bước được ưu tiên xây dựng để đáp ứng một số nhu cầu cơ bản và thiết yếu cho cuộc sống nhân dân mới đến.

Trong thời gian này, Đảng bộ và chính quyền các cấp huyện, xã vừa ổn định cuộc sống cho nhân dân vừa lo xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu, đồng thời chuẩn bị các điều kiện ban đầu cho việc thành lập huyện mới. Từ năm 1985 trở đi, dân di cư tự do từ các tỉnh phía Bắc đến nhiều làm dân số tăng nhanh về cơ học, cho đến trước khi thành lập huyện dân số đã có gần 23.000 người. Với lượng dân số đó, các cụm dân cư bước đầu chuẩn bị các điều kiện tiền đề để hình thành đơn vị hành chính cấp xã sau này như: Quảng Ngải, Phù Mỹ, Đức Phổ, Phước Cát, Gia Viễn, Nam Ninh. Cuối năm 1985, Huyện ủy Đa Huoai đã tiếp tục củng cố lại tổ chức và nhân sự ở các xã, cụm xã:

Cụm xã Phù Mỹ: đồng chí Nguyễn Trân làm Bí thư thời gian đầu, sau đó đồng chí Đỗ Tiến Lực làm Bí thư, Phan Thanh Trân làm Chủ tịch, Trần Mạnh Hồng - Phó Chủ tịch kinh tế, ông

Nguyễn Văn Dũng - Phó Chủ tịch, trưởng Công an và Nguyễn Thành Khuê làm Ủy viên thư ký.

Cụm xã Phước Cát: đồng chí Trần Đình Nhung làm Bí thư kiêm Chủ tịch, đồng chí Xuân - Phó Chủ tịch kinh tế và đồng chí Hồ Vui làm Phó Chủ tịch Mặt trận, Nguyễn Văn Tuấn - Trưởng Công an, các Đoàn thể và các ban ngành cũng được củng cố lại. Do lượng dân tăng nhanh, tỉnh Lâm Đồng cùng huyện Đa Huoai đã chuẩn bị phương án chia tách huyện. Trong giai đoạn này, thực tế tỉnh và huyện chưa đủ sức để chăm lo cho các buôn làng của đồng bào Mạ, Xtiêng ở vùng Cát Tiên, do đó họ vẫn tiếp tục cuộc sống du canh, du cư là chủ yếu. Hơn nữa, khi đồng bào kinh tế mới đến ngày càng đông, cuộc sống của đồng bào dân tộc tại chỗ có nhiều ảnh hưởng và tác động.

Trước yêu cầu mới cụm xã Đức Phổ được tách ra khỏi xã Đồng Nai, đồng chí Trần Văn Còn làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, đồng chí Phan Hồng Quan làm Bí thư Chi bộ, đồng thời cụm Phước Cát tách ra thêm một xã nữa là xã Phước Cát 1, do đồng chí Trần Đình Nhung - Bí thư kiêm Chủ tịch và xã Phước Cát 2 do đồng chí Nguyễn Thị Nguyệt làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Văn Tuấn Chủ tịch. Cụm Bù Run tiếp tục đón dân từ huyện Gia Viễn (Hà Nam Ninh) quy hoạch và mở rộng diện tích để khai thác, chuẩn bị thành lập một cơ sở nữa.

Ngày 6/6/1986 Hội đồng bộ trưởng có Quyết định 67-HĐBT “Về việc điều chỉnh địa giới hành chính một số xã, phường, thị trấn thuộc huyện Đa Huoai, Đơn Dương, Di Linh và thành phố Đà Lạt thuộc tỉnh Lâm Đồng”. Theo quyết định này xã Quảng Ngãi được chia thành 2 xã: Quảng Ngãi và Tư Nghĩa, xã Phù Mỹ chia thành 2 xã: Mỹ Lâm và Phù Mỹ. Xã Đồng Nai được chia thành 5 xã Đức Phổ, Nam Ninh, Gia Viễn, Tiên Hoàng và Thị trấn Đồng Nai. Xã Phước Cát được chia thành 2 xã là Phước Cát 1 và Phước Cát 2. Các xã được chia tách có diện tích tự nhiên, dân số, địa giới hành chính rõ ràng.

Ngày 6/6/1986, Hội đồng Bộ trưởng đã có Quyết định 68-HĐBT về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Đa Huoai – Lâm Đồng. Theo quyết định này, huyện Cát Tiên được thành lập với diện tích tự nhiên là 35.900 ha và 24.700 nhân khẩu gồm 10 xã và 1 thị trấn: Thị trấn Đồng Nai, xã Quảng Ngãi, Tư Nghĩa, Phù Mỹ, Đức Phổ, Phước Cát 1, Phước Cát 2, Tiên Hoàng, Gia Viễn, Mỹ Lâm, Nam Ninh. Song lúc này 2 xã Tư Nghĩa còn chung với Quảng Ngãi và Mỹ Lâm còn chung với Phù Mỹ (5/1994 mới tách).

Tuy Chính phủ đã có quyết định trên, song lúc bấy giờ đội ngũ cán bộ chưa chuẩn bị kịp, do đó cùng một lúc tách huyện thành 3 huyện là chưa triển khai được. Vì vậy đã tiếp tục chỉ đạo thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm lúc bấy giờ, cũng như để chuẩn bị nhân sự cho 2 huyện Đa Tẻh, Cát Tiên về sau; từ ngày 15 đến ngày 19/9/1986, Đại hội đại biểu Đảng bộ Đa Tẻh - Cát Tiên lần I được triệu tập. Về dự Đại hội có 124 đại biểu từ 22 tổ chức cơ sở Đảng. Tại Đại hội này, có 5 mục tiêu, nhiệm vụ cần tập trung để lãnh đạo cho giai đoạn 1986- 1988. Đại hội xác định 5 mục tiêu lớn về phát triển kinh tế xã hội thời kì 1986 - 1988 đó là:

- Tiếp nhận, nhanh chóng ổn định chỗ ăn ở cho 1.500 hộ, với 7.500 khẩu đến xây dựng kinh tế mới để cùng 24.000 dân tại chỗ đẩy mạnh sản xuất, phấn đấu đạt 2.000 tấn lương thực qui thóc.

- Mở rộng ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, các thành phần kinh tế và liên doanh liên kết để sử dụng hết số lao động nhàn rỗi, khai thác tiềm năng rừng và các năng lực sản xuất sẵn có nhằm tạo ra các mặt hàng phục vụ đời sống nhân dân và xuất khẩu.

- Tạo ra sự chuyển biến về mặt xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, chăm lo cho đồng bào dân tộc

thiếu số ổn định chỗ ở, làm ruộng nước, phát triển kinh tế vườn hộ và làm nghề rừng.

- Tổ chức chỉ đạo tốt cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân huyện, xã, đưa bộ máy chính quyền vào hoạt động có hiệu quả.

- Giữ vững an ninh quốc phòng, tăng cường công tác xây dựng Đảng, đoàn thể.

Về mặt nhân sự, Đại hội đã bầu Ban Chấp hành mới gồm có 59 đồng chí. Trong đó có 20 ủy viên dự khuyết; Ban Thường vụ có 13 đồng chí, đồng chí Hoàng Thanh được bầu làm Bí thư Huyện ủy. Sở dĩ tại Đại hội này có sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Lâm Đồng đã bầu số lượng lớn Ban chấp hành nhiều như vậy là chuẩn bị làm tiền đề để sau đó Tỉnh ủy thành lập Ban Chấp hành Đảng bộ huyện cho hai huyện Đa Tẻ và Cát Tiên.

Ngày 27/11/1986, Tỉnh ủy Lâm Đồng có Quyết định số 83-QĐ/TU thành lập Đảng bộ huyện Cát Tiên có 28 đồng chí, chỉ định đồng chí Hoàng Thanh làm Bí thư và đồng chí Nguyễn Huy Tường làm Phó Bí thư, đồng chí Trần Đình Nhung làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và 04 đồng chí khác trong Ban Thường vụ. Về chính quyền, Ủy ban nhân dân Tỉnh Lâm Đồng có Quyết định số 952/QĐ- TCUB “Về việc thành lập Ủy ban nhân dân lâm thời huyện Cát Tiên do ông Trần Đình Nhung làm Chủ tịch và 4 Phó Chủ tịch gồm các đồng chí: Thạch Cảnh Mậu, Điều K'Bá, Võ Bình Nguyên, Hoàng Minh Dậu và 4 đồng chí là thành viên Ủy ban lâm thời. Ủy ban nhân dân Lâm thời huyện Cát Tiên đã chính thức đi vào hoạt động ngày 01/01/1987.

Khi một đơn vị hành chính cấp huyện đi vào hoạt động, với Cát Tiên hầu như các cơ sở vật chất, trang thiết bị, điều kiện đảm bảo hoạt động, đội ngũ cán bộ chủ chốt và các phòng ban đều thiếu. Ngay từ ban đầu, Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện sử dụng 2 dãy phòng học của trường phổ thông cơ sở Phù

Mỹ để làm trụ sở làm việc. Các cơ quan, ban ngành khác tự liên hệ nhờ nhà dân làm nơi làm việc.

Với điều kiện thực tế còn vô vàn khó khăn, nhưng cán bộ và nhân dân huyện Cát Tiên đã đoàn kết, chung sức chung lòng bắt tay xây dựng quê hương mới, đặc biệt là sự nỗ lực cố gắng của cán bộ các ban ngành, của cán bộ, chiến sỹ, lực lượng vũ trang trong huyện vừa phải xây dựng trụ sở, cơ sở vật chất, tổ chức cán bộ; vừa phải tập trung chỉ đạo khai hoang, phục hóa để đẩy mạnh sản xuất, chăm lo sự nghiệp giáo dục, y tế, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng và củng cố chính quyền, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng từ huyện đến cơ sở.

II. Huyện Cát Tiên hình thành và phát triển (1987 - 2015)

1. Tiếp tục xây dựng về tổ chức bộ máy, tập trung phát triển sản xuất, ổn định cuộc sống của nhân dân trong huyện từ (1987-1990)

Ngay sau khi có quyết định thành lập huyện, qua một thời gian chuẩn bị khá ngắn, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện lâm thời đã phát huy vai trò lãnh đạo của mình, triển khai nhanh nhiệm vụ trước mắt, tập trung là:

- Củng cố bộ máy và lãnh đạo các phòng ban cấp huyện, xem xét lựa chọn rút một số cán bộ cấp xã lên huyện. Trong đó cử một số đi học tại một số trường đào tạo cán bộ của tỉnh lúc bấy giờ.

- Bổ sung kiện toàn về tổ chức và nhân sự của Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, nhất là các xã mới thành lập, mới chia tách.

- Chuẩn bị công tác bầu cử Hội đồng nhân dân huyện khóa I.

- Chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất, thực hiện những công việc cần thiết sau khi đón dân về sớm ổn định. Củng cố các cơ quan

Công an, Quân sự để đảm bảo an ninh và quốc phòng của huyện.

Ủy ban nhân dân huyện lâm thời mặc dù còn gặp rất nhiều khó khăn và thiếu thốn về mọi mặt, song đã nỗ lực và tập trung công tác điều hành bộ máy, thực hiện khá tốt các nhiệm vụ trên, đã hội tụ được sự ủng hộ của cán bộ và nhân dân trong huyện, hoàn thành nhiệm vụ ban đầu về kinh tế xã hội và an ninh quốc phòng đã đề ra. Đến tháng 4 năm 1987, đã tiến hành



Đồng chí Hoàng Thanh
Bí thư Huyện ủy đầu tiên
(1987 - 1989)

bầu cử Hội đồng nhân dân huyện khóa I có 40 đại biểu đã trúng cử. Kỳ họp đầu tiên của Hội đồng nhân dân huyện Cát Tiên đã tiến hành. Ở kỳ họp này, đại biểu và Hội đồng nhân dân huyện đã bàn và quyết định phương hướng, nhiệm vụ, biện pháp, củng cố và phát triển mọi mặt của huyện cho năm 1987 và những năm tiếp theo. Tại kỳ họp này Hội đồng nhân dân huyện đã bầu 11 thành viên Ủy ban nhân dân huyện, trong đó Thường trực Ủy ban nhân dân huyện có 5 đồng chí: Ông Nguyễn Huy Tường – Chủ tịch; 4 phó Chủ tịch là các ông: Phan Thanh Trân³¹, Võ Bình Nguyên, Điểu K Bá, Hoàng Minh Dậu.

Cũng trong năm 1987, về phía chủ chốt Huyện ủy có một số thay đổi về nhân sự: Tháng 8/1987, đồng chí Trần Đình Nhung – Phó Bí thư Huyện ủy đi học, đồng chí Nguyễn Văn Thành từ Huyện ủy Bảo Lộc về làm Phó Bí thư Huyện ủy. Cuối năm 1987, đồng chí Hoàng Thanh nghỉ đi chữa bệnh.

³¹ Đến tháng 6/1988 đồng chí Phan Thanh Trân thôi giữ chức Phó Chủ tịch và không bổ sung Phó Chủ tịch khác. Ủy ban nhân dân huyện lúc này còn 01 Chủ tịch và 03 Phó Chủ tịch.

Như vậy mặc dù có một số thay đổi về cán bộ, song với sự nỗ lực của các cấp ủy Đảng, chính quyền mọi hoạt động lãnh chỉ đạo của huyện Cát Tiên đều duy trì ổn định.

Về tình hình chung của huyện, sau khi thành lập dân di cư tự do tiếp tục chuyển đến sinh sống và làm ăn ở các xã trong huyện ngày càng nhiều. Số này chủ yếu đến từ các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Hà Tĩnh, làm cho tổng dân số của huyện tăng nhanh về cơ học. Vấn đề này đặt ra cho huyện phải giải quyết cùng một lúc hai nhiệm vụ :

Một là: đảm bảo xây dựng các cơ sở hạ tầng cần thiết phục vụ cho đi lại, học hành, chữa bệnh.

Hai là: đảm bảo nhu cầu qui hoạch, bố trí đất đai sản xuất cho số dân phát sinh tăng cơ học chưa dự kiến kịp. Do đó bộ phận dân di cư tự do chủ động sang nhượng, tự lo mua sắm tư liệu sản xuất.

Đảng bộ và chính quyền tập trung thực hiện chủ trương của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện là: động viên nhân dân, đồng bào các dân tộc nhanh chóng ổn định cuộc sống, đẩy mạnh khai hoang phục hóa phát triển sản xuất, củng cố và phát triển đội ngũ cán bộ, tranh thủ các nguồn vốn đầu tư để xây dựng cơ sở hạ tầng nhất là trường học, trạm xá và chú trọng an ninh quốc phòng.

Năm 1987 bị hai trận lũ liên tiếp trong mùa mưa làm thiệt hại lớn đến tài sản của Nhà nước và nhân dân nhưng nhờ sự chỉ



Đồng chí Nguyễn Huy Tường
Chủ tịch UBND huyện Cát
Tiên nhiệm kỳ (1987 -1989)

đạo kịp thời của cấp ủy và chính quyền, nhân dân trong huyện đã nhanh chóng khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra, ổn định đời sống và đẩy mạnh sản xuất. Tuy nhiên do những đặc điểm khó khăn của vùng kinh tế mới; sự hỗ trợ của các tỉnh đưa dân đến cũng có mức độ. Việc đầu tư của tỉnh Lâm Đồng có hạn, không đồng bộ, giao thông đi lại hết sức khó khăn, hệ thống trường lớp, đội ngũ giáo viên còn thiếu nhiều, tình hình bệnh tật tăng, đặc biệt là bệnh sốt rét chiếm tỷ lệ khá cao, đời sống vật chất của nhân dân còn nhiều khó khăn, ở một số xã đã có một bộ phận nhân dân quay trở về quê cũ hoặc chuyển đi nơi khác làm ăn; ở xã Phước Cát 2 gần 100% dân cư của tập đoàn 1 và 2 - thôn Phước Trung đã chuyển đi nơi khác hoặc về quê sinh sống. Trong khi đó dân di cư tự do từ các nơi khác lại tiếp tục đến đã phát sinh thêm những khó khăn mới về sản xuất, ổn định đời sống, về quản lý hộ tịch, hộ khẩu cũng như quản lý đất đai khá phức tạp.

Sau 2 năm thành lập (1987-1988) huyện còn khó khăn nhiều, nhưng nhờ sự tập trung chỉ đạo của Tỉnh, của cấp ủy và chính quyền từ huyện đến xã, nhờ sự nỗ lực vươn lên của nhân dân nên đến trước khi tiến hành Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần I đã đạt được một số thành tựu đáng kể trên một số lĩnh vực: Phần lớn diện tích đất đai được khai phá và đưa vào sản xuất, diện tích canh tác tăng từ 3.600ha lên 5.200ha. Bước đầu thực hiện tốt đổi mới cơ chế quản lý và chính sách kinh tế, khai thác có hiệu quả tiềm năng ở địa phương đặc biệt là trong nông nghiệp và lâm nghiệp, từng bước khắc phục quản canh, chú trọng chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Các khu dân cư được qui hoạch, đường sá được mở đến hầu hết các thôn xóm, tất cả các xã lúc bấy giờ đều đã có trường tiểu học, đáp ứng yêu cầu học hành. Năm học 1987-1988, với 09 trường tiểu học và 01 trường phổ thông cơ sở (phân hiệu Mỹ Lâm thuộc trường tiểu học Phù

Mỹ, phân hiệu Tư Nghĩa thuộc trường tiểu học Quảng Ngãi) đáp ứng cho nhu cầu học hành của 5.538 học sinh từ mẫu giáo đến lớp 9. Chất lượng giáo dục năm học này về văn hóa đạt 84,3% từ trung bình trở lên. Mặc dù phòng học, bàn ghế còn thiếu và tạm bợ, có trường giáo viên không đủ đứng lớp, cán bộ xã tham gia dạy học. Bệnh viện huyện có 52 cán bộ, nhân viên trong đó có 02 bác sỹ, 14 y sỹ; phòng Y tế với 14 cán bộ, nhân viên trong đó có 4 y sỹ, 4 y tá (năm 1989, hai bộ phận này mới nhập lại thành Trung tâm Y tế). Trong năm 1988 đã khám bệnh cho 5.050 người, điều trị 2.852 người các tuyến huyện, riêng bệnh nhân sốt rét giảm 30% so với năm 1987. Với 26.012 dân trong huyện đã có mức lương thực bình quân đầu người 600kg. Quỹ lương thực Nhà nước năm 3.600 tấn; 51,8% số hộ có đời sống tạm ổn. Các cơ quan ban ngành từ huyện đến xã đã nhanh chóng ổn định. Đội ngũ cán bộ ngày càng được tăng cường về số lượng và đã đáp ứng cơ bản nhu cầu. Lực lượng Công an và Quân sự đảm bảo tốt cho lĩnh vực trị an và quân sự địa phương.



Đồng chí Đặng Xuân Du
Bí thư Huyện ủy Cát Tiên
(cuối năm 1988 - đầu 1989)

Vai trò lãnh đạo của các cấp ủy các cấp được tăng cường. Số lượng và chất lượng của các tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên được nâng lên. Tính đến tháng 3/1989, tổng số đảng viên của Đảng bộ là 428 với 24 tổ chức cơ sở Đảng.

Để tăng cường đội ngũ cán bộ chủ chốt cho huyện, cuối năm 1988 Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ định đồng chí Đặng Xuân Du làm Bí thư Huyện ủy, chuẩn bị các mặt để tiến hành Đại hội Đảng bộ huyện Cát Tiên.

Trong hai ngày 2 và 3 tháng 5 năm 1989, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ I tiến hành³². Đại hội đã đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị sau 2 năm thành lập huyện, thông qua phương hướng, nhiệm vụ mục tiêu của kế hoạch 3 năm (1989-1991) có 3 mục tiêu cần tập trung là:



Đảng bộ huyện Cát Tiên Đại hội lần thứ I

Một là: Thực hiện việc đổi mới cơ chế quản lý và chính sách kinh tế hàng hóa nhiều thành phần nhằm giải phóng sức sản xuất, khai thác mọi tiềm năng của địa phương, phát triển sản xuất hàng hóa, đẩy mạnh việc thực hiện 3 chương trình kinh tế của huyện:

- Lương thực - thực phẩm.
- Nông lâm sản và hàng tiểu thủ công nghiệp.

³² Lễ ra kỳ Đại hội này có thể tính là Đại hội Đảng bộ huyện Cát Tiên lần thứ II. Song vì vẫn còn gọi chung là Đại hội Đảng bộ huyện Đạ Tẻh – Cát Tiên. Tiền đề hình thành Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ huyện Cát Tiên.

- Bảo vệ rừng, trồng rừng, khai thác rừng tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng, từng bước hình thành cơ cấu kinh tế : Nông - Lâm- Tiểu thủ công nghiệp.

Hai là: Tiếp tục củng cố, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội. Để thực hiện mục tiêu này, đại hội có chủ trương cụ thể:

- Đối với 48,2% số hộ có mức sống dưới trung bình cần có sự giúp đỡ của các địa phương, các ngành để tạo cho mỗi hộ có điều kiện sản xuất.

- Đối với 51,8% số hộ có cuộc sống tương đối ổn định cần đầu tư mạnh cho thâm canh, tăng kinh tế vườn để vươn lên làm giàu.

- Đối với công nhân viên chức, lực lượng vũ trang được tạo điều kiện cho phép để phát triển kinh tế gia đình nhằm yên tâm công tác xây dựng quê hương.

Ba là: Tổ chức tốt dịch vụ phục vụ sản xuất – kỹ thuật, đời sống đến xã, thôn. Xây dựng các quỹ bảo trợ.

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành gồm 22 đồng chí trong đó có 1 Ủy viên dự khuyết, do đồng chí Nguyễn Văn Thành làm Bí thư. Đồng chí Trần Đình Nhung – Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, không có Phó Bí thư Thường trực, trong Ban Thường vụ còn có 5 đồng chí.

Với sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, nhân dân các dân tộc trong huyện Cát Tiên đã nỗ lực cố gắng và đạt được nhiều kết quả quan trọng về một số mặt.

Song nhìn tổng thể, giai đoạn này phát triển chưa mạnh, chưa toàn diện, giá trị thu nhập của người dân thấp, các yếu tố để thâm canh trong nông nghiệp chưa có, thủy lợi chưa được

đầu tư. Việc khảo sát kết luận tình hình thổ nhượng chưa làm được, còn lúng túng trong việc chọn cây con để sản xuất tập trung. Về văn hóa xã hội cũng chỉ chăm lo được cho đồng bào mới đến, còn bộ phận đồng bào tại chỗ chưa giải quyết được. Về giáo dục, do số học sinh tăng cơ học, nên phòng học và trang thiết bị rất thiếu, giáo viên các cấp thiếu so với biên chế. Đến 50% giáo viên tiểu học được hợp đồng chưa qua sư phạm, bậc phổ thông cơ sở thiếu 44 giáo viên. Việc chăm lo cho các gia đình chính sách chưa đáp ứng. Công tác bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ chưa triển khai kịp, còn nhiều thôn, buôn trắng đảng viên. Đặc biệt là sức ép của việc gia tăng dân số cơ học trên địa bàn là vấn đề nóng bỏng, đến cuối năm 1990 dân số của huyện là: 31.622 người của 13 dân tộc anh em.

2. Đẩy mạnh phát triển sản xuất, duy trì tốc độ tăng trưởng, tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, chú trọng đầu tư vùng đồng bào dân tộc (1991- 1995)

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ II họp từ ngày 18 - 20/10/1991 Đại hội đã phân tích những điều kiện thuận lợi, khó khăn và những nhân tố tích cực sau 4 năm thành lập huyện, đánh giá những kết quả đạt được, chưa đạt được, tìm ra nguyên nhân. Đại hội đã đưa ra những mục tiêu, chủ trương, biện pháp để phát triển nhanh, toàn diện cho huyện. Đặc biệt qua phân tích ưu thế của địa phương, Đảng bộ đã xây dựng phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu trong nhiệm kỳ 1991- 1995 là : “Từng bước hình thành cơ cấu kinh tế nông – lâm gắn với tiểu thủ công nghiệp chế biến, bố trí cơ cấu cây con hợp lý, đảm bảo vững chắc nhu cầu lương thực – thực phẩm trên địa bàn huyện. Mở rộng sản xuất hàng hóa, xây dựng cơ sở hạ tầng đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân”.



Quang cảnh Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Cát Tiên lần thứ II



Đồng chí Nguyễn Văn Thành
Bí thư Huyện ủy Khóa I + II+III

Các chủ trương và giải pháp đối với các lĩnh vực: nông nghiệp, lâm nghiệp, xây dựng cơ bản, thu ngân sách, về đổi mới quản lý kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng, xây dựng Đảng – Chính quyền – Đoàn thể ... nhằm tạo những nhân tố và sự phát triển đồng bộ trong nhiệm kỳ, phấn đấu đến năm 1995 bình quân lương thực đầu người 800kg/năm.

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành gồm 21 đồng chí do đồng chí Nguyễn Văn Thành làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Ngọc Tuấn – Phó Bí thư trực, đồng chí Trần Đình Nhung – Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Trong Ban Thường vụ Huyện ủy có 7 đồng chí.

Hội đồng nhân dân huyện khóa II, nhiệm kỳ 1989 - 1994 đã bầu ra 33 đại biểu, đồng chí Nguyễn Văn Thành được bầu làm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, đồng chí Trần Đình Nhung làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Phó Chủ tịch là các đồng chí: Võ Bình Nguyên, Huỳnh Văn Đầu, đồng chí Nguyễn Xuân Tùng là Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân.

Ở cơ sở, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn ngày càng được hoàn thiện. Cán bộ các ban ngành, đoàn thể tiếp tục được đào tạo để đáp ứng công việc được giao. Tình trạng thiếu cán bộ ở các ban ngành từng bước được khắc phục, công tác lãnh đạo, quản lý điều hành của hệ thống chính trị được tăng cường, vai trò của các đoàn thể được phát huy, đặc biệt là vai trò lãnh đạo tổ chức, điều hành của Đảng và chính quyền ở các cơ sở ngày càng được tăng cường và phát huy hiệu lực, hiệu quả. Một số ngành nghề mới được chú trọng và phát triển như: Dâu tằm, khai thác và bảo vệ rừng, khai thác nguồn lợi thủy sản. Tổng diện tích cây công nghiệp dài ngày: điều, dâu, cà phê tăng từ 247ha (1991) lên 1.486 ha (1995). Khắc phục được thể độc canh cây lúa, đẩy mạnh trồng các loại cây công nghiệp và cây ăn quả. Về chăn nuôi đã xuất hiện nhiều hộ chăn nuôi gia súc mang tính hàng hóa, có đầu tư tập trung và áp dụng khoa học kỹ thuật, diện tích ao cá phát triển và đã tận dụng điều kiện tự nhiên phục vụ cho sản xuất và đời sống. Một số loại hình dịch vụ phát triển mạnh, các hộ thương nghiệp phát triển khá nhanh, việc giao lưu hàng hóa ngày càng thuận lợi hơn. Xây dựng quan hệ sản xuất trong thời kỳ đất nước tiếp tục sự nghiệp đổi mới. Trong lĩnh vực nông nghiệp, các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất theo kiểu cũ trong nông nghiệp được giải thể, chuẩn bị các điều kiện để thực hiện giao đất cho hộ nông dân, đẩy mạnh phát triển kinh tế hộ gia đình. Thực hiện tốt các chủ trương, chính sách

của Đảng và Nhà nước để tạo điều kiện cho kinh tế hộ gia đình phát triển. Dân di cư tự do cũng nhanh chóng hòa nhập và ổn định cuộc sống.

Đối với đồng bào dân tộc tại chỗ cũng được quan tâm đầu tư. Ban Chấp hành Đảng bộ và chính quyền huyện chủ trương mạnh dạn đầu tư cho vùng đồng bào dân tộc tại chỗ. Năm 1991, huyện đã thành lập Ban chỉ đạo định canh định cư cho vùng đồng bào thôn 5 do đồng chí Nguyễn Văn Quy làm Trưởng ban. Vùng định cư thôn 5 đã quy tụ 210 hộ với 1.053 khẩu đồng bào dân tộc Mạ, X'tiêng. Với diện tích 510ha điều, 100ha cà phê cho thu hoạch, mỗi hộ từ 1- 2 con bò nên đời sống của đồng bào dân tộc ở thôn 5 bước đầu được ổn định.

Tuy nhiên việc thực hiện chủ trương đầu tư vào vùng dân tộc còn nhiều vấn đề hạn chế: huyện chưa đủ sức đầu tư vào các thôn buôn khác như thôn 5. Bởi lẽ một mặt ở thôn 5 có lượng dân cư trong đồng bào khá tập trung, mặt khác các thôn buôn khác như: thôn 3, thôn 4 xã Phước Cát 2 vừa ít dân, vừa ảnh hưởng vùng qui hoạch Vườn quốc gia Cát Tiên; việc đầu tư trong vùng đồng bào chỉ mới tập trung đầu tư vốn, giống mà huyện chưa chú ý đúng mức đến khâu hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc, bảo quản. Vì vậy sau này khi các vườn điều khép tán, năng suất không đảm bảo, hiệu quả hạn chế.

Việc phát triển giáo dục và chăm sóc sức khỏe nhân dân tuy được quan tâm nhưng còn nhiều bất cập. Hoạt động thương nghiệp quốc doanh còn bỏ trống. Đặc biệt giao thông đi lại khó khăn, hiệu quả kinh tế xã hội chưa tương xứng so với mục tiêu các chương trình, dự án đã đầu tư.

Đến năm 1995, năm kết thúc nhiệm kỳ Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ II, nhìn tổng thể trên các lĩnh vực tuy chưa đạt được các mục tiêu mà nghị quyết đã đề ra, kết quả chưa tương

xứng với tiềm năng hiện có nhưng với sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân huyện Cát Tiên đã đạt được những thành tựu đáng kể trên một số lĩnh vực:

Về kinh tế: Tổng sản phẩm trong huyện (GDP) 5 năm 1991- 1995 tăng bình quân 21%. Tổng giá trị sản xuất (giá thực tế) trong 5 năm tăng bình quân 19,7%. Trong đó: Nông lâm thủy sản tăng 19%. Công nghiệp và xây dựng tăng 29%. Thương mại và dịch vụ tăng 35%. Các ngành nghề khác tăng 35%.

GDP bình quân đầu người tăng 5,3% từ 3.128. 000 đồng năm 1991 lên 3.859.000 đồng năm 1995 cơ cấu kinh tế được chuyển dịch theo chiều hướng tích cực, tỷ trọng các ngành tiểu thủ công nghiệp dịch vụ tăng dần trong nền kinh tế.

Mặc dù là huyện vùng sâu, xa của tỉnh, còn rất nhiều khó khăn, việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng chủ yếu từ nguồn ngân sách tỉnh và Trung ương, thường chiếm trên 60% trong tổng thu ngân sách địa phương. Thu ngân sách Nhà nước đã có nhiều cố gắng. Năm 1991 tổng thu ngân sách là 1,709 tỷ; năm 1993 tổng thu ngân sách là 1,891 tỷ đồng; năm 1995 tổng thu ngân sách là 4,747 tỷ đồng. Song đều chưa đạt kế hoạch từng năm và còn mất cân đối lớn so với nhu cầu chi tại huyện.

Các lĩnh vực khác như chuyển dịch cơ cấu cây trồng và mùa vụ trong nông nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng cơ bản cũng đạt được những thành tựu đáng kể, tạo điều kiện cho sự phát triển ngày càng ổn định hơn. Ngày 02/9/1994 khánh thành đường điện cao thế của huyện phục vụ cho các xã: Quảng Ngãi, Phù Mỹ, Đức Phổ và thị trấn Đồng Nai. Một ước mơ lớn mà cán bộ và nhân dân Cát Tiên mong đợi đã thành hiện thực, làm tiền đề cho việc tiếp tục phát triển mạng lưới điện đến khắp các xã trong huyện vào các năm sau.



Thi công đường điện cao thế huyện Cát Tiên



Thi công Công trình V20 (Nam Ninh)

Về lĩnh vực xã hội: Có tiến bộ đáng kể so với đi ều kiện của một huyện vùng sâu. Hai ngành Y tế, Giáo dục được quan tâm đầu tư khá sớm. Trên 2 lĩnh vực này ngoài việc đảm bảo cho nhân dân và con em Cát Tiên, huyện còn phải tiếp nhận học

sinh và chăm lo sức khỏe cho một bộ phận nhân dân các huyện lân cận như xã Đắc Lua huyện Tân Phú, xã Đăng Hà huyện Bù Đăng. Do đó số lượng học sinh và nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân ngày càng tăng.

Về Giáo dục tốc độ phát triển với quy mô trường lớp và số lượng học sinh tăng rất nhanh: Từ 5.761 học sinh năm 1990-1991 tăng lên 9.572 học sinh năm 1994-1995. Chất lượng một số mặt trong lĩnh vực giáo dục phổ thông có kết quả tốt. Huyện đã mạnh dạn xây dựng một số chính sách ưu đãi về phụ cấp lương, động viên và thu hút được đội ngũ giáo viên nên huyện đã sớm khắc phục việc thiếu giáo viên. Năm 1995 toàn huyện đã được ngành công nhận là huyện đạt chuẩn về phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân đã có nhiều tiến bộ đáng kể so với khi vừa mới thành lập huyện. Mạng lưới Y tế cơ sở được hình thành hầu hết đến cấp xã, các trung tâm cụm xã được xây dựng các phân viện như Phước Cát 1, Gia Viễn, Quảng Ngãi làm điểm điều trị, khám chữa bệnh cho nhân dân. Nhờ đó không những giải quyết được nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân mà còn tăng cường có hiệu quả cho công tác tuyên truyền, phòng dịch bệnh, góp phần hạn chế đáng kể bệnh sốt rét và tử vong do sốt rét.

Các hoạt động về xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, các chương trình truyền thông dân số kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc bảo vệ trẻ em từng bước triển khai có kết quả.

Cuối năm 1985 (lúc này còn huyện Đạ Huoai) tại nhà ông Khởi ở Đức Phổ, 2 đồng chí cán bộ Bảo tàng Tỉnh đã phát hiện di chỉ khảo cổ. Đến tháng 12/1994 các cơ quan chức năng cho phép tiến hành khai quật. Lần thứ nhất, kết quả này đã khẳng định bước đầu về quy mô và không gian phân bố các di tích trên địa bàn, góp phần tạo sự chú ý của các nhà khảo cổ học đối với địa bàn Cát Tiên.

Ngày 20/11/1994, cùng với cả nước, Hội đồng nhân dân khóa III của huyện nhiệm kỳ 1994-1999 đã bầu được 25 đại biểu. Đồng chí Nguyễn Văn Thành giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân, đồng chí Đinh Công Lý - Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; đồng chí Trần Đình Nhung - Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các đồng chí: Võ Bình Nguyên, Nguyễn Xuân Tùng- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Đồng thời bộ máy của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân của 11 xã, thị trấn đã được bầu cử và tiếp tục củng cố³³.

Giai đoạn 1991-1995, rất quan trọng đối với huyện Cát Tiên trong cả chặng đường phát triển của huyện. Đánh dấu giai đoạn khá ổn định về nhiều mặt, nhất là sản xuất, ổn định đời sống, đào tạo cán bộ, xây dựng kết cấu hạ tầng, chăm lo xã hội, giữ gìn an ninh quốc phòng và đặc biệt là công tác củng cố, hoàn thiện hệ thống chính trị cấp huyện, xã. Tuy nhiên, để đáp ứng được tình hình chung của tỉnh và nhu cầu đặc thù của huyện, một số lớn các yêu cầu vẫn còn khó khăn và yếu kém như:

Trong sản xuất nông nghiệp, chưa khắc phục tình trạng quản canh, chưa phá được thế độc canh, nông dân còn chủ yếu khai thác đất đai tự nhiên, chưa đầu tư cải tạo được bao nhiêu, các yếu tố thâm canh chưa hội đủ, sản phẩm hàng hóa chưa nhiều. Về kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng kinh tế kỹ thuật còn thiếu trầm trọng, mức đầu tư còn ít và mang tính chắp vá, thiếu đồng bộ. Chất lượng các hạng mục công trình xây dựng cơ bản rất thấp, mức tăng dân số cơ học tiếp tục phát sinh nhiều sức ép về nhu cầu văn hóa xã hội. Cơ chế chính sách đầu tư vùng dân tộc tuy có mạnh dạn nhưng còn yếu về kỹ thuật, hiệu quả thấp. Trong hệ thống chính trị, đội ngũ cán bộ có chú trọng đào tạo,

³³ Tháng 6/1996, đ/c Võ Bình Nguyên thôi giữ chức vụ Phó Chủ tịch UBND huyện, chuyển sang giữ chức vụ Trưởng ban Dân vận Huyện ủy, kiêm Chủ tịch UBMTTQ Việt Nam huyện. Đ/c Đỗ Văn Huỳnh thôi giữ chức Trưởng phòng Kinh tế - giữ chức vụ Phó Chủ tịch UBND huyện.

nhưng chưa thể đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, còn bất cập về trình độ chuyên môn ở một số lĩnh vực, kể cả tình trạng cán bộ muốn xin chuyển đi nơi khác, ra khỏi địa bàn. Tất cả những yếu tố và hạn chế đó đã làm cho tình hình chung vốn đã khó khăn lại gặp khó khăn nhiều hơn, làm cho tiềm năng và nội lực của huyện nhà chậm được đánh thức và khai thác.

3. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc phát huy nội lực, khai thác tiềm năng, tranh thủ đầu tư để phát triển về mọi mặt (1996-2000)

Từ ngày 16 đến 18 tháng 3 năm 1996, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ III nhiệm kỳ 1996-2000 được tiến hành. Phương hướng và mục tiêu tổng quát tập trung phần đầu là:

“Tập trung phát triển nông nghiệp toàn diện với cơ cấu kinh tế: Nông - Lâm - Tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, trong đó then chốt vẫn là phát triển sản xuất nông nghiệp, phát huy thế mạnh các thành phần kinh tế, động viên nhân dân tập trung khai thác và sử dụng tốt mọi nguồn nhân lực để phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp chế biến và mở rộng đa dạng các loại dịch vụ thương nghiệp.



Đảng bộ huyện Cát Tiên Đại hội lần thứ III

Đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, tiếp tục ổn định cuộc sống, tạo tích lũy khá trong nội bộ nhân dân. Tranh thủ mọi nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển sản xuất, tạo tiền đề phát triển khá trong những năm sau 2000 và hoàn thành cơ bản định canh định cư cho đồng bào dân tộc. Giữ vững an ninh quốc phòng và tăng cường xây dựng hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh có hiệu lực”.

Về lĩnh vực tài chính, công tác thu có tập trung và được chấn chỉnh, nhờ đó thu ngân sách tại huyện tăng khá: năm 1996 là 2.596 triệu đồng, năm 2000 là 3.052 triệu đồng. Công tác chi đã tiết kiệm để tập trung chi xây dựng cơ bản, thực tế chi ngân sách địa phương cũng tăng rất đáng kể: năm 1996 là 5.682 triệu đồng, năm 2000 là 14.500 triệu đồng.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 27 đồng chí, Ban Thường vụ Huyện ủy có 7 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Văn Thành được bầu lại làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Tô Văn Quang và đồng chí Trần Đình Nhung Phó Bí thư Huyện ủy³⁴. Trong nhiệm kỳ này, vào giữa năm 1996 và cuối năm 1998 có một số thay đổi về các chức danh chủ chốt của huyện³⁵.

Những năm đầu nhiệm kỳ, từ 1996 đến 1998 nhờ khí hậu và thời tiết thuận lợi, đại bộ phận nhân dân sản xuất đạt kết quả tốt. Tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành nông nghiệp đạt từ 7- 8%/ năm. Tổng diện tích gieo trồng toàn huyện tăng khá nhanh từ 9.815 ha năm 1996 lên 12.549 ha năm 2000. Huyện chủ trương đẩy mạnh sản xuất vụ Đông xuân và chọn Đông

³⁴ Đồng chí Tô Văn Quang được phân công làm Phó Bí thư Thường trực, đồng chí Trần Đình Nhung làm Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

³⁵ Đến tháng 7 năm 1998 Tỉnh ủy điều động đồng chí Nguyễn Văn Thành về làm Phó ban Dân vận Tỉnh ủy, đồng chí Trần Đình Nhung làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Xuân Tùng - Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch UBND huyện giữ chức Chủ tịch UBND huyện; Năm 1999 đồng chí Nguyễn Xuân Tùng được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư – Chủ tịch UBND huyện.

xuân làm vụ chính; bên cạnh việc sản xuất lúa, các vườn cây công nghiệp và cây ăn trái đã được nhân dân đầu tư khá mạnh. Nhiều hộ bắt tay cải tạo vườn tạp, chuyển đổi và xây dựng mô hình VAC, VACR (vườn - ao - chuồng; vườn - ao - chuồng - ruộng), việc chăn nuôi cũng được chú trọng và bước đầu chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa, đa dạng hóa vật nuôi, chú trọng đầu tư khâu giống và triển khai mạnh chủ trương “Sin hóa đàn bò, nạc hóa đàn heo” ở các địa bàn có điều kiện thuận lợi. Tuy nhiên tháng 7/1999 và tháng 10/2000, huyện Cát Tiên đã trải qua và chịu đựng hai cơn lũ rất lớn, thời gian kéo dài đã để lại hậu quả hết sức nặng nề trên các mặt sản xuất và đời sống của bà con các dân tộc trong huyện. Thiệt hại về giá trị vật chất khoảng 150 tỷ đồng. Trong đó thiệt hại về nông nghiệp và kết cấu hạ tầng là khá nặng.

Về lâm nghiệp:
Công tác bảo vệ, quản lý và phát triển rừng được Đảng bộ và nhân dân quan tâm đúng mức, tình trạng vi phạm lâm luật giảm, độ che phủ của rừng ngày càng cao, diện tích trồng rừng năm 1996 là 18,6 ha lên 73,4 ha



Tê Giác vườn Quốc gia Cát Tiên

năm 2000. Đặc điểm của rừng Cát Tiên là rừng đầu nguồn Trĩ An với tính đa dạng sinh học, đặc biệt có loài Tê Giác một sừng đã được Tổ chức bảo vệ Động vật hoang dã thế giới phối hợp với Hội động vật học Việt Nam điều tra và phát hiện với những chứng cứ, hình ảnh sinh động, đây không những là vốn quý của địa phương mà còn là tài sản vô giá của quốc gia và của thế giới trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, bảo vệ tính đa dạng sinh học cũng như bảo vệ thú quý hiếm.

Các công trình đầu tư xây dựng được triển khai khá đồng bộ, mạng lưới điện phát triển nhanh. Cuối năm 1999 đã có 10/11 xã, thị trấn có điện lưới, tỷ lệ số hộ dân được sử dụng điện đã lên đến 56,48%; hệ thống đập bồi, kênh mương thủy lợi cũng đầu tư nhanh ở các quy mô khác nhau đã nâng tỷ lệ diện tích chủ động tưới khá lớn từ 5,5% diện tích năm 1995 lên 20% năm 2000, góp phần đưa sản xuất nông nghiệp đi vào thâm canh và ổn định. Đầu năm 2000, trạm bơm Phước Cát 1 đã khởi công, đây là trạm bơm lớn nhất của huyện lúc bấy giờ. Tháng 4/2000, một công trình thủy lợi quy mô khá lớn đã khởi công, đó là công trình hồ chứa Đăk Lô, do Trung ương đầu tư, khả năng tưới theo thiết kế là 690ha. Cuối năm 2000, xã Mỹ Lâm là xã cuối cùng của huyện đã được kéo điện lưới quốc gia.



Lễ kỉ niệm 10 năm ngày thành lập huyện Cát Tiên
(01/01/1987 – 01/01/1997)

Hệ thống giao thông, cầu cống, thông tin liên lạc, các trụ sở làm việc của cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể từ huyện đến cơ sở được xây dựng và tu bổ. Công tác quy hoạch và xây dựng các công trình văn hóa, phúc lợi công cộng được thi công nhiều trong giai đoạn này, tạo điều kiện cho huyện phát triển tương đối toàn diện và đồng bộ.

Ngày 01/01/1997, huyện đã tổ chức lễ kỷ niệm 10 năm Ngày thành lập huyện. Nhân dịp này cán bộ, đảng viên và nhân dân huyện Cát Tiên có dịp đón các đồng chí lão thành cách mạng về thăm như đồng chí Mai Chí Thọ, đồng chí Tư Nguyễn và số đông các đồng chí đã từng công tác ở C200, Khu 6, Khu 10...



Các đồng chí nguyên là cán bộ, chiến sĩ Khu ủy Khu 6 họp mặt Truyền thống kỷ niệm 40 năm giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước

Về lĩnh vực Văn hóa - Xã hội, giai đoạn này là thời kỳ các ngành phát triển khá ổn định và từng bước đi vào chiều sâu: Ngành Giáo dục đào tạo thực hiện tốt chương trình hành động của Đảng bộ huyện về việc thực hiện Nghị quyết Trung ương II, khóa VIII của Đảng.

Năm học 1999-2000 toàn huyện có 412 lớp với 13.194 học sinh, hệ thống trường tiểu học mỗi xã có từ 1 đến 3 trường, vùng đồng bào thôn 5 có 1 trường; có 2 trường cấp 3, năm học 1999-2000 trường trung học Phổ thông Gia Viễn được thành lập. Đội ngũ giáo viên đủ về số lượng. Tiến hành thực hiện chương trình phổ cập trung học cơ sở ở những địa bàn có điều kiện.

Sự nghiệp chăm sóc sức khỏe cho nhân dân có nhiều tiến bộ đáng mừng. Huyện đã thanh toán bệnh phong, đẩy lùi bệnh sốt rét, xóa xã trắng về trạm y tế, đang từng bước thực hiện chủ trương của ngành về việc đưa bác sỹ về tuyến xã, triển khai tốt các chương trình y tế quốc gia. Trung tâm Y tế huyện đã xây dựng phòng mổ, khoa X quang và được tăng cường xây dựng các phòng khoa chuyên môn khác. Góp phần tạo được lòng tin và giúp nhân dân việc phòng và chữa bệnh tại huyện.

Trong giai đoạn 1996-2000 hoạt động văn hóa, văn nghệ, truyền thanh, truyền hình đã được củng cố và đầu tư khá lớn. Huyện đã có sân vận động. Nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày Thương binh liệt sĩ 27/07/1997, huyện đã khánh thành và đưa vào sử dụng Đài tưởng niệm. Đây là một công trình khá khang trang và hoành tráng, là một cơ sở trong thiết chế văn hóa cấp huyện. Từ đó về sau trong những dịp lễ quan trọng, huyện đều tổ chức dâng hương tưởng niệm hết sức long trọng. Các khu vui chơi cho trẻ em cũng được xây dựng.



Đài tưởng niệm các Anh hùng Liệt sĩ

Khu di tích khảo cổ học tiếp tục được Bộ văn hóa thông tin cùng các ngành chủ quản của tỉnh tổ chức khai quật 3 đợt nữa

(tháng 4/1996, tháng 12-1996 và tháng 3/1998). Di tích này thuộc địa bàn xã Quảng Ngãi đã được Bộ văn hóa thông tin quyết định công nhận là khu di tích văn hóa cấp quốc gia (Quyết định số 2890 ngày 27/9/1997). Sự kiện đó đã làm cho huyện Cát Tiên trở thành một địa danh mà một số nhà khoa học, nhà sử học trong và ngoài nước quan tâm.



Lễ đón Bằng công nhận khu di tích Cát Tiên của Bộ Văn hóa - Thông tin năm 1997

Huyện Cát Tiên cũng đã cố gắng xây dựng và trang bị hệ thống đài tiếp, phát sóng truyền hình ở trung tâm huyện; hệ thống truyền thanh ở các xã. Do đó trên địa bàn huyện đã được phủ sóng phát thanh, truyền hình của quốc gia. 100% số hộ trong vùng đồng bào dân tộc đã được cấp phát Radio.

Những kết quả nổi bật về mặt văn hóa xã hội, một mặt thể hiện sự đúng đắn về chủ trương, quan điểm đầu tư và lãnh đạo của Đảng bộ, mặt khác chứng tỏ tinh thần cần cù lao động sáng tạo của các tầng lớp nhân dân, do đó mức sống đã được ổn định và có bước phát triển đáng mừng. Về dân số, ngày 01/04/1999 của huyện là: 37.304 người.

Bên cạnh đó lĩnh vực an ninh, quốc phòng ngày càng được củng cố và giữ vững. Công tác tuyển quân hàng năm đều đạt chỉ

tiêu trên giao. Công tác xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ, Dự bị động viên luôn được quan tâm. Thường xuyên chú trọng và tăng cường công tác huấn luyện sẵn sàng chiến đấu, tích cực luyện tập các phương án tác chiến và diễn tập vận hành cơ chế.

Về phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc được xây dựng rộng khắp, mạng lưới an ninh cơ sở được mở rộng đến thôn bản. Công tác tuyên truyền pháp luật được tổ chức phổ biến rộng rãi đến nhân dân bằng các phương tiện thông tin đại chúng. Ở các xã đã hình thành hệ thống tủ sách pháp luật, các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn tội phạm được tăng cường. Hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố xét xử đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, hạn chế xét xử oan sai.

Về xây dựng hệ thống chính trị: Trong nhiệm kỳ, Đảng bộ đã tập trung xây dựng củng cố cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Ngoài việc thường xuyên đánh giá và xác định nhiệm vụ hàng năm, Đảng bộ còn tập trung xây dựng nhiều nghị quyết chuyên đề mang tính chiến lược như: Nghị quyết ổn định và phát triển vùng đồng bào dân tộc tại chỗ; xóa đói giảm nghèo; phòng chống và khắc phục hậu quả sau lũ lụt; công tác phát triển Đảng; công tác học tập lý luận chính trị trong cán bộ, đảng viên... Qua đó quan điểm, lập trường của đảng viên nâng lên, ý thức vai trò trách nhiệm của đảng viên tốt hơn. Đội ngũ làm công tác tư tưởng, báo cáo viên được củng cố, công tác kiểm tra đã đi vào nề nếp.

Đến cuối năm 2000, toàn Đảng bộ có 700 đảng viên, sinh hoạt ở 32 tổ chức cơ sở Đảng, trong đó có 09 Đảng bộ trực thuộc, tăng 04 tổ chức cơ sở Đảng và 160 đảng viên so với đầu nhiệm kỳ. Công tác đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác Đảng, chính quyền đoàn thể từ huyện đến cơ sở được chú trọng.

Ngày 16/10/1996, Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện đã được thành lập theo Quyết định số 25-QĐ/HU. Tuy còn nhiều khó khăn, song hoạt động của Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện đã góp phần đáng kể cho công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tại huyện, qua đó trình độ chính trị và năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ, đảng viên ngày càng nâng cao. Huyện đã mạnh dạn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất để Trung tâm có điều kiện hoạt động tốt hơn. Tháng 6/2000, một hội trường 150 chỗ ngồi được đưa vào sử dụng, giúp cho huyện đủ cơ sở tiến hành công tác bồi dưỡng cán bộ các cấp tại huyện.

Việc đánh giá xếp loại các tổ chức cơ sở Đảng theo định kỳ đã có tác dụng nhất định trong việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng từ cơ sở. Tuy nhiên sự chuyển biến ở một số mặt còn chậm, thiếu vững chắc, nhất là trong công tác củng cố xây dựng các tổ chức cơ sở Đảng yếu kém chưa thật sự quan tâm đúng mức. Tỷ lệ cơ sở yếu kém, đảng viên vi phạm kỷ luật chưa giảm. Trong nhiệm kỳ qua, kiểm tra xử lý kỷ luật 2 cấp ủy cơ sở Đảng, nội dung tập trung vào các lĩnh vực: Thiếu tinh thần trách nhiệm, có ý làm trái chế độ chính sách, chấp hành không nghiêm Nghị quyết của Đảng, mất đoàn kết nội bộ, vi phạm phẩm chất đạo đức lối sống của đảng viên.

Công tác lãnh đạo và xây dựng chính quyền đã được xây dựng và củng cố thường xuyên. Ngày 04/11/1999, Hội đồng nhân dân huyện khóa IV, nhiệm kỳ 1999-2004 đã được bầu. Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân là 25 vị. Ông Trần Đình Nhung giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện, bà Vũ Thị Cúc - Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện, ông



Đồng chí Trần Đình Nhung
Bí thư Huyện ủy Khóa III, IV

Nguyễn Xuân Tùng - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện là: Huỳnh Văn Đầu, Đinh Công Lý.

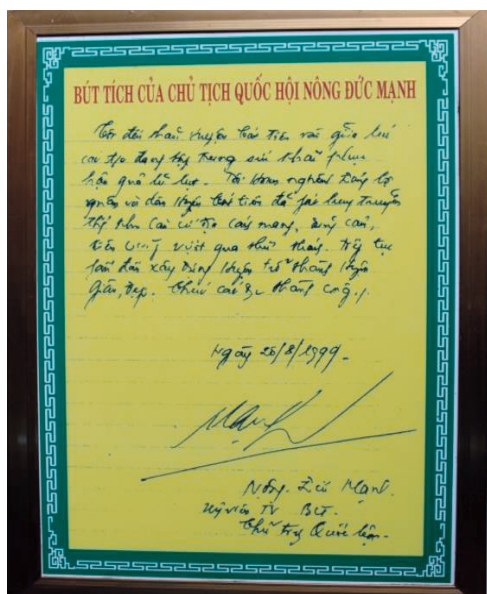
Hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân từ cấp huyện đến xã, thị trấn có nhiều cố gắng đã thực hiện và thể chế hóa kịp thời các Nghị quyết của Đảng bộ và các chính sách của Nhà nước cấp trên... Việc tiếp xúc cử tri giữa Đại biểu Quốc hội, Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện đã được duy trì theo luật định, các ban của Hội đồng nhân dân huyện nhờ củng cố kịp thời đã hoạt động này càng có hiệu quả hơn trong việc chất vấn, thẩm định các kết quả hoạt động và báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện.

Qua bầu cử, bộ máy chính quyền và các phòng, ban chuyên môn của huyện và xã được kiện toàn, củng cố. Quy chế hoạt động và các quy định của Nhà nước được triển khai nghiêm túc. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ chuyên môn để đảm bảo công tác chỉ đạo, điều hành nâng cao năng lực công tác cho đội ngũ cán bộ được tổ chức thường xuyên.

Đi đôi với công tác xây dựng chính quyền, mặt trận và các đoàn thể từ huyện đến cơ sở cũng được củng cố và tăng cường. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước được quan tâm. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, đoàn viên, hội viên được tổ chức thường xuyên đã góp phần nâng cao trình độ nhận thức và năng lực công tác.

Hoạt động của các Đoàn thể không ngừng được tăng cường, bộ máy của các Đoàn thể chính trị từ huyện đến cơ sở ngày càng được củng cố sau các kỳ Đại hội. Công tác phát triển đoàn viên, hội viên của các đoàn thể trong những năm qua tăng

đáng kể về số lượng và chất lượng. Nội dung hoạt động của các đoàn thể ngày càng được đổi mới, phù hợp với nguyện vọng và lợi ích thiết thực của quần chúng nhân dân, các phong trào xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ giúp nhau làm kinh tế, phong trào sản xuất kinh doanh giỏi, phong trào thanh niên lập nghiệp - tuổi trẻ giữ nước, phong trào xây dựng gia đình nông dân 6 chuẩn mực,... Nhìn chung, qua hoạt động các phong trào, đời sống của đoàn viên, hội viên được cải thiện đáng kể. Song song với việc chú trọng nội dung, chương trình hoạt động, từng đoàn thể trong khối chăm lo củng cố và phát triển số lượng đoàn viên, hội viên khá tốt, làm cho việc hoạt động khá sôi nổi cả về chiều rộng lẫn bề sâu.



Bút tích Chủ tịch Quốc hội
Nông Đức Mạnh

Trong nhiệm kỳ qua, bên cạnh những thành tựu đã đạt được so với mục tiêu mà Đại hội lần thứ III đã đề ra thì còn những mặt hạn chế và chưa đạt được. Sự chuyển dịch cơ cấu cây trồng và mùa vụ còn chậm, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm thấp, kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng. Quản lý và thực hiện một số chương trình, dự án kém hiệu quả, đời sống nhân dân tuy có được cải thiện một bước nhưng còn rất khó

khăn, thiên tai liên tiếp xảy ra. Đồng bào dân tộc tại chỗ của

huyện có 355 hộ, 1.775 khẩu chiếm tỷ lệ 4,6% dân số toàn huyện, cư trú ở 12 buôn làng lớn nhỏ khác nhau. Song đến nay công tác định canh định cư cho họ vẫn chưa thực sự ổn định,

mặc dù huyện đã có chủ trương thực hiện quy hoạch để đồng bào định cư ở khu 393 Tư Nghĩa. Chủ trương hình thành xã Đồng Nai Thượng (thôn 5) đã được Hội đồng nhân dân huyện thông qua nhưng còn phải chờ cấp có thẩm quyền quyết định. Chính vì vậy đời sống của bộ phận cư dân này trên một số mặt vẫn còn nhiều khó khăn thiếu thốn. Chất lượng giáo dục trong vùng đồng bào chưa cao.

Tuy chưa đủ thời gian để khắc phục tất cả, song tình hình chung của huyện Cát Tiên đã có nhiều mặt tiến bộ rất đáng kể, với ngân ấy thời gian tuy không dài so với lịch sử, nhưng những thành quả đạt được rất đáng tự hào. Đó là nhờ tinh thần đoàn kết, chịu thương, chịu khó, cần cù lao động sáng tạo của các tầng lớp nhân dân trong huyện, sự nỗ lực vươn lên của Đảng bộ, chính quyền, mặt trận, các đoàn thể quần chúng, sự quan tâm lãnh đạo kịp thời của Đảng, Nhà nước. Những tình cảm sâu nặng của nhân dân cả nước đối với Cát Tiên trong những lúc khó khăn, thiên tai.

Sau cơn lũ lụt tháng 7/1999, ngày 20/8/1999 Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh đã về thăm nhân dân Cát Tiên.

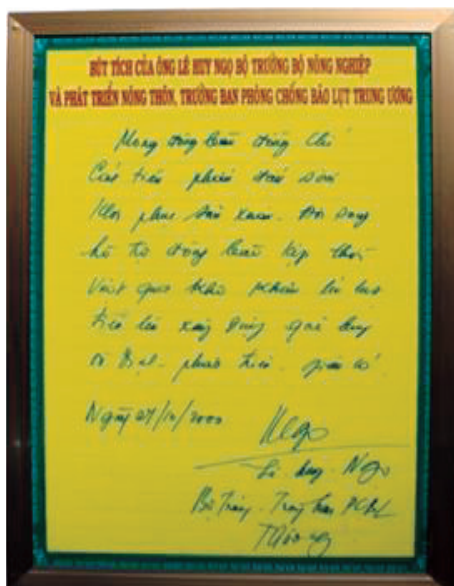
Trong cơn lũ trung tuần tháng 10/2000, ngày 27/10/2000 Chủ tịch nước Trần Đức Lương, Bộ trưởng Nông nghiệp phát triển nông thôn Lê Huy Ngọ, Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước Nguyễn Cảnh Dinh và nhiều cán bộ cao cấp của Chính phủ, về phía lãnh đạo tỉnh có đồng chí Nguyễn Hoài Bảo - Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Phan Thiên - Chủ tịch UBND tỉnh đã về thăm hỏi, chia sẻ những tổn thất của nhân dân. Chủ tịch nước đã chỉ đạo cho tỉnh và các Bộ ngành của Chính phủ có trách nhiệm nghiên cứu, trình Chính phủ để có những giải pháp nhằm xử lý vấn đề úng lũ ở Cát Tiên nằm trong tổng thể chung của các vùng có ảnh hưởng đến khu vực sông Đồng Nai.



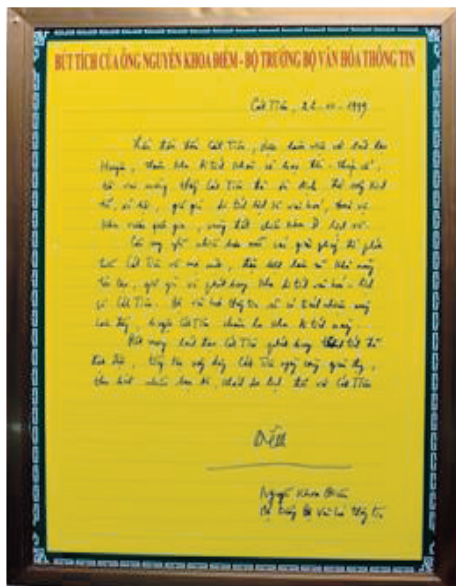
Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh về thăm và làm việc huyện Cát Tiên
(Đ/c Bí thư Huyện ủy báo cáo kinh tế - xã hội với Chủ tịch ngày 25/8/1999)



Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Lê Huy Ngọ
thăm và làm việc huyện Cát Tiên



Bút tích của đồng chí Lê Huy Ngo
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp
và Phát triển nông thôn



Bút tích của đồng chí Nguyễn Khoa Điềm
Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin

Đến thời điểm này, Cát Tiên vẫn còn là một huyện nghèo của tỉnh, còn nhiều yếu tố bất lợi cho việc thâm canh và sản xuất chưa được khắc phục. Các công trình thủy lợi vừa và lớn tuy đã được khảo sát, quy hoạch nhưng do hạn chế về vốn nên chưa thi công được sớm. Kết cấu hạ tầng thiếu đồng bộ, đời sống và thu nhập của nhân dân vẫn còn ở mức khá thấp, tỷ lệ hộ nghèo còn cao. Các giải pháp để khắc phục lũ lụt chưa căn bản, mức hưởng thụ về văn hóa tinh thần của nhân dân chưa cao. Nhưng với những thành tựu đạt được trên các lĩnh vực sau gần 15 năm, với sự quan tâm đầu tư của cấp trên đã tạo đà cho Đảng bộ và nhân dân Cát Tiên vượt qua mọi khó khăn, khắc phục thiên tai, ổn định và phát triển trong cuộc sống.

4. Khai thác tiềm năng, tranh thủ mọi nguồn lực, tiếp tục đầu cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn (2000 - 2005)

Bước vào thế kỷ thứ XXI, tình hình thế giới, khu vực có những thuận lợi và khó khăn đan xen, tác động đến sự phát triển của tất cả các nền kinh tế. Đất nước ta sau 15 năm đổi mới đã đạt những thành tựu quan trọng, những thành tựu đó đã củng cố vị thế nước ta trên trường quốc tế. Hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được đầu tư; nền kinh tế duy trì được tốc độ phát triển khá cao; các lĩnh vực xã hội phát triển đồng bộ; quốc phòng an ninh được giữ vững. Hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương ổn định vững chắc, suy giảm kinh tế do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính khu vực Đông Nam Á tiếp tục được ngăn chặn có hiệu quả. Những kết quả trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, quốc phòng an ninh đã tạo tiền đề cho sự phát triển những năm tiếp theo. Tỉnh Lâm Đồng gia nhập vùng kinh tế Đông Nam bộ do đó huyện Cát Tiên có thuận lợi hơn trên một số mặt, có điều kiện hướng sang thị trường các tỉnh Bình Dương, Bình Phước.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Chỉ thị số 50-CT/TU, ngày 16/03/2000 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng về việc tiến hành Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VII và Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX.



Đoàn Chủ tịch Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Cát Tiên lần thứ IV, nhiệm kỳ 2000- 2005

Từ ngày 26/11 đến ngày 28/11/2000, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Cát Tiên lần thứ IV, nhiệm kỳ 2000-2005 được tiến hành. Tham dự Đại hội có 97 đại biểu đại diện cho hơn 700 đảng viên của 32 tổ chức cơ sở Đảng trong toàn huyện. Đại hội đã bầu Ban chấp hành Đảng bộ huyện gồm 29 đồng chí. Bầu Ban Thường vụ 07 đồng chí, trong đó đồng chí Trần Đình Nhung - Bí thư Huyện uỷ khoá III, được tiếp tục bầu giữ chức vụ Bí thư Huyện uỷ; đồng chí Nguyễn Xuân Tùng được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Huyện uỷ – Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện.

Trước những thuận lợi và khó khăn, trên cơ sở đánh giá khách quan những kết quả đạt được, những yếu kém và tồn tại trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Cát Tiên lần thứ III, nhiệm kỳ 1996-2000, qua thảo luận và phân tích, Đại hội đã xác định mục tiêu: Cơ cấu kinh tế của huyện là Nông – lâm – tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Trong đó tập trung đầu tư thâm canh, tạo ra bước chuyển mạnh và vượt bậc trong nông nghiệp, chú trọng và chăm lo mở rộng thương mại dịch vụ, giảm tỉ trọng nông – lâm nghiệp, giữ vững và phát huy kết quả về văn hoá xã hội. Tiếp tục thực hiện định canh, định cư đồng bào dân tộc tại chỗ, ổn định và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần nhân dân, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, tăng cường hiệu lực hiệu quả quản lý của Nhà nước, đảm bảo quốc phòng an ninh, ngăn ngừa đẩy lùi tội phạm và các tệ nạn xã hội.

Đại hội xác định những nhiệm vụ, giải pháp đối với từng lĩnh vực cụ thể:

Về kinh tế: Phân đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế 7- 8%; Tập trung chỉ đạo phát triển mạnh nông nghiệp theo hướng thâm canh, phân đấu thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chú trọng xây dựng các hình thức Hợp tác xã. Bổ sung quy

hoạch khu trung tâm huyện lỵ, quy hoạch và xây dựng các trung tâm cụm xã, gắn với việc xây dựng kết cấu hạ tầng, đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ làm đòn bẩy thúc đẩy vùng phụ cận phát triển.

Trong sản xuất nông nghiệp, chú trọng và đưa vào sản xuất các loại giống lúa có chất lượng cao, phát triển diện tích cây Điều ở vùng đồi, khôi phục lại diện tích cây Tiêu bị thiệt hại sau lũ lụt. Phát triển diện tích trồng Dâu ở những vùng thổ nhưỡng phù hợp. Tranh thủ mọi nguồn lực đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi để phục vụ sản xuất nông nghiệp. Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng đa dạng vật nuôi và chú trọng mô hình bán công nghiệp. Thực hiện dự án phát triển vùng đệm gắn với phát triển vùng đồng bào dân tộc tại chỗ. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 17/10/1996 của Tỉnh uỷ về xây dựng kinh tế hợp tác.

Tiến hành chỉnh trang đô thị tại khu trung tâm huyện lỵ, quy hoạch và xây dựng khu trung tâm cụm xã Phước Cát 1, Gia Viễn, Quảng Ngãi. Phát triển tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Xây dựng tiền đề để phục vụ dịch vụ du lịch. Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân. Khai thác tốt các nguồn thu trên địa bàn.

Về lĩnh vực văn hoá xã hội: Tiếp tục phát triển các ngành thuộc lĩnh vực văn hoá xã hội theo hướng tạo động lực để phát triển và góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Chăm lo công tác giáo dục, xây dựng trung tâm hướng nghiệp dạy nghề tại huyện. Hoàn thành việc chuẩn hoá giáo viên các cấp. Chú trọng công tác phát triển Đảng trong trường học, tiếp tục đẩy mạnh công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân. Duy trì và phát huy tốt kết quả công tác dân số kế hoạch hoá gia đình. Triển khai và thực hiện có hiệu quả các chương

trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc trẻ em. Đẩy mạnh các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thông tin.

Về lĩnh vực quốc phòng, an ninh: Tập trung lãnh đạo xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xử lý tốt các tình huống xảy ra. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng. Tiếp tục hoàn thiện các phương án phòng thủ và chống gây rối bạo loạn. Thường xuyên chăm lo xây dựng lực lượng công an và dân quân ở cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Ngoài nhiệm vụ huấn luyện sẵn sàng chiến đấu, lực lượng vũ trang huyện còn là lực lượng nòng cốt giúp nhân dân, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân và nhà nước trong phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn. Với tinh thần tích cực, khẩn trương trong những đợt lũ lụt lực lượng vũ trang huyện đã giúp dân vận chuyển hàng trăm tấn lương thực, gia súc, gia cầm và các nhu yếu phẩm khác đến nơi an toàn; gia cố hàng trăm căn nhà bị bão, lụt làm hư hỏng... những việc làm ấy đã để lại ấn tượng tốt đẹp trong lòng nhân dân, góp phần tô thắm thêm phẩm chất Bộ đội cụ Hồ.

Về xây dựng hệ thống chính trị: Tập trung lãnh đạo xây dựng Đảng ngang tầm với nhiệm vụ mới, triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 6 lần 2. Tiếp tục củng cố. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tăng cường khối đại đoàn kết trên cơ sở chú trọng thực lực và hiệu quả hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể. Xây dựng bộ máy Đảng, nhà nước tinh gọn và có hiệu lực, tăng cường công tác đào tạo để chuẩn hoá đội ngũ cán bộ, công chức theo quy định của nhà nước.

Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hiệu lực bộ máy chính quyền từ huyện đến cơ sở, phát huy chức năng cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương. Nâng cao hiệu lực quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã. Đẩy mạnh cải cách hành chính trên các lĩnh vực. Xây dựng tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm đối với đội ngũ cán bộ công chức. Tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, trách nhiệm của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể từ huyện đến cơ sở.

Thực hiện nghị quyết Đại hội, Đảng bộ đã tập trung khắc phục hậu quả thiên tai do lũ lụt xảy ra liên tiếp trong hai năm qua (năm 1999 và năm 2000) và xảy ra trong hai năm kế tiếp (năm 2001 và năm 2002), đẩy mạnh phát triển sản xuất theo nhiệm vụ mà Đại hội đã xác định, trong đó tập trung phát triển nông nghiệp. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 9,11%; Trong đó Nông - Lâm - Thủy tăng 6,82%, Công nghiệp xây dựng tăng 14,48%, Dịch vụ tăng 11,35%.

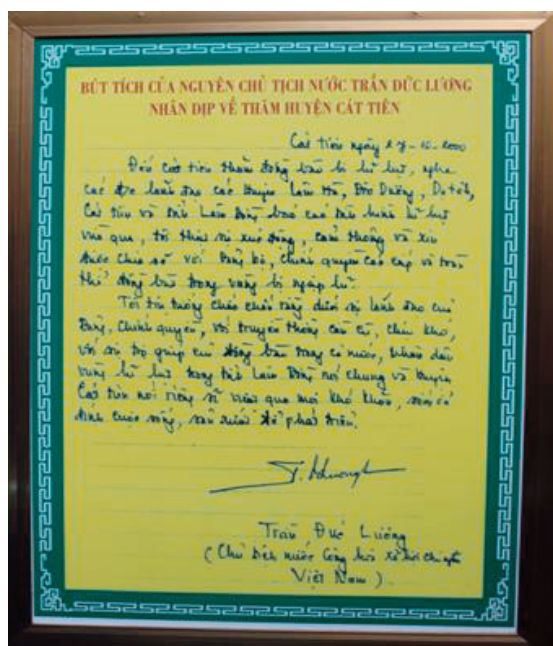
Tiến hành quy hoạch các tiểu vùng kinh tế nhằm khai thác tiềm năng và thế mạnh. Diện tích gieo trồng và năng suất lương thực hàng năm tăng nhanh³⁶. Hệ số sử dụng đất tăng hàng năm là 1,6 lần. Giá trị sản xuất tăng³⁷.

³⁶ Năm 2000, diện tích gieo trồng là 12.073 ha tăng lên 12.118 ha năm 2005; Sản lượng lương thực tăng từ 19.326 tấn năm 2000 lên 27.529 tấn năm 2005.

³⁷ Giá trị sản xuất từ 5,8 triệu đồng/ha năm 2001 lên 7,1 triệu đồng/ha năm 2005.



Chủ tịch nước Trần Đức Lương thăm và làm việc huyện Cát Tiên ngày 27/10/2000



Bút tích Chủ tịch Nước Trần Đức Lương

Việc khắc phục hậu quả lũ lụt được triển khai nhanh chóng và hiệu quả, đồng thời chủ động và xây dựng các phương án phòng tránh thiên tai. Ngày 27/10/2000, Chủ tịch nước Trần Đức Lương đến thăm và làm việc tại huyện Cát Tiên. Chủ tịch nước đã động viên Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Cát Tiên: “Tôi tin tưởng chắc chắn rằng

dưới sự lãnh đạo của Đảng, chính quyền, với truyền thống cần cù chịu khó, với sự trợ giúp của đồng bào cả nước, nhân dân vùng lũ lụt trong tỉnh Lâm Đồng nói chung và huyện Cát Tiên nói riêng sẽ vượt qua mọi khó khăn, sớm ổn định cuộc sống và sản xuất”.

Phát huy truyền thống cần cù, sáng tạo, nhân dân các dân tộc huyện Cát Tiên đã nhanh chóng khắc phục hậu quả lũ lụt gây ra, nhanh chóng ổn định cuộc sống và sản xuất.

Tập trung chỉ đạo thâm canh tăng năng suất, đẩy mạnh phát triển chăn nuôi, cải tạo vườn tạp, phát triển kinh tế vườn hộ. Tạo ra bước chuyển mạnh và vượt bậc trong nền nông nghiệp đồng thời phấn đấu chuyển đổi theo hướng tăng dần tỷ trọng Thương mại, Dịch vụ, giảm tỷ trọng Nông – Lâm nghiệp để đảm bảo đến năm 2005 đạt: bình quân lương thực đầu người đạt 700 kg và thu nhập bình quân đầu người tăng từ 1,7 triệu đồng năm 2000 lên 2,5 triệu đồng năm 2005.

Để tăng giá trị sản xuất và nâng cao thu nhập cho người dân, ngoài việc tăng năng suất, tăng tổng diện tích gieo trồng, nâng cao hệ số sử dụng đất đã quan tâm đưa các giống mới, chất lượng, năng suất cao vào sản xuất. Huyện đã xác định cây lúa là cây lương thực chủ lực, chú trọng đưa vào sản xuất các loại giống có năng suất và chất lượng cao. Ngành nông nghiệp tổ chức khảo nghiệm, chọn lọc các giống lúa mới có năng suất, chất lượng cao, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng của địa phương, kết quả chọn nhiều bộ giống có năng suất cao, phẩm chất tốt, có khả năng kháng bệnh đã được đưa vào sản xuất. Chú trọng thực hiện việc chuyển đổi cơ cấu mùa vụ hợp lý. Xác định vụ Đông Xuân là vụ sản xuất chính, đồng thời vận động nhân dân giảm diện tích vụ Mùa để hạn chế và tránh thiệt hại do thiên tai và dịch bệnh gây ra. Tổ chức nhân giống lúa nước ở 3 địa điểm trọng điểm thuộc 3 xã: Phù Mỹ, Gia Viễn và Phước Cát 1. Tranh thủ các nguồn đầu tư để xây dựng các công trình thủy lợi.

Năm 2001 đã hoàn thành thi công và đưa vào sử dụng hồ Đắc Lô ở xã Gia Viễn, triển khai thi công đập Mỹ Trung ở xã Mỹ Lâm, hồ Phước Trung ở xã Phước Cát 2, đồng thời vận động nhân dân làm thủy lợi nhỏ và đầu tư máy bơm nước để phục vụ sản xuất nông nghiệp. Việc đầu tư xây dựng các hồ chứa nước trên địa bàn huyện đã nâng diện tích sản xuất chủ động được nước tưới lên đáng kể.



Công trình thủy lợi hồ Đắc Lô

Chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản được nhân dân đầu tư phát triển³⁸. Diện tích nuôi trồng thủy sản tăng nhanh³⁹.

Tiến hành bổ sung quy hoạch trung tâm huyện lỵ để phục vụ yêu cầu chỉnh trang đô thị, quy hoạch để xây dựng các trung tâm cụm xã như Phước Cát 1, Gia Viễn, Quảng Ngãi, chuẩn bị triển khai dự án Đường Lô 2, xây dựng một số trụ sở cơ quan nhà nước. Mạng lưới giao thông của huyện, nhất là giao thông nông thôn được đầu tư nâng cấp, số phương tiện

³⁸ Tổng đàn trâu bò tăng từ 1.251 con năm 2000 lên 1.460 con năm 2004.

³⁹ Từ 250 ha năm 2000 lên 450 ha năm 2004 (trong đó có 200 ha tại hồ Đắc Lô).

tham gia giao thông vận tải tăng nhanh giúp cho nhu cầu lưu thông ngày càng thuận tiện. Đến năm 2005, 12/12 xã, thị trấn trên địa bàn huyện có điện lưới quốc gia, số hộ dùng điện đạt 85%. Nhờ kết cấu hạ tầng của huyện được đầu tư phát triển nhanh, đời sống dân cư ngày càng ổn định hơn. Tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ tiếp tục phát triển, từng bước hình thành các cơ sở sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, chế biến nông sản, sửa chữa cơ khí và dịch vụ thương mại. Các cơ sở sản xuất kinh doanh tuy quy mô nhỏ nhưng hoạt động hiệu quả và đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Kết quả đó có tác dụng làm đòn bẩy để các vùng, các xã phụ cận có điều kiện phát triển. Tranh thủ các nguồn đầu tư của nhà nước để tiếp tục đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội. Các công trình xây dựng như: trạm bơm xã Quảng Ngãi, Trung tâm Y tế huyện, nâng cấp và nhựa hoá đường ĐT 721, cầu treo Phước Cát 1... được đầu tư xây dựng, một số công trình hoàn thành và đưa vào sử dụng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện nhà.



Cầu treo Phước Cát



Trạm bơm Quảng Ngãi

Công tác quản lý rừng, quản lý đất đai được coi trọng. Sau gần 10 năm Vườn Quốc gia Cát Tiên được thành lập (ngày 13/01/1992), ngày 10/11/2001 Vườn Quốc gia Cát Tiên được UNESCO công nhận là khu dự trữ sinh quyển thứ 411 của quốc tế và là khu dự trữ sinh quyển thứ 2 của Việt Nam. Ngày 04/8/2005, khu vực bầu Sáu của Vườn Quốc gia Cát Tiên được Ban thư ký công ước RAMSAR công nhận là vùng đất ngập nước quan trọng thứ 1499 của Quốc tế và là 1 trong 8 khu RAMSAR ở Việt Nam. Diện tích rừng Cát Lộc thuộc Vườn Quốc gia Cát Tiên được Vườn Quốc gia Cát Tiên giao cho các xã ven rừng gồm: Phước Cát 2, Gia Viễn, Tiên Hoàng và Đồng Nai Thượng quản lý theo phương thức cộng đồng dân cư nhận khoán trực tiếp. Tổng diện tích giao khoán bảo vệ là 7.332,7 ha vừa góp phần tăng thu nhập cho người dân vừa nâng cao ý thức bảo vệ rừng. Sau phân định nông lâm, việc triển khai trồng rừng được Ủy ban nhân dân huyện và các ngành tập trung chỉ đạo. Trình diễn mô hình canh tác trên đất dốc nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng của địa hình mặt đất có nhiều đồi bát úp hiện hữu trên địa bàn. Việc giao khoán quản lý bảo vệ rừng tiến hành đảm bảo, trồng cây phân tán hàng năm duy trì có kết quả tốt, tỷ

lệ che phủ luôn duy trì ở mức 60%. Công tác quản lý đất đai có nhiều cố gắng trong việc đo đạc, xây dựng bản đồ, quản lý cấp cơ sở; góp phần quản lý địa giới hành chính theo Nghị định 364 của Chính phủ, triển khai Nghị định 60 của Chính phủ về việc giao đất ở trung tâm huyện lỵ đạt kết quả tốt. Công tác quản lý đất đai tài nguyên khoáng sản được đặc biệt quan tâm, những hạn chế yếu kém trước đây dần được khắc phục.



Chợ Cát Tiên

Về lĩnh vực tài chính ngân sách, tuy huyện Cát Tiên có nguồn thu ở quy mô nhỏ, huy động ngân sách so với tổng sản phẩm (GDP) khoảng 6 - 7% nhưng vai trò lãnh đạo của Đảng, công tác điều hành của Ủy ban nhân dân huyện trong công tác này luôn quan tâm coi trọng cả 3 mặt là nuôi dưỡng nguồn thu, khai thác nguồn thu, chống thất thu. Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác quản lý tài chính từ huyện đến cơ sở đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Thu ngân sách hàng năm đạt và vượt chỉ tiêu giao. Điều hành chi ngân sách chặt chẽ. Hoạt động Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn cơ bản đáp ứng được nhu cầu vốn trong nhân dân. Tháng 6/2003, Ngân hàng

chính sách xã hội huyện đã đi vào hoạt động giúp cho người dân tiếp cận nguồn tín dụng ưu đãi để đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh và thực hiện các chính sách an sinh xã hội khác.

Về Bưu chính Viễn thông, giai đoạn 2000 – 2005 là thời kỳ đánh dấu sự phát triển rất mạnh của ngành⁴⁰. Năm 2003, ngành Bưu chính Viễn thông đã đầu tư lắp đặt trạm BTS tiếp phát sóng điện thoại di động, điều này giúp cho việc bảo đảm thông tin liên lạc được thông suốt và thuận lợi hơn, mở rộng và nâng cao mức hưởng thụ dịch vụ Bưu chính Viễn thông cho người dân trong huyện.

Sau năm 2000 trở đi, huyện Cát Tiên cơ bản đã chấm dứt tình trạng tăng dân số về cơ học, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bước đầu được kiểm soát và giảm hàng năm. Hơn nữa qua nhiều đợt lũ lụt kéo dài có một số ít hộ dân chuyển đi nơi khác sinh sống. Việc ổn định về dân số là điều kiện cơ bản để Đảng bộ huyện lãnh đạo việc phát triển các ngành thuộc lĩnh vực văn hóa xã hội. Hệ thống giáo dục trong huyện có 28 trường. Tất cả các xã trong huyện đều có trường Tiểu học và các lớp Mầm non thuộc trường Tiểu học. Trong đó, bậc Mầm non có 04 trường. Bậc Tiểu học có 15 trường. Trung học cơ sở có 07 trường. Bậc Trung học phổ thông có 02 trường.

Đảng bộ huyện đã tập trung chăm lo cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Qua 5 năm, ngành giáo dục Cát Tiên đã có bước tiến bộ đáng kể, quy mô trường lớp phát triển, cơ sở vật chất tiếp tục được đầu tư đáp ứng cơ bản nhu cầu học tập cho con em nhân dân trong huyện, chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên kể cả vùng đồng bào dân tộc tại chỗ. Tổng số giáo viên trên 650 người, số giáo viên được chuẩn hóa trên 95% trong đó giáo

⁴⁰ Năm 2000, toàn huyện có khoảng 600 máy điện thoại, đến năm 2005 lượng máy đã tăng gấp 4 lần. Năm 2005 ngành đã đầu tư xong tuyến cáp quang dài 29 km, đầu tư xây dựng 9/12 bưu điện văn hóa xã và đưa vào hoạt động

viên tiêu học đã được chuẩn hóa 100%. Công tác duy trì kết quả phổ cập giáo dục Tiểu học và triển khai phổ cập giáo dục bậc Trung học cơ sở được chú trọng. Năm học 2004 – 2005 đã có 6/12 xã, thị trấn đã được công nhận kết quả phổ cập giáo dục Trung học cơ sở.



Trường trung học phổ thông Cát Tiên

Cùng với sự phát triển của giáo dục phổ thông thì giáo dục nghề nghiệp và bồi túc văn hóa cũng được chú trọng. Được sự quan tâm đầu tư của ngành, năm 2002, Trung tâm giáo dục thường xuyên Cát Tiên được thành lập, nhờ đó trên địa bàn huyện Cát Tiên có thêm loại hình đào tạo được mở ra, thu hút khá nhiều người học.

Đối với ngành y tế, thời kỳ này trên địa bàn huyện đã tập trung đầu tư cả về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguồn nhân lực⁴¹. Giai đoạn này, địa phương đã tiếp nhận và triển khai thực

⁴¹ Bao gồm: Trung tâm Y tế huyện, 2 phòng khám đa khoa khu vực, 10 trạm y tế xã và trên 100 giường bệnh với đội ngũ Y Bác sĩ trên 110 người. Các trạm Y tế có ít nhất 3 cán bộ y tế, 50% số trạm Y tế xã có bác sỹ, 81/81 thôn buôn có cán bộ Y tế thôn bản.

hiện nhiều chương trình mục tiêu quốc gia. Ngành đã triển khai xây dựng chuẩn quốc gia y tế xã cho 4 đơn vị là Gia Viễn, Quảng Ngải, Phù Mỹ và thị trấn Đồng Nai. Nhiều năm liền ngành y tế đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Công tác Dân số kế hoạch hóa gia đình được triển khai với nhiều phương thức và có hiệu quả. Nhận thức của người dân về chiến lược dân số được nâng lên. Đội ngũ làm công tác dân số được kiện toàn và hoạt động khá hiệu quả. Kết quả hoạt động của đội ngũ cộng tác viên đã góp phần kiểm soát tỷ lệ tăng dân số tự nhiên. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên được giảm dần qua các năm⁴². Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm còn dưới 22%.

Lĩnh vực văn hóa, thông tin và thể thao phát triển khá đồng bộ. Để triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, Huyện ủy đã ban hành Nghị quyết số 12-NQ/HU ngày 01/12/1998 về xây dựng phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Triển khai đồng bộ phong trào toàn dân xây dựng đời sống văn hóa trên địa bàn huyện và đã đạt được những kết quả quan trọng. Năm 2005, toàn huyện đã phát động và có 66/81 đơn vị đăng ký xây dựng thôn, buôn, khu phố văn hóa; có 10 cơ quan, đơn vị được công nhận là cơ quan, đơn vị văn hóa. Thông qua nhiều hoạt động và nhiều phong trào, các cấp, các ngành tổ chức nhiều đợt hội thi, hội thao và hội diễn văn nghệ đã thu hút được đông đảo quần chúng tham gia. Những hoạt động này có ưu tiên hướng về cơ sở và phục vụ cho vùng sâu, vùng xa của huyện. Hạ tầng truyền thanh, truyền hình huyện và hệ thống truyền thanh cơ sở tiếp tục được đầu tư, mở rộng.

Các chính sách an sinh xã hội từng bước được thực hiện khá tốt. Chương trình giảm nghèo được triển khai đồng bộ và hiệu quả.

⁴² Năm 2000, tỉ lệ tăng dân số tự nhiên còn gần 1,7%. Đến năm 2005 giảm còn dưới 1,4%.

Tỉ lệ hộ nghèo trên địa bàn huyện giảm nhanh⁴³. Thời kỳ này, Nhà nước đã thực hiện chính sách miễn giảm thuế nông nghiệp và một số nghĩa vụ tài chính khác do đó giúp cho người dân có thêm nguồn đầu tư sản xuất và điều kiện để thoát đói nghèo. Đặc biệt là việc thực hiện chính sách bảo trợ xã hội cho tất cả các nhóm đối tượng được thụ hưởng đã giúp một bộ phận dân cư giảm bớt khó khăn. Các phong trào vận động xây dựng các loại quỹ để giúp các nhóm đối tượng chính sách được triển khai. Đảng bộ huyện luôn coi trọng lĩnh vực này và thể hiện được phương châm: “Công tác chính sách xã hội là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị”. Bên cạnh đó, nhận thức của đại bộ phận nhân dân về đạo lý “Uống nước nhớ nguồn” được nâng lên góp phần thực hiện chủ trương chăm lo các đối tượng chính sách.



Lễ hội mừng lúa mới của Đồng bào dân tộc Mạ tại xã Đồng Nai Thượng
(Tắc năng nhô sa rpu hrak Yàng dül rbô xah còi)

⁴³ Năm 2001, tỉ lệ hộ nghèo toàn huyện là 35,45% (chuẩn nghèo theo Quyết định 143/2001/QĐ-TTg ngày 27/9/2001 của Chính phủ), đến năm 2005 giảm còn dưới 11% (chuẩn nghèo theo Quyết định 170/2005/QĐ-TTg ngày 08/7/2005 của Thủ tướng Chính phủ).

Việc đầu tư phát triển vùng đồng bào dân tộc tại chỗ trên địa bàn huyện được Đảng bộ huyện đặc biệt coi trọng, đó không những là trách nhiệm và nghĩa vụ của cả hệ thống chính trị nhằm thu hẹp khoảng cách về thu nhập và trình độ phát triển mà còn là việc thể hiện tốt chính sách đền ơn đáp nghĩa mang đầy tính lịch sử và nhân văn, là sự tri ân với đồng bào vùng căn cứ kháng chiến. Với tỷ lệ khoảng trên 4,5% dân số toàn huyện, đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ sinh sống tập trung chủ yếu tại thôn 5 xã Tiên Hoàng⁴⁴ và 7 thôn, buôn thuộc các xã: Phước Cát 2, Phước Cát 1, Gia Viễn, Tiên Hoàng và thị trấn Đồng Nai⁴⁵. Nơi sinh sống của bà con dân tộc tại chỗ là vùng sâu, xa. Đường sá đi lại và điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn. Nhiều tập tục lạc hậu vẫn tồn tại.

Giai đoạn 2000 – 2005, Ban quản lý Vườn Quốc gia Cát Tiên phối hợp với huyện thực hiện chủ trương định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ đang sinh sống trong vùng lõi Vườn quốc gia và đã có một số kết quả khá nổi bật như; cơ bản hoàn thành việc định cư tại xã Đồng Nai Thượng, triển khai định cư cho các hộ thuộc các buôn K'Lo, K'ít. Đưa diện lưới quốc gia về đến địa bàn vùng thôn 5 - Tiên Hoàng⁴⁶. Năm 2002, thành lập xã Đồng Nai Thượng, trên cơ sở tách toàn bộ diện tích tự nhiên và dân cư của thôn 5 xã Tiên Hoàng, nâng tổng số đơn vị hành chính cấp xã lên 12, bao gồm 11 xã và 1 thị trấn. Triển khai tốt các chương trình 134, 135 ở những địa bàn vùng đồng bào dân tộc và vùng đặc biệt khó khăn. Tổng số nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, của tỉnh và của huyện đã đầu tư vào nhiều công trình lên đến gần 12 tỷ đồng. Nhờ đó đã góp phần chấm dứt tình trạng du canh, du cư, tỷ lệ hộ nghèo giảm, việc học

⁴⁴ xã Đồng Nai Thượng ngày nay.

⁴⁵ Thị trấn Cát Tiên ngày nay.

⁴⁶ xã Đồng Nai Thượng hiện nay.

hành và chữa bệnh đã đáp ứng nhu cầu cơ bản. Trong sản xuất, bước đầu hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp (cây điều), một số mô hình kinh tế vườn hộ xuất hiện, do đó đời sống bà con đã cải thiện đáng kể. Vai trò lãnh đạo của Đảng bộ đối với việc đầu tư phát triển vùng đồng bào dân tộc được xác định khá rõ ở Nghị quyết số 21-NQ/HU ngày 31/12/1999 của Huyện ủy về định hướng phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số đến năm 2005. Giai đoạn này huyện Cát Tiên đang triển khai thực hiện Chỉ thị số 393/TTg về công tác định canh định cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở bản Buôn Go, bằng việc triển khai định canh cho bà con ở xã Tư Nghĩa với nguồn vốn đầu tư là 1.685,9 triệu đồng, diện tích 441 ha.

Về tình hình hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo. Thời điểm này trên địa bàn huyện có 02 cơ sở tôn giáo là nhà Nguyễn Cát Tiên và Chùa Vạn Phước, hoạt động của các tôn giáo đảm bảo theo chương trình đăng ký. Bà con có đạo luôn đoàn kết, chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước, sống “tốt đời, đẹp đạo”. Năm 2003, thực hiện Nghị quyết Trung ương VII (khóa IX), Nghị quyết số 25-NQ/TU ngày 12/3/2003 Tỉnh ủy về công tác tôn giáo, Đảng bộ đã triển khai một số nhiệm vụ và giải pháp về công tác tôn giáo như: tập trung quản lý tình hình hoạt động tín ngưỡng tôn giáo trong vùng dân tộc tại chỗ, hướng dẫn các cơ sở tôn giáo đăng ký chương trình hoạt động hàng năm, tăng cường công tác quản lý các hoạt động từ thiện nhân đạo, do đó các hoạt động tín ngưỡng tôn giáo diễn ra đảm bảo trong khuôn khổ của pháp luật. Bà con có đạo tích cực tham gia các phong trào của địa phương.

Trên lĩnh vực quốc phòng an ninh, những năm đầu thế kỷ XXI, tình hình thế giới và khu vực xuất hiện nhiều nhân tố phức tạp, diễn biến khó lường. Xung đột vũ trang, xung đột sắc tộc

diễn ra ở nhiều nơi. Ở khu vực Tây Nguyên, nhất là trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ đã xuất hiện một số vụ gây bạo loạn, làm ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, có thể ảnh hưởng lan rộng đến các địa bàn lân cận. Trên địa bàn huyện Cát Tiên, việc thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng, quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực có mặt còn hạn chế, thiên tai liên tiếp xảy ra. Trước tình hình trên, Ban Thường vụ Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện đã tập trung chỉ đạo, các ngành chức năng tích cực tham mưu làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Đấu tranh và ngăn chặn kịp thời, xử lý nghiêm các loại tội phạm hình sự. Xây dựng và phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc ở các thôn xóm và địa bàn dân cư.

Thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện đã thành lập 13 tổ công tác đến các buôn dân tộc bản địa khảo sát, nắm tình hình, đồng thời thành lập 02 tổ công tác để xây dựng thực lực cách mạng ở Thôn 3, Thôn 4 xã Phước Cát 2 và Thôn 5 xã Tiên Hoàng (hiện nay là xã Đồng Nai Thượng). Các cơ quan chức năng đã tiến hành tuyên truyền, vận động đồng bào nêu cao ý thức cảnh giác trước âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch, tham gia phong trào “Toàn dân tham gia phát hiện, tố giác tội phạm, quản lý giáo dục, cảm hóa những người lầm lỗi tại cộng đồng dân cư”. Kết quả trên đã củng cố niềm tin của đồng bào, của các tầng lớp nhân dân đối với sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương; giúp bà con nâng cao tinh thần cảnh giác và ý thức cách mạng. Trong 5 năm qua, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo và giữ vững. Tai tệ nạn xã hội được kiểm chế. Không xảy ra điểm nóng, lòng tin của quần chúng nhân dân vào Đảng và Nhà nước được củng cố. Thực lực hệ thống chính trị ở cơ sở được nâng lên, thế trận an ninh nhân dân được củng cố vững chắc.

Thực hiện Nghị định số 40/199/NĐ-CP, ngày 23/6/1999 của Chính phủ về Công an xã. Công an huyện đã phối hợp với Ủy ban các xã, thị trấn tập trung xây dựng lực lượng Công an xã đảm bảo số lượng quy định, từng bước nâng cao về chất lượng. Lực lượng Công an các xã, thị trấn cơ bản đã trưởng thành và đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Hàng năm Ban chỉ huy Quân sự huyện đã tham mưu Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các ngành chức năng hướng dẫn các xã, thị trấn tổ chức diễn tập vận hành cơ chế theo tinh thần Nghị quyết số 02-NQ/BCT ngày 30/07/1987 của Bộ Chính trị (Khóa VI) về khu vực phòng thủ “Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, các ban, ngành, đoàn thể làm tham mưu, chỉ huy trưởng quân sự chỉ huy thống nhất lực lượng vũ trang”. Thông qua các cuộc diễn tập nâng cao nhận thức của cấp ủy Đảng, chính quyền và công tác tham mưu của các ban, ngành, đoàn thể trong xử lý các tình huống xảy ra. Hàng năm triển khai thực hiện tốt công tác huấn luyện cho các đối tượng trên địa bàn huyện theo phương châm: “Cơ bản, thiết thực, vững chắc”. Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 62-CT/TW ngày 12/02/2001 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục quốc phòng; Nghị định số 116/2007/NĐ-CP ngày 10/07/2007 của Chính phủ về giáo dục quốc phòng, an ninh. Các đối tượng giáo dục quốc phòng an ninh đều được tham gia học tập đầy đủ ở huyện, tỉnh và Quân khu theo phân cấp. Chăm lo xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ đạt 2,48% so với dân số, tỷ lệ Đảng viên trong dân quân đạt 10,96%; Lực lượng Dự bị động viên được biên chế thành 02 đại đội và đủ khung tiểu đoàn, hàng năm được huấn luyện và kiểm tra sẵn sàng động viên. Công tác tuyển quân thường xuyên được quan tâm, chú trọng. Hàng năm huyện Cát Tiên đều đạt chỉ tiêu giao quân cho các đơn vị, trong 5 năm đã có 246 thanh niên lên đường nhập ngũ. Qua các đợt kiểm tra

của các cấp về thực hiện nhiệm vụ quân sự quốc phòng cho thấy trình độ chỉ huy, khả năng tổng hợp và sáng sủa chiến đấu của lực lượng vũ trang huyện từng bước được nâng lên, đáp ứng tốt yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Về lĩnh vực xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị:

Đề kiện toàn bộ máy nhân sự trong Đảng bộ, tháng 3/2001, đồng chí Võ Bình Nguyên – Trưởng ban Tổ chức Huyện ủy được bầu giữ chức Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy (khoá IV). Tháng 03/2004, đồng chí Nguyễn Xuân Tùng được bầu giữ chức Bí thư Huyện ủy (khoá IV), thay đồng chí Trần Đình Nhung – Bí thư Huyện ủy được Tỉnh ủy điều động đi làm nhiệm vụ mới. Đồng chí Huỳnh Văn Đầu được bầu giữ chức Phó Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện nhiệm kỳ 1999– 2004.

Công tác chính trị, tư tưởng được các cấp ủy đặc biệt quan tâm. Tập trung đổi mới nội dung, hình thức tổ chức học tập quán triệt chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm nâng cao nhận thức, tạo chuyển biến trong hành động của cán bộ, đảng viên và sự đồng thuận trong các tầng lớp nhân dân. Tỷ lệ đảng viên, cán bộ tham gia học tập nghị quyết được nâng lên. Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo và tổ chức thành công nhiều hội thi để nâng cao nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng như: Hội thi Bí thư Chi bộ giỏi, Báo cáo viên giỏi, ... Công tác nắm bắt tư tưởng, định hướng dư luận được coi trọng. Những tâm tư nguyện vọng của cán bộ, đảng viên được nắm bắt và định hướng kịp thời. Những vấn đề bức xúc phát sinh được giải quyết. Tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên ổn định và diễn biến tích cực. Sự đồng thuận của nhân dân vào chủ trương, chính sách được củng cố. Chất lượng quán triệt, học tập nghị quyết và bồi dưỡng lý luận được nâng lên. Trong nhiệm kỳ Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện đã phối hợp với các ban, ngành và đoàn

thể mở nhiều lớp bồi dưỡng, nâng cao nhận thức và nghiệp vụ công tác cho cán bộ, đảng viên nhất là cán bộ cơ sở⁴⁷.

Công tác biên soạn lịch sử truyền thống được Ban Thường vụ Huyện ủy quan tâm, chỉ đạo. Tháng 9/2001, hoàn thành biên soạn, xuất bản công trình “Truyền thống đấu tranh cách mạng và xây dựng huyện Cát Tiên (1945 – 2000)” đồng thời chỉ đạo triển khai và hoàn thành biên soạn truyền thống cho 06 xã và thị trấn⁴⁸.

Kết quả thực hiện cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII đã góp phần quan trọng vào công tác xây dựng Đảng theo hướng trong sạch vững mạnh. Chất lượng tổ chức Đảng và đảng viên được nâng lên, vai trò lãnh đạo của Đảng ngày càng được phát huy. Năm 2005, Đảng bộ huyện có 41 tổ chức cơ sở Đảng, tăng 09 tổ chức cơ sở Đảng so với năm 2001. Công tác tạo nguồn và phát triển Đảng được Ban Thường vụ đặc biệt quan tâm nhằm nâng cao chất lượng đảng viên được kết nạp. Hàng năm, tổ chức đợt kết nạp đảng viên kỷ niệm ngày sinh nhật Bác (19/5 hàng năm). Đến năm 2005, xóa tình trạng thôn, buôn, khu phố trắng đảng viên. Trong nhiệm kỳ này, có 03 Chi bộ khối xã được Ban Thường vụ Huyện ủy quyết định nâng lên thành Đảng bộ⁴⁹.

Công tác xây dựng tổ chức Đảng theo hướng trong sạch vững mạnh được Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy quan tâm và chỉ đạo chặt chẽ. Ngày 04/7/2001, Ban Chấp hành

⁴⁷ Mở 73 lớp bồi dưỡng với 6.731 học viên; 1 lớp Sơ cấp Lý luận chính trị (là khóa đầu tiên) với 54 học viên; phối hợp mở 1 lớp trung cấp LLCT (hệ tại chức với 56 học viên).

⁴⁸ Xã Gia Viễn, Đồng Nai Thượng, Đức Phổ, Phước Cát 1, Quảng Ngãi và Thị Trấn Đồng Nai

⁴⁹ Đảng bộ xã Đồng Nai Thượng được thành lập theo Quyết định số 516-QĐ/HU ngày 18/02/2003; tiếp đó Đảng bộ xã Nam Ninh được thành lập theo Quyết định số 659-QĐ/HU ngày 04/6/2003; Đảng bộ xã Quảng Ngãi được thành lập theo Quyết định số 2103-QĐ/HU ngày 23/3/2005, của Ban Thường vụ Huyện ủy.

Đảng bộ huyện đã ban hành Nghị quyết chuyên đề số 03-NQ/HU về xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh nhiệm kỳ 2000- 2005, gắn với triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII về cuộc vận động và chỉnh đốn Đảng. Kết quả đã góp phần làm cho tỷ lệ tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch vững mạnh, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức Đảng và chất lượng đảng viên được nâng lên, trong nhiệm kỳ không còn tổ chức cơ sở Đảng yếu kém; tỷ lệ đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 73,5%.

Việc xây dựng đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị được Ban Thường vụ Huyện ủy hết sức quan tâm. Công tác qui hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được chú trọng, nhiều cán bộ, công chức đã được cử đi đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, nhằm nâng cao trình độ, từng bước chuẩn hóa theo quy định, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Công tác kiện toàn, sắp xếp cán bộ được tiến hành kịp thời, công tác nhân sự cho Đại hội Đảng, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể được chuẩn bị chu đáo.

Công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy từng bước đi vào nề nếp; ngay từ đầu nhiệm kỳ, Huyện ủy đã xác định nhiệm vụ cụ thể đối với công tác kiểm tra toàn khoá, thành lập các đoàn, tổ công tác tiến hành kiểm tra thường xuyên và kiểm tra chuyên đề theo quy định. Trong nhiệm kỳ đã tiến hành kiểm tra theo chương trình, nội dung kiểm tra tập trung vào việc chấp hành cương lĩnh chính trị, Nghị quyết, Chỉ thị, Điều lệ Đảng, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, việc xây dựng và tổ chức thực hiện nghị quyết, đoàn kết nội bộ, giữ gìn phẩm chất, lối sống, lĩnh vực đất đai. Những trường hợp có vi phạm đã được xử lý nghiêm minh theo quy định của điều lệ Đảng và pháp luật của Nhà nước. Công tác kiểm tra đã góp phần xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII về Cuộc vận động và chỉnh đốn Đảng, Ban Thường vụ Huyện ủy đã thành lập Ban Chỉ đạo cấp huyện và chỉ đạo tổ chức thực hiện trong toàn Đảng bộ; qua học tập quán triệt, đại đa số cán bộ đảng viên, quần chúng nhân dân nhận thức được tầm quan trọng, ý nghĩa và tính cấp bách của cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng, tạo sự chuyển biến mới về nhận thức và hành động của các tổ chức Đảng, đảng viên. Việc chuẩn bị nội dung báo cáo và tổ chức kiểm điểm sát với tình hình thực tế và đảm bảo theo yêu cầu, xác định cụ thể những ưu điểm, khuyết điểm, chỉ rõ trách nhiệm, phân tích và tìm ra được nguyên nhân; trong quá trình kiểm điểm, các tập thể và cá nhân đã phát huy được tinh thần tự phê bình và phê bình, đấu tranh thẳng thắn trên tinh thần đoàn kết xây dựng, phát huy dân chủ nội bộ. Ban Thường vụ Huyện ủy đã nghiêm túc kiểm điểm với tinh thần trung thực, thẳng thắn, trách nhiệm và từng bước khắc phục những khuyết điểm theo kết luận tại hội nghị kiểm điểm Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2)⁵⁰.

Cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng đã góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên. Tổ chức bộ máy Đảng, chính quyền, đoàn thể từng bước được kiện toàn. Sau khi tổ chức kiểm điểm đã tạo được sự chuyển biến trên một số mặt như: thái độ học tập nghiêm túc hơn, ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm được nâng lên. Trong lãnh đạo, chỉ đạo có trọng tâm và cụ thể, từ đó giải quyết dứt điểm những vấn đề để tồn đọng kéo dài, bức xúc phát sinh ở địa phương.

Công tác dân vận của cấp ủy tiếp tục được tăng cường, Ban Thường vụ Huyện ủy tập trung chỉ đạo các tổ chức cơ sở Đảng, Mặt trận và các đoàn thể huyện tăng cường công tác quán triệt

⁵⁰ Ban Thường vụ Huyện ủy tổ chức kiểm điểm trong 02 ngày 19 và 20/5/2000.

học tập, tuyên truyền các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân; xây dựng các chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp đã bám sát yêu cầu nhiệm vụ chính trị và tình hình thực tế của địa phương, đơn vị, ban hành Nghị quyết số 23-NQ/HU ngày 21/4/2004 của Huyện ủy “về xây dựng 5 chương trình kinh tế trọng tâm và 10 công trình xây dựng cơ bản trọng điểm trong giai đoạn 2004 – 2009”⁵¹ để lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, kết quả đó đã góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động quần chúng trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào tôn giáo, chỉ đạo xây dựng thực lực chính trị nòng cốt và củng cố các tổ chức đoàn, hội ở cơ sở, đấu tranh, ngăn chặn âm mưu kích động, lôi kéo đồng bào vượt biên trái phép, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân; duy trì và phát huy hiệu quả hoạt động Tổ công tác trực tiếp đi về làm công tác dân vận ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo chỉ đạo của Tỉnh ủy. Tổ chức Hội thi “Dân vận khéo” cấp huyện lần thứ nhất thành công, đã góp phần nâng cao kiến thức chuyên môn và hiệu quả công tác vận động quần chúng ở cơ sở.

⁵¹ 5 chương trình trọng tâm: Chương trình sản xuất nông nghiệp hàng hóa; Chương trình phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội; Chương trình phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp; Chương trình xóa đói giảm nghèo, đào tạo nguồn nhân lực, giải quyết việc làm và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc tại chỗ; Chương trình phát triển du lịch sinh thái - văn hóa.

10 công trình trọng điểm: Xây dựng Đường lô 2; Xây dựng hồ chứa nước Phước Trung; Xây dựng Trung tâm Y tế huyện ở vị trí mới; Xây dựng Trường THPT Quang Trung; Xây dựng Nhà văn hóa huyện; Hoàn thành giai đoạn 1 cụm công nghiệp; xây dựng hồ chứa nước Đa Sĩ; nâng cấp tuyến đường Tiên Hoàng - Đồng Nai Thượng; Nhựa hóa tuyến đường Phước Cát 1 - Phước Cát 2; xây dựng hệ thống cấp thoát nước đô thị.

Công tác dân vận của chính quyền được chú trọng, phương thức được đổi mới theo hướng gần dân, sát dân, giải quyết kịp thời những kiến nghị chính đáng của nhân dân. Hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của bộ máy chính quyền các cấp được nâng lên, triển khai thực hiện tốt các chương trình đầu tư phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào dân tộc tại chỗ như: chương trình hỗ trợ làm nhà ở, khai hoang giải quyết đất sản xuất, điện, nước sinh hoạt. Kết quả đó đã củng cố niềm tin của đồng bào các dân tộc thiểu số vào sự lãnh đạo của Đảng.

Hội đồng nhân dân đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo luật định. Ban hành nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, thực hiện giám sát các lĩnh vực, quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương. Duy trì tiếp công dân đặc biệt là liên quan đến khiếu nại tố cáo của công dân. Ban hành nghị quyết theo thẩm quyền, đồng thời đề nghị cấp trên xem xét và quyết định tách thôn 5 thuộc xã Tiên Hoàng và thành lập xã Đồng Nai Thượng vào năm 2002. Hội đồng nhân dân tiến hành giám sát một số lĩnh vực theo thẩm quyền nhằm đảm bảo các chủ trương, chính sách được triển khai đúng và đầy đủ. Tăng cường và nâng cao chất lượng chất vấn của các Đại biểu tại các kỳ họp. Theo dõi đôn đốc việc triển khai thực hiện các nghị quyết Hội đồng nhân dân.

Ủy ban nhân dân huyện quản lý điều hành các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quản lý ngân sách chặt chẽ, xây dựng quy chế hoạt động, có sự phân công rõ ràng và thực hiện nghiêm túc Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Pháp lệnh về nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân. Đẩy mạnh cải cách hành chính theo TCVN ISO: 9001 2000. Xác định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của tập thể và cá nhân, gắn với chấn chỉnh kỷ cương, nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân.

Ủy ban nhân dân huyện đã cụ thể hoá nghị quyết của Huyện uỷ, Hội đồng nhân dân bằng các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm. Điều hành các lĩnh vực hiệu lực và hiệu quả, giải quyết kịp thời và dứt điểm các vấn đề bức xúc của nhân dân. Triển khai thực hiện 5 chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng tâm, 10 công trình xây dựng cơ bản trọng điểm được Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ IV đề ra khá hiệu quả. Kết quả đó đã thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tập trung tháo gỡ những khó khăn, nhất là việc triển khai giải toả đền bù, giải phóng mặt bằng đối với công trình hồ chứa nước Đắc Lô (xã Gia Viễn). Tăng cường công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch. Triển khai thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia. Trong nhiệm kỳ, Ủy ban nhân dân huyện đã triển khai và hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện đề ra.

Công tác kiện toàn bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội được quan tâm thường xuyên. Công tác chuẩn bị và tổ chức Đại hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể hết nhiệm kỳ được Ban Thường vụ Huyện uỷ chỉ đạo chặt chẽ.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tăng cường công tác tập hợp và phát triển hội viên, đoàn viên, xây dựng tổ chức hội vững mạnh. Hệ thống tổ chức hội thường xuyên được kiện toàn từ huyện đến cơ sở. Các xã, thị trấn đều có cơ sở Đoàn, Hội, các thôn, buôn, khu phố trên địa bàn huyện đều có Chi hội đoàn thể⁵². Đội ngũ cán bộ Ban Chấp hành các cấp hội, đoàn thể được

⁵² Hội Nông dân có 5.628 hội viên, Hội Phụ nữ có 5.260 hội viên, Hội Cựu chiến binh có 1.439 hội viên, Liên đoàn lao động có 54 công đoàn cơ sở với 1.190 đoàn viên, Đoàn Thanh niên có 28 cơ sở Đoàn với 2.962 đoàn viên

đào tạo bồi dưỡng hàng năm, chất lượng hoạt động, tính hiệu quả của các phong trào từng bước được nâng lên.

Công tác quản lý và vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân chấp hành tốt các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được duy trì thường xuyên, các phong trào thi đua yêu nước được Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể xây dựng như: “Phong trào nông dân sản xuất kinh doanh giỏi” của Hội Nông dân, phong trào “Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế” của Hội Liên hiệp Phụ nữ, phong trào “Thanh niên lập nghiệp, tuổi trẻ giữ nước, phát huy truyền thống” của Đoàn thanh niên, phong trào “Gương sáng Bộ đội Cụ Hồ” của Hội Cựu Chiến binh đã thu hút đông đảo đoàn viên, hội viên tham gia. Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư” được phát động sâu rộng. Các hoạt động xã hội, nhân đạo từ thiện, phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc, phòng chống tội phạm, góp phần củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, huy động các nguồn lực tham gia phát triển kinh tế, thực hiện các chính sách an sinh xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; tham gia có hiệu quả công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh. Kết quả đó thể hiện sự cố gắng, nỗ lực rất lớn của đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận trong điều kiện còn nhiều khó khăn của huyện.

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ IV, nhiệm kỳ 2000 – 2005, huyện Cát Tiên đã đạt được những thành tựu khá toàn diện. Tốc độ tăng trưởng khá cao, kinh tế phát triển, cơ cấu chuyển dịch tích cực, tỉ trọng trong ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng. Hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được đầu tư và ngày càng hoàn thiện, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện. Các lĩnh vực xã hội phát triển đồng bộ. Quốc phòng, an ninh được đảm bảo. Công

tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị chuyển biến tích cực.

Tuy đạt được những kết quả trên nhưng do điểm xuất phát thấp, lũ lụt xảy ra liên miên gây nhiều thiệt hại cho nhân dân, đã làm chậm tốc độ tăng trưởng kinh tế nên đến cuối nhiệm kỳ, Cát Tiên vẫn là huyện nghèo của tỉnh; quy mô nền kinh tế vẫn ở mức nhỏ, tăng trưởng chưa thực sự bền vững, tiềm năng và lợi thế chưa xác định rõ, lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển chậm và chiếm tỉ trọng thấp trong nền kinh tế. Mặc dù đã tập trung kêu gọi để thu hút đầu tư nhưng kết quả thu được chưa như mong muốn. Các hình thức kinh tế hợp tác chậm phát triển, hiệu quả hoạt động chưa cao. Cơ sở hạ tầng thiếu đồng bộ.

Triển khai thực hiện công tác xã hội hóa ở các lĩnh vực văn hóa - xã hội gặp nhiều khó khăn. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân chưa đáp ứng yêu cầu. Hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao còn nhiều hạn chế, thiếu chiều sâu.

Tính thống nhất trong nội bộ của hệ thống chính trị có thời điểm chưa cao. Việc nắm bắt diễn biến tư tưởng và định hướng dư luận xã hội có mặt, có lúc không kịp thời, vai trò lãnh đạo của một số tổ chức Đảng, công tác quản lý điều hành của chính quyền cơ sở có nơi, có lúc chưa đáp ứng được yêu cầu của công việc. Công tác thi đua còn nặng thành tích, phát huy dân chủ có nơi còn hình thức. Công tác cán bộ chưa chặt chẽ về quy trình, có vị trí chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tính đồng bộ trong hệ thống chính trị chưa cao. Công tác dân vận có mặt, có thời điểm chưa theo kịp yêu cầu nhiệm vụ. Song với những gì mà Đảng bộ, nhân dân các dân tộc huyện Cát Tiên đạt được trong nhiệm kỳ là rất quan trọng và khá toàn diện, kết quả đó đã tạo tiền đề căn bản và cần thiết cho phát triển giai đoạn tiếp theo.

5. Phát huy dân chủ, tranh thủ các nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng, xây dựng Cát Tiên phát triển bền vững về mọi mặt (2005 - 2010)

Đất nước sau 20 năm thực hiện sự nghiệp đổi mới tiếp tục đạt được những thành tựu quan trọng. Đường lối đổi mới của Đảng, Nhà nước ta ngày càng khẳng định tính đúng đắn, chính sách ưu tiên vùng sâu, vùng căn cứ kháng chiến tiếp tục được thực hiện với quy mô ngày càng lớn hơn. Kết quả đó đã tác động thuận lợi cho việc phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Tỉnh Lâm Đồng gia nhập vùng kinh tế trọng điểm miền Đông Nam bộ (giai đoạn 2000-2005 đã đề cập), sản xuất duy trì được nhịp độ tăng trưởng ổn định. Một số dự án, công trình hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng từng bước phát huy hiệu quả, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội. Từ năm 2003 trở đi, lũ lụt hàng năm ít xảy ra và thấp hơn. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân các dân tộc không ngừng được cải thiện. Trình độ, năng lực, kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ, công chức viên chức tiếp tục được nâng lên. Những kết quả đạt được trên các lĩnh vực sau 20 năm thành lập huyện đã tạo tiền đề cho phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên Cát Tiên cơ bản vẫn là huyện thuần nông, thời tiết diễn biến phức tạp, hạn hán thường xuyên đe dọa. Quy mô kinh tế nhỏ bé, tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ tăng chậm, hạ tầng kinh tế xã hội chưa đáp ứng cho yêu cầu phát triển.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Chỉ thị số 39-CT/TW, ngày 10/01/2005 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng về việc tiến hành Đại hội Đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu lần thứ X của Đảng.

Từ ngày 21 đến ngày 23 tháng 10 năm 2005, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Cát Tiên lần thứ V được tiến hành. Tham dự Đại hội có 127 đại biểu thay mặt cho 984 đảng viên đang

sinh hoạt ở 41 tổ chức cơ sở Đảng trong toàn huyện. Đại hội đã thảo luận và thông qua Báo cáo chính trị, Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2005-2010; Báo cáo tổng hợp các ý kiến vào dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng; Báo cáo tổng hợp ý kiến của Đại hội góp ý vào dự thảo văn kiện trình Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ V.



Đồng chí Nguyễn Xuân Tùng
Bí thư Huyện ủy khóa IV, V
(3/2004- 6/2006)

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ (Khoá V) nhiệm kỳ 2005-2010 gồm 33 đồng chí. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Đảng bộ huyện bầu Ban Thường vụ gồm 09 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Xuân Tùng tái đắc cử chức vụ Bí thư Huyện ủy, đồng chí Đinh Công Lý và đồng chí Huỳnh Văn Đầu được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Huyện ủy. Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ V là sự kiện chính trị có ý nghĩa quan trọng, khẳng định sự đoàn kết, thống nhất ý chí, quyết tâm của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện tiếp tục thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đi vào chiều sâu.

Với chủ đề “Phát huy dân chủ, tranh thủ các nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng, xây dựng Cát Tiên phát triển bền vững về mọi mặt”; Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ V đã thảo luận, đánh giá những thành tựu đạt được cũng như những hạn chế, yếu kém trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IV; đồng thời xác định phương hướng, nhiệm vụ của nhiệm kỳ 2005-2010 là: “Khai thác mọi tiềm năng, phát huy các nguồn lực, tranh thủ sự đầu tư của nhà nước, đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội và giữ vững an ninh quốc phòng. Ưu tiên và khuyến

khích phát triển kinh tế tập thể, mạnh dạn xây dựng cơ chế thông thoáng để kêu gọi đầu tư và thu hút nguồn vốn từ các thành phần kinh tế. Tập trung khâu chế biến lương thực, sản xuất vật liệu xây dựng và một số ngành thu hút nhiều lao động”.

Coi trọng đầu tư hạ tầng thiết yếu. Tập trung sức hoàn thành 5 chương trình kinh tế trọng tâm, 10 công trình xây dựng cơ bản trọng điểm. Nâng cao giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích, tiếp tục quy hoạch vùng trồng trọt, chăn nuôi, khuyến khích các mô hình tự tạo việc làm, giải quyết việc làm, mở rộng giao lưu với các khu vực tiếp giáp. Chú ý nâng cao đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân các dân tộc trên địa bàn. Chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, củng cố chính quyền và phát huy tốt vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể.

Đại hội đã xác định: Tốc độ phát triển kinh tế phấn đấu đạt 12 -13%, cơ cấu kinh tế là “Nông - Lâm nghiệp, Dịch vụ, Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng”. Tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp, tích cực chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi và chuyển đổi mùa vụ; phát triển nhanh tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, quy hoạch đầu tư và chỉnh trang đô thị, phát triển khu trung tâm huyện và các trung tâm cụm xã, phát huy thành quả trên lĩnh vực kinh tế - xã hội, ổn định và nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tốt các chế độ chính sách, đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội. Đại hội đã xác định nhiệm vụ và giải pháp sau:

Xây dựng các chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, bám sát yêu cầu nhiệm vụ chính trị và tình hình thực tế của địa phương, đơn vị ban hành Nghị quyết số 13-NQ/HU ngày 18/12/2006 “về điều chỉnh bổ sung Nghị quyết số 23-NQ/HU ngày 21/4/2004 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về “xây dựng 5 chương trình kinh tế trọng

tâm và 10 công trình xây dựng cơ bản trọng điểm giai đoạn 2004 - 2009”⁵³

Về kinh tế: Cần xác định một số cây trồng vật nuôi chủ lực, gắn quy hoạch tiểu vùng theo hướng chuyên canh các loại cây trồng. Nâng tổng diện tích gieo trồng cây lương thực lên 7000 - 8000 ha. Đầu tư xây dựng và cải tạo hệ thống kênh mương phục vụ sản xuất nông nghiệp. Tiếp tục xác định vụ Đông xuân là vụ chính. Khuyến khích các thành phần kinh tế tiếp tục đầu tư để nâng tỉ lệ cơ giới hoá trong các khâu sản xuất nông nghiệp, hình thành các trang trại chăn nuôi. Hoàn thành việc giao quỹ đất rừng, đất nông nghiệp theo phân định nông lâm.

Hoàn thiện quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết các lĩnh vực, kết hợp đầu tư mới với tiếp tục cải tạo, nâng cấp các công trình xây dựng cơ bản, nhất là lĩnh vực giao thông, thủy lợi, trung tâm cụm xã, trường học, chợ, thiết chế văn hoá cơ sở. Chủ động và tranh thủ các nguồn vốn đầu tư để triển khai thực hiện.

Thực hiện tốt Luật ngân sách Nhà nước, khai thác tốt các nguồn thu, điều hành ngân sách theo đúng quy định của pháp luật. Phấn đấu tăng dần tỉ trọng trong ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ. Đẩy nhanh tiến độ nâng cấp trung tâm huyện lỵ Cát Tiên, hình thành trung tâm thương mại Gia Viễn, Phước Cát 1. Lập phương án và di chuyển một số cơ sở tiểu thủ công nghiệp ra khỏi khu dân cư, khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn. Tranh thủ sự hỗ trợ từ ngành cấp trên để sớm tôn tạo khu di chỉ khảo cổ Quảng Ngãi để phục vụ phát triển du lịch.

⁵³ Bổ sung thêm chương trình liên kết kinh tế vùng và Công trình Làng đồng bào dân tộc Buôn Go (Thành 6 chương trình trọng tâm và 11 công trình trọng điểm).



Chợ Gia Viễn



Chợ Phước Cát

Về văn hoá xã hội: Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, giữ vững kết quả phổ cập giáo dục Tiểu học, hoàn thành phổ cập giáo dục Trung học cơ sở. Đẩy mạnh việc đào tạo nghề, bổ túc văn hoá.

Hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở gắn với từng bước nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân. Đẩy mạnh công tác truyền thông dân số, tiếp tục giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên.

Triển khai có hiệu quả cuộc vận động “Toàn dân xây dựng đời sống văn hoá”. Duy trì tốt các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao gắn với từng bước nâng cao chất lượng dân số. Tiếp tục đầu tư và hoàn thiện thiết chế văn hoá cơ sở.

Chăm lo giải quyết việc làm, thực hiện tốt chính sách người có công, đảm bảo an sinh xã hội, đẩy mạnh giảm nghèo nhanh và bền vững. Tiếp tục đầu tư xây dựng vùng đồng bào dân tộc về mọi mặt.

Về lĩnh vực quốc phòng an ninh: Nâng cao nhận thức trách nhiệm của cấp uỷ Đảng, cán bộ đảng viên và các tầng lớp nhân dân về nhiệm vụ quân sự quốc phòng, xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ, Dự bị động viên đảm bảo về số lượng, nâng cao về chất lượng. Thực hiện đầy đủ kế hoạch huấn luyện, diễn tập hàng năm.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá VIII, đảm bảo ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu thủ đoạn của kẻ địch, không để xảy ra tình huống phức tạp, kiểm chế sự gia tăng các loại tội phạm, đảm bảo trật tự an toàn giao thông. Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Về xây dựng hệ thống chính trị: Tập trung nâng cao vai trò lãnh đạo của cấp uỷ Đảng trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, đẩy mạnh công tác tạo nguồn phát triển đảng viên. Tập trung xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh. Chỉ đạo đổi mới nội dung, phương thức hoạt động để nâng cao hiệu quả công tác vận động quần chúng. Xây dựng thực lực chính trị, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc.

Nâng cao năng lực điều hành và hiệu lực quản lý của chính quyền huyện, xã, đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phải hướng mạnh về cơ sở, sát hội viên. Bám sát nhiệm

vụ chính trị của địa phương để xây dựng phong trào. Xây dựng đội ngũ cán bộ năng động trong suy nghĩ, tận tâm trong công việc và dám chịu trách nhiệm. Có trách nhiệm trước sự phát triển của địa phương.

Tranh thủ các nguồn đầu tư của Nhà nước, khai thác tiềm năng thế mạnh của địa phương để tập trung phát triển kinh tế nhanh và bền vững⁵⁴.

Tập trung triển khai thực hiện Kết luận số 42-KL/TU ngày 19/6/2006 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Lâm Đồng về “mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đột phá, tăng tốc phát triển kinh tế xã hội huyện Cát Tiên giai đoạn 2006 – 2010”.

Được sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, sâu sát của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng và các ban, ngành, đoàn thể liên quan; sau 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ V, với quyết tâm cao cùng với sự đồng thuận của quân và nhân dân các dân tộc trong huyện đã mang lại nhiều kết quả đáng ghi nhận

Về nông nghiệp, đã triển khai đồng bộ các giải pháp để thực hiện chương trình sản xuất nông nghiệp hàng hoá. Quy hoạch vùng sản xuất lúa giống, lúa chất lượng cao. Ứng dụng kết quả điều tra nghiên cứu thổ nhưỡng vào sản xuất nông nghiệp. Tập trung chỉ đạo chuyển đổi mùa vụ, chuyển vụ Đông xuân thành vụ chính, tiếp nhận nhiều giống mới đưa vào sản xuất. Giá trị sản xuất đạt 30 triệu đồng/ha/năm. Chuẩn bị các điều kiện để xây dựng thương hiệu “Lúa – gạo Cát Tiên”. Tập

⁵⁴ Tốc độ tăng trưởng trong 5 năm bình quân đạt 13,31%. Trong đó lĩnh vực nông – lâm nghiệp, thủy sản tăng 9,48%. Lĩnh vực công nghiệp, xây dựng tăng 17,02%. Lĩnh vực thương mại, dịch vụ tăng 18,21%. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực. Lĩnh vực nông – lâm nghiệp, thủy sản giảm bình quân 1,38%/năm. Lĩnh vực công nghiệp, xây dựng tăng bình quân 0,34%/năm. Lĩnh vực thương, mại dịch vụ tăng bình quân 1,03%/năm. Sản lượng lương thực năm 2010 đạt 46.805 tấn, tăng 1,5 lần so với năm 2005.

trung cải tạo vườn điều, thay thế diện tích điều già cỗi cho năng suất thấp bằng giống điều ghép cho năng suất cao hơn. Tập trung phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại⁵⁵. Việc hoàn thành và đưa vào sử dụng nhiều công trình thủy lợi nên các địa phương đã khai thác diện tích mặt nước để nuôi thủy sản. Trên địa bàn huyện có trên 520 ha mặt nước được tận dụng nuôi cá, tôm. Một số mô hình nuôi trồng thủy sản đã mang lại hiệu quả kinh tế cao. Giai đoạn này ngoài việc làm tốt công tác quản lý bảo vệ rừng huyện đã chỉ đạo chuyển đổi rừng nghèo kiệt sang trồng cây nguyên liệu giá trị cao, diện tích rừng trồng mới phát triển khá nhanh. Đã tổ chức giao rừng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho nhân dân, diện tích rừng nghèo kiệt được thay thế bằng rừng trồng, tỷ lệ độ che phủ rừng của toàn địa bàn đạt trên 64%.

Về đầu tư phát triển hệ thống thủy lợi, thực hiện chủ trương: Tranh thủ nguồn vốn tập trung từ ngân sách cấp Trung ương, tỉnh để đầu tư các công trình thủy lợi lớn phục vụ sản xuất nông nghiệp⁵⁶. Đồng thời vận động nhân dân bỏ vốn làm các công trình thủy lợi nhỏ ngân sách của địa phương hỗ trợ theo cơ chế 448⁵⁷. Kết quả có 49,6 km kênh mương được kiên cố hóa. Tổng đầu tư xây dựng cơ bản 5 năm trên địa bàn gần 623 tỷ đồng, qua đó nhiều công trình trọng điểm đã được triển khai xây dựng và đưa vào sử dụng có hiệu quả các hạng mục đã hoàn thành như: Đường Lô 2, Đường Tiên Hoàng – Đồng Nai Thượng, làng Buôn Go, đường Nội thị, Khu di tích lịch sử Khu ủy khu VI. Một số chợ nông thôn được đầu tư xây dựng từ nhiều nguồn vốn và đưa vào sử dụng như: Phước Cát 1, Gia

⁵⁵ Năm 2005, tổng đàn trâu bò có 9.326 con. Năm 2010 tăng lên 20.000 con

⁵⁶ Một số công trình đã hoàn thành như hồ Phước Trung (Phước Cát 2), hồ Bê Đê (Đồng Nai Thượng), hệ thống kênh mương các trạm bơm Quảng Ngãi, trạm bơm Phước Cát 1 và trạm bơm Đức Phổ tiếp tục được xây dựng để tăng diện tích tưới.

⁵⁷ Về chi phí đầu tư: người dân 50%, nhà nước hỗ trợ 50%.

Viễn, Nam Ninh, Tiên Hoàng, Phước Cát 2. Công tác lập quy hoạch, điều chỉnh bổ sung các loại quy hoạch kịp thời đã giúp cho việc triển khai các dự án, các công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn huyện. Việc đầu tư xây dựng và đưa điện lưới quốc gia đến xã Đồng Nai Thượng là một cố gắng lớn, góp phần đưa tỷ lệ dùng điện lưới của hộ dân đạt 94% vào năm 2010. Công tác quản lý đô thị, chỉnh trang đô thị đã được tập trung, công tác quản lý đất đai và thực hiện chính sách về đất đai cũng duy trì thường xuyên theo đúng quy định của pháp luật và đáp ứng nhu cầu của nhân dân.



Nhà sinh hoạt Cộng đồng làng Buôn Go

Về tài chính ngân sách, cơ bản thực hiện tốt Luật ngân sách và pháp lệnh thực hành tiết kiệm. Tập trung thu ngân sách theo dự toán gắn với khai thác nguồn thu⁵⁸. Công tác quản lý

⁵⁸ Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tăng từ trên 6 tỉ đồng năm 2005 lên trên 28,5 tỉ đồng năm 2010. Trong đó thu cân đối tăng từ trên 3 tỉ năm 2005 lên trên 10 tỉ năm 2010

ngân sách cấp xã có nhiều chuyển biến tốt, nhất là khâu kiểm soát thu, chi. Hoạt động của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ngân hàng chính sách xã hội huyện giải quyết các thủ tục theo hướng đơn giản, thực hiện yêu cầu của Chính phủ, rà soát việc khoan nợ, giãn nợ theo quy định góp phần tháo gỡ khó khăn và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.



Trung tâm Y tế huyện Cát Tiên

Các lĩnh vực văn hóa, xã hội phát triển đồng bộ. Lĩnh vực giáo dục - đào tạo được thường xuyên chăm lo, cơ sở vật chất, trường, lớp tiếp tục được đầu tư theo hướng kiên cố hóa. Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, duy trì kết quả hoàn thành phổ cập Trung học cơ sở, hình thành 2 trường Trung học cơ sở Phù Mỹ và Nam Ninh. Đến năm 2010, cơ bản hoàn thành chương trình kiên cố hóa trường lớp. Triển khai xây dựng các trường đạt chuẩn quốc gia. Chăm lo xây dựng đội ngũ giáo viên, 100% giáo viên các cấp đạt chuẩn theo quy định. Thời kỳ này số học sinh trên toàn huyện có quy mô trên 10.500 em, cao nhất từ trước tới nay. Trường Trung học phổ thông Quang Trung (Phước Cát 1) được đầu tư xây dựng. Trung tâm giáo dục thường xuyên đã liên kết với các cơ sở đào tạo để mở các lớp nghề. Về Y tế, đến năm 2010, có 12/12 Trạm y tế xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia. Trung tâm Y tế

huyện được đầu tư xây dựng mới (tại khu 1 thị trấn Đồng Nai, nay là Thị trấn Cát Tiên) và đưa vào sử dụng năm 2008. Kể từ ngày thành lập huyện đến năm 2010, đây là thời điểm đánh dấu sự phát triển về cơ sở vật chất là khá toàn diện của ngành y tế. Chất lượng công tác bảo vệ chăm sóc sức khỏe cho nhân dân có nhiều chuyển biến tích cực. Mạng lưới y tế cơ sở tiếp tục được hoàn thiện. Các chương trình mục tiêu y tế quốc gia đã đạt được triển khai thực hiện hiệu quả. Đội ngũ cán Bộ Y tế thường xuyên được cử đi đào tạo đã có 34/139 người trong toàn ngành là bác sỹ, làm cơ sở để phấn đấu cho mục tiêu 100% trạm y tế cơ sở có bác sỹ trong thời gian tới. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm⁵⁹; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm⁶⁰.

Hoạt động văn hóa thông tin và các phong trào thể thao được duy trì. Trung tâm văn hóa huyện tuy còn khó khăn về nơi làm việc, nhà văn hóa chưa được đầu tư xây dựng, song đội ngũ cán bộ công tác ở lĩnh vực này có nhiều cố gắng đưa hoạt động đi vào thường xuyên, phục vụ tốt các hoạt động thông tin tuyên truyền, cổ động cho các hoạt động chính trị diễn ra trên địa bàn ở trung tâm huyện và các trung tâm cụm xã. Một số lễ hội văn hóa truyền thống tiêu biểu của đồng bào các dân tộc thiểu số được phục dựng và duy trì như: Lễ Hội mừng lúa mới của dân tộc Mạ, Lễ hội Lồng Tồng của đồng bào Tày, Nùng. Phong trào xây dựng thôn, buôn, khu phố văn hóa trên địa bàn huyện đạt kết quả tốt, chất lượng phong trào xây dựng đời sống văn hóa ngày càng đi vào chiều sâu.

Công tác giảm nghèo được thực hiện khá đồng bộ với việc lồng ghép nhiều chương trình, nhận thức về công tác giảm nghèo trong nhân dân có chuyển biến tích cực. Nguồn vốn của Nhà nước được quan tâm hỗ trợ nhiều hơn. Chương trình xóa

⁵⁹ Từ 1,4 % năm 2005 xuống còn 1,25% vào năm 2010.

⁶⁰ Từ trên 24% năm 2005 xuống còn 15,5% vào năm 2010.

nhà tạm cho hộ nghèo, hộ đặc biệt khó khăn theo Chỉ thị số 22-CT/TU của Tỉnh ủy đạt được 619 căn; Theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ đạt được 359 căn. Đến năm 2010, huyện Cát Tiên đã cơ bản hoàn thành việc xóa nhà tạm, chương trình giảm nghèo đạt kết quả tốt. Thực hiện Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ và Quyết định số 561/QĐ-UBND ngày 13/3/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Theo đó huyện Cát Tiên có 02 xã thuộc diện 30a là Mỹ Lâm và Đồng Nai Thượng. Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện đã tập trung xây dựng và triển khai thực hiện Đề án phát triển kinh tế xã hội nhằm giảm nghèo nhanh và bền vững đối với xã Đồng Nai Thượng và xã Mỹ Lâm; nguồn vốn trên 2 tỉ đồng/xã/ năm. Đồng thời chỉ đạo các xã xây dựng Đề án giảm nghèo đối với 13 thôn, buôn nghèo. Chương trình giảm nghèo đã đạt những thành tựu đáng khích lệ. Tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện cuối 2010 còn 16,1% (chuẩn nghèo theo Quyết định số 170/2005/QĐ-TTg ngày 08/7/2005 của Thủ tướng Chính phủ).

Về đầu tư phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ được Đảng bộ và chính quyền đặc biệt quan tâm. Ngay đầu nhiệm kỳ, Huyện ủy đã ban hành Nghị quyết số 05-NQ/HU ngày 22/6/2006 về định hướng đầu tư và phát triển vùng đồng bào dân tộc tại chỗ giai đoạn 2006 – 2010. Trên cơ sở đó một số dự án đầu tư đã tập trung triển khai như: Làng Buôn Go – thị trấn Đồng Nai, thôn 6 – Tiên Hoàng; Buôn B'Run – Gia Viễn. Triển khai dự án ổn định dân cư tại chỗ cho thôn 3, thôn 4 xã Phước Cát 2. Tiếp tục đầu tư Khu 393 ở Tư Nghĩa cho đồng bào Buôn Go. Ở địa bàn xã Đồng Nai Thượng ngoài việc thực hiện có kết quả chương trình 134, 135, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc sản xuất lúa nước để tiến tới tự túc được lương thực tại chỗ. Thực hiện nhiệm vụ này có ý nghĩa như một cuộc cách mạng ở vùng đồng

bào dân tộc. Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Nông nghiệp huyện đã tận tình hướng dẫn từng khâu, từng công việc cụ thể. Sau vài năm thực hiện, có trên 10 ha lúa nước có thể canh tác được 2 vụ. Qua đó đời sống và sản xuất của bà con được ổn định và cải thiện đáng kể. Việc chăm lo cho giáo dục, y tế ở các vùng đồng bào dân tộc từng bước đáp ứng được nhu cầu. Việc đi lại cho bà con được đầu tư khá tốt. Các yếu tố khó khăn cách trở dần được khắc phục và một số tập tục lạc hậu của bà con không còn diễn ra phổ biến. Tỷ lệ hộ nghèo của đồng bào dân tộc thiểu số giảm còn 18,1%.

Tình hình hoạt động tôn giáo ổn định, thời kỳ này ở địa bàn xã Phước Cát 1 đã hình thành thêm 2 cơ sở tôn giáo là chùa Phước Cát và cơ sở của Thánh thất Cao đài. Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo tiếp tục duy trì tốt.

Về lĩnh vực quốc phòng an ninh, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản ổn định. Tuy nhiên tình trạng phá rừng làm rẫy và khai thác lâm sản trái phép vẫn còn xảy ra. Trước tình hình trên, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các ngành chức năng triển khai tốt các nhiệm vụ nhằm giữ vững an ninh chính trị đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

Quán triệt các quan điểm đường lối, chủ trương của Đảng về nhiệm vụ quân sự, quốc phòng để nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền về nhiệm vụ quân sự quốc phòng trong tình hình mới. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước đối với nhiệm vụ quốc phòng và bảo đảm an ninh trật tự. Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, chủ động nắm chắc tình hình từ cơ sở. Chăm lo xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên có số lượng thích hợp, chất lượng ngày càng cao. Lực lượng dân quân, tự vệ đạt 1,93% so với dân số, đảng viên đạt 15,76%, đoàn viên đạt 75,14%. Công tác Đảng, công tác chính trị được quan tâm nhằm

xây dựng đơn vị vững mạnh. Tập trung xây dựng Chi bộ quân sự các xã, thị trấn đủ năng lực lãnh đạo và triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ. Nâng cao chất lượng huấn luyện, chủ động ứng phó với mọi tình huống. Hoàn thiện phương án tác chiến. Tổ chức diễn tập vận hành theo cơ chế 02/BCT của Bộ Chính trị. Chuẩn bị tốt công tác tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ, giao quân hàng năm đạt chỉ tiêu giao⁶¹. Lực lượng dự bị động viên được tổ chức đăng ký, quản lý và huấn luyện theo quy định.

Công tác an ninh chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội được triển khai chặt chẽ. Các cơ quan, đơn vị đã tập trung thực hiện có hiệu quả phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, phòng chống tệ nạn xã hội. Trong 5 năm qua, trên địa bàn huyện không xảy ra điểm nóng. Đại bộ phận nhân dân nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, tin tưởng vào đường lối, chủ trương của Đảng. Lực lượng công an ngày càng được củng cố. An ninh chính trị được đảm bảo, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Thế trận an ninh nhân dân được củng cố vững chắc. Tập trung xây dựng lực lượng Quân sự và Công an vững mạnh về mọi mặt. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ chuyên môn, sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

Tháng 9 năm 2009, triển khai thực hiện Pháp lệnh Công an xã, lực lượng Công an xã tiếp tục được củng cố, kiện toàn, chất lượng ngày càng được nâng lên. Việc kiện toàn, xây dựng và duy trì hoạt động các Tổ hòa giải ở cơ sở được quan tâm. Tất cả các thôn, buôn, tổ dân phố đều có Tổ hòa giải. Công tác hòa giải ở cơ sở đã thực hiện khá tốt nhiệm vụ góp phần giữ vững an ninh nông thôn, hạn chế tình trạng đơn thư khiếu kiện vượt cấp. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng lãng phí thực hiện tốt gắn với Quy chế dân chủ ở cơ sở.

⁶¹ Trong 5 năm, đã có 255 thanh niên nhập ngũ.



Đồng chí Phan Thanh Lai
Bí thư Huyện ủy khóa V
(6/2006 – 4/2010)

Tháng 6 năm 2006, đồng chí Phan Thanh Lai – Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện Đam Rông được Tỉnh ủy điều động về giữ chức Bí thư Huyện ủy thay đồng chí Nguyễn Xuân Tùng đi làm nhiệm vụ mới. Tháng 8 năm 2008, đồng chí Ngô Xuân Hiến – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện khoá IV, nhiệm kỳ 2004 - 2011 được bầu bổ sung giữ chức Phó Bí thư

Thường trực Huyện ủy. Tháng 4/2010, đồng chí Phan Thanh Lai được nghỉ hưu theo quy định của Nhà nước.

Tháng 5/2010, đồng chí Huỳnh Văn Đầu – Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện được bầu giữ chức Bí thư Huyện ủy. Tháng 7/2010, đồng chí Nguyễn Văn Long – Trưởng ban Dân vận Huyện ủy được bầu giữ chức Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy; đồng chí Ngô Xuân Hiến - Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy được bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Công tác tư tưởng trước hết tập trung vào đổi mới và nâng cao chất lượng việc tổ chức học tập, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Chú trọng công tác nắm bắt tình hình và định hướng tư tưởng, gắn công tác tư tưởng với thực hiện nhiệm vụ chính trị. Công tác quán triệt học tập, triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở các tổ chức cơ sở Đảng được tiến hành nghiêm túc. Việc cung cấp thông tin, định hướng tư tưởng được tiến hành bằng nhiều hình thức đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân. Những diễn biến tư tưởng được nắm bắt và định hướng kịp thời, sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên được tăng cường. Các cấp ủy Đảng ở cơ sở đã thường xuyên nắm bắt

tình hình tư tưởng và dư luận xã hội trên địa bàn, qua đó có những biện pháp giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh trong nội bộ tổ chức Đảng và những kiến nghị, bức xúc của nhân dân ngay từ cơ sở, do vậy đã góp phần ổn định tình hình tư tưởng trên địa bàn, củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và công tác quản lý, điều hành của chính quyền.

Thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 07/11/2006 của Bộ Chính trị về tổ chức Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, Ban Thường vụ Huyện uỷ đã chỉ đạo tổ chức quán triệt học tập các chuyên đề đến các tổ chức cơ sở Đảng, làm cho toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức sâu sắc về những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của tư tưởng, đạo đức và tấm gương Hồ Chí Minh, từ đó từng cán bộ, đảng viên vận dụng trong thực hiện nhiệm vụ của mình. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tổ chức tuyên truyền nội dung Chỉ thị đến đoàn viên, hội viên⁶². Tổ chức chào cờ đầu tuần ở cơ quan, đơn vị, đồng thời

⁶² Đã tổ chức được 697 buổi với 29.422 lượt người tham gia. Trong đó, Đảng bộ các xã, thị trấn đã tổ chức được 60 buổi lồng ghép tuyên truyền với việc triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị ở dưới địa phương cơ sở với hơn 3.000 lượt người tham gia. MTTQ huyện đã tổ chức công tác tuyên truyền cuộc vận động gắn với triển khai thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư” được 51 buổi với 2.647 lượt người tham gia. Huyện đoàn đã đẩy mạnh thực hiện phong trào “5 xung kích phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ Tổ quốc”, phong trào “4 đồng hành thanh niên lập nghiệp” và triển khai nhiều hoạt động thông qua các hội thi, diễn đàn, như: thi giải đáp ô chữ về cuộc đời, sự nghiệp, đạo đức và tư tưởng Hồ Chí Minh; tổ chức đêm sinh hoạt truyền thông “Tuổi trẻ học tập và làm theo lời Bác”, đồng thời chiếu phim và tổ chức tọa đàm về bộ phim “Hồ Chí Minh chân dung một con người” và tổ chức hội thi “Kể chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” cho đoàn viên, thanh niên trên địa bàn huyện... thu hút hơn 1.000 đoàn viên, thanh niên tham gia. Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện đã tổ chức tuyên truyền đẩy mạnh phong trào “Thực hành tiết kiệm” qua việc xây dựng các mô hình “Nuôi heo đất”, “Thu gom rác thải”, “Giúp nhau xoá đói giảm nghèo” “bỏ ống tiết kiệm” v.v... được 328 buổi với 16.575 lượt người tham gia. Hội Nông dân huyện đã tổ chức tuyên truyền được 252 buổi với 6.200 lượt người tham gia. Đồng thời, tập trung đẩy mạnh các phong trào thi đua như: Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi”, phong trào “Đoàn kết giúp nhau xoá đói, giảm nghèo và làm giàu chính đáng” ...

phân công cán bộ, công chức, viên chức kể những mẫu chuyện về tấm gương đạo đức của Bác trong sinh hoạt chào cờ. Biểu dương kịp thời những tập thể, cá nhân có thành tích; đồng thời nhắc nhở, chấn chỉnh những khuyết điểm. Ban Thường vụ Huyện uỷ đã tổ chức thành công Hội thi “Kể chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” từ cấp cơ sở đến cấp huyện. Kết quả học tập làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh ở các cấp trên địa bàn huyện đã lan toả sâu rộng đến các lĩnh vực của đời sống xã hội. Nhiều mô hình hay, nhiều cá nhân điển hình tiên tiến xuất hiện hầu khắp các lĩnh vực. Nhiều phong trào tương thân tương ái đã được xây dựng trên các lĩnh vực sản xuất, trong giảm nghèo, an sinh xã hội. Qua đánh giá kết quả thực hiện Cuộc vận động, đã khẳng định có sự chuyển biến rõ nét cả về nhận thức và hành động; khắc phục dần những khuyết điểm, yếu kém trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trên các lĩnh vực.

Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới. Kiện toàn củng cố, nâng cao chất lượng đội ngũ báo cáo viên và giảng viên kiêm chức cấp huyện để nâng cao chất lượng bồi dưỡng tại huyện. Chỉ đạo mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong huyện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác. Chỉ đạo đẩy mạnh việc biên soạn và hoàn thành biên soạn lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng và xây dựng Đảng bộ các xã: Phù Mỹ, Nam Ninh, Tiên Hoàng.

Công tác xây dựng tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên tiếp tục đạt được những kết quả quan trọng. Đến cuối năm 2010, Đảng bộ huyện có 51 tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc, tăng 10 tổ chức cơ sở Đảng so với năm 2005. Trong đó gồm 14 Đảng bộ và 37 Chi bộ cơ sở. Công tác tạo nguồn, bồi dưỡng, phát triển đảng viên mới được quan tâm, đạt kết quả tốt. Giai đoạn 2006 –

2010, toàn Đảng bộ kết nạp được 410 đảng viên, chất lượng đảng viên mới được nâng lên.

Ngày 16/12/2005, Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành Quyết định số 22-QĐ/HU về việc thành lập Đảng bộ xã Tư Nghĩa. Tiếp đó ngày 09/7/2007, ban hành Quyết định số 521-QĐ/HU về việc thành lập Đảng bộ xã Mỹ Lâm. Như vậy, tất cả 12/12 xã, thị trấn trong huyện đã thành lập Đảng bộ cơ sở. Vai trò lãnh đạo của Đảng ghi nhận thêm bước trưởng thành. Việc nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở được Ban Thường vụ Huyện ủy quan tâm.

Nhằm đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, thị trấn theo tinh thần Nghị quyết số 17-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX); ngày 27 tháng 4 năm 2007, Huyện ủy ban hành Nghị quyết số 15-NQ/HU để chỉ đạo, tổ chức triển khai đồng bộ các giải pháp, trọng tâm là xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh, quan tâm củng cố tổ chức cơ sở Đảng yếu kém, tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao chất lượng công tác kiểm tra đảng viên gắn với việc phân công nhiệm vụ cụ thể, tạo điều kiện để đảng viên phấn đấu, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ. Các cấp ủy Đảng tập trung nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, làm tốt công tác giáo dục, bồi dưỡng, tạo nguồn phát triển đảng viên mới. Từ đó chất lượng các tổ chức cơ sở Đảng ngày càng được nâng lên, vai trò lãnh đạo được củng cố⁶³.

⁶³ Tỷ lệ tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh tăng, từ 70,7% năm 2005 lên 75% năm 2010. Tỷ lệ đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ tăng, từ 73,5% năm 2005 lên 90% năm 2010.

Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng và thi hành kỷ luật Đảng được tăng cường, bám sát chương trình công tác để triển khai. Kịp thời hướng dẫn, triển khai các qui trình kiểm tra, giám sát nhằm đưa công tác kiểm tra, giám sát đi vào nề nếp và có hiệu quả. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và xây dựng hệ thống chính trị. Trong nhiệm kỳ đã tổ chức 150 cuộc kiểm tra, 18 cuộc giám sát. Qua công tác kiểm tra, giám sát đã kịp thời phát hiện và chấn chỉnh các sai phạm của tổ chức Đảng và đảng viên; tiến hành xử lý kỷ luật Đảng đối với 52 đảng viên.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác lãnh đạo phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, tổ chức quán triệt và chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 3 (khoá X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí và Luật phòng chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; chỉ đạo triển khai đồng bộ các giải pháp đấu tranh, phòng ngừa tham nhũng, lãng phí như: công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị gắn với cải cách thủ tục hành chính; thực hiện công khai sử dụng ngân sách, tài sản công, quy chế chi tiêu nội bộ, công tác tổ chức cán bộ. Thường xuyên tiến hành thanh tra, kiểm tra, nhằm phát hiện, chấn chỉnh kịp thời các biểu hiện tham nhũng, lãng phí, không để xảy ra sai phạm.

Đối với công tác dân vận, tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân. Tăng cường nắm bắt tình hình, tâm tư nguyện vọng của nhân dân để giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh. Chăm lo phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, ban hành và thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 05-NQ/HU ngày 22/6/2006 “về định hướng đầu tư và phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giai

đoạn 2006 – 2010’’, gắn với thực hiện tốt công tác vận động quần chúng trong vùng đồng bào tôn giáo, vùng đồng bào dân tộc, đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Kiên toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, Ban Chỉ đạo công tác tín ngưỡng - tôn giáo của Huyện ủy, Ban Chỉ đạo xóa nhà tạm cho các hộ nghèo. Tiếp tục chỉ đạo đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội, nâng cao hiệu quả công tác vận động quần chúng. Ban Thường vụ Huyện ủy đã ban hành Nghị quyết số 06-NQ/HU ngày 14/8/2006 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên giai đoạn 2006 – 2010 nhằm nâng cao hiệu quả công tác thanh niên, xây dựng tổ chức Đoàn trên địa bàn huyện vững mạnh.

Xây dựng chính quyền: hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp có nhiều tiến bộ trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo luật định. Việc chuẩn bị nội dung phục vụ các kỳ họp Hội đồng nhân dân ngày càng tốt. Công tác giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân được quan tâm thực hiện. Việc tổ chức các cuộc tiếp xúc cử tri ngày càng có chất lượng hơn. Ủy ban nhân dân huyện đã bám sát chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân để cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch và tập trung chỉ đạo hoàn thành kế hoạch kinh tế - xã hội. Sắp xếp các phòng, ban chuyên môn theo Nghị định 14 của Chính phủ và từng bước thực hiện chủ trương đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền⁽⁶⁴⁾.

Công tác cải cách hành chính nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước bước đầu đạt được một số kết quả, đặc

⁶⁴ Đến năm 2010, UBND huyện có 12 phòng ban, 8 đơn vị với 131 Công chức, cấp xã có 75 công chức và 108 cán bộ chuyên trách.

biệt là trong triển khai thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” và thực hiện cải cách tài chính công. Đến năm 2010, có 100% xã, thị trấn đã thành lập bộ phận tiếp nhận và trả lời kết quả, hoạt động đúng quy định.

Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn những khuyết điểm yếu kém như: Quy mô nền kinh tế nhỏ, tăng trưởng chưa



Đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba

thật bền vững. Lĩnh vực công nghiệp, thương mại và dịch vụ tuy có tăng nhưng chiếm tỉ trọng còn thấp trong nền kinh tế. Thu hút đầu tư vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ. Một số chương trình trọng tâm và công trình trọng điểm chưa được triển khai thực hiện. Thực hiện công tác xã hội hoá các lĩnh vực văn hoá, xã hội chưa đáp ứng yêu cầu, đời sống của một bộ phận nhân dân nhất là vùng dân tộc thiểu số tại chỗ còn khó khăn. Công tác giảm nghèo đạt chỉ tiêu đề ra nhưng tỉ lệ hộ nghèo còn cao so bình quân chung của tỉnh. Tình hình an ninh nông thôn còn tiềm ẩn những nhân tố phức tạp. Tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông diễn biến phức tạp. Năng lực tổ chức thực hiện ở một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức còn hạn chế.

6. Đoàn kết, đổi mới, huy động mọi nguồn lực phát triển kinh tế bền vững (2010-2015)

Bước sang giai đoạn 2010-2015, tình trạng suy thoái kinh tế toàn cầu tác động hầu hết các nền kinh tế. Tình hình thế giới và khu vực xuất hiện những tranh chấp, xung đột vũ trang. Tình trạng khủng bố và chống khủng bố diễn ra ở nhiều nơi. Ở trong nước, Chính phủ thắt chặt đầu tư công, kiểm soát tốt lạm phát, nhờ vậy nền kinh tế nước ta vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng khá. Tại địa phương, các lĩnh vực phát triển khá đồng bộ, hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được hoàn thiện, một số chương trình phát triển kinh tế trọng tâm và một số công trình xây dựng trọng điểm giai đoạn 2005 – 2010 hoàn thành đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, trong sản xuất nông nghiệp gặp không ít khó khăn. Thời tiết diễn biến phức tạp, nắng hạn kéo dài, giá cả vật tư tăng cao, đầu ra cho nông sản gặp nhiều khó khăn. Dịch bệnh xảy ra làm chậm tốc độ tăng trưởng kinh tế và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống của nhân dân. Huyện Cát Tiên vẫn cơ bản là huyện thuần nông, cơ sở hạ tầng còn nhiều khó khăn, tích lũy trong nhân dân thấp.



Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Cát Tiên lần thứ VI

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ VI, nhiệm kỳ 2010 - 2015 diễn ra từ ngày 09/8 đến ngày 11/8 năm 2010. Tham dự Đại hội có 198 đại biểu đại diện cho 1.191 đảng viên của 52 tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Huyện ủy. Đại hội đã bầu Ban Chấp



Đồng chí Huỳnh Văn Đầu
Bí thư Huyện ủy khóa V, VI
(4/2010 – 6/2015)

hành Đảng bộ huyện gồm 43 đồng chí. Tại hội nghị lần thứ nhất, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 12 đồng chí. Đồng chí Huỳnh Văn Đầu - Bí thư Huyện ủy khoá V, tiếp tục tái đắc cử chức vụ Bí thư Huyện ủy, đồng chí Nguyễn Văn Long và đồng chí Ngô Xuân Hiên được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Huyện ủy.

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Cát Tiên lần thứ VI, nhiệm kỳ 2010 – 2015 đã xác định phương hướng phát triển: Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Cuộc vận động “học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” có chiều sâu. Tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận xã hội. Tiếp tục đổi mới tư duy, đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, điều hành; đổi mới cách nghĩ, cách làm, dám làm dám chịu trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân. Đề cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, chiến sĩ lực lượng vũ trang; chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương, xử lý kịp thời nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật. Tiếp tục cải cách hành chính, tạo môi trường thuận lợi nhằm phát huy mọi nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Đảm bảo quốc phòng - an ninh; đổi mới công tác vận động quần chúng; xây dựng tổ chức Đảng trong sạch và bền vững.

Về mục tiêu phát triển, Đại hội xác định: “Tập trung sức mạnh cả hệ thống chính trị, huy động mọi nguồn lực phát triển

kinh tế - xã hội bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; xây dựng đội ngũ cán bộ, Đảng viên đủ phẩm chất, năng lực; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng; xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, phát huy khối đại đoàn kết toàn dân, đảm bảo quốc phòng, an ninh”. Đồng thời đề ra nhiệm vụ và giải pháp để thực hiện như sau:

Về phát triển kinh tế: Tốc độ phát triển kinh tế bình quân giai đoạn 2010 -2015 là 16 -17%, tập trung lãnh đạo xây dựng và triển khai đồng bộ, có hiệu quả chương trình sản xuất nông nghiệp hàng hoá; trong đó chú trọng một số khâu, lĩnh vực sản xuất tạo bước đột phá, tăng tốc phát triển như: sản xuất lúa giống, chuyển diện tích cây điều kém hiệu quả sang trồng cây cao su, phát triển kinh tế vườn hộ. Tiếp tục chuyển đổi rừng nghèo kiệt sang trồng cây nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến lâm sản. Phát triển cây dược liệu, chỉ đạo cải tạo đồng ruộng. Phát triển đàn gia súc theo hướng chất lượng, tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng. Thu hút đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Kêu gọi đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại huyện, phát triển các loại hình Hợp tác xã.

Tranh thủ đầu tư, triển khai theo thứ tự ưu tiên các công trình trọng điểm đã xác định. Tăng cường công tác quản lý trật tự xây dựng và kiến trúc đô thị, điều chỉnh địa giới hành chính thị trấn Cát Tiên, xây dựng trung tâm xã Phước Cát 1 thành đô thị loại V.

Tăng cường công tác quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản, môi trường, hình thành Trung tâm phát triển quỹ đất. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để hoàn thành chỉ tiêu thu ngân sách. Tạo điều kiện thuận lợi và mời gọi một số ngân hàng thương mại mở chi nhánh tại huyện.

Về lĩnh vực văn hoá xã hội: Tập trung nâng cao chất lượng các bậc học, duy trì kết quả phổ cập Trung học cơ sở, triển khai phổ cập Trung học phổ thông. Nâng cao chất lượng dạy nghề của Trung tâm giáo dục thường xuyên. Chủ động liên kết với các trường Đại học, cao đẳng để mở các lớp đào tạo tại huyện. Nâng cao ý thức của người dân trong việc chăm sóc sức khoẻ. Thực hiện tốt chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, đẩy mạnh công tác truyền thông dân số. Phục dựng một số lễ hội văn hoá truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số trên địa bàn. Nâng cao chất lượng và hiệu quả phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá, phát động và xây dựng phong trào thể thao đến các tầng lớp nhân dân. Tăng cường công tác lãnh đạo chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững. Đầu tư phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ.

Về lĩnh vực quốc phòng an ninh: Tập trung xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang huyện trong sạch vững mạnh. Chủ động kiên quyết đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả, làm thất bại mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch. Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, giải quyết kịp thời đơn thư khiếu nại của công dân. Đẩy mạnh công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí, triển khai thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Về xây dựng hệ thống chính trị: Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng về công tác giáo dục chính trị tư tưởng. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng. Tập trung xây dựng tổ chức Đảng theo hướng bền vững.

Nâng cao vai trò của Hội đồng nhân dân huyện, xã. Tiếp tục đổi mới tư duy, phương thức điều hành của chính quyền. Thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa Ủy ban nhân dân với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Nêu cao tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành. Xây dựng phong cách làm việc khoa học, năng động, hiệu quả.

Thực hiện việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, bám sát cơ sở, giải quyết các vấn đề bức xúc kịp thời. Thực hiện tốt quy chế phối hợp với chính quyền, các ban ngành để triển khai thực hiện tốt các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh.

Được sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, sâu sát của Ban Thường vụ Tỉnh ủy - Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng và các ban, ngành, đoàn thể liên quan; sau 5 năm triển khai thực hiện, với quyết tâm cao cùng với sự đồng thuận của quân và dân các dân tộc trong huyện, hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu mà Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ V đề ra đều đạt và vượt kế hoạch.

Về phát triển kinh tế, tranh thủ các yếu tố thuận lợi, khắc phục mọi khó khăn để phát triển kinh tế nhanh, hiệu quả và bền vững. Trong điều kiện khó khăn chung, huyện Cát Tiên duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao⁶⁵ và ổn định là một kết quả đáng ghi nhận.

⁶⁵ Tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 17,19%. Trong đó nông - lâm - thủy tăng 11,23%. công nghiệp, xây dựng tăng 20,33%. Thương mại, dịch vụ tăng 22,25%.

Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực⁶⁶. Trong sản xuất nông nghiệp, triển khai các giải pháp mang tính đột phá để nâng cao chất lượng và tăng khả năng cạnh tranh sản phẩm. Triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình sản xuất nông nghiệp hàng hoá gắn với ứng dụng công nghệ cao. Giá trị sản xuất tăng từ 30 triệu đồng/ha năm 2010 lên 58,5 triệu đồng/ha năm 2014. Diện tích sản xuất lúa giống và lúa chất lượng cao tăng nhanh⁶⁷. Sản phẩm lúa giống Cát Tiên có mặt ở một số tỉnh như: Quảng Bình, Ninh Bình. Các tổ chức Hợp tác xã tiếp tục phát triển và hoạt động hiệu quả, chủ động liên kết tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm. Với sự phát triển vượt bậc của nền nông nghiệp, vào tháng 4/2011 huyện Cát Tiên đã tổ chức lễ đón nhận nhãn hiệu “Lúa - gạo Cát Tiên”, đồng thời chuẩn bị xây dựng nhãn hiệu “Diệp hạ châu Cát Tiên”.



Nhãn hiệu Lúa – Gạo Cát Tiên

⁶⁶ Tỷ trọng các ngành nông lâm thủy chiếm 43,16% . Công nghiệp - xây dựng chiếm 22,75%. Thương mại - dịch vụ 34,1%. Thu nhập bình quân đến năm 2015 đạt 36,7 triệu đồng.

⁶⁷ Diện tích trồng lúa chất lượng cao đạt trên 80%. Diện tích sản xuất lúa giống đạt 500 ha.



Nhãn hiệu Diệp hạ châu Cát Tiên

Chăn nuôi tiếp tục phát triển theo hướng trang trại nhằm mở rộng quy mô và bảo vệ môi trường. Xây dựng và triển khai thực hiện đề án phát triển cá Lăng, chuẩn bị các điều kiện để xây dựng thương hiệu “Cá Lăng Cát Tiên”. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/HU ngày 06/6/2011 của Huyện uỷ về lãnh đạo xây dựng nông thôn mới huyện Cát Tiên đến năm 2015, chương trình xây dựng nông thôn mới được chính thức triển khai từ năm 2011 trên địa bàn toàn huyện, triển khai đồng bộ bằng các giải pháp thiết thực và khả thi. Trong quá trình xây dựng đã xuất hiện nhiều cách làm hay, nhiều mô hình tiêu biểu được nhân rộng ra các xã trong huyện. Nhiều hộ gia đình nhân dân ở các xã tham gia phong trào hiến đất, góp tiền để xây dựng đường giao thông nông; nổi bật như xã Gia Viễn, Đức Phổ đã hiến hàng trăm mét vuông đất, tự nguyện đóng góp hàng trăm triệu đồng. Đến hết năm 2015 đã có 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới là: Gia Viễn, Đức Phổ, Quảng Ngãi. Kết quả đó là niềm động viên cổ vũ để các địa phương còn lại tiếp tục phấn đấu để toàn huyện đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2019.

Thương mại dịch vụ tiếp tục phát triển. Triển khai thực hiện Kết luận số 117-KL/HU ngày 28/3/2011 của Huyện uỷ về một số chủ trương định hướng phát triển kinh tế - xã hội giai

đoạn 2010 – 2015 và những năm tiếp theo, việc khôi phục các làng nghề được chú trọng. Đến năm 2015 đã khôi phục làng nghề truyền thống như: nghề làm rượu cần tại xã Phước Cát 1, dệt thổ cẩm ở thị trấn Cát Tiên. Các cơ sở lưu trú tư nhân tiếp tục đầu tư. Lập hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận hang Thoát Y (xã Phước Cát 2) là danh lam thắng cảnh cấp tỉnh.

Chỉnh trang đô thị được quan tâm đầu tư⁶⁸. Hạ tầng giao thông, thủy lợi, trạm xá, trường học tiếp tục được hoàn thiện. Khu trung tâm huyện lỵ được mở rộng với việc triển khai thi công và hoàn thành các dự án như Đường Nội thị, Đường Lô 2. Tháng 3/2014, thị trấn Cát Tiên được thành lập theo Nghị quyết số 134/NQ-CP ngày 29/12/2013 của Chính phủ, trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và dân cư của thị trấn Đồng Nai và xã Phù Mỹ⁶⁹. Nâng diện tích thị trấn lên 2.250 ha và dân số 11.319 người. Như vậy sau khi thành lập thị trấn Cát Tiên, huyện Cát Tiên có 11 đơn vị hành chính bao gồm 1 thị trấn và 10 xã. Diện mạo khu trung tâm huyện lỵ ngày càng được mở rộng và khang trang. Nhà làm việc HĐND và UBND huyện hoàn thành, Dự án làng Đồng bào dân tộc Buôn Go, nâng cấp mở rộng đường ĐT721, các tuyến đường ĐH91, ĐH92 và đường Tiên Hoàng – Đồng Nai Thượng. Cùng với đó là kết quả đạt được trong quá trình xây dựng nông thôn mới, diện mạo nông thôn thay đổi căn bản. Tổng vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2010 – 2015 là 2.364 tỉ đồng, đã vượt xa chỉ tiêu mà Nghị quyết Đại hội của nhiệm kỳ đề ra là từ 1800 – 2000 tỉ. Nhiều hạng mục công trình được đầu tư xây dựng, đáp ứng và phục vụ nhu cầu chính đáng của nhân dân.

⁶⁸ Ngày 01/3/2011, khởi công xây dựng Quảng trường Phạm Văn Đồng ngay trung tâm huyện lỵ trên diện tích 5,7 ha. Tổng vốn đầu tư 29 tỉ đồng giai đoạn 1.

⁶⁹ Diện tích tự nhiên của Thị trấn Đồng Nai là 1.571 ha, dân số 7398 người và xã Phù Mỹ diện tích tự nhiên 679 ha, dân số 3921 người..



Đoạn đường Phạm Văn Đồng



Đoạn đường Trần Lê (Lô 2)

Trong điều kiện đất nước phải đối mặt với những khó khăn do lạm phát tăng cao, đầu tư công được kiểm soát chặt chẽ, cắt giảm đầu tư công theo tinh thần Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 của Chính phủ, song cơ sở hạ tầng tiếp tục được đầu tư hoàn thiện; cuối năm 2012 Cát Tiên ra khỏi nhóm huyện kém phát triển. Đây là cố gắng lớn của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Cát Tiên.



Lễ khánh thành Quảng trường Phạm Văn Đồng năm 2013

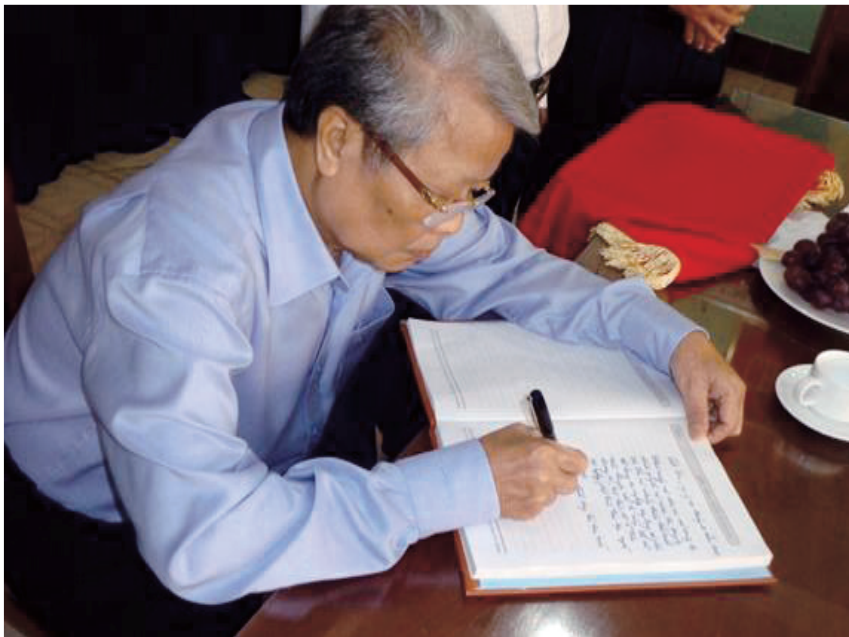
Trong 5 năm, từ 2010 – 2015, là giai đoạn Đảng bộ huyện Cát Tiên lãnh đạo rất tập trung, thể hiện tính sáng tạo, quyết tâm cao của Huyện ủy và Ban Thường vụ Huyện ủy ở việc ban hành nhiều kết luận, chương trình, kế hoạch, nghị quyết sát thực và cụ thể. Nhận rõ thực trạng và yêu cầu phát triển, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã cố gắng bám sát những phương hướng nhiệm vụ của Đại hội, phát huy nội lực, tranh thủ nguồn đầu tư của nhà nước để phát triển kinh tế xã hội nhanh và bền vững. Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn so với thời kỳ 2005 – 2010. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng thâm canh trong nông nghiệp, tăng dần tỉ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ.

Tranh thủ mọi nguồn lực tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng, chỉnh trang đô thị, giữ vững và phát triển thành quả kinh tế - xã hội. Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường, đảm bảo quốc phòng an ninh và đảm bảo an sinh xã hội, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

Về tài chính ngân sách, hàng năm Ủy ban nhân dân huyện căn cứ chỉ tiêu được Ủy ban nhân tỉnh giao đã xây dựng Đề án thu ngân sách, xây dựng phương án chống thất thu, khai thác nguồn thu. Tập trung thu ngân sách đạt và vượt chỉ tiêu. Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đạt trên 232 tỉ, trong đó thuế, phí gần 103 tỉ đồng; tốc độ tăng thu hàng năm đạt 8,7% và thuế phí tăng bình quân 10,5% mỗi năm. Trong cả thời kỳ này, chi ngân sách được kiểm soát chặt chẽ. Đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng trụ sở làm việc của cơ quan Tài chính kế hoạch, Kho bạc huyện và Ngân hàng đã được tăng cường và trang bị đáp ứng nhu cầu hoạt động tốt.

Ngày 10/10/2013, nguyên Chủ tịch nước Trần Đức Lương về thăm và làm việc tại huyện Cát Tiên. Nguyên Chủ tịch nước bày tỏ sự vui mừng và phấn khởi trước những đổi thay của Cát Tiên trên bước đường đổi mới, đồng chí khẳng định: “những kết quả mà Đảng bộ và nhân dân Cát Tiên đạt được trong thời gian qua chính là thành tựu quan trọng để huyện Cát Tiên tiếp tục phát triển toàn diện trong thời gian tới. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo huyện Cát Tiên tiếp tục xác định lộ trình, định hướng đúng đắn, làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo đưa huyện Cát Tiên vượt qua thời kỳ khó khăn thách thức, vươn lên phát triển nhanh và bền vững”.

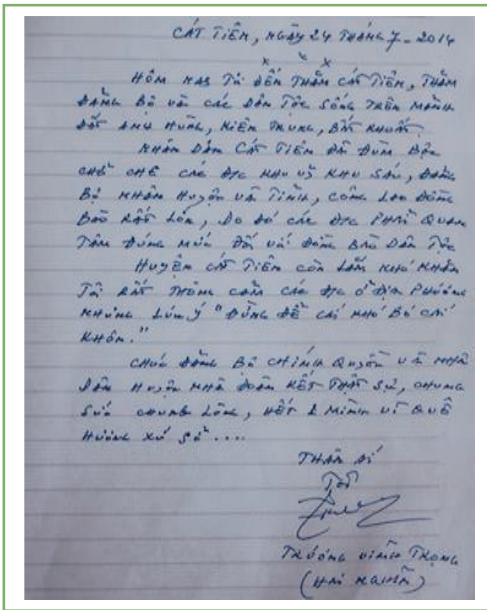
Ngày 23/07/2014, nguyên Phó Thủ tướng Trương Vĩnh Trọng về thăm và làm việc tại huyện Cát Tiên, đồng chí thăm khu di tích Khu ủy Khu 6 và thăm đồng bào vùng Cát Tiên năm xưa từng có nhiều công lao to lớn trong hai cuộc kháng chiến cứu nước đã che chở cho cách mạng.



Nguyên Chủ tịch nước Trần Đức Lương
thăm và làm việc với huyện Cát Tiên ngày 10/10/2013



Nguyên Phó Thủ tướng Trương Vĩnh Trọng
thăm và làm việc với huyện Cát Tiên ngày 23/07/2014



Bút tích nguyên Phó Thủ tướng
Trương Vĩnh Trọng

Tiếp tục thực hiện mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Ngành giáo dục tập trung thực hiện chương trình phổ cập Mầm non cho trẻ dưới 5 tuổi. Duy trì kết quả phổ cập đúng độ tuổi ở bậc Tiểu học và Trung học cơ sở. Xây dựng trường chuẩn quốc gia, mở rộng bậc Mầm non ở các xã. Đối với ngành giáo dục - đào tạo trên địa bàn huyện, 2010 – 2015 là thời kỳ đã ổn định về quy mô các

trường lớp, phòng học, lượng giáo viên các cấp. Đó là kết quả và cũng là điều kiện để Đảng bộ huyện tập trung lãnh đạo và ngành tập trung quản lý, chăm lo mảng công việc chuyên sâu có chất lượng. Về trường học, toàn huyện có 37 trường học, trong đó có 3 trường Trung học phổ thông đã ổn định và hoạt động khá nề nếp; bậc Mầm non có 11 trường đã được đầu tư quy mô và theo hướng chuẩn hóa. Đến năm 2015 toàn huyện đã có 13/37 trường ở các cấp đạt trường chuẩn quốc gia, đã hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ em 5 tuổi, duy trì tốt kết quả phổ cập giáo dục Tiểu học và phổ cập Trung học cơ sở trên toàn địa bàn. Đây cũng là thời kỳ tập trung đầu tư cho công tác giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc như triển khai xây dựng đề án thành lập trường bán trú ở xã Đồng Nai Thượng và xây dựng nhà nội trú cho học sinh là con em đồng bào dân tộc thiểu số ở trường Trung học phổ thông Gia Viễn, có được

những kết quả trên là nhờ xác định được những nhiệm vụ, giải pháp ở Nghị quyết số 10-NQ/HU ngày 08/9/2012 của Huyện ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn huyện Cát Tiên đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020. Điều đáng ghi nhận là nội dung Nghị quyết số 10-NQ/HU của Huyện ủy phù hợp với nội dung mà Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới cơ bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa và hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

Về văn hóa thông tin và thể thao, hàng năm vẫn duy trì được các hoạt động sôi nổi, tổ chức được nhiều phong trào, các đợt thi đấu thể thao, hội thi văn nghệ, liên hoan nghệ thuật vào dịp các ngày lễ lớn của đất nước và dịp lễ tết ở địa phương. Tiếp tục phục dựng một số lễ hội, văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn. Hoạt động truyền thanh truyền hình đa dạng hơn nhờ đưa một số trang thiết bị kỹ thuật về địa phương. Hoạt động dịch vụ Internet và Karaoke đã có lúc phát triển có tính đột biến tăng, song cũng được cơ quan chức năng kiểm soát và thường xuyên chấn chỉnh. Trong thời kỳ này trên địa bàn huyện đã khởi công và đang xây dựng khu di tích Lịch sử căn cứ Khu ủy Khu VI có quy mô khá lớn; bên cạnh đó Khu di tích khảo cổ Cát Tiên ở địa bàn xã Quảng Ngãi đã được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt⁷⁰ (với quyết định đó đã xác định được lộ trình và trách nhiệm đầu tư của các cấp, các ngành để tương xứng với kết quả nêu trên). Đó là tiền đề quan trọng để huyện Cát Tiên mở ra hướng phát triển dịch vụ, du lịch gắn với lịch sử trong tương lai gần.

⁷⁰ Theo Quyết định số 2408/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ.



Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân thăm và làm việc với huyện Cát Tiên

Đối với ngành y tế huyện đã tập trung nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, công tác truyền thông dân số, kế hoạch hóa gia đình ngày càng đi vào chiều sâu. Đội ngũ cán bộ chuyên môn được đào tạo, nhiều Bác sỹ đã được đào tạo chuyên khoa I. Cơ sở vật chất tiếp tục được đầu tư để phục vụ cho công tác khám chữa bệnh⁷¹. Đặc biệt các đợt dịch bệnh, vùng có dịch bệnh trước đây, đến thời kỳ này ngành đã có khả năng kiểm soát và đủ khả năng ngăn chặn dập dịch. Về đội ngũ cán bộ y tế trong ngành đến năm 2015 có quy mô trên 140 người, đảm bảo chuyên môn theo yêu cầu. Một số chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, sức khỏe và tiêm chủng kể cả vùng đồng bào dân tộc thiểu số đều đã hoàn thành với kết quả được đánh giá là khá tốt.

Về công tác xóa đói giảm nghèo: Bước vào giai đoạn 2010 – 2015 trên địa bàn huyện cơ bản không còn hộ đói; ngay đầu nhiệm kỳ tập trung triển khai thực hiện chương trình giảm

⁷¹ Kết quả công suất sử dụng giường bệnh trên 100%; số người sử dụng thẻ Bảo hiểm y tế thường xuyên đạt 57% dân số; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đạt 1,17% và tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn dưới 13%.

nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP. Đồng thời vào tháng 5/2009, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã có Nghị quyết số 20-NQ/HU về tăng cường lãnh đạo công tác giảm nghèo nhanh và bền vững giai đoạn 2009 – 2010, định hướng đến năm 2015. Bằng các biện pháp tổng hợp, lồng ghép các chương trình dự án đầu tư (nhất là Chương trình 135) hỗ trợ giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động. Nhờ đó đến cuối năm 2015 tỷ lệ hộ nghèo của huyện còn dưới 2% (chuẩn nghèo theo Quyết định số 09/2010/QĐ-TTg ngày 30/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ), trong đó tỷ lệ hộ nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ còn gần 7%. Kết quả này có được là nhờ tăng cường vận động, khuyến khích người nghèo chủ động vươn lên thoát nghèo. Đầu năm 2015, các cấp chính quyền ở từng địa bàn tổ chức đối thoại với hộ nghèo, hộ cận nghèo để tìm giải pháp đảm bảo giảm nghèo bền vững. Bên cạnh đó triển khai cuộc vận động hỗ trợ xóa nhà tạm nói chung và xóa nhà tạm cho các gia đình chính sách gặp khó khăn về nhà ở nói riêng đã góp phần ổn định cuộc sống của nhân dân.

Đối với công tác dân tộc: Vào tháng 8/2012, Ủy ban nhân dân huyện Cát Tiên đã xây dựng Kế hoạch số 129/KH-UBND về thực hiện chương trình phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ. Trong kế hoạch này có hai nội dung đã thực hiện thành công đó là: Giao cho đồng bào việc quản lý bảo vệ rừng và triển khai sản xuất lúa nước tại xã Đồng Nai Thượng. Năm 2012, chương trình sản xuất lúa nước đã thành công tại xã Đồng Nai Thượng với diện tích 10,3 ha năng suất đạt 55 tạ/ha. Nhu cầu về lương thực tại xã Đồng Nai Thượng cơ bản được đảm bảo, nhiều mô hình kinh tế vườn hộ tại xã Đồng Nai Thượng đem lại hiệu quả kinh tế khá. Đến năm 2015, diện mạo các thôn, buôn, xã có đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ sinh sống khá ổn định và từng bước phát triển như trường học, trạm y tế, nhà sinh hoạt cộng đồng, trụ sở ủy ban, công trình cấp nước sạch, điện lưới.



Trường Dân tộc bán trú xã Đồng Nai Thượng



Trường Mầm non xã Đồng Nai Thượng

Về hệ thống giao thông tuy chưa hoàn thiện song đã đảm bảo cho người đi lại và hàng hóa lưu thông. Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đồng bào dân tộc năm 2014 đã giải quyết cơ bản theo thực tế của đồng bào ở vùng lõi Vườn Quốc gia Cát Tiên.

Về công tác tôn giáo trên địa bàn huyện: đây là thời kỳ mà hoạt động tôn giáo có bước phát triển, một số cơ sở tôn giáo được hình thành đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của nhân dân. Đến năm 2015, trên địa bàn huyện đã có 07 cơ sở tôn giáo được phép xây dựng và hoạt động. Tất cả hoạt động của các cơ sở tôn giáo trên đều đảm bảo đúng quy định và không có phức tạp xảy ra, sinh hoạt tôn giáo thuần túy. Sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong công tác quản lý khá tốt và được Ban chỉ đạo công tác tín ngưỡng tôn giáo Huyện ủy Cát Tiên quan tâm thường xuyên.

Lĩnh vực quốc phòng - an ninh được Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện quan tâm chỉ đạo nhằm đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tổ chức quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh về quốc phòng an ninh. Tiếp tục củng cố xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang huyện vững mạnh. Tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân tự vệ đạt từ 20% trở lên, 100% Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự xã, Trưởng Công an xã là đảng viên. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, công tác quản lý của Nhà nước đối với nhiệm vụ quốc phòng và bảo vệ an ninh trật tự. Chủ động phát hiện, kiên quyết đấu tranh ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Tăng cường

tuyên truyền, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý, giải quyết kịp thời đơn thư khiếu nại, tố cáo, các tranh chấp trong nội bộ nhân dân, các vấn đề về dân tộc, tôn giáo, không để các thế lực thù địch lợi dụng, kích động gây mất ổn định chính trị, không xảy ra điểm nóng.

Thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) và Nghị định số 152/2007/NĐ-CP ngày 10/10/2007 của Chính phủ về khu vực phòng thủ. Đảng ủy Ban chỉ huy Quân sự huyện tham mưu Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện ban hành các văn bản chỉ đạo, quy chế, đề án xây dựng và hoạt động khu vực phòng thủ; xây dựng nền quốc phòng toàn dân thế trận an ninh nhân dân vững chắc; gắn quốc phòng an ninh với phát triển kinh tế - xã hội và phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng an ninh. Hoàn thành quy hoạch thế trận quân sự trong khu vực phòng thủ; xây dựng các kế hoạch bảo đảm theo quyết tâm tác chiến phòng thủ của huyện. Tổ chức 01 cuộc diễn tập khu vực phòng thủ huyện và 05 cuộc diễn tập chiến đấu trị an (nay là diễn tập chiến đấu phòng thủ) cho 11/11 xã, thị trấn.

Thực hiện luật Dân quân tự vệ và các Chỉ thị, hướng dẫn của trên, Ban chỉ huy Quân sự huyện đã tham mưu Ủy ban nhân dân huyện xây dựng Đề án về tổ chức, xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ trên địa bàn huyện Cát Tiên giai đoạn 2011 - 2015 và những năm tiếp theo. Tổ chức biên chế các đơn vị Dân quân tự vệ đúng theo quy định của trên⁷².

Hội đồng nghĩa vụ Quân sự huyện đã chỉ đạo và phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể địa phương thực hiện đồng bộ các bước trong tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ. Tổ chức Hội trại

⁷² Hiện nay lực lượng Dân quân tự vệ toàn huyện có 19 đầu mối (11 xã, thị trấn và 8 đơn vị tự vệ). Tổng số Dân quân tự vệ đạt tỷ lệ 2,9% so với dân số, trong đó lực lượng Dân quân đạt 2,74%; lực lượng tự vệ đạt 11,66%; đảng viên đạt 22,16%; đoàn viên đạt 55,9%.

tòng quân tạo được ấn tượng tốt trong nhân dân và tuổi trẻ lên đường nhập ngũ⁷³.

Công tác đảm bảo an ninh trật tự, chủ động phòng ngừa và đấu tranh trấn áp các loại tội phạm được ngành công an đặc biệt quan tâm và triển khai thực hiện tốt. Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo ngành chức năng triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng xã, thị trấn không có tệ nạn ma túy”, xây dựng mô hình “Tổ liên hộ tự quản về an ninh, trật tự” ở 11/11 xã, thị trấn. Thực hiện quy chế phối hợp giữa ngành công an với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong xây dựng phong trào và giữ gìn an ninh trật tự, công tác tuyên truyền phòng, chống tội phạm ở các thôn, buôn, tổ dân phố được duy trì thường xuyên. Vì vậy tình hình an ninh trật tự trên địa bàn huyện tiếp tục ổn định, thể trận an ninh nhân dân được củng cố vững chắc.

Thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TW ngày 01/12/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới, các cấp ủy Đảng, Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể từ huyện đến cơ sở đã xác định công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên. Mỗi cán bộ, đảng viên có trách nhiệm tự giác thực hiện, đồng thời chủ động tuyên truyền, giáo dục, vận động gia đình và nhân dân tích cực tham gia phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”. Sau 5 năm thực hiện, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đã được phát động sâu rộng đến các tổ dân phố, thôn, buôn, khu dân cư trên địa bàn toàn huyện, nhận thức của người dân về nhiệm vụ an ninh tổ quốc ngày càng được nâng lên, phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc ngày càng đi vào chiều sâu. Ngoài ra, lực lượng vũ

⁷³ Tổng số 5 năm có 274 công dân nhập ngũ, trong đó có 11 đảng viên kết nạp trước khi nhập ngũ 6 tháng.

trang huyện còn đẩy mạnh phong trào thi đua quyết thắng gắn với các phong trào thi đua yêu nước tại địa phương như phong trào “Lực lượng vũ trang chung sức xây dựng nông thôn mới”.

Tháng 6/2015, đồng chí Huỳnh Văn Dâu – Bí thư Huyện ủy và đồng chí Nguyễn Văn Long – Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy được nghỉ hưu. Đồng chí Ngô Xuân Hiền được bầu giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy khoá VI, nhiệm kỳ 2010 – 2015; đồng chí Bùi Văn Hùng – Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh được Ban Thường vụ Tỉnh uỷ luân chuyển, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức vụ Phó Bí thư Huyện ủy khóa VI, nhiệm kỳ 2010 – 2015.

Đối với công tác xây dựng Đảng, Ban Thường vụ Huyện ủy tập trung chỉ đạo xây dựng tổ chức cơ sở Đảng vững mạnh và bền vững. Các cấp uỷ Đảng từ huyện đến cơ sở tập trung nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tiếp tục đổi mới hình thức, phương pháp tổ chức học tập, quán triệt nghị quyết theo hướng nâng cao chất lượng, đổi mới việc xây dựng nghị quyết. Chỉ đạo các cấp uỷ cơ sở xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, nhiệm kỳ 2010 – 2015 đặc biệt là tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị với tinh thần quyết tâm cao. Thường xuyên nắm bắt diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, kịp thời định hướng dư luận xã hội và trong cán bộ, đảng viên về những vấn đề bức xúc, chỉ đạo các cấp uỷ Đảng giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc của cán bộ, đảng viên



Đồng chí Ngô Xuân Hiền
Bí Thư Huyện ủy Khóa VI, VII
(6/2015)

nhằm tạo sự thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong nhân dân. Trong 02 năm, 2011 và 2012, Thường trực Huyện ủy tiến hành 02 vòng đối thoại với đảng viên của tất cả các tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Huyện ủy. Qua đối thoại đã nắm chắc thêm tình hình, giúp cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ hơn, sát thực hơn, cũng qua đối thoại đã giải quyết được nhiều vấn đề tồn tại. Chỉ đạo tổ chức khảo sát tình hình đảng viên của Đảng bộ để nắm bắt và giải quyết kịp thời những tâm tư, kiến nghị của đảng viên, đây là việc làm mới, thể hiện quan điểm về đổi mới phương thức lãnh đạo của Thường trực, Ban Thường vụ Huyện ủy. Thường trực Huyện ủy thường xuyên chỉ đạo nhằm nâng cao trách nhiệm và hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo thuộc huyện ủy từ đó giúp cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ Huyện ủy hiệu quả hơn. Với sự lãnh đạo chặt chẽ của Ban Thường vụ Huyện ủy, việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ của tổ chức Đảng và đảng viên ngày càng hiệu quả hơn. Công tác đấu tranh chống âm mưu “Diễn biến hoà bình” trên lĩnh vực tư tưởng – văn hóa, định hướng tư tưởng, dư luận xã hội, kiên quyết đấu tranh bác bỏ các quan điểm sai trái, luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của các thế lực thù địch. Công tác tín ngưỡng, tôn giáo ngày càng đi vào nề nếp, các kiến nghị chính đáng trong khuôn khổ luật pháp về tín ngưỡng tôn giáo được giải quyết kịp thời. Việc chỉ đạo biên soạn lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng và xây dựng của Đảng bộ các xã, thị trấn được Ban Thường vụ Huyện ủy quan tâm chỉ đạo. Đến năm 2015, Đảng bộ xã Mỹ Lâm đã hoàn thành biên soạn lịch sử truyền thống, nâng tổng số đơn vị hoàn thành biên soạn lên 9/11 xã, thị trấn.

Nhằm tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh theo tinh thần Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị, các kế hoạch của Tỉnh ủy; Ban Thường vụ Huyện ủy đã chỉ đạo tổ chức quán triệt các chủ đề của từng năm, chỉ đạo các cấp ủy cơ sở triển khai

thực hiện nghiêm túc và đạt nhiều kết quả. Các tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Huyện ủy đã xây dựng và ban hành chuẩn mực đạo đức. Nhiều tổ chức Đảng đã tổ chức cho đảng viên đăng ký nội dung học tập và làm theo, coi đó là nội dung đánh giá xếp loại đảng viên hàng năm. Với kết quả đó, việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh đã trở thành công việc thường xuyên, hàng ngày của các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể, cơ quan, đơn vị và của đội ngũ cán bộ, đảng viên, gắn với tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng, góp phần xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh. Vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức Đảng, cơ quan, đơn vị có sự chuyển biến tốt hơn, đại bộ phận cán bộ, đảng viên tích cực tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức lối sống, nâng cao ý thức phục vụ nhân dân. Các cấp ủy Đảng lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo giữ vững quốc phòng - an ninh, thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở, cải cách thủ tục hành chính, công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; tập trung chỉ đạo giải quyết một số vấn đề bức xúc, nổi cộm nảy sinh từ cơ sở. Nhiều mô hình trong việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trên các lĩnh vực của đời sống xã hội đã được phát hiện, biểu dương và nhân rộng, các phong trào trên đã trực tiếp góp phần hoàn thành các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Nhiều tập thể và cá nhân được các cấp, các ngành biểu dương khen thưởng.

Công tác bồi dưỡng lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên tiếp tục có sự quan tâm, chất lượng được nâng lên; trong nhiệm kỳ, Trung tâm bồi dưỡng chính trị đã mở 22 lớp với tổng số 1.765 học viên tham gia. Ngoài ra, Trung tâm bồi dưỡng chính trị phối hợp với Trường Chính trị tỉnh mở 01 lớp Trung cấp Lý luận Chính trị - Hành chính (hệ tại chức). Qua đó đã góp phần nâng cao trình độ, kiến thức và

ng nghiệp vụ công tác cho đội ngũ cán bộ, công chức từ huyện đến cơ sở, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao, từng bước chuẩn hóa cán bộ theo quy định.

Ngày 12/5/2011, Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành Kế hoạch số 13-KH/HU “về nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên, nhiệm kỳ 2010 – 2015”, từ đó đã tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của từng tổ chức Đảng và người đứng đầu cấp ủy, khắc phục có hiệu quả những yếu kém, khuyết điểm trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, phát huy vai trò hạt nhân chính trị của tổ chức Đảng ở cơ sở. Tiếp tục lãnh đạo đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của tổ chức Đảng, kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng tổ chức cơ sở Đảng với củng cố bộ máy chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể ở cơ sở. Trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, chú trọng công tác phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, giải quyết tốt các vấn đề xã hội. Ngày 24/2/2013, Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành Quyết định số 859-QĐ/HU về thành lập Đảng bộ thị trấn Cát Tiên. Đến cuối năm 2015, Đảng bộ huyện Cát Tiên có 27 tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc (giảm 24 tổ chức cơ sở Đảng và tăng 25 Chi bộ so với cuối năm 2010)⁷⁴

Tính đến cuối năm 2015, tổng số đảng viên trong toàn huyện là 1.760 đảng viên, tăng 569 đảng viên so với năm 2010. Công tác tạo nguồn, kết nạp đảng viên được chú trọng, nhìn chung chất lượng đảng viên mới kết nạp được nâng lên, thể hiện sự quan tâm của các cấp ủy đối với công tác tạo nguồn và phát triển đảng. Công tác quản lý, giáo dục đảng viên nhất là giáo

⁷⁴ Bao gồm 16 Đảng bộ và 11 Chi bộ cơ sở, chia thành 04 loại hình: Hành chính sự nghiệp là 13, doanh nghiệp Nhà nước 01, lực lượng vũ trang 02, khối xã, thị trấn có 11 tổ chức cơ sở Đảng. Đến năm 2014, 100% thôn, buôn, tổ dân phố có Chi bộ. Giảm do sắp xếp, kiện toàn TCCS Đảng theo Hướng dẫn số 138-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương và do sáp nhập đơn vị hành chính (xã Phù Mỹ và thị trấn Đồng Nai).

dục về chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức về lý luận chính trị được các cấp ủy chú trọng.

Công tác đánh giá chất lượng tổ chức Đảng và đảng viên được đổi mới, chặt chẽ hơn, đề cao tính tự giác, tự phê bình và phê bình, từ đó chất lượng ngày càng bền vững. Kết quả đánh giá, xếp loại đến cuối năm 2015⁷⁵: Đối với tổ chức Đảng, có 14 tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch vững mạnh, chiếm 51,9%; 12 tổ chức cơ sở Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ, chiếm 44,4% và có 01 tổ chức cơ sở Đảng hoàn thành nhiệm vụ, chiếm 3,7%. Đối với đảng viên: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 173 đồng chí, đạt 11%; đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ là 1.268 đồng chí, đạt 80,9%; đảng viên hoàn thành nhiệm vụ 118 đồng chí, chiếm 7,5%; đảng viên không hoàn thành nhiệm vụ là 09 đồng chí, chiếm 0,6%. Tổ chức trao tặng Huy hiệu Đảng cho 32 đảng viên⁷⁶ của Đảng bộ theo đúng quy định.

Tiến hành sắp xếp, kiện toàn một số tổ chức cơ sở Đảng theo Hướng dẫn số 38-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương và Kết luận số 258-KL/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, tiến hành sáp nhập 16 Chi bộ cơ sở khối cơ quan trực thuộc Huyện ủy để thành lập 02 Đảng bộ cơ sở⁷⁷; sau sáp nhập, hoạt động của tổ chức Đảng đã đi vào nề nếp, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tạo sự thống nhất trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của các cơ quan, đơn vị.

Công tác đánh giá cán bộ được quan tâm đúng mức, đảm bảo khoa học, khách quan, dân chủ, hạn chế tình trạng đánh giá chung chung hoặc thiếu thông tin trong đánh giá cán bộ. Tập

⁷⁵ Thực hiện theo Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương và Hướng dẫn số 06-HD/TU ngày 14/11/2014 của Tỉnh ủy.

⁷⁶ Trong đó: Tặng Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng cho 15 đồng chí, Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng cho 04 đồng chí, Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng cho 08 đồng chí, Huy hiệu 55 năm tuổi Đảng cho 04 đồng chí, Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng cho 01 đồng chí.

⁷⁷ Đảng bộ cơ sở cơ quan Chính quyền và Đảng bộ cơ sở cơ quan Đảng – Đoàn thể.

trung triển khai thực hiện quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2015-2020, đảm bảo tiến độ, đúng quy trình; thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cán bộ theo hướng “động”, “mở”, tạo điều kiện cho việc đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, điều động, sắp xếp đội ngũ cán bộ của huyện. Tăng cường củng cố, sắp xếp, kiện toàn, xây dựng đội ngũ cán bộ theo hướng trẻ hóa, luân chuyển, điều động một số cán bộ trẻ, có năng lực về giữ chức danh chủ chốt của một số địa phương, các phòng, ban của huyện và đã phát huy tốt⁷⁸; khắc phục dần tình trạng hụt hẫng cán bộ so với trước. Thường xuyên rà soát và kịp thời giải quyết các chế độ chính sách theo quy định đối với cán bộ, công chức.

Công tác kiểm tra, giám sát không ngừng nâng cao về chất lượng. Tổ chức quán triệt học tập các Nghị quyết, Chỉ thị, Quy định và các văn bản của Đảng các cấp liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng trong đội ngũ cán bộ, đảng viên toàn Đảng bộ, từ đó đã nâng cao nhận thức, tạo sự chuyển biến trong chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng trong các cấp ủy, người đứng đầu tổ chức Đảng và Ủy Ban kiểm tra các cấp, gắn việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật với triển khai Quy chế chất vấn trong Đảng, góp phần tích cực vào công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong toàn Đảng bộ. Trong nhiệm kỳ, Ban Thường vụ Huyện ủy tiến hành kiểm tra, giám sát 68 cuộc đối với 243 lượt tổ chức đảng, đảng viên⁷⁹; qua kiểm tra đã kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót, lệch lạc, kiểm điểm rút kinh nghiệm và xử lý nghiêm sai phạm, chấn chỉnh kỷ luật, giữ vững kỷ cương của Đảng, góp phần nâng cao năng lực, sức chiến đấu của tổ chức Đảng và đảng viên. Thi hành kỷ luật

⁷⁸ Trong nhiệm kỳ, đã điều động, luân chuyển, bổ nhiệm 69 đồng chí (trong đó bổ nhiệm mới 22 trường hợp).

⁷⁹ Trong đó có 45 cuộc kiểm tra thường xuyên và 23 cuộc kiểm tra chuyên đề.

Đảng đối với 54 đồng chí⁸⁰, giảm 3,77% so cùng kỳ; không có tổ chức Đảng bị thi hành kỷ luật.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khoá X), Huyện ủy ban hành Nghị quyết số 09-NQ/HU ngày 10/5/2012 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí để chỉ đạo tổ chức thực hiện; thành lập Ban Chỉ đạo để giúp Ban Thường vụ Huyện ủy theo dõi, nắm bắt tình hình, tham mưu chỉ đạo những vấn đề nổi cộm, bức xúc và những vấn đề phát sinh liên quan, nhất là trên lĩnh vực đầu tư xây dựng, khai thác tài nguyên, khoáng sản, quản lý đất đai, thực hiện các chế độ chính sách khác có liên quan. Tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị; công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra của cấp ủy, tổ chức Đảng, các cơ quan chức năng đã được chú trọng, kịp thời chấn chỉnh, phòng ngừa có hiệu quả những biểu hiện, hành vi tham nhũng, lãng phí trong các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XI) “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”, Ban Thường vụ Huyện ủy đã chỉ đạo quán triệt nội dung nghị quyết đến toàn thể cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ. Sau quán triệt học tập, Ban Thường vụ Huyện ủy đã chuẩn bị các văn bản, nội dung để tiến hành kiểm điểm tập thể và cá nhân từng đồng chí Ủy viên. Đồng thời, phân công các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy phụ trách địa bàn trực tiếp chỉ đạo việc kiểm điểm ở cơ sở. Trong kiểm điểm, các tổ chức Đảng từ huyện đến Chi bộ đã phát huy tinh thần dân chủ, thẳng thắn và xây dựng. Kết quả kiểm điểm đã làm rõ một

⁸⁰ Trong đó khiển trách 27; cảnh cáo 13; cách chức 11; khai trừ 03.

số khuyết điểm, yếu kém, xác định đúng nguyên nhân và nhiệm vụ giải pháp khắc phục. Sau kiểm điểm, tính đoàn kết thống nhất nội bộ, vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng được nâng cao.

Công tác Dân vận của cấp ủy tiếp tục đổi mới và hiệu quả. Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy đã tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, chương trình, kế hoạch của Đảng các cấp về công tác Dân vận, công tác vận động quần chúng. Ban hành nhiều nghị quyết chuyên đề, chương trình, kế hoạch, kết luận để lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện các chương trình trọng tâm, công trình trọng điểm. Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội theo Kết luận số 117-KL/HU ngày 28/3/2011 của Huyện ủy, chuẩn bị các điều kiện để phát triển dịch vụ, du lịch, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực hưởng ứng chương trình xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và các phong trào thi đua được phát động tại địa phương. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã vận động nhân dân tích cực tham gia các chương trình phát triển kinh tế - xã hội nhằm đưa Cát Tiên phát triển về mọi mặt, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Huyện ủy đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/HU ngày 08/6/2011 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội giai đoạn 2011 – 2015, gắn với thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 08/12/2009 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Chỉ đạo xây dựng và triển khai thực hiện các quy chế, chương trình phối hợp trong công tác vận động quần chúng giữa chính quyền, các ban, ngành với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã

hội nhằm huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Thường xuyên củng cố và kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, Ban Chỉ đạo công tác tín ngưỡng, tôn giáo của Huyện uỷ, Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án 61 của Tỉnh uỷ về “Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020”; Ban vận động Quỹ hỗ trợ nông dân nhằm nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy trong triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với những lĩnh vực liên quan.

Công tác Dân vận của chính quyền tiếp tục được đẩy mạnh; năng lực quản lý, điều hành của chính quyền từ huyện đến các xã, thị trấn có nhiều chuyển biến tích cực; triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hàng năm đều đạt và vượt kế hoạch; chú trọng đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, các thiết chế văn hóa; thực hiện chương trình quốc gia về xây dựng nông thôn mới, công tác giảm nghèo; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn với chương trình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh. Quan tâm và giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh, những vấn đề tồn tại kéo dài. Từ đó đã tạo được sự đồng thuận, an tâm, tin tưởng của nhân dân trong việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở địa phương, cơ sở.

Chỉ đạo quán triệt, tổ chức thực hiện tốt các Chỉ thị của Trung ương, Chính phủ và của Tỉnh uỷ “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở xã, phường, thị trấn”,

gắn với thực hiện phong trào thi đua “Dân vận khéo” và công tác dân vận của chính quyền. Tăng cường chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương, nâng cao ý thức trách nhiệm phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Trong hoạt động quản lý Nhà nước và thực hiện công vụ, cán bộ, công chức, viên chức đã chú trọng đến công tác tuyên truyền, đối thoại, lắng nghe, giải thích và tôn trọng ý kiến của nhân dân khi tiếp xúc giải quyết công việc.

Triển khai công tác cải cách hành chính, củng cố, kiện toàn bộ máy các cơ quan chính quyền cấp huyện theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả; tiếp tục thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân. Công tác tiếp dân của người đứng đầu các cơ quan, địa phương, đơn vị, việc giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo của công dân có nhiều chuyển biến, góp phần hạn chế đơn thư vượt cấp, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn địa phương.

Về xây dựng và hoạt động của chính quyền: Cuộc bầu cử Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện khoá VI, nhiệm kỳ 2011 – 2016 diễn ra ngày 21/5/2011 đã bầu đủ 30 đại biểu theo luật định. Tại phiên họp thứ nhất ngày 20/6/2011, Hội đồng nhân dân đã bầu đồng chí Huỳnh Văn Đầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện, đồng chí Trần Đình Hạnh giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện và đồng chí Lê Thị Hiệp giữ chức Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân huyện.

Thường trực Hội đồng nhân dân huyện nhiệm kỳ này cũng có nhiều thay đổi về nhân sự. Tháng 6/2015, đồng chí Huỳnh Văn Đầu được nghỉ hưu. Đồng chí Ngô Xuân Hiên, Bí thư Huyện uỷ được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện nhiệm kỳ 2011 - 2016. Tháng 10/2015, đồng chí Trần Đình Hạnh được Ban Thường vụ Huyện uỷ luân chuyển công tác để đảm nhiệm chức vụ Trưởng Ban Tổ chức Huyện uỷ.

Tháng 11/2015, đồng chí Lê Thị Hiệp – Ủy viên Thường trực, được bầu giữ chức vụ Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện. Đồng chí Trần Thị Phúc – Chủ tịch Liên đoàn lao động huyện được bầu chức vụ Ủy viên Thường trực. Số lượng Đại biểu cuối nhiệm kỳ giảm 04 đại biểu so với đầu nhiệm kỳ.

Về Ủy ban nhân dân huyện, tại phiên họp lần thứ nhất ngày 20/6/2011, Hội đồng nhân dân huyện đã bầu Ủy ban nhân dân huyện gồm 07 thành viên, trong đó: đồng chí Ngô Xuân Hiền giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, đồng chí Lê Ngọc Sanh giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và đồng chí Nguyễn Văn Thanh giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Trong nhiệm kỳ, Ủy ban nhân dân huyện có nhiều thay đổi về nhân sự. Tháng 6/2015, sau khi đồng chí Huỳnh Văn Đầu - Bí thư Huyện ủy nghỉ hưu, đồng chí Ngô Xuân Hiền - Chủ tịch UBND huyện được bầu giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy. Đồng chí Bùi Văn Hùng, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng được Ban Thường vụ Tỉnh ủy luân chuyển chỉ định giữ chức vụ Phó Bí thư Huyện ủy, được Ban Thường vụ Huyện ủy giới thiệu để Hội đồng nhân dân huyện bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện nhiệm kỳ 2011 - 2016. Tháng 3/2013, sau khi có quyết định thành lập thị trấn Cát Tiên, đồng chí Nguyễn Văn Thanh - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện được Ban Thường vụ Huyện ủy luân chuyển để giữ chức Bí thư Đảng ủy thị trấn Cát Tiên. Đồng chí Phạm Văn Quang – Trưởng ban Tổ chức Huyện ủy được bầu giữ chức Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện nhiệm kỳ 2011 – 2016. Tháng 12/2015, đồng chí Lê Ngọc Sanh được nghỉ hưu theo chế độ.

Trong nhiệm kỳ, Hội đồng nhân dân đã thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ theo Luật định. Hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện có nhiều đổi mới, sáng tạo và khoa

học. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện đã 02 lần tổ chức diễn đàn “Thường trực Hội đồng nhân dân huyện nghe dân nói” đối với cử tri của tất cả các xã, thị trấn trong huyện; qua diễn đàn, đã nắm bắt những kiến nghị cử tri đề nghị các cơ quan chức năng giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động theo hướng nâng cao chất lượng các kỳ họp, công tác giám sát, chất vấn của các Đại biểu Hội đồng nhân dân. Thường trực Hội đồng nhân dân và các ban của Hội đồng nhân dân huyện tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động. Các dự thảo nghị quyết đều được chuẩn bị kỹ và có sự thống nhất cao của các đại biểu. Hội đồng nhân dân huyện tiến hành giám sát việc triển khai thực hiện các lĩnh vực: chương trình nước sạch, thực hiện Nghị định số 49/2010/NĐ-CP của Chính phủ trong các trường học, chương trình hỗ trợ nông nghiệp, quyết toán vốn xây dựng cơ bản, quy trình và kết quả bình xét hộ nghèo, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Ngoài ra, Thường trực Hội đồng nhân dân huyện còn tiến hành nhiều cuộc giám sát liên quan đến một số vấn đề phát sinh từ đó kiến nghị các ngành chuyên môn. Qua giám sát cho thấy chủ trương, chính sách được thực hiện đúng và đầy đủ. Những vấn đề khó khăn vướng mắc đã được các đoàn giám sát kiến nghị các cấp có thẩm quyền giải quyết. Tập trung nâng cao chất lượng giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các ban của Hội đồng nhân dân. Chất lượng giám sát ngày càng đi vào chiều sâu. Hội đồng nhân dân huyện đã quyết định nhiều vấn đề quan trọng nhằm phát huy tiềm năng thế mạnh của địa phương, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, đảm bảo an ninh – quốc phòng vừa khẳng định được vai trò cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương. Ngày 18/6/2012, Hội đồng nhân dân huyện khóa VI đã ban hành Nghị quyết số 25/NQ-HĐND về thông qua Đề án sắp

nhập thị trấn Đồng Nai và xã Phú Mỹ thành thị trấn Cát Tiên, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ngày 13/11/2015, Hội đồng nhân dân huyện khóa VI đã ban hành Nghị quyết số 96/NQ-HĐND về phương án thành lập thị trấn Phước Cát.

Ủy ban nhân dân huyện đã điều hành tốt và thực hiện có hiệu quả các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh. Triển khai thực hiện đạt các chỉ tiêu mà Nghị



Hồ chứa nước Tư Nghĩa

quyết Huyện ủy, Hội đồng nhân dân huyện đề ra. Mặc dù trong điều kiện Chính phủ thắt chặt đầu tư công, song Ủy ban nhân dân huyện đã chủ động tranh thủ mọi nguồn lực để tập trung triển khai 5 chương trình trọng tâm, 5 công trình trọng điểm mà Đại hội Đảng bộ huyện Cát Tiên lần thứ VI, nhiệm kỳ 2010 – 2015 đã xác định⁸¹. Trong đó đã triển khai thực hiện tốt 5/5

⁸¹ - Chương trình phát triển nông nghiệp hàng hóa gắn với ứng dụng công nghệ cao, chương trình phát triển thương mại dịch vụ, chương trình phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế

chương trình trọng tâm, đồng thời tranh thủ các nguồn lực đầu tư triển khai 5 công trình trọng điểm. Đẩy mạnh cải cách hành chính theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 2008. Tăng cường công tác phòng chống tham nhũng lãng phí, duy trì nghiêm túc chế độ họp, giao ban theo quy chế làm việc, tăng cường chấn chỉnh kỷ cương hành chính đối với các cơ quan đơn vị và địa phương để đảm bảo cho công tác quản lý điều hành hiệu lực và thông suốt. Tập trung tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, những vấn đề để tồn tại và kéo dài. Tập trung chỉ đạo có trọng tâm, trọng điểm nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh. Triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình sản xuất nông nghiệp hàng hoá gắn với ứng dụng công nghệ cao, triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới với những nhiệm vụ và giải pháp phù hợp, tiến độ đảm bảo. Kết quả của chương trình xây dựng nông thôn mới đã làm thay đổi diện mạo nông thôn. Triển khai thực hiện chương trình giảm nghèo hiệu quả và bền vững, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Phân công nhiệm vụ cụ thể rõ ràng, xác định rõ trách nhiệm của từng thành viên Ủy ban nhân dân huyện. Bám sát sự lãnh đạo của Ban Thường vụ Huyện uỷ, sự chỉ đạo của cơ quan Nhà nước cấp trên, nghị quyết của Huyện uỷ, Hội đồng nhân dân huyện để triển khai thực hiện nhiệm vụ. Từng bước đổi mới phương thức quản lý điều hành, tập trung tháo gỡ những khó khăn vướng mắc. Kiện toàn kịp thời bộ máy các phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Xây dựng quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân, quy chế phối hợp giữa Ủy ban nhân dân

xã hội gắn với chỉnh trang đô thị, chương trình phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số gắn với bảo vệ và phát triển rừng, chương trình đào tạo nghề, nâng cao nguồn lực.
- Công trình đường ĐH92, công trình đường từ xã Đồng Nai Thượng đến xã Lộc Bắc - huyện Bảo Lâm, công trình hồ Đa Sĩ, công trình Trung tâm Văn hóa thể thao huyện, công trình Trung tâm thương mại huyện.

huyện với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện, từng đoàn thể chính trị - xã hội huyện. Tổ chức điều hành và triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VI, nhiệm kỳ 2010 – 2015 đề ra.

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện được Ban Thường vụ Huyện ủy quan tâm chỉ đạo và có nhiều khởi sắc. Bộ máy, đội ngũ cán bộ chủ chốt của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện được củng cố, kiện toàn nhằm không ngừng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Công tác Đại hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể được Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo thành công tốt đẹp.

Công tác xây dựng tổ chức hội; đoàn kết, tập hợp, phát triển đoàn viên, hội viên của các đoàn thể chính trị - xã hội trong nhiệm kỳ có sự chuyển biến⁸².

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư”, phong trào “Địa phương cùng cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, “Toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc, phòng chống tội phạm”, công tác giảm nghèo,... góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của huyện. Đoàn thanh niên trong huyện tiếp

⁸² Đến cuối năm 2015, toàn huyện có trên 22.600 đoàn viên, hội viên. Trong đó, Hội Cựu Chiến binh có 13 cơ sở hội, với 1.810 hội viên tỷ lệ tập hợp đạt 88%. Đoàn thanh niên có 28 tổ chức cơ sở trực thuộc với 7.731 đoàn viên, thanh niên (trong đó 2.329 đoàn viên, tỷ lệ tập hợp đạt 65% và 5.402 thanh niên, tỷ lệ tập hợp đạt 80%). Hội Nông dân có 11 tổ chức cơ sở trực thuộc với 7.040 hội viên, tỷ lệ tập hợp đạt 93,92%. Hội Phụ nữ có 14 cơ sở hội với 6.155 hội viên, tỷ lệ tập hợp đạt 76,7%. Liên đoàn lao động huyện có 62 Công đoàn cơ sở trực thuộc, với 1.585 công đoàn viên, tỷ lệ tập hợp đạt 98%.

tục triển khai sâu rộng phong trào "Xung kích, tình nguyện phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc", phong trào "Đồng hành với thanh niên lập thân, lập nghiệp", "Thanh niên tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng". Các cấp Hội Phụ nữ thường xuyên chăm lo, xây dựng củng cố tổ chức hội, vận động hội viên thực hiện tốt phong trào "Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc", hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế vươn lên làm giàu và góp sức xây dựng nông thôn mới. Hội Nông dân triển khai thực hiện tốt Đề án "Hỗ trợ sản xuất nâng cao thu nhập cho dân cư nông thôn"; phối hợp chính quyền địa phương vận động hội viên, nông dân đóng góp nguồn lực, chung sức xây dựng nông thôn mới; tham gia chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững. Hội Cựu chiến binh các cấp làm tốt giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ, nâng cao chất lượng phong trào "Cựu chiến binh gương mẫu"; vận động hội viên giúp nhau phát triển kinh tế, giảm nghèo, tích cực tham gia phong trào chung sức xây dựng nông thôn mới; tích cực tham gia hoà giải mâu thuẫn trên địa bàn dân cư, tham gia giữ gìn an ninh trật tự tại địa phương, cơ sở. Liên đoàn lao động huyện tích cực tham gia thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập, các doanh nghiệp; nâng cao chất lượng các hoạt động chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng cho cán bộ, đoàn viên, người lao động; đẩy mạnh phong trào thi đua "Lao động giỏi, lao động sáng tạo", phong trào xây dựng "Người cán bộ công chức trung thành, sáng tạo, tận tụy, gương mẫu", "Giỏi việc nước, đảm việc nhà" trong nữ công nhân viên chức, lao động.



Nhà văn hóa xã Quảng Ngãi



Đoàn Thanh niên xây dựng giao thông nông thôn



Sản xuất rau chuyên canh tại xã Đức Phổ

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội từ huyện đến cơ sở đã có nhiều cố gắng đổi mới về nội dung, phương thức hoạt động theo nội dung Kết luận số 62-KL/TW ngày 08/12/2009 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 04-NQ/HU của Huyện ủy, xây dựng và từng bước phát huy vai trò của lực lượng nòng cốt, cốt cán, lực lượng tình nguyện ở cơ sở; phối hợp củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ đoàn thể các cấp theo hướng chuẩn hóa, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao, phát huy vai trò tập hợp lực lượng, phối hợp thống nhất hành động, xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc; quan tâm công tác tạo nguồn, giới thiệu đoàn viên, hội viên ưu tú cho cấp ủy xem xét kết nạp vào Đảng. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể từ huyện đến cơ sở tích cực, chủ động tham gia thực hiện chức năng giám sát và phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền theo tinh thần Quyết định số 217-QĐ/TW, Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính

trị, góp phần xây dựng hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở trong sạch, vững mạnh.

Phong trào thi đua “Dân vận khéo” trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất là phong trào thi đua “Dân vận khéo” trong xây dựng nông thôn mới được triển khai sâu rộng đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, từ đó đã tác động, tạo sự chuyển biến trong việc phát huy quyền làm chủ, tính tích cực, sáng tạo, chủ động của nhân dân trong việc xây dựng và thực hiện các mô hình phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh trật tự, tham gia xây dựng nông thôn mới, đóng góp sức người, sức của vào sự nghiệp phát triển địa phương. Thông qua phong trào thi đua “Dân vận khéo”, gắn với đẩy mạnh việc thực hiện học tập và làm theo tấm gương, đạo đức Hồ Chí Minh nhiều mô hình điển hình trên các lĩnh vực của đời sống xã hội đã được phát hiện, xây dựng, nhân rộng, toàn huyện đã có 13 mô hình tập thể và 01 cá nhân điển hình được công nhận là mô hình “Dân vận khéo”.



Huyện Cát Tiên đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VI, nhiệm kỳ 2010 – 2015 trong điều kiện thuận lợi cơ bản nhưng cũng không ít khó khăn. Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo có trọng tâm, trọng điểm; triển khai nhiệm vụ với tinh thần sáng tạo và quyết tâm cao. Kết quả đạt được trên các lĩnh vực khá toàn diện, chương trình sản xuất nông nghiệp hàng hoá gắn với ứng dụng công nghệ cao được triển khai khá đồng bộ và hiệu quả, giá trị trên đơn vị diện tích tăng nhanh. Thương mại, dịch vụ tiếp tục phát triển, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển biến theo hướng giảm dần tỉ trọng nông nghiệp, tăng nhanh lĩnh vực thương mại, dịch vụ. Các lĩnh vực xã hội phát triển khá đồng bộ, chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tuy triển khai trong thời gian ngắn nhưng đạt tiến độ đề ra. An ninh - chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị chuyển biến tốt, vai trò lãnh đạo của Đảng ngày càng được phát huy. Công tác quản lý, điều hành của chính quyền ngày càng hiệu lực, hiệu quả. Phương pháp điều hành chặt chẽ hơn, khoa học hơn. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ngày càng tốt hơn. Những thành tựu đạt được trên các lĩnh vực khá toàn diện, kết quả đó đã làm thay đổi cơ bản các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Tuy vậy, nhìn tổng thể trong nhiệm kỳ qua vẫn còn một số hạn chế như:

Triển khai thực hiện chương trình sản xuất nông nghiệp hàng hoá chậm đi vào chiều sâu, việc khai thác tiềm năng và xác định nhiệm vụ để phát triển thương hiệu “Lúa – Gạo Cát Tiên” chưa thật sự hiệu quả. Chưa có giải pháp hữu hiệu để khai thác tiềm năng phát triển du lịch của địa phương theo Kết luận số 117-KL/HU ngày 28/03/2011 của Huyện ủy. Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch, quản lý đô thị, trật tự xây dựng còn

lúng túng và chưa chặt chẽ. Triển khai công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với một số dự án, công trình còn lúng túng. Thu ngân sách chưa bền vững, tỉ lệ thu cân đối đạt thấp. Kết quả thực hiện một số chương trình trọng tâm được Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VI xác định chưa thật sự bền vững. Một số công trình trọng điểm chưa được triển khai thực hiện. Tuy đã thoát khỏi tình trạng kém phát triển nhưng nhìn chung Cát Tiên vẫn là huyện khó khăn của tỉnh, cơ hội và điều kiện để phát triển nhanh hầu như khó đảm bảo khả thi.

Chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục mũi nhọn nhìn chung còn thấp, hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao chưa thật sự đi vào chiều sâu, kết quả xây dựng thôn văn hoá, xã văn hoá chưa bền vững, nguồn nhân lực chất lượng cao còn hạn chế.

An ninh chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội cơ bản được đảm bảo song còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp.

Kết quả học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh chưa thật sự lan toả đến hầu hết các lĩnh vực và chưa thật sự bền vững, việc khắc phục những khuyết điểm hạn chế theo tinh thần nghị quyết Trung ương 4, khoá XI chưa thường xuyên và dứt điểm. Công tác chuẩn bị cho Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VII mặt dù được Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Huyện ủy chuẩn bị kỹ lưỡng và công phu song kết quả bầu cử chưa phản ánh đầy đủ tinh thần xây dựng. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chậm khắc phục tình trạng hành chính, phương thức hoạt động chưa thật sự sáng tạo, phong trào chưa đi vào chiều sâu, xây dựng lực lượng cốt cán chưa chú ý đến chất lượng.

Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân huyện trên một số lĩnh vực còn lúng túng, hiệu quả chưa cao, một số Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện chưa phát huy hết vai trò trách nhiệm của người Đại diện cử tri, một số kiến nghị của cử tri chưa được giải quyết kịp thời.

Ủy ban nhân dân huyện chưa kịp thời kiện toàn lãnh đạo chủ chốt một số phòng, ban; việc giải quyết một số vấn đề, nhất là công tác đền bù giải phóng mặt bằng một số công trình chưa dứt điểm. Triển khai thực hiện một số kết luận sau kiểm điểm theo tinh thần nghị quyết Trung ương 4, khoá XI trên lĩnh vực kinh tế - xã hội còn hạn chế.

Tuy còn những khuyết điểm hạn chế nhưng những kết quả đạt được sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ VI, nhiệm kỳ 2010 – 2015 đạt được khá toàn diện. Kết quả đó đã tạo điều kiện thuận lợi để Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Cát Tiên vững bước trên con đường phát triển tiếp theo.

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ VII, nhiệm kỳ 2015 - 2020 diễn ra từ ngày 10 đến ngày 12 tháng 8 năm 2015. Tham dự Đại hội có 197 đại biểu đại diện cho 1.692 đảng viên của 27 tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Huyện ủy. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 41 đồng chí. Tại hội nghị lần thứ nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã bầu Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 9 đồng chí. Đồng chí Ngô Xuân Hiến tái đắc cử Bí thư Huyện ủy và đồng chí Bùi Văn Hùng được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Đại hội đã xác định phương hướng mục tiêu trong nhiệm kỳ là: Xây dựng hệ thống chính trị đồng bộ, vững mạnh toàn diện, đủ sức lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2015 - 2020 do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VII xác định. Phấn đấu thu nhập bình quân đầu người của huyện gần mức bình quân chung của cả tỉnh; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên; có nền kinh tế phát triển khá, ổn định; cơ cấu kinh tế theo hướng nông nghiệp - dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp; kết cấu hạ tầng đồng bộ; đảm bảo quốc phòng - an ninh.

Tại Đại hội cũng đã xác định các khâu đột phá: Phát triển đồng bộ hạ tầng kinh tế - xã hội; phát triển nông nghiệp hàng hoá gắn với ứng dụng công nghệ cao; phát triển dịch vụ - du lịch; phát triển nguồn nhân lực theo hướng chất lượng cao và đề ra 5 chương trình trọng tâm⁸³. Đồng thời xác định 6 công trình trọng điểm⁸⁴.



Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Cát Tiên nhiệm kỳ (2015 -2020)

Rút kinh nghiệm từ những bài học nhiệm kỳ trước, những kết quả đạt được nhiệm kỳ 2010 - 2015, cùng với đội ngũ trẻ năng động trong nhiệm kỳ 2015 -2020 Đảng bộ, nhân dân huyện Cát Tiên vững bước phát triển tiến lên trong khí thế chào mừng 30 năm huyện Cát Tiên hình thành và phát triển.

⁸³ Chương trình phát triển nông nghiệp hàng hoá gắn với ứng dụng công nghệ cao; chương trình phát triển đồng bộ hạ tầng kinh tế - xã hội; chương trình phát triển dịch vụ thương mại gắn với du lịch; chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; chương trình phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ

⁸⁴ Nhà máy cung cấp nước sạch đô thị Phước Cát; Đường ven sông Đồng Nai (đoạn thị trấn Cát Tiên); Hồ chứa nước Đa Sĩ; Trung tâm văn hoá - thể thao huyện; Trung tâm thương mại huyện; Đường từ xã Đồng Nai Thượng đến xã Lộc Bắc - huyện Bảo Lâm

KẾT LUẬN

Lịch sử 70 năm (1945-2015) đấu tranh cách mạng kiên cường của nhân dân các dân tộc trên vùng đất Cát Tiên thực hiện công cuộc cách mạng, giải phóng dân tộc thống nhất đất nước và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị Cát Tiên đã góp phần vào thành công của cách mạng. Những thành quả mà vùng đất chiến Khu Đ năm xưa, Đảng bộ và nhân dân huyện Cát Tiên đạt được trong quá trình 30 năm (01/01/1987-01/01/2017) hình thành và phát triển quả là những kỳ tích rất đáng được trân trọng và tự hào. Vì thế, nhân dân và cán bộ huyện Cát Tiên đã vinh dự được Nhà nước quyết định tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất⁸⁵.



⁸⁵ Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký Quyết định số 2232/QĐ-CTN tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhất cho nhân dân và cán bộ huyện Cát Tiên.

Sau ngày giải phóng ở vùng đất Cát Tiên, ngoài vài chục hộ gia đình chiến sỹ của binh đoàn 600 sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự ở lại lập nghiệp, thì dân cư chủ yếu là đồng bào các dân tộc tại chỗ (Mạ và Xtiêng). Năm 1976, với chủ trương đẩy mạnh việc điều chỉnh địa giới hành chính và địa bàn dân cư, bố trí lao động trong phạm vi cả nước cho phù hợp và hợp lý thì tỉnh Sông Bé đã được thành lập trên cơ sở sáp nhập hai tỉnh Bình Dương và Bình Phước; các xã thuộc vùng đất Cát Tiên trước đây được sáp nhập thành xã Đồng Nai Thượng thuộc huyện Phước Long - tỉnh Sông Bé; đến năm 1982, toàn bộ phần đất phía Bắc sông Đồng Nai (tức huyện Cát Tiên ngày nay) được Chính phủ điều chỉnh về cho tỉnh Lâm Đồng (thuộc huyện Đạ Huoai).

Cùng với việc điều chỉnh địa giới hành chính, thì việc phối hợp triển khai đưa dân từ các tỉnh miền Bắc và miền Trung vào các tỉnh Tây Nguyên và Nam Bộ để xây dựng vùng kinh tế mới cũng được Đảng, Nhà nước khẩn trương thực hiện. Đầu năm 1982, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, 2 tỉnh Nghĩa Bình và Hà Nam Ninh đã cùng với tỉnh Lâm Đồng tổ chức tiếp nhận bà con từ Nghĩa Bình và Hà Nam Ninh vào xây dựng kinh tế mới tại vùng đất Cát Tiên thuộc huyện Đạ Huoai. Trong đó, bà con nhân dân của tỉnh Hà Nam Ninh giao hẳn cho tỉnh Lâm Đồng, còn bà con nhân dân của tỉnh Nghĩa Bình lại do tỉnh Nghĩa Bình và tỉnh Lâm Đồng cùng quản lý. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện đã nảy sinh không ít vấn đề bất cập về cách thức quản lý dân cư, về phương thức tổ chức sản xuất, về hỗ trợ và đầu tư... nên đến cuối năm 1982, tỉnh Nghĩa Bình đã bàn giao toàn bộ số lượng dân cư cho tỉnh Lâm Đồng quản lý để thành lập huyện mới.

Ngày 06/6/1986 Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành Quyết định số 68/QĐ-HĐBT thành lập huyện Cát Tiên, song đến ngày 01/01/1987 huyện Cát Tiên mới chính thức đi vào hoạt động. Là

một huyện nằm cách xa trung tâm hành chính của tỉnh, số lượng dân cư ít, sự quan tâm đầu tư của Nhà nước còn rất hạn chế, trong khi đó việc bố trí nơi ăn, chốn ở, tổ chức sản xuất, chăm lo sức khỏe và việc học hành cho nhân dân... lại là những yêu cầu bức thiết, cấp bách cần phải thực hiện ngay nên Đảng bộ và nhân dân gặp khó khăn về nhiều mặt. Mặc dù khó khăn chồng chất khó khăn, nhưng thực hiện lời Bác Hồ dạy “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết”, “Thành công, thành công, đại thành công”; Đảng bộ huyện Cát Tiên xác định đó không chỉ là lời kêu gọi, là khẩu hiệu mà còn là phương châm, phương thức trong nghệ thuật lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng; vì thế, xuất phát từ đặc điểm của điều kiện tự nhiên, với phương châm “Bám trụ là thắng lợi”, Đảng bộ, chính quyền địa phương đã tăng cường tuyên truyền, vận động, động viên, khích lệ cán bộ và nhân dân trong huyện đoàn kết, đồng cam cộng khổ, tiếp tục khai hoang, phát triển sản xuất, từng bước xây dựng mối quan hệ khăng khít giữa đồng bào người kinh và đồng bào người dân tộc thiểu số tại chỗ, nắm bắt thời cơ vượt khó, vươn lên ổn định đời sống.

Trong chặng đường 70 năm đấu tranh cách mạng, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc nói chung và 30 năm huyện Cát Tiên hình thành, phát triển nói riêng, mặc dù gặp không ít khó khăn khách quan như: thiên tai, dịch bệnh gây ra và chủ quan là đời sống của nhân dân còn thấp; trình độ, nhận thức, năng lực của đội ngũ cán bộ còn hạn chế. Song với niềm tin vào đường lối, chủ trương của Đảng, sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh; Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện đã từng bước vươn lên, vượt qua khó khăn, thử thách, tìm hướng phát triển đi lên trong sự nghiệp đổi mới.

Từ một vùng căn cứ địa cách mạng, một huyện kinh tế mới, có địa hình chiều dài chiếm ưu thế hơn chiều rộng, có ba phía giáp với tỉnh bạn bằng ranh giới tự nhiên là con sông Đồng Nai

và điều kiện tự nhiên hết sức khắc nghiệt “chưa mưa đã úng, chưa nắng đã hạn” nhưng bằng niềm tin, ý chí, nghị lực tự lực, tự cường của đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong huyện qua các thời kỳ, công cuộc khai hoang, phục hóa, mở rộng diện tích canh tác không ngừng tăng nhanh; năng suất, chất lượng sản phẩm không ngừng tăng lên. Từ chỗ thiếu ăn, phải nhận viện trợ của Nhà nước đến nay đại bộ phận nhân dân trong huyện đã từng bước thoát khỏi nghèo đói⁸⁶, thu nhập bình quân đầu người năm sau luôn cao hơn năm trước⁸⁷. Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch khá rõ nét theo hướng tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng và thương mại, dịch vụ⁸⁸, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm tương đối cao⁸⁹; tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn từ chỗ chưa đạt kế hoạch, đã tăng nhanh⁹⁰ và luôn hoàn thành vượt các chỉ tiêu được giao. Cát Tiên đã thoát khỏi tình trạng huyện nghèo và kém phát triển.

Hệ thống cơ sở hạ tầng điện - đường - trường - trạm trên địa bàn huyện sau 30 năm hình thành và phát triển đã tương đối khang trang, đồng bộ và hiện đại; các tuyến đường liên thôn, liên xóm cơ bản đã được bê tông hóa. Thế trận quốc phòng toàn dân gắn với an ninh nhân dân không ngừng được củng cố, tăng cường; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn ổn định. Lực

⁸⁶. Giữa năm 1989, toàn huyện có 48,2% số hộ có mức sống dưới trung bình.

⁸⁷. Thu nhập bình quân đầu người năm 2015 đạt 38,7 triệu đồng, năm 1987 đạt 41.610 đồng.

⁸⁸. Tỷ trọng nông lâm nghiệp năm 1987 chiếm 82,88%, năm 1996 chiếm 70,67%, năm 2006 chiếm 59,29%, năm 2015 giảm còn 43,4%; tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng năm 1987 chiếm 1,33%, năm 1996 chiếm 11,62%, năm 2006 chiếm 18,26%, năm 2015 chiếm 22,65%; tỷ trọng ngành thương mại-dịch vụ năm 1987 chiếm 15,79%, năm 1996 chiếm 17,71%, năm 2006 chiếm 25,82%, năm 2015 tăng lên 33,95%.

⁸⁹. Giai đoạn 1987-1996, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 5,8%; giai đoạn 1997-2006 là 8,7%; giai đoạn 2006-2010 là 14,6% và giai đoạn 2011-2015 là 17,19%.

⁹⁰. Năm 1991, tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 1,709 tỷ đồng, năm 2015 đạt 53,500 tỷ đồng.

lượng công an, quân đội, dân quân tự vệ và dự bị động viên luôn sẵn sàng nhận và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở được quan tâm xây dựng, củng cố, kiện toàn sau mỗi kỳ Đại hội Đảng và bầu cử Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” từng bước được cụ thể hóa. Ý thức làm chủ của người dân từng bước được nâng lên. Hoạt động của hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở đã có sự đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động; công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh luôn được Đảng bộ huyện tập trung lãnh đạo và được các tổ chức cơ sở Đảng triển khai thực hiện nghiêm túc⁹¹.

Có được những thành quả nêu trên, là do Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện nhà đã biết đúc kết và rút ra được những bài học kinh nghiệm quý báu để vận dụng phù hợp vào điều kiện thực tiễn của địa phương qua các thời kỳ.

Bài học thứ nhất rút ra qua 70 năm đấu tranh và xây dựng của huyện Đảng bộ Cát Tiên là vận dụng linh hoạt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát huy tinh thần tự lực, tự cường, của nhân dân; xác định nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với đặc điểm tình hình địa phương là một trong những yếu tố quan trọng để

⁹¹ Năm 1987 toàn Đảng bộ có 277 đảng viên sinh hoạt ở 19 tổ chức cơ sở Đảng thì đến năm 2015 có 1.760 đảng viên sinh hoạt ở 27 tổ chức cơ sở đảng. Số lượng đảng viên tăng 635,37% và số tổ chức cơ sở đảng tăng 142,1% so với năm 1987; đảng viên là dân tộc thiểu số năm 1987 có 11 đồng chí, năm 2015 có 256 đồng chí. Có 80% tổ chức chính quyền xã, thị trấn đạt vững mạnh, có 80,95% chức danh cán bộ chuyên trách và công chức xã đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ, có 40,47% được đào tạo trung cấp lý luận chính trị trở lên.

tạo nên sức mạnh tổng hợp, chiến thắng kẻ thù, vượt qua khó khăn, xây dựng Cát Tiên phát triển.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, cán bộ, chiến sỹ và nhân dân huyện Cát Tiên bằng khối óc, bàn tay, đã không phụ lòng lớp lớp các thế hệ cha anh đã từng ngã xuống để giữ lấy từng tấc đất nơi đây trong kháng chiến và lớp người đã đổ biết bao mồ hôi, nước mắt, có cả máu để phát huy truyền thống lao động cần cù, sáng tạo quyết tâm bám trụ xây dựng quê hương mới Cát Tiên. Từ một vùng đất bị chiến tranh tàn phá nặng nề, nhưng với tinh thần tự lực, tự cường cộng với nguồn lực chi viện của Trung ương, của tỉnh đã tạo ra những cơ sở, vật chất làm tiền đề cho địa phương phát triển về mọi mặt. Những vùng đầm lầy đã nhường chỗ cho những cánh đồng màu mỡ, canh tác một năm 2 đến 3 vụ; những vùng đồi núi hoang vu đã trở thành những vườn điều trĩu quả khi vào vụ. Xóm làng, đô thị trù phú đông đúc, trường học, trạm xá được mở đến tất cả các xã trong huyện; đường nhựa, đường bê tông phủ đến hầu hết các thôn xóm; diện mạo nông thôn thay đổi từng ngày.

Có thể nói, trong từng giai đoạn lịch sử, trước mỗi nhiệm vụ cách mạng, Đảng bộ huyện Cát Tiên luôn đề ra quyết sách đúng đắn, tổ chức thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, với tinh thần sáng tạo và quyết tâm cao nên mỗi bước đi, mỗi bước phát triển của huyện nhà đều mang dấu ấn của sự vận dụng sáng tạo và những thành tựu đạt được đều khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng bộ, sự quản lý điều hành hiệu quả của chính quyền, nhân dân. Nếu không nắm vững và vận dụng sáng tạo, đúng đắn các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước từ Trung ương đến địa phương thì không thể có những thắng lợi trong 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược; không thể động viên nhân dân quyết tâm bám trụ xây dựng quê hương mới. Sự sáng tạo được

thể hiện xuyên suốt qua chủ đề của các kỳ Đại hội và qua các Nghị quyết chuyên đề được ban hành qua các nhiệm kỳ. Nếu như từ Đại hội I (tháng 5/1989) đến Đại hội III (tháng 3/1996) chủ trương của Đảng bộ là “Tranh thủ nguồn lực đầu tư của nhà nước, phát huy nguồn nội lực, khai thác tiềm năng và thế mạnh để xây dựng Cát Tiên ngày càng phát triển” thì từ Đại hội IV (tháng 11/2000) đến Đại hội V (Tháng 8/2005), tận dụng lợi thế tiềm năng về sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ đã xác định “Khai thác tiềm năng, tranh thủ mọi nguồn lực tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn”; tiếp đến Đại hội VI (tháng 8/2010) và bước qua Đại Hội VII (tháng 8/2015), Đảng bộ xác định rõ “Cơ cấu kinh tế của huyện vẫn là nông - lâm nghiệp, thương mại - dịch vụ và công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, song cần chuyển mạnh sang thương mại – dịch vụ - du lịch và tiểu thủ công nghiệp vào sau năm 2020”. Từ những quan điểm, chủ trương đó Đảng bộ huyện Cát Tiên đã ban hành nhiều Nghị quyết chuyên đề mang tính chiến lược như: Nghị quyết ổn định và phát triển kinh tế trong vùng đồng bào dân tộc tại chỗ, Nghị quyết về xóa đói giảm nghèo, Nghị quyết phòng chống và khắc phục hậu quả lũ lụt, Nghị quyết về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, về xây dựng giao thông nông thôn, về thực hiện các chương trình trọng tâm, công trình trọng điểm, về xây dựng Nông thôn mới ...Đồng thời, xác định rõ những nhiệm vụ trọng tâm mang tính đột phá, đó là: Đột phá về khâu thuỷ lợi, về cơ cấu nền kinh tế, về cách thức tổ chức sản xuất; khai thác có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh sẵn có để tập trung chuyển hướng sản xuất nông nghiệp theo hướng: thâm canh, tăng vụ, chuyển vụ nhằm tăng giá trị, giảm chi phí trong sản xuất và tránh được rủi ro do thiên tai; đồng thời đẩy mạnh thực hiện chương trình sản xuất nông nghiệp hàng hóa gắn với ứng dụng công nghệ cao, tiến hành quảng bá sản phẩm gắn với tìm kiếm thị trường

tiêu thụ... Qua đó đã góp phần xây dựng một nền nông nghiệp, khá toàn diện, một số mặt hàng nông sản đã được công nhận nhãn hiệu, đáp ứng nhu cầu thị trường tiêu thụ như: Nhãn hiệu Lúa - gạo Cát Tiên, cây dược liệu Diệp hạ châu Cát Tiên ... Đây là sự minh chứng cho việc nắm vững và vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và xác định nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế của địa phương của Đảng bộ huyện Cát Tiên trong quá trình phát triển.

Có thể nói cuộc sống sung túc đang đến gần với nhân dân các dân tộc huyện Cát Tiên; thành quả ấy là nhờ Đảng bộ và nhân dân huyện Cát Tiên đã phát huy được sức mạnh tổng hợp của khối đoàn kết thống nhất, từng cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ đã trở thành hạt nhân lãnh đạo phong trào địa phương, đơn vị, là trung tâm đoàn kết các tầng lớp nhân dân ngay từ những ngày đầu mới thành lập huyện cùng với sự quan tâm đầu tư về mọi mặt của Nhà nước, sự đồng cam cộng khổ, nỗ lực vượt khó của các tầng lớp nhân dân.

Bài học thứ hai là: Phải thường xuyên nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức Đảng; chú trọng xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện để hoàn thành tốt nhiệm vụ đề ra.

Xuất phát từ nhận thức muốn nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng trước hết phải chăm lo công tác xây dựng Đảng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt của Đảng, phát huy dân chủ trong Đảng gắn với chấn chỉnh kỷ cương. Vì thế, ngay từ khi mới thành lập Đảng bộ đã tập trung xây dựng, củng cố cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức; ban hành nhiều Nghị quyết chuyên đề mang tính chiến lược như: Nghị quyết về công tác phát triển Đảng (trong trường học,

trong lực lượng dân quân, tự vệ, trong nông thôn), Nghị quyết về học tập lý luận chính trị trong cán bộ, đảng viên; đồng thời, ban hành các kế hoạch triển khai tốt các cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng theo tinh thần nghị quyết Trung ương 6 lần 2 (Khóa VIII); Nghị quyết trung ương 4 (khóa XI) “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”; Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 07/11/2006, Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị về phát động cuộc vận động và đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”... Với tinh thần quyết tâm trong việc tự thấy, tự sửa chữa khuyết điểm của từng tổ chức Đảng và cá nhân đảng viên trong toàn Đảng bộ đã thực sự làm cho năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ ngày một nâng cao.

Ngoài việc chăm lo xây dựng Đảng, việc xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh cũng được Ban Thường vụ Huyện ủy tập trung chỉ đạo: Cứ sau Đại hội huyện Đảng bộ và sau bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp và hàng năm, Ban Chấp hành huyện Đảng bộ đều nhanh chóng xây dựng và ban hành các văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ. Đồng thời, đổi mới phương thức lãnh đạo đối với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện bằng cách tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá hết sức chặt chẽ, sát thực và khách quan, hiệu lực quản lý, điều hành của nhà nước trên các lĩnh vực, vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân; làm cho chính quyền cấp huyện, cấp xã thực sự là chính quyền “của dân, do dân và vì dân”, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể thực sự là tổ chức chăm lo và bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân. Kết quả là đã phát huy được sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân trong tham gia các phong trào thi đua “Toàn dân đoàn kết

xây dựng đời sống văn hóa”; “Đảng bộ và nhân dân huyện Cát Tiên quyết tâm học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, “Đảng bộ và nhân dân huyện Cát Tiên chung tay xây dựng nông thôn mới”, “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc”; “Tuổi trẻ Cát Tiên học tập và làm theo lời Bác”, thiếu niên nhi đồng thi đua “Làm nghìn việc tốt”... Các phong trào đã góp phần trực tiếp vào việc phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.

Bài học thứ ba là: Bên cạnh việc vận dụng linh hoạt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát huy tinh thần tự lực, tự cường, của nhân dân; xác định nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với đặc điểm tình hình địa phương và phải thường xuyên nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức Đảng; chú trọng xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện thì việc mở rộng dân chủ, phát huy trí tuệ của tập thể, giữ vững mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân, đề cao lợi ích của nhân dân, huy động sức mạnh của nhân dân, khai thác mọi tiềm năng, thế mạnh thực hiện thắng lợi các phong trào cách mạng của địa phương để xây dựng Cát Tiên ngày càng phát triển cũng là một bài học không thể thiếu.

Xác định bồi dưỡng sức dân chính là quan tâm chăm lo đến lợi ích tinh thần và vật chất cho nhân dân và đây là điều tất yếu góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng nên Ban Thường vụ, Thường trực Huyện ủy luôn quan tâm nắm bắt và giải quyết kịp thời những kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của nhân dân; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách, chú trọng công tác an sinh xã hội. Để kịp thời giải tỏa những khúc mắc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, Ban

Chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy các thời kỳ đã xây dựng chương trình, kế hoạch tiếp xúc, đối thoại với cán bộ, đảng viên và đoàn viên, hội viên các đoàn thể chính trị - xã hội với các chủ đề như: “Thường trực Hội đồng nhân dân huyện nghe dân nói”, “Thường trực Huyện ủy đối thoại với Tuổi trẻ”...

Xác định rõ sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, sức mạnh của Đảng bộ bắt nguồn từ sức mạnh của quần chúng nhân dân, phải thực sự tin vào khả năng to lớn của nhân dân, dám phát động và biết phát động quần chúng nhân dân tham gia cách mạng thì sẽ giải quyết được mọi khó khăn, thử thách đặt ra; kế thừa bài học kinh nghiệm trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước nên hơn 30 năm qua, Đảng bộ huyện Cát Tiên luôn quan tâm củng cố và phát triển mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân, giữa đảng viên với quần chúng. Ban Thường vụ Huyện ủy qua các thời kỳ luôn trăn trở, tìm kiếm các giải pháp để thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở một cách sâu rộng nhằm tập hợp, đề cao và phát huy có hiệu quả sức mạnh đoàn kết của nhân dân. Nắm vững quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác dân vận “Tất cả cán bộ chính quyền, cán bộ đoàn thể và tất cả các hội viên của các tổ chức nhân dân đều phải phụ trách dân vận” và phương pháp làm công tác dân vận là “Phải óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm”, các cấp ủy Đảng đã luôn kịp thời tham mưu Đảng bộ huyện đưa ra các chủ trương, quyết sách hợp lòng dân như: Triển khai mở các tuyến đường mới, xây dựng Quảng trường, dự kiến những chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (Kết luận 117), thực hiện quyết sách về đào tạo và sử dụng cán bộ... Triển khai thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, mở rộng dân chủ đến tất cả các cộng đồng dân cư, sâu sát cơ sở, thường xuyên lắng nghe ý kiến và tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của quần chúng nhân dân, khuyến khích nhân dân thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ đối với xã hội, vận động nhân dân thực hiện

sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; Phát huy tinh thần tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt Đảng, kịp thời giải quyết các nguyện vọng chính đáng của nhân dân, qua đó, củng cố niềm tin, tạo sự đồng thuận cao trong nhân dân, làm nên động lực thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị địa phương.

Có thể thấy những thành quả mà huyện Cát Tiên đã đạt được trong 30 năm qua, nhất là những thành quả trong thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện từ năm 2010 đến nay đã chứng minh cho sự cần thiết của việc mở rộng dân chủ, phát huy trí tuệ tập thể, giữ vững mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân, đề cao lợi ích của nhân dân, huy động sức mạnh của nhân dân trong khai thác mọi tiềm năng, thế mạnh của địa phương. Chỉ trong một thời gian rất ngắn (5 năm: 2010 – 2015), huyện Cát Tiên đã có 3 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; đó chính là kết quả của việc biết phát huy truyền thống đoàn kết, cần cù, sáng tạo của nhân dân; khai thác có hiệu quả tính cố kết cộng đồng, truyền thống tương thân, tương ái của nhân dân để huy động sức dân trong triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị của huyện Đảng bộ.

Bài học thứ tư là: Thẩm nhuần quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc; muôn việc thành công hay thất bại đều là do cán bộ tốt hay kém”, nên một trong những bài học quan trọng cần quan tâm triển khai thực hiện tốt cho hiện tại và trong tương lai chính là chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực công tác, có tinh thần trách nhiệm cao, tận tụy phục vụ nhân dân.

Nhận thức được điều này, ngay từ những năm đầu mới thành lập huyện, để khắc phục tình trạng thiếu cán bộ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra, Ban Chấp hành và Ban Thường vụ

Huyện ủy đã bắt tay vào xây dựng đội ngũ cán bộ cho huyện. Một mặt, tiến hành chọn lựa các đồng chí cán bộ trưởng thành từ phong trào cơ sở có đủ bản lĩnh chính trị và phẩm chất, năng lực công tác để bố trí vào các vị trí lãnh đạo chủ chốt; mặt khác, tiến hành rà soát, bổ sung những cán bộ, đảng viên còn trẻ vào quy hoạch và cử đi đào tạo, bồi dưỡng. Vì thế, đến nay đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hầu hết đã được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ; đội ngũ cán bộ chủ chốt từ huyện đến xã cơ bản đã đạt chuẩn về trình độ chuyên môn và lý luận chính trị và đã phát huy được năng lực, sở trường của mình, có phương pháp làm việc khoa học, có tinh thần trách nhiệm cao và thái độ phục vụ nhân dân tận tụy nên được nhân dân tin yêu.

Lịch sử 70 năm đấu tranh cách mạng, bảo vệ Tổ quốc của đồng bào các dân tộc Cát Tiên, trong đó có lịch sử 30 năm hình thành và phát triển của huyện Cát Tiên là cả một trang sử vẻ vang, kiên cường, đầy nghị lực của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện. Truyền thống của các thế hệ cha anh đi trước tiếp tục được tiếp nối cho thế hệ mai sau để huyện Cát Tiên ngày càng không ngừng phát triển. Đó vừa là sự thể hiện sự tri ân đối với các thế hệ đi trước, vừa là niềm vinh dự, tự hào để Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Cát Tiên tự tin thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng quê hương Cát Tiên ngày càng phát triển bền vững để góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu chung của Đảng, đó là làm cho “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”./.

PHỤ LỤC

I. DANH SÁCH BỘ PHẬN C200

Từ phía Nam xoi đường ra phía Bắc đón đoàn B90 từ miền Bắc vào Nam gặp nhau ngày 30/10/1960 tại vàm Đạ Rty, Lộc Bảo – Bảo Lâm – Lâm Đồng⁹².

Số TT	Họ và Tên	Quê quán	Chức vụ
1	Nguyễn Trọng Tâm	Nam Định	Chính trị viên, Bí thư Chi bộ
2	Phạm Hồng Sơn	Tiền Giang	Đoàn trưởng
3	Đỗ Giáp Xuân	Tây Ninh	Cán bộ Trung đội
4	Trần Văn Thanh	Bình Dương	Cán bộ Trung đội
5	Nguyễn Thanh Tâm	Bình Dương	Chiến sĩ
6	Hồ Minh Tư	Bình Dương	Chiến sĩ
7	Phan Văn Niềm	Bình Dương	Chiến sĩ
8	Huỳnh Văn Cột	Bình Dương	Chiến sĩ
9	Nguyễn Văn Lai	Biên Hòa	Chiến sĩ
10	Ngô Văn Cang	Tây Ninh	Tiểu đội phó
11	Cao Văn Tươi	Đồng Tháp	Tiểu đội trưởng
12	Phan Thanh Bon	Đồng Tháp	Y sĩ
13	Nguyễn Văn Minh ⁹³	Bình Dương	Tiểu đội trưởng
14	Trần Văn Thành	Bình Dương	Chiến sĩ
15	Giang Thanh Trà	Bình Dương	Đài trưởng
16	Lê Minh Trí	Sài Gòn – Gia định	Điện báo viên (9/1960 thay đ/c Giang Thanh Trà làm Đài Trưởng)
17	Hoàng Văn Chương	Bà Rịa	Cơ yếu
18	B' Ren (dân tộc Mạ)	Lâm Đồng	Dẫn đường

⁹² Theo tài liệu mở đường Hồ Chí Minh đoạn từ Nam Tây Nguyên đến miền Đông Nam Bộ NXB Chính trị Quốc gia -2009, Trang 42,43,44.

⁹³ Theo bút tích cá nhân là Trần Quang Minh.

II. DANH SÁCH BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG HUYỆN CÁT TIÊN

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Dân tộc	Quê quán	Thường trú
1	Trần Thị Tròn	1912	Kinh	Ninh Bình	Xã Gia Viễn (còn sống)
2	Nguyễn Thị Xong	1931	Kinh	Bình Định	Thị trấn Cát Tiên (đã chết)
3	Nguyễn Thị Đàm	1923	Kinh	Quảng Ngãi	Thị trấn Cát Tiên (đã chết)
4	Nguyễn Thị Đá	1915	Kinh	Nam Định	Xã Đức Phổ (đã chết)
5	Bùi Thị Hoi	1917	Kinh	Nam Định	Thị trấn Cát Tiên (đã chết)
6	Nguyễn Thị Nhón	1907	Kinh	Nam Định	Xã nam Ninh (đã chết)

III. CÁC DANH HIỆU THI ĐUA, KHEN THƯỞNG HUYỆN CÁT TIÊN (2000 -2015)

Số TT	Tên cơ quan, đơn vị	Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng		Cấp khen, tặng
1	Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Cát Tiên	1	Cờ thi đua xuất sắc	UBND tỉnh Lâm Đồng
2	Nhân dân và cán bộ huyện Cát Tiên	1	Huân chương Lao động hạng Nhất	Chủ tịch nước
		2	Huân chương Lao động hạng Nhì	Chủ tịch nước
		3	Huân chương Lao động hạng Ba	Chủ tịch nước
		4	Bằng khen	Thủ tướng Chính phủ
		5	Bằng khen	Thủ tướng Chính phủ

3	UBND huyện Cát Tiên	1	Cờ thi đua	Thủ tướng Chính phủ
4	Xã, thị trấn			
	Xã Gia Viễn	1	Cờ thi đua	Thủ tướng Chính phủ
		2	Bằng khen	Thủ tướng Chính phủ
5	Tập thể cơ quan			
1	Văn phòng HĐND&UBND huyện	1	Huân chương Lao động hạng Ba	Chủ tịch nước
		2	Bằng khen	Thủ tướng Chính phủ
		3	Bằng khen	Thủ tướng Chính phủ
2	Phòng Tư pháp huyện	1	Bằng khen	Thủ tướng Chính phủ
6	Cá nhân			
1	Ông Huỳnh Văn Đẩu - Nguyên TUV, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện	1	Huân chương Lao động hạng Ba	Chủ tịch nước
		2	Chiến sĩ thi đua toàn quốc	Thủ tướng Chính phủ
2	Ông Ngô Xuân Hiến - TUV, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện	1	Huân chương Lao động hạng Ba	Chủ tịch nước

3	Ông Bùi Văn Hùng - Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện	1	Bằng khen	Thủ tướng Chính phủ
4	Bà Vũ Thị Cúc - Nguyên Phó Chủ tịch HĐND huyện	1	Bằng khen	Thủ tướng Chính phủ
5	Nguyễn Thanh Tịnh - Nguyên Phó Chủ tịch UBND huyện	1	Bằng khen	Thủ tướng Chính phủ
6	Ông Lê Ngọc Sanh - Nguyên Phó Chủ tịch UBND huyện	1	Bằng khen	Thủ tướng Chính phủ
7	Ông Võ Kế Thuật - Nguyên Trưởng phòng Tư pháp huyện (Nay giữ chức Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án Dân sự huyện)	1	Bằng khen	Thủ tướng Chính phủ
8	Bà Phạm Thị Hằng - Nguyên Phó CVP HĐND&UBND huyện	1	Huân chương Lao động hạng Ba	Chủ tịch nước
9	Bà Thiều Thị Minh Lý - Nguyên Hiệu trưởng Trường THCS Đức Phổ	1	Bằng khen	Thủ tướng Chính phủ
10	Ông Phan Văn Hưng - Nguyên Hiệu trưởng Trường THPT Cát Tiên	1	Bằng khen	Thủ tướng Chính phủ

IV. DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN CÁT TIÊN QUA CÁC THỜI KỲ (1987 - 2020)

1. Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ huyện (1987 – 1989)

Số tt	Họ và Tên	Sinh năm	Quê quán	Chức vụ
1	Hoàng Thanh	1922	Bình Định	Bí thư Huyện ủy
2	Nguyễn Huy Tường	1939	Hà Nội	Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy
3	Trần Đình Nhung	1959	Bình Định	Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện
4	Dương Ngọc Trần	1955	Hà Nội	UVBTV, Trưởng ban Tổ chức Huyện ủy
5	Điểu K' Bá	1936	Lâm Đồng	UVBTV, Phó Chủ tịch UBND huyện
6	Nguyễn Công Phụng	1936	Ninh Bình	UVBTV, Chủ tịch Ủy ban MTTQVN huyện
7	Thạch Cảnh Mậu	1930	Quảng Ngãi	UVBTV, Phó Chủ tịch UBND huyện
8	Đào Trọng Đạt	1940	Hà Tĩnh	Phó Giám đốc Lâm trường Cát Tiên
9	Điểu K Khương	1955	Lâm Đồng	Phó Chủ tịch UBND huyện
10	Đỗ Viết Đến	1946	Thanh Hóa	Trưởng Công an huyện
11	Hoàng Minh Dậu	1958	Hải Dương	Phó Chủ tịch UBND huyện
12	Huỳnh Năm	1946	Quảng Ngãi	Phó Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy
13	Huỳnh Văn Đầu	1959	Bình Định	Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy
14	Nguyễn Huy Thích	1940	Hà Tĩnh	Huyện đội trưởng
15	Nguyễn Huỳnh Điểu	1946	Ninh Bình	Bí thư Chi bộ xã Gia Viễn
16	Nguyễn Thanh Tịnh	1950	Hà Nội	Trưởng phòng Giáo dục huyện
17	Nguyễn Thị Nguyệt	1940	Thanh Hóa	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận TQVN huyện
18	Nguyễn Trung Kiên		Thanh Hóa	Trưởng Ban Giao thông huyện

19	Nguyễn Vương Hộ		Thái Bình	Cửa hàng trưởng Lương thực huyện
20	Phan Thanh Trân	1955	Bình Định	Chủ tịch UBND xã Phù Mỹ
21	Phùng Thế Tài	1958	Quảng Trị	Chánh Văn phòng Huyện ủy
22	Tô Văn Quang	1950	Quảng Ngãi	Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy
23	Võ Bình Nguyên	1947	Quảng Ngãi	Phó Chủ tịch UBND huyện
DANH SÁCH ỦY VIÊN DỰ KHUYẾT BAN CHẤP HÀNH				
1	Lê Ngọc Chánh	1955	Bình Định	Chủ tịch Hội Nông dân huyện
2	Lương Văn Minh	1963	Bình Định	Bí thư Huyện Đoàn
3	Nguyễn Thị Sương	1955	Bình Định	Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ huyện
4	Phan Đức Thuận	1954	Nghệ An	Trưởng phòng Tài chính huyện
5	Trần Văn Thoan	1955	Hà Nội	Giám đốc Công ty Thương nghiệp
DANH SÁCH BỔ SUNG TRONG NHIỆM KỲ				
1	Nguyễn Văn Thành	1944	Quảng Nam	Tăng cường Phó Bí thư Huyện ủy (8/1987)
2	Đặng Xuân Du	1925	Quảng Ngãi	Chỉ định Bí thư Huyện ủy (10/1988 - 5/1989)

2. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa I (1989 – 1991)

Số tt	Họ và Tên	Sinh năm	Quê quán	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Thành	1944	Quảng Nam	Bí thư Huyện ủy
2	Trần Đình Nhung	1959	Bình Định	Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện
3	Tô Văn Quang	1950	Quảng Ngãi	UVBTV, Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy
4	Điểu K Khương	1955	Lâm Đồng	UVBTV, Bí thư Đảng ủy Thị trấn Đồng Nai
5	Lê Dừa	1945	Phú Thọ	UVBTV, Trưởng Công an huyện

6	Nguyễn Huy Tường	1939	Hà Nội	Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy (kiêm Chủ tịch UBND huyện, từ tháng 6/1987 - 10/1989)
7	Nguyễn Thành Được	1952	Thanh Hóa	Huyện đội trưởng
8	Huỳnh Năm	1946	Quảng Ngãi	Phó Ban Tổ chức Huyện ủy
9	Huỳnh Văn Đầu	1956	Bình Định	Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy (từ 9/1990, Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện)
10	Lê Trọng Hứa	1940	Thái Bình	Chủ tịch UBND Thị trấn Đồng Nai
11	Lương Văn Minh	1959	Bình Định	Bí thư Huyện đoàn
12	Nông Văn Khang	1955	Cao Bằng	Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm huyện
13	Nguyễn Công Phụng	1936	Ninh Bình	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận TQVN huyện
14	Nguyễn Hồng Tiến	1946	Ninh Bình	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã Tiên Hoàng
15	Nguyễn Tiến Lãng	1930	Quảng Ngãi	Trưởng Ban Kinh tế mới huyện
16	Nguyễn Thanh Tịnh	1950	Hà Nội	Trưởng phòng Giáo dục huyện
17	Nguyễn Thị Nguyệt	1940	Thanh Hóa	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận TQVN huyện
18	Nguyễn Văn Quyên	1940	Nam Định	Bí thư Chi bộ xã, Chủ tịch UBND xã Nam Ninh
19	Phan Đức Thuận	1955	Nghệ An	Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện
20	Tạ Xuân Chiều	1947	Ninh Bình	Bí thư Đảng ủy xã Gia Viễn
21	Trần Văn Thoan	1955	Hà Nội	Giám đốc Công ty Thương nghiệp
22	Vũ Xuân Thu	1952	Ninh Bình	Trưởng Phòng Kinh tế huyện, Ủy viên dự khuyết

3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa II (1991– 1995)

Số tt	Họ và Tên	Sinh năm	Quê quán	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Thành	1944	Quảng Nam	Bí thư Huyện ủy
2	Nguyễn Ngọc Tuấn	1946	Quảng Bình	Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy (1991-1993)
3	Trần Đình Nhung	1959	Bình Định	Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện
4	Tô Văn Quang	1950	Quảng Ngãi	UVBTV, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy (bổ sung 11/1991)
5	Lê Giáp Phụng	1952	Thanh Hóa	UVBTV, Trưởng Công an huyện
6	Nguyễn Thành Được	1952	Thanh Hóa	UVBTV, Huyện đội trưởng
7	Nguyễn Xuân Tùng	1960	Quảng Ngãi	UVBTV, Phó Chủ tịch HĐND huyện
8	Võ Bình Nguyên	1947	Quảng Ngãi	Phó Chủ tịch UBND huyện
9	Huỳnh Văn Đầu	1959	Bình Định	Phó Chủ tịch UBND huyện
10	Nguyễn Văn Á	1958	Bình Định	Chủ tịch UBND xã Phước Cát 1
11	Võ Thành Bảo	1959	Bình Định	Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy
12	Nguyễn Văn Chấn	1957	Nam Định	Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện
13	Vũ Mạnh Cường	1940	Ninh Bình	Bí thư Chi bộ xã Quảng Ngãi
14	Lê Trọng Hứa	1940	Thái Bình	Chủ tịch UBND thị trấn Đồng Nai
15	Điền K Khương	1955	Lâm Đồng	Bí thư Đảng ủy thị trấn Đồng Nai
16	Trương Thị Kim	1961	Ninh Bình	UVTV Hội liên hiệp Phụ nữ huyện
17	Phạm Tiến Lực	1960	Nam Định	Bí thư Chi bộ xã Nam Ninh
18	Trần Quang Ới	1953	Ninh Bình	Bí thư Đảng ủy xã Gia Viễn

19	Trần Văn Thoan	1955	Hà Sơn Bình	Giám đốc Công ty Thương nghiệp
20	Nguyễn Thanh Tịnh	1950	Hà Nội	Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện
21	Nguyễn Công Thủy	1958	Ninh Bình	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy
DANH SÁCH BỔ SUNG TRONG NHIỆM KỲ				
1	Ngô Minh Nhẫn	1955	Quảng Ngãi	Chánh thanh tra huyện
2	Ngô Xuân Hiền	1960	Nghệ An	Hiệu trưởng Trường THCS Phước Cát
3	Hồ Minh Châu	1960	TT Huế	Chánh Văn phòng Huyện ủy
4	Lê Đình Bảo	1962	Thái Bình	Bí thư Huyện Đoàn
5	Đinh Công Lý	1958	Nam Định	Bí thư Đảng ủy thị trấn Đồng Nai

4. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa III (1996 – 2000)

Số tt	Họ và Tên	Sinh năm	Quê quán	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Thành	1944	Quảng Nam	Bí thư Huyện ủy
2	Tô Văn Quang	1950	Quảng Ngãi	Phó Bí thư Huyện ủy (1993 - 2000)
3	Trần Đình Nhung	1959	Bình Định	TUV, Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện (từ 1998, Bí thư Huyện ủy)
4	Nguyễn Xuân Tùng	1960	Quảng Ngãi	UVBTV, Phó Chủ tịch UBND huyện (từ 1998, Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện)
5	Võ Bình Nguyên	1946	Quảng Ngãi	UVBTV, Phó Chủ tịch UBND huyện
6	Võ Thành Bảo	1959	Bình Định	UVBTV, Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy
7	Lê Giáp Phượng	1952	Thanh Hóa	UVBTV, Trưởng Công an huyện
8	Nguyễn Văn Kiệm	1956	Hà Tĩnh	UVBTV, Huyện đội trưởng

9	Vũ Thị Cúc	1956	Ninh Bình	Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy
10	Đinh Công Lý	1959	Nam Định	Phó Chủ tịch HĐND huyện
11	Đỗ Văn Huynh	1961	Nam Định	Trưởng phòng Kinh tế huyện
12	Hoàng Văn Tư	1958	Cao Bằng	Bí thư Đảng ủy xã Phước Cát 2
13	Hồ Minh Châu	1960	TT Huế	Chánh Văn phòng Huyện ủy
14	Lê Đình Bảo	1962	Thái Bình	Bí thư Huyện Đoàn
15	Lê Ngọc Sanh	1957	Bình Định	Trưởng Ban Kinh tế mới huyện
16	Lê Thị Quy	1958	Thanh Hóa	Bí thư Chi bộ xã Quảng Ngãi
17	Ngô Minh Nhẫn	1955	Quảng Ngãi	Chánh Thanh tra huyện
18	Ngô Xuân Hiền	1960	Nghệ An	Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện
19	Nguyễn Bá Ngọc	1946	Phú Thọ	Phó Trưởng Công an huyện
20	Nguyễn Minh Huệ	1958	Bình Định	Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy
21	Nguyễn Thanh Tịnh	1950	Hà Nội	Trưởng phòng Giáo dục huyện
22	Nguyễn Trọng Lựu	1961	Hà Tĩnh	Phó Chủ tịch UBND xã Phước Cát 1
23	Nguyễn Văn Chấn	1957	Nam Định	Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện
24	Phạm Hay	1960	Bình Định	Chủ tịch Hội Nông dân huyện
25	Trần Đình Hạnh	1963	Nam Định	Chủ tịch UBND thị trấn Đồng Nai
26	Trần Quang Ới	1954	Ninh Bình	Bí thư Đảng ủy xã Gia Viễn
27	Trương Thanh Thủy	1958	Ninh Bình	Bí thư Chi bộ xã Tư Nghĩa
DANH SÁCH BỔ SUNG TRONG NHIỆM KỲ				
1	Huỳnh Văn Đầu	1959	Bình Định	UVBTV, Phó Chủ tịch UBND huyện (12/1999)

5. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa IV (2000 – 2005)

Số tt	Họ và Tên	Sinh năm	Quê quán	Chức vụ
1	Trần Đình Nhung	1959	Bình Định	TUV, Bí thư Huyện ủy (2000 - 2004)
2	Võ Bình Nguyên	1946	Quảng Ngãi	Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy
3	Nguyễn Xuân Tùng	1960	Quảng Ngãi	Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện (từ 3/2004, Bí thư Huyện ủy)
4	Huỳnh Văn Đầu	1959	Bình Định	UVBT, Phó Chủ tịch UBND huyện (từ 2003, Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện)
5	Võ Thành Bảo	1959	Bình Định	UVBT, Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy
6	Trần Đình Hạnh	1963	Nam Định	UVBT, Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy
7	Nguyễn Văn Kiệm	1956	Hà Tĩnh	UVBT, Chỉ huy trưởng BCH Quân sự huyện
8	Đinh Quang Trung	1960	Hà Tĩnh	Trưởng Công an huyện (bổ sung UVBT tháng 12/2001)
9	Đỗ Hữu Dự	1967	Quảng Ngãi	Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện (tháng 2/2004, bổ sung UVBT, Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy)
10	Vũ Thị Cúc	1956	Ninh Bình	Phó Chủ tịch HĐND huyện
11	Nguyễn Văn Chấn	1957	Nam Định	Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện
12	Trần Chiến	1958	Quảng Nam	Phó Chỉ huy chính trị BCH Quân sự huyện
13	Võ Hoàng Bình	1972	Bình Định	Bí thư Huyện Đoàn

14	Trần Văn Đăng	1954	Ninh Bình	Bí thư Đảng ủy xã Gia Viễn
15	Ngô Thị Đông	1959	Nam Định	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy
16	Đỗ Văn Huynh	1961	Nam Định	Trưởng ban Dân vận Huyện ủy
17	Ngô Xuân Hiền	1960	Nghệ An	Trưởng ban Tổ chức Huyện ủy (tháng 7/2001, bổ sung UVBTV)
18	Hồ Thị Hạnh	1961	Nghệ An	Hiệu trưởng Trường THPT Cát Tiên
19	Nguyễn Minh Huệ	1958	Bình Định	Trưởng phòng Tổ chức - Lao động huyện
20	Đinh Công Lý	1958	Nam Định	Phó Chủ tịch UBND huyện
21	Nguyễn Trọng Lựu	1961	Hà Tĩnh	Bí thư Đảng ủy xã Phước Cát 1
22	Nguyễn Văn Long	1958	Bình Định	Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện
23	Điền K Minh	1965	Lâm Đồng	Cán bộ Ban Dân vận Huyện ủy
24	Lê Ngọc Sanh	1957	Bình Định	Chi cục trưởng Chi cục Thuế huyện
25	Nguyễn Thanh Tịnh	1950	Hà Nội	Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện
26	Trương Thanh Thủy	1958	Ninh Bình	Trưởng ban Kinh tế mới huyện
27	Đào Xuân Thành	1962	Hải Dương	Bí thư Đảng ủy thị trấn Đồng Nai
28	Hoàng Văn Tư	1958	Cao Bằng	Bí thư Đảng ủy xã Phước Cát 2
29	Nguyễn Thị Thùy	1967	Ninh Bình	Phó Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ huyện
DANH SÁCH BỔ SUNG BAN CHẤP HÀNH				
1	Tạ Minh Đức	1954	Thái Bình	Phó Chỉ huy chính trị BCH Quân sự huyện

6. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa V (2005-2010)

Số tt	Họ và Tên	Sinh năm	Quê quán	Chức vụ
1	Nguyễn Xuân Tùng	1960	Quảng Ngãi	Bí thư Huyện ủy
2	Đinh Công Lý	1958	Nam Định	Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy
3	Huỳnh Văn Đầu	1956	Bình Định	Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện (từ 5/2009, Bí thư Huyện ủy)
4	Ngô Thị Đông	1959	Nam Định	UVBTW, Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy
5	Đinh Quang Trung	1960	Hà Tĩnh	UVBTW, Trưởng Công an huyện
6	Nguyễn Văn Kiệm	1956	Hà Tĩnh	UVBTW, Chỉ huy trưởng BCH Quân sự huyện
7	Ngô Xuân Hiền	1960	Nghệ An	UVBTW, Phó Chủ tịch UBND huyện
8	Đỗ Văn Huynh	1961	Nam Định	UVBTW, Chủ tịch Ủy ban MTTQVN huyện
9	Trần Đình Hạnh	1963	Nam Định	UVBTW, Bí thư Đảng ủy thị trấn Đồng Nai
10	Võ Hoàng Bình	1972	Bình Định	Chánh Văn phòng Huyện ủy
11	Hoàng Hoa Cầm	1968	Nghệ An	Phó trưởng Công an huyện
12	Vũ Thị Cúc	1956	Ninh Bình	Phó Chủ tịch HĐND huyện
13	Nguyễn Văn Chấn	1957	Nam Định	Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện
14	Trần Văn Đăng	1954	Ninh Bình	Bí thư Đảng ủy xã Gia Viễn
15	Tạ Minh Đức	1954	Thái Bình	Chính trị viên Ban Chỉ huy Quân sự huyện
16	Điều K' Giắc	1969	Lâm Đồng	Chủ tịch UBND xã Đồng Nai Thượng
17	Nguyễn Văn Hán	1953	Nam Định	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã Phù Mỹ
18	Hồ Thị Hạnh	1961	Nghệ An	Hiệu trưởng Trường THPT Cát Tiên

19	Nguyễn Thị Hương	1963	Nghệ An	Quyền Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy (tháng 9/2007, bổ sung UVBTV, Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy).
20	Nguyễn Hoàng Lịch	1976	Nam Định	Bí thư Huyện Đoàn
21	Phạm Tiến Lực	1960	Nam Định	Trưởng Phòng Nội vụ - LĐTĐ huyện
22	Điền K'Minh	1965	Lâm Đồng	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận TQVN huyện
23	Đặng Thị Nga	1969	Hà Tĩnh	Phó Chủ tịch Liên đoàn Lao động huyện
24	Bùi Thị Thanh Nga	1965	Bình Định	Phó Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện
25	Phạm Văn Quang	1968	Bình Định	Chánh Thanh tra huyện (tháng 9/2007, bổ sung UVBTV, Trưởng ban Tổ chức Huyện ủy)
26	Phan Ngọc Quang	1970	Ninh Bình	Chủ tịch UBND xã Tiên Hoàng
27	Lê Ngọc Sanh	1957	Bình Định	Chi cục Trưởng Chi cục Thuế huyện
28	Nguyễn Thanh Tịnh	1950	Hà Nội	Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện
29	Trương Thanh Thủy	1958	Ninh Bình	Trưởng Phòng Tôn giáo - Dân tộc huyện
30	Lê Đức Thành	1955	Bình Định	Chủ tịch UBND xã Phước Cát 1
31	Hoàng Văn Tư	1958	Cao Bằng	Bí thư Đảng ủy xã Phước Cát 2
32	Nguyễn Thị Thuý	1967	Ninh Bình	Phó Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ huyện
33	Vũ Nhật Thăng	1967	Ninh Bình	Chủ tịch UBND xã Tư Nghĩa
DANH SÁCH BỔ SUNG TRONG NHIỆM KỲ				
1	Phan Thanh Lai	1955	Quảng Ngãi	Được chỉ định làm Bí thư Huyện ủy (từ 09/6/2006)

2	Nguyễn Văn Long	1958	Bình Định	Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện (tháng 2/2009, bổ sung BCH, UVBTW Huyện ủy, Trưởng ban Dân vận Huyện ủy)
3	Phạm Đình Bảy	1954	Hà Tĩnh	Chỉ huy trưởng BCH QS huyện (tháng 9/2007, bổ sung HUV; tháng 10/2007 bổ sung UVBTW)
4	Trần Phương Hương	1965	Hà Tĩnh	Chính trị viên Ban Chỉ huy Quân sự huyện (bổ sung tháng 01/2010)
5	Đỗ Đức Thu	1958	Thái Bình	Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện (bổ sung tháng 01/2010)
6	Triệu Thị Ánh Minh	1980	Hải Dương	Bí thư Huyện Đoàn (bổ sung tháng 01/2010)
7	Nguyễn Văn Thanh	1970	Bình Định	Chánh Văn phòng Huyện ủy (bổ sung tháng 01/2010)

7. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa VI (2010 - 2015)

Số tt	Họ và Tên	Sinh năm	Quê quán	Chức vụ
1	Huỳnh Văn Đầu	1956	Bình Định	TUV, Bí thư Huyện ủy
2	Ngô Xuân Hiền	1960	Nghệ An	Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện
3	Nguyễn Văn Long	1958	Bình Định	Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy
4	Phạm Đình Bảy	1954	Hà Tĩnh	UVBTW, Chỉ huy trưởng BCH Quân sự huyện
5	Nguyễn Văn Á	1958	Bình Định	UVBTW, Trưởng Ban Dân vận Huyện ủy
6	Nguyễn Thị Hương	1963	Nghệ An	UVBTW, Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy

7	Nguyễn Văn Dũng	1963	Ninh Bình	UVBTV, Trưởng Công an huyện
8	Phạm Tiến Lực	1960	Nam Định	UVBTV, Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy
9	Điền K' Giắc	1969	Lâm Đồng	UVBTV, Bí thư Đảng ủy xã Đồng Nai Thượng
10	Phạm Văn Quang	1968	Bình Định	UVBTV, Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy
11	Trần Đình Hạnh	1963	Nam Định	UVBTV, Phó Chủ tịch HĐND huyện
12	Lê Ngọc Sanh	1957	Bình Định	UVBTV, Phó Chủ tịch UBND huyện
13	Đỗ Văn Huynh	1961	Nam Định	Trưởng ban Dân vận Huyện ủy (tháng 10/2011, bổ sung UVBTV)
14	Nguyễn Văn Thanh	1970	Bình Định	Chánh Văn phòng Huyện ủy (tháng 8/2014, Phó Chủ tịch UBND huyện, bổ sung UVBTV, Bí thư Đảng ủy thị trấn Cát Tiên).
15	Lê Đình Bảo	1962	Thái Bình	Chủ tịch Hội Nông dân huyện
16	Võ Thành Bảo	1958	Bình Định	Trưởng Ban QLDA Đầu tư và phát triển vùng ĐBDT đặc biệt khó khăn huyện
17	Trần Văn Đăng	1954	Ninh Bình	Bí thư Đảng ủy xã Nam Ninh
18	Hồ Thị Hạnh	1961	Nghệ An	Hiệu trưởng Trường THPT Cát Tiên
19	Lê Thị Hiệp	1965	TT Huế	Ủy viên Thường trực HĐND huyện
20	Đào Duy Mai	1967	Bình Định	Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT huyện
21	Điền K Minh	1965	Lâm Đồng	Phó trưởng Phòng Dân tộc huyện

22	Triệu Thị Ánh Minh	1980	Hải Dương	Bí thư Huyện Đoàn
23	Nguyễn Văn Nam	1957	Bình Định	Giám đốc Trung tâm Y tế huyện
24	Bùi Thị Thanh Nga	1965	Bình Định	Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện
25	Phan Ngọc Quang	1970	Ninh Bình	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện uỷ
26	Trần Đình Thái	1975	Bình Định	Chi cục Trưởng Chi cục Thuế huyện
27	Nông Văn Thành	1964	Cao Bằng	Trưởng Phòng LĐTBXH huyện
28	Nguyễn Thị Thuý	1967	Ninh Bình	Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ huyện
29	Phạm Hữu Toàn	1977	Bình Định	Phó trưởng Ban Tổ chức Huyện uỷ
30	Dương Hùng Cường	1966	Nghệ An	Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin huyện
31	Nguyễn Hoàng Phúc	1972	Hà Tĩnh	Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện
32	Trần Xuân Đề	1965	Nam Định	Bí thư Đảng ủy xã Mỹ Lâm
33	Nguyễn Huy Quân	1960	Ninh Bình	Bí thư Đảng ủy xã Gia Viễn
34	Nguyễn Bá Chiến	1971	Ninh Bình	Chủ tịch UBND xã Tư Nghĩa
35	Nguyễn Xuân Lai	1964	Quảng Ngãi	Bí thư Đảng ủy xã Quảng Ngãi
36	Hà Hải Long	1970	Ninh Bình	Bí thư Đảng ủy xã Tiên Hoàng
37	Nguyễn Thái Hồng	1972	Bình Định	Bí thư Đảng ủy xã Phước Cát 1
38	Hồ Thị Lâm	1971	Thanh Hóa	Phó Bí thư Đảng ủy xã Phù Mỹ
39	Hoàng Văn Tư	1958	Cao Bằng	Bí thư Đảng ủy xã Phước Cát 2

40	Trần Phương Hường	1965	Hà Tĩnh	Chính trị viên Ban Chỉ huy Quân sự huyện
41	Ngô Minh Nhẫn	1956	Quảng Ngãi	Chánh thanh tra huyện
42	Hoàng Hoa Cầm	1968	Nghệ An	Phó Trưởng Công an huyện
43	Đỗ Đức Thu	1958	Thái Bình	Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện

DANH SÁCH BỔ SUNG TRONG NHIỆM KỲ

1	Bùi Văn Hùng	1966	Bình Định	Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện (từ 19/5/2015)
2	Lê Văn Việt	1976	Quảng Ngãi	Phó trưởng Công an huyện
3	Đoàn Ngọc Nam	1964	Bình Định	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã Phước Cát 2
4	Nguyễn Tiến Dũng	1967	Nghệ An	Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện (từ 01/2014)
5	Lê Nhật Thụ	1969	Thái Bình	UVBTV, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự huyện (từ tháng 11/2013)
6	Nguyễn Văn Bình	1961	Hà Nội	Trưởng Công an huyện (từ 7/2015, bổ sung UVBCH, UVBTV Huyện ủy)

8. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa VII (2015 -2020)

Số tt	Họ và Tên	Sinh năm	Quê quán	Chức vụ
1	Ngô Xuân Hiền	1960	Nghệ An	Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện
2	Bùi Văn Hùng	1966	Bình Định	Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện
3	Nguyễn Khắc Bình	1976	Phú Yên	Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy
4	Nguyễn Văn Á	1958	Bình Định	UVBTV, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện

5	Nguyễn Văn Bình	1961	Hà Nội	UVBTV, Trưởng Công an huyện
6	Trần Đình Hạnh	1963	Nam Định	UVBTV, Phó Chủ tịch HĐND huyện
7	Đỗ Văn Huynh	1961	Nam Định	UVBTV, Trưởng Ban Dân vận Huyện ủy
8	Nguyễn Thị Hương	1963	Nghệ An	UVBTV, Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy
9	Phạm Tiến Lực	1960	Nam Định	UVBTV, Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy
10	Trịnh Ngọc Thanh	1970	Hà Nam	UVBTV, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự huyện
11	Lê Đình Bảo	1962	Thái Bình	Chủ tịch Hội Nông dân huyện
12	Nguyễn Bá Chiến	1971	Ninh Bình	Bí thư Đảng ủy xã Tư Nghĩa
13	Nguyễn Thượng Chuẩn	1985	Quảng Ngãi	Bí thư Đảng ủy xã Quảng Ngãi
14	Dương Hùng Cường	1966	Nghệ An	Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin huyện
15	Trần Nam Dân	1961	Bình Định	Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT huyện
16	Trần Quốc Doanh	1974	Nam Định	Bí thư Đảng ủy xã Nam Ninh
17	Đinh Thị Kim Dung	1982	Nam Định	Phó Chánh Văn phòng Huyện ủy
18	Trần Xuân Đề	1965	Nam Định	Bí thư Đảng ủy xã Mỹ Lâm
19	Điền K' Giác	1969	Lâm Đồng	Phó Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy
20	Lê Thị Hiệp	1965	Thừa Thiên Huế	Ủy viên Thường trực HĐND huyện
21	Nguyễn Văn Huế	1975	Nam Định	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện
22	Lê Thế Hùng	1968	Hưng Yên	Bí thư Đảng ủy xã Đồng Nai Thượng
23	Nguyễn Thị Liễu	1981	Quảng Ngãi	Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện

24	Hà Hải Long	1970	Ninh Bình	Bí thư Đảng ủy xã Tiên Hoàng
25	Triệu Thị Ánh Minh	1980	Hải Dương	Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy
26	Đoàn Ngọc Nam	1964	Bình Định	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã Phước Cát 2
27	Bùi Thị Thanh Nga	1965	Bình Định	Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ huyện
28	Nguyễn Hoàng Phúc	1972	Hà Tĩnh	Chánh Văn phòng Huyện ủy
29	Nguyễn Văn Quân	1977	Hà Nam	Hiệu trưởng Trường THPT Cát Tiên
30	Vũ Văn Sang	1972	Nam Định	Bí thư Đảng ủy thị trấn Cát Tiên
31	Trần Đình Thái	1975	Bình Định	Chi cục trưởng Chi cục Thuế huyện
32	Đinh Duy Thành	1972	Ninh Bình	Chính trị viên Ban Chỉ huy Quân sự huyện
33	Nông Văn Thành	1964	Cao Bằng	Bí thư Đảng ủy xã Gia Viễn
34	Nguyễn Thị Thuý	1967	Ninh Bình	Trưởng phòng Nội vụ huyện
35	Nguyễn Văn Thúc	1980	Nam Định	Bí thư Huyện Đoàn
36	Phạm Hữu Toàn	1977	Bình Định	Bí thư Đảng ủy xã Phước Cát 1
37	Nguyễn Cao Trí	1979	Bình Định	Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện
38	Bùi Văn Văn	1967	Quảng Ngãi	Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện
39	Điêu K Viên	1983	Lâm Đồng	Phó Bí thư Huyện Đoàn
40	Lê Văn Việt	1976	Quảng Ngãi	Phó trưởng Công an huyện
41	Đậu Thị Thành Vinh	1974	Hà Tĩnh	Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện
42	Mai Bảo Xuyên	1965	Quảng Ngãi	Bí thư Đảng ủy xã Đức Phổ

V. DANH SÁCH ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN QUA CÁC THỜI KỲ (1987 - 2020)

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện khóa I (1987-1989)

Số tt	Họ và Tên	Sinh năm	Quê quán	Chức vụ
1	Nguyễn Huy Tường	1939	Hà Nội	Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy (kiêm Chủ tịch UBND huyện từ tháng 6/1987 -10/1989)
2	Trần Đình Nhung	1959	Bình Định	Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện
3	Nguyễn Văn Bá (K'Bá)	1936	Lâm Đồng	Phó Chủ tịch UBND huyện
4	Hoàng Minh Dậu	1958	Hải Dương	Phó Chủ tịch UBND huyện
5	Võ Bình Nguyên	1946	Quảng Ngãi	Phó Chủ tịch UBND huyện
6	Phan Thanh Trân	1955	Bình Định	Ủy viên thư ký UBND huyện
7	Đào Trọng Đạt	1940	Hà Tĩnh	Phó Giám đốc Lâm trường Cát Tiên
8	Thiều Thị Minh Lý	1961	Hà Tĩnh	Cán bộ Phòng Giáo dục huyện
9	Điền K Khương	1955	Lâm Đồng	Chủ tịch UBND xã Đồng Nai
10	Điền Thị Lan		Lâm Đồng	Hội phó Phụ nữ xã Đồng Nai
11	Phạm Thanh Năng	1950	Thái Bình	Chánh án Tòa án nhân dân huyện
12	Nguyễn Văn Đẩu	1940	Bình Định	Cán bộ Hội Nông dân huyện
13	Phùng Văn Hậu	1950	Thanh Hóa	Chủ tịch UBND xã Phù Mỹ
14	Nguyễn Xuân Tùng	1960	Quảng Ngãi	Phó Chủ tịch UBND xã Quảng Ngãi
15	Nguyễn Huy Thích	1940	Hà Tĩnh	Huyện đội trưởng
16	Phan Đức Thuận	1955	Nghệ An	Trưởng phòng Tài chính huyện

17	Đỗ Viết Đến	1950	Thanh Hóa	Trưởng Công an huyện
18	Lê Văn Chơn	1945	Quảng Ngãi	Tập đoàn trưởng Đức Phổ
19	Nguyễn Thị Sương	1955	Bình Định	Hội trưởng hội Phụ nữ huyện
20	Nguyễn Văn Nam	1958	Bình Định	Phó phòng Y tế huyện
21	Phạm Thị Nga			Cán bộ công nhân viên
22	Nguyễn Thị Hương	1963	Nghệ An	Hiệu phó trường cấp I+II Phước Cát 1
23	Lương Văn Minh	1963	Bình Định	Bí thư Huyện đoàn
24	Nguyễn Văn Tuấn	1957	Bình Định	Chủ tịch UBND xã Phước Cát 2
25	Nguyễn Văn Á	1958	Bình Định	Phó Chủ tịch UBND xã Phước Cát 1
26	Nguyễn Thị Nguyệt	1946	Thanh Hóa	Phó Chủ tịch Mặt trận TQVN huyện
27	Lê Hồng			Cán bộ công nhân viên
28	Vũ Văn Quang			Tập đoàn phó
29	Nguyễn Văn Ba			Cán bộ công nhân viên
30	Nguyễn Văn Chiến			Ủy viên thư ký UBND xã Phù Mỹ
31	Đỗ Anh Hào	1952	Nam Định	Trưởng phòng Thống kê kế hoạch huyện
32	Thạch Thị Huệ		Quảng Ngãi	Cán bộ công nhân viên Trung tâm Y tế huyện
33	Đoàn Thanh Tâm			Kế toán Công ty Lương thực huyện
34	Nguyễn Đình Long			Trưởng phòng Thương nghiệp huyện
35	Lê Xuân Chinh		Ninh Bình	Phó Chủ tịch UBND xã Tiên Hoàng
36	Phạm Quang Tiến		Ninh Bình	Ủy viên thư ký UBND xã Gia Viễn
37	Nguyễn Kim Môn		Ninh Bình	Công ty Lương thực huyện
38	Vũ Văn Thanh		Thái Bình	Trưởng phòng Thủy lợi huyện

39	Lương Văn Hồ	1946	Bình Định	Phó Ban quản lý HTX mua bán huyện
40	Nguyễn Văn Long	1958	Bình Định	Kế toán HTX mua bán huyện

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện khóa II (1989-1994)

Số tt	Họ và Tên	Sinh năm	Quê quán	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Thành	1944	Quảng Nam	Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện
2	Trần Đình Nhung	1959	Bình Định	Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện
3	Võ Bình Nguyên	1946	Quảng Ngãi	Phó Chủ tịch UBND huyện
4	Huỳnh Văn Đầu	1956	Bình Định	Phó Chủ tịch UBND huyện
5	Nguyễn Xuân Tùng	1960	Quảng Ngãi	Chủ tịch UBND xã Quảng Ngãi
6	Ngô Minh Nhẫn	1956	Quảng Ngãi	Phó Chủ tịch UBND xã Quảng Ngãi
7	Phạm Hay	1960	Bình Định	Hiệu trưởng THCS Phù Mỹ
8	Nguyễn Văn Quy	1951	Bình Định	Phó Ban Kinh tế mới huyện
9	Lê Hồng Huê	1963	Hải Hưng	Phụ trách Đài Truyền thanh huyện
10	Phạm Thanh Năng	1950	Thái Bình	Chánh án Tòa án Nhân dân huyện
11	Đỗ Danh Hùng	1962	Hà Nội	Chủ tịch Hội đồng Xí nghiệp Bình Định
12	Điều K Khương	1955	Lâm Đồng	Bí thư Đảng ủy thị trấn Đồng Nai
13	Nông Văn Khang	1958	Cao Bằng	Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm huyện
14	Lê Hồng Hải	1957	Ninh Bình	Trưởng Phòng TCHCQT CT Lương thực huyện
15	Phạm Thị Hằng	1958	Hà nội	Phó phòng LĐT BXH huyện
16	Vũ Đức Luận	1961	Ninh Bình	Phó Bí thư Đảng ủy xã Gia Viễn
17	Đinh Đại Doanh	1948	Ninh Bình	Chủ tịch UBND xã Gia Viễn

18	Trần Văn Thoan	1955	Hà Nội	Giám đốc Công ty Thương nghiệp huyện
19	Phạm Sang	1957	Quảng Trị	Trạm trưởng trạm cơ giới huyện
20	Phạm Tiến Lực	1960	Nam Định	Phó Bí thư Huyện đoàn
21	Nguyễn Văn Long	1958	Bình Định	Kế toán Trung tâm Dịch vụ huyện
22	Nguyễn Thanh Tịnh	1950	Hà Nội	Trưởng Phòng Giáo dục huyện
23	Nguyễn Văn Quyên	1940	Ninh Bình	Bí thư kiêm Chủ tịch xã Nam Ninh
24	Trần Sơn	1958	Quảng Trị	Trạm trưởng Thuế suất
25	Trần Tiến Lực	1952	Bắc Thái	Giám đốc Ngân hàng huyện
26	Nguyễn Văn Tương	1953	Ninh Bình	Ủy viên Thường vụ Đảng ủy xã Gia Viễn
27	Trương Thị Kim	1961	Ninh Bình	Ủy viên Thường vụ Hội Phụ nữ huyện
28	Mai Anh Đào	1960	Quảng Ngãi	Phó Chủ tịch UBND xã Đức Phổ
29	Ngô Xuân Hiền	1960	Nghệ An	Hiệu trưởng trường THCS Phước Cát
30	Nguyễn Văn Á	1958	Bình Định	Chủ tịch UBND xã Phước Cát 1
31	Nguyễn Minh Tuấn	1956	Bình Định	Phó Chủ tịch UBND xã Phù Mỹ
32	Nguyễn Văn Nam	1957	Bình Định	Phó Giám đốc Trung tâm Y tế huyện
33	Phan Trọng Thương	1962	Bình Định	Chủ tịch UBND xã Phù Mỹ

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện khóa III (1994-1999)

Số tt	Họ và Tên	Sinh năm	Quê quán	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Thành	1944	Quảng Nam	Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện
2	Trần Đình Nhung	1959	Bình Định	Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện; Đại biểu HĐND tỉnh

3	Nguyễn Xuân Tùng	1960	Quảng Ngãi	Phó Chủ tịch UBND huyện
4	Võ Bình Nguyên	1946	Quảng Ngãi	Phó Chủ tịch UBND huyện
5	Tô Văn Quang	1950	Quảng Ngãi	Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy; Trưởng ban Pháp chế HĐND huyện
6	Đinh Công Lý	1958	Quảng Ngãi	Phó Chủ tịch HĐND huyện
7	Nguyễn Thành Được	1952	Sông Bé	Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự huyện
8	Lê Giáp Phụng	1952	Thanh Hóa	Trưởng Công an huyện
9	Nguyễn Bá Ngọc	1946	Phú Thọ	Phó Trưởng Công an huyện
10	Nguyễn Thanh Tịnh	1950	Hà Nội	Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện
11	Trần Văn Á	1958	Bình Định	Phó phòng Kinh tế huyện
12	Ngô Xuân Hiền	1960	Nghệ An	Chánh Văn phòng Huyện ủy
13	Lục Văn Công	1960	Cao Bằng	Phó Giám đốc Trung tâm Y tế huyện; Đại biểu HĐND tỉnh
14	Lê Văn Chánh	1956	Bình Định	Phó Ban Dân vận Huyện ủy
15	Phạm Thị Hằng	1958	Hà Nội	Phó Phòng LĐTBXH huyện
16	Châu Thị Nga	1958	Nghệ An	Chủ nhiệm Dân số Kế hoạch hóa gia đình huyện
17	Trần Đình Hạnh	1963	Nam Định	Chủ tịch UBND thị trấn Đồng Nai
18	Trần Văn Phú	1944	Ninh Bình	Chủ tịch UBND xã Gia Viễn
19	Nguyễn Văn Hán	1953	Ninh Bình	Chủ tịch UBND xã Phù Mỹ
20	Mai Anh Đào	1960	Quảng Ngãi	Chủ tịch UBND xã Đức Phổ
21	Nguyễn Văn Á	1958	Bình Định	Chủ tịch UBND xã Phước Cát 1
22	Nguyễn Thanh Thiện	1960	Quảng Ngãi	Chủ tịch UBND xã Quảng Ngãi
23	Nguyễn Bá Liệu	1952	Ninh Bình	Chủ tịch UBND xã Tư Nghĩa
24	Trần Xuân Đề	1965	Nam Định	Chủ tịch UBND xã Mỹ lâm
25	Nguyễn Ngọc Minh			

4. Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện khóa IV (1999-2004)

Số tt	Họ và Tên	Sinh năm	Quê quán	Chức vụ
1	Trần Đình Nhung	1959	Bình Định	Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện; Đại biểu HĐND Tỉnh
2	Nguyễn Xuân Tùng	1960	Quảng Ngãi	Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện
3	Vũ Thị Cúc	1956	Ninh Bình	Phó Chủ tịch HĐND huyện
4	Võ Thành Bảo	1959	Bình Định	Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy; Trưởng ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện
5	Võ Hoàng Bình	1972	Bình Định	Bí thư Huyện Đoàn
6	Nguyễn Văn Á	1958	Bình Định	Chủ tịch UBND xã Phước Cát 1
7	Lý Văn Bồng	1954	Cao Bằng	Phó Bí thư, Chủ tịch HĐND xã Phước Cát 2
8	Trần Văn Chiến	1958	Ninh Bình	Phó Bí thư Đảng ủy xã Phù Mỹ
9	Nguyễn Văn Kiệm	1956	Hà Tĩnh	Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự huyện
10	Lê Thị Lân	1959	Ninh Bình	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Gia Viễn
11	Tô Đình Long	1958	Quảng Ngãi	Chủ tịch UBND xã Đức Phổ
12	Bùi Văn Đạo	1965	Nam Định	Phó Trưởng Công an xã Nam Ninh
13	Trần Xuân Đề	1965	Nam Định	Chủ tịch UBND xã Mỹ Lâm
14	Ngô Thị Đông	1959	Nam Định	Phó Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy
15	Phan Văn Đoàn	1954	Ninh Bình	Chủ tịch HĐND thị trấn Đồng Nai
16	Điền Phá	1953	Lâm Đồng	Phó Bí thư Chi bộ Thôn 5 (xã Đồng Nai Thượng hiện nay)

17	Nguyễn Huy Quân	1960	Ninh Bình	Chủ tịch UBND xã Gia Viễn
18	Phan Ngọc Quang	1970	Ninh Bình	Chủ tịch UBND xã Tiên Hoàng
19	Tô Văn Quang	1950	Quảng Ngãi	Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy; Trưởng ban Pháp chế HĐND huyện
20	Vũ Nhật Thăng	1967	Ninh Bình	Chủ tịch UBND xã Tư Nghĩa
21	Nguyễn Văn Thanh	1970	Bình Định	Trưởng phòng NN-ĐC huyện
22	Hoàng Văn Tư	1958	Cao Bằng	Bí thư Đảng ủy xã Phước Cát 2
23	Đỗ Thị Ngọc Trinh	1950	Quảng Ngãi	Hiệu trưởng trường THPT Cát Tiên
24	Nguyễn Quốc Trường	1970	Thanh Hóa	Chủ tịch UBND xã Quảng Ngãi
25	Lê Văn Trung			Tháng 7-2001 thôi Đại biểu HĐND huyện

5. Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện khóa V (2004 – 2011)

Số tt	Họ và Tên	Sinh năm	Quê quán	Chức vụ
1	Nguyễn Xuân Tùng	1960	Quảng Ngãi	Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện
2	Huỳnh Văn Đầu	1956	Bình Định	Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện
3	Vũ Thị Cúc	1956	Ninh Bình	Phó Chủ tịch HĐND, Trưởng ban Pháp chế HĐND huyện
4	Võ Thành Bảo	1959	Bình Định	Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy; Trưởng ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện
5	Nguyễn Thanh Thiện	1960	Quảng Ngãi	Chủ tịch UBND xã Quảng Ngãi
6	Nguyễn Văn Kiệm	1956	Hà Tĩnh	Huyện đội trưởng
7	Trần Đình Hạnh	1963	Nam Định	Bí thư Đảng ủy thị trấn Đồng Nai

8	Vũ Minh Sang	1971	Nam Định	Bí thư Đoàn Thanh niên thị trấn Đồng Nai
9	Lê Đình Bảo	1962	Thái Bình	Ủy viên UBKT Huyện ủy
10	Bùi Thị Đăm	1965	Hải Dương	Chủ tịch Hội LHPN thị trấn Đồng Nai
11	Nguyễn Thị Thùy	1967	Ninh Bình	Phó Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ huyện
12	Phạm Thanh Xuân	1974	Quảng Ngãi	Trưởng Công an xã Đức Phổ
13	Đinh Quang Trung	1960	Hà Tĩnh	Trưởng Công an huyện
14	Ngô Xuân Hiên	1960	Nghệ An	Trưởng ban Tổ chức Huyện ủy
15	Nguyễn Văn Thanh	1970	Bình Định	Trưởng Phòng Nông nghiệp -Địa chính huyện
16	Nguyễn Trọng Lựu	1961	Hà Tĩnh	Phó Chủ tịch Hội Nông dân huyện
17	Lê Đức Thành	1955	Bình Định	Chủ tịch UBND xã Phước Cát 1
18	Hoàng Văn Tư	1958	Cao Bằng	Bí thư Đảng ủy xã Phước Cát2
19	Dương Thị Bích Vân	1968	Quảng Ngãi	Phó Giám đốc Ngân hàng CSXH huyện
20	Nguyễn Huy Quân	1960	Ninh Bình	Chủ tịch UBND xã Gia Viễn
21	Lê Thị Lân	1959	Ninh Bình	Chủ tịch Hội liên Phụ nữ xã Gia Viễn
22	Hồ Thị Hạnh	1961	Nghệ An	Hiệu trưởng Trường PTTH Cát Tiên
23	Mai Văn Tam	1974	Nam Định	Công chức Văn hóa - Xã hội xã Nam Ninh
24	Dương Văn Sinh	1959	Nam Định	Chủ tịch UBND xã Nam Ninh
25	Vũ Nhật Thăng	1967	Ninh Bình	Chủ tịch UBND xã Tư Nghĩa
26	Trần Xuân Đề	1967	Nam Định	Chủ tịch UBND xã Mỹ Lâm
27	Phan Ngọc Quang	1970	Ninh Bình	Chủ tịch UBND xã Tiên Hoàng
28	Điểu K Giắc	1969	Lâm Đồng	Chủ tịch UBND xã Đồng Nai Thượng
29	Điểu K Bên	1963	Bình Phước	Chủ tịch Ủy ban MTTQVN xã Tiên Hoàng

6. Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện khóa VI (2011 -2016)

Số tt	Họ và Tên	Sinh năm	Quê quán	Chức vụ
1	Huỳnh Văn Đầu	1956	Bình Định	TUV, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện
2	Nguyễn Văn Long	1958	Bình Định	Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy
3	Trần Đình Hạnh	1963	Nam Định	Phó Chủ tịch HĐND huyện
4	Ngô Xuân Hiên	1960	Nghệ An	Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện (tháng 6/2015, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện); Đại biểu HĐND tỉnh
5	Lê Ngọc Sanh	1957	Bình Định	Phó Chủ tịch UBND huyện
6	Lê Thị Hiệp	1965	TT Huế	Ủy viên Thường trực HĐND huyện (tháng 12/2015, Phó Chủ tịch HĐND huyện)
7	Nguyễn Văn Dũng	1963	Ninh Bình	Trưởng Công an huyện
8	Phạm Tiến Lực	1960	Nam Định	Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy; Trưởng ban Pháp chế HĐND huyện
9	Phạm Văn Quang	1968	Bình Định	Trưởng ban Tổ chức Huyện ủy; Trưởng ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện
10	Cao Xuân Nghiêm	1966	Quảng Ngãi	Chủ tịch UBND xã Đức Phổ
11	Lâm Thị Hiền	1987	Cao Bằng	Cán bộ LĐTBXH xã Phước Cát 1
12	Nông Văn Thụ	1957	Cao Bằng	Bí thư Đảng ủy xã Phước Cát 1
13	Đoàn Ngọc Nam	1965	Bình Định	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã Phước Cát 2
14	Lê Đình Bảo	1962	Thái Bình	Chủ tịch Hội Nông dân huyện
15	Trần Nam Dân	1961	Bình Định	Giám đốc Trung tâm Nông nghiệp huyện
16	Bùi Thị Đám	1965	Hải Dương	Chủ tịch Hội LH Phụ nữ thị trấn Đồng Nai
17	Nguyễn Hồng Sơn	1964	Quảng Ngãi	Chủ tịch UBND thị trấn Đồng Nai
18	Nguyễn Bá Chiến	1971	Ninh Bình	Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã Tư Nghĩa
19	Vũ Văn Thành	1964	Hà Nam	Chủ tịch HĐND xã Quảng Ngãi

20	Trần Thị Phúc	1972	Nam Định	Chủ tịch Liên đoàn Lao động huyện
21	Nguyễn Văn Huế	1975	Nam Định	Phó Chủ tịch UBND xã Nam Ninh
22	Đặng Thành Nguyên	1968	Bình Định	Hiệu trưởng Trường Tiểu học Phù Mỹ
23	Nguyễn Xuân Anh	1960	Bình Định	Phó Giám đốc Trung tâm Y tế huyện
24	Phạm Xuân Hiền	1973	Nam Định	Chủ tịch UBND xã Mỹ Lâm
25	Bùi Phú Báu	1974	Ninh Bình	Chủ tịch UBND xã Gia Viễn
26	Triệu Thị Ánh Minh	1980	Hải Dương	Bí thư Huyện đoàn
27	Điền K Bên	1963	Bình Phước	Chủ tịch HĐND xã Tiên Hoàng
28	Hồ Thị Lâm	1971	Thanh Hóa	Chủ tịch HĐND xã Phù Mỹ
29	Phạm Đình Bảy	1954	Hà Tĩnh	Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự huyện
30	Điền K Giá	1975	Lâm Đồng	Chủ tịch HĐND xã Đồng Nai Thượng

7. Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện khóa VII (2016 -2021)

Số tt	Họ và Tên	Sinh năm	Quê quán	Chức vụ
1	Ngô Xuân Hiền	1960	Nghệ An	TUV, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện
2	Bùi Văn Hùng	1966	Bình Định	Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện
3	Lê Thị Hiệp	1965	TT Huế	Phó Chủ tịch HĐND huyện
4	Nguyễn Hoàng Phúc	1972	Hà Tĩnh	Phó Chủ tịch UBND huyện
5	Điền K' Bên	1963	Bình Phước	Phó Chủ tịch HĐND xã Tiên Hoàng
6	Huỳnh Quang Chí	1981	Quảng Ngãi	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện Đoàn
7	Nguyễn Bá Chiến	1971	Ninh Bình	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã Tư Nghĩa
8	Phạm Văn Chương	1970	Nam Định	Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã Mỹ Lâm
9	Trần Nam Dân	1961	Bình Định	Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện
10	Bùi Văn Đạo	1966	Nam Định	Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã Nam Ninh

11	Điền K' Giá	1975	Lâm Đồng	Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã Đồng Nai Thượng
12	Trần Đình Hạnh	1963	Nam Định	Trưởng ban Tổ chức Huyện ủy; Trưởng ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện
13	Lâm Thị Hiền	1987	Cao Bằng	Công chức Văn hóa xã hội xã Phước Cát 1
14	Nguyễn Văn Huế	1975	Nam Định	Chủ tịch Hội Nông dân huyện
15	Trần Quốc Huy	1975	Ninh Bình	Phó Bí thư Đảng ủy xã Gia Viễn
16	Trần Thị Ngọc Lại	1981	Quảng Ngãi	Phó Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ huyện; Đại biểu HĐND tỉnh
17	Phạm Tiến Lực	1960	Nam Định	Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy; Trưởng Ban Pháp chế HĐND huyện
18	Triệu Thị Ánh Minh	1980	Hải Dương	Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin huyện
19	Đoàn Ngọc Nam	1964	Bình Định	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã Phước Cát 2
20	Cao Xuân Nghiêm	1966	Quảng Ngãi	Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã Đức Phổ
21	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	1982	Quảng Ngãi	Phó Chủ tịch HĐND xã Quảng Ngãi
22	Nguyễn Văn Phong	1977	Hà Tĩnh	Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã Phước Cát 1
23	Vũ Văn Sang	1972	Nam Định	Bí thư Đảng ủy thị trấn Cát Tiên
24	Nguyễn Đình Sô	1967	Bắc Ninh	Phó trưởng Công an huyện
25	Nguyễn Đình Tuyền	1976	Thái Bình	Chính trị viên Phó Ban Chỉ huy Quân sự huyện
26	Nguyễn Văn Thanh	1970	Bình Định	Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQVN huyện
27	Nông Văn Thành	1964	Cao Bằng	Bí thư Đảng ủy xã Gia Viễn
28	Nguyễn Cao Trí	1979	Bình Định	Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện
29	Điền K' Viên	1983	Lâm Đồng	Bí thư Huyện đoàn
30	Nguyễn Lam Vương	1982	Bình Định	Phó Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện; Phó ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lịch sử khu 6 (cực Nam Trung Bộ - Nam Tây Nguyên kháng chiến chống Mỹ 1954- 1975), *NXB Quân đội nhân dân 1995*.
2. Ký sự một thời cầm súng, *Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc 1999*.
3. Tây Nguyên không xa (Phạm Thuần), *Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc 2000*.
4. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Phước (sơ thảo) 1930 -1975, *xuất bản năm 2000*.
5. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng (sơ thảo) 1930- 1945, *xuất bản năm 1981*.
6. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng (sơ thảo) 1954- 1975, *xuất bản năm 1990*.
7. Truyền thống đấu tranh cách mạng của quân và dân huyện Bù Đăng 1994.
8. Lịch sử Đảng bộ Bảo Lộc 1930- 1975, *xuất bản năm 1999*.
9. Mở đường Hồ Chí Minh đoạn từ Nam Tây Nguyên đến Miền đông Nam Bộ, *NXB Chính trị quốc gia 2009*.
10. Lịch sử Đường Hồ Chí Minh từ Nam Tây nguyên đến Miền đông Nam Bộ (1959- 1975), *NXB Quân đội nhân dân 2010*.
11. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng (1930 -1975), *Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản năm 2008* và *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng (1975 -2005), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia 2010*.
12. Lịch sử Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Cát Tiên (1945- 2010), *Nhà xuất bản Quân đội nhân dân 2013*.
13. Các tài liệu:
 - + Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Cát Tiên các khóa IV, V, VI, VII.
 - + Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị các năm: từ 2000 đến 2015.
 - + Các nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch, báo cáo... của Huyện ủy, UBND huyện, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể từ năm 2000- 2015.
 - + Niên giám thống kê huyện Cát Tiên từ năm 2000 - 2015.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	3
CHƯƠNG I	
KHÁI QUÁT VỀ ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN VÀ CON NGƯỜI	7
CHƯƠNG II	
VÙNG ĐẤT CÁT TIÊN TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945 - 1954)	17
I. Tình hình và bối cảnh vùng Cát Tiên trước năm 1945	17
II. Tình hình đấu tranh và các phong trào xây dựng cơ sở cách mạng ở vùng Cát Tiên (1945 – 1954)	21
CHƯƠNG III	
QUÂN VÀ DÂN CÁT TIÊN TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954 - 1975)	27
I. Xây dựng căn cứ địa cách mạng và khai thông hành lang Bắc – Nam (1954 - 1960)	27
1. Tình hình vùng Cát Tiên từ sau khi ký Hiệp định Giơ-ne-vơ (1954-1959)	27
2. Quân và dân Cát Tiên góp phần thực hiện nhiệm vụ khai thông hành lang chiến lược Bắc – Nam (1959 – 1960)	29
II. Tăng cường xây dựng vùng căn cứ cách mạng, góp phần cùng cả nước tiến hành thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ (1960 - 1975)	32

1. Vùng Cát Tiên với nhiệm vụ xây dựng hậu cứ khu 6, khu 10 và địa bàn đứng chân của Tỉnh ủy Lâm Đồng (1960 – 1962) 32
2. Tăng cường xây dựng lực lượng tại chỗ, hình thành các đơn vị hành chính, đánh bại các trận càn của địch để bảo vệ vững chắc hậu cứ cách mạng ở địa bàn Cát Tiên (1963 – 1970) 38
3. Tiếp tục mở rộng và xây dựng căn cứ về mọi mặt cùng với nhân dân cả nước giải phóng miền Nam thống nhất nước nhà (giai đoạn 1971 – 1975) 52

CHƯƠNG IV

CÁT TIÊN TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975 - 2015) 59

I. Quá trình khôi phục và mở rộng sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, tiếp nhận dân cư hình thành vùng kinh tế mới (1975 – 1986) 59

1. Củng cố xây dựng chính quyền, đoàn thể, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, từng bước ổn định đời sống nhân dân (1975-1982) 59

2. Chủ trương tiếp nhận dân đến sinh sống và xây dựng quê hương mới, chuẩn bị các điều kiện để thành lập huyện (1982-1986) 64

II. Huyện Cát Tiên hình thành và phát triển (1987 - 2015) 73

1. Tiếp tục xây dựng về tổ chức bộ máy, tập trung phát triển sản xuất, ổn định cuộc sống của nhân dân trong huyện từ (1987-1990) 73

2. Đẩy mạnh phát triển sản xuất, duy trì tốc độ tăng trưởng, tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, chú trọng đầu tư vùng đồng bào dân tộc (1991- 1995)	80
3. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc phát huy nội lực, khai thác tiềm năng, tranh thủ đầu tư để phát triển về mọi mặt (1996-2000)	88
4. Khai thác tiềm năng, tranh thủ mọi nguồn lực, tiếp tục đầu cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn (2000 - 2005)	101
5. Phát huy dân chủ, tranh thủ các nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng, xây dựng Cát Tiên phát triển bền vững về mọi mặt (2005 - 2010)	130
6. Đoàn kết, đổi mới, huy động mọi nguồn lực phát triển kinh tế bền vững (2010-2015)	151
KẾT LUẬN	194
PHỤ LỤC	207
TÀI LIỆU THAM KHẢO	238



Các đồng chí Lãnh đạo, nguyên Lãnh đạo qua các thời kỳ
tham dự Hội thảo Lịch sử Đảng bộ huyện Cát Tiên



Các đồng chí Lãnh đạo tỉnh, lãnh đạo huyện Cát Tiên, Đạ Tẻh, Bảo Lâm, Đạ Huoai, Đắc R'Lấp, Đắc G'Long và các đồng chí nguyên Đoàn B90 - C200 gặp mặt truyền thống 56 năm ngày khai thông đường hành lang chiến lược Bắc - Nam đoạn Nam Tây Nguyên đến miền Đông Nam Bộ (30/10/1960-30/10/2016).



Cơ quan làm việc Huyện ủy Cát Tiên



Trụ sở Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện Cát Tiên



Cơ quan làm việc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể huyện Cát Tiên



Khu trung tâm xã Phước Cát 1



Thanh niên huyện Cát Tiên hưởng ứng phong trào ngày chủ nhật xanh - sạch - đẹp



Lực lượng vũ trang huyện tham gia làm đường giao thông nông thôn



Lớp dạy nghề cho phụ nữ tại xã Đồng Nai Thượng



Dệt thổ cẩm của Đồng bào dân tộc Mạ ở huyện Cát Tiên



Phát triển cây tiêu, cây cà phê ở xã Đồng Nai Thượng



Thu hoạch lúa chất lượng cao trên cánh đồng mẫu

**LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ HUYỆN CÁT TIÊN
(1945 - 2015)**

Chịu trách nhiệm nội dung và xuất bản

NGÔ XUÂN HIỀN

TUV, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện

Trưởng ban Biên tập

NGUYỄN KHẮC BÌNH

Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy

Phó ban Biên tập

NGUYỄN THỊ HƯƠNG

UVBTV, Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy

Chế bản vi tính và sửa bản in

Nguyễn Khắc Bình

Đào Duy Mai

Độc sách mẫu

Ban biên tập

Giấy phép xuất bản số: 72/GP-STTTT, ngày 24 tháng 11 năm 2016, do Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lâm Đồng cấp. In 500 cuốn, khổ 16 x 22 cm, tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt. Địa chỉ 102 Yersin, P.10, Đà Lạt. In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2016.